TOUS LES ARTICLES SONT EN FRANÇAIS
avec traduction juxtalinéaire en Annamite pour la plupar

1925-24 - No 5-6

Mars - Juin

REVUE DU F.E.A.

VIET NAM THANH NIEN TAP CHI

Français-Annamite Pháp-Văn Việt-Văn



Cơ Quan Của **VIỆT NAM THANH NIÊN HỘI**

Số kép này: 0$80

Hai tháng xuất bản một kỳ

Mua đồng niên 2 $20

BULLETIN DU FOYER DES ETUDIANTS ANNAMITES

Autorisé par Arrêté en date du 6 mai 1922

(Bilingue & paraissant tous les deux mois)

Directeur Gérant: P. MONET 5 Rue de Vang Đức 5 HANOI

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

VIỆT-NAM THANH-NIÊN HỘI

Công-cuộc mở mang luân-lý cho thiếu-niên An-nam đứng hẳn ngoài những vấn-đề chính-trị và tôn-giáo.

5, *Phố Vọng-Đức*, Hanoi, Tonkin. — Téléphone : 328

HỘI BẢO-CHỦ

MM. MONGUILLOT, Thống-sứ Bắc-Kỳ,
ROBIN, Phó Toàn-quyền Đông-Pháp,
Bác-sĩ COGNACQ, Thống-Đốc Nam kỳ,
BLANGUERNON, Học-hiệu Thanh-tra, Quyền Giám-Đốc Đông-Pháp Học-chánh,
MUS, Giám-Đốc trường Sư-Phạm,
Đại-nhân : HOÀNG-CAO-KHẢI, Nguyên Kinh-lược Bắc-kỳ,
THÂN-TRỌNG-HUỀ, Thượng-thư Bộ-Binh kiêm Bộ-Học,
HOÀNG-TRỌNG-PHU, Tổng-Đốc Hà-Đông,
PHẠM VĂN THỤ, Thượng-thư Bộ Hộ.
LÊ-TRUNG-NGỌC, Tổng-Đốc, Cố-vấn Tòa Thượng-thẩm.
TRẦN-VĂN-THÔNG, Tổng-Đốc, Cố-vấn Tòa Thượng-thẩm,

Danh-dự Hội-Trưởng :
Quan Cai-trị Louis MARTY, Chánh tòa Chính-trị phủ Toàn-quyền.

PHÒNG ĐỌC SÁCH. — Các thứ tạp-chí và các thứ báo : L'Illustration, Les Annales, Les Lectures pour tous, Je sais tout, La Nature, La Revue Scientifique, La Science et la Vie, La Revue du Pacifique, La Nouvelle revue française. La Revue Bleue, La Revue Mondiale, La Revue de Paris, La Revue Indigène, La Revue Métapsychique, La Revue Spirite, Lisez-moi, Le Message Théosophique, Le temps, Les Annales Coloniales, Le Monde colonial illustré, L'Illustré de la province et des colonies, La Revue Naturaliste, Conférencia, Gazette des messageries maritimes, Le Journal des Coloniaux, Le Semeur.

La Revue Indochinoise, Les Pages Indochinoises, Le Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient, Le Bulletin général de l'Instruction publique, La Revue du Tourisme, Tạp-chí Nam-phong, Hữu-thanh, Khoa-học, France Indochine, Le Courrier d'Haiphong, L'Indépendance Tonkinoise, L'Eveil Economique, Les Sports Indochinois, Trung-Bắc Tân-Văn, Khai-Hóa nhật-báo, Thực-Nghiệp dân-báo, La Tribune Indigène, La Voix Annamite, L'appel, Le Réveil Saigonnais, Le An-hoà báo, Trung-Hòa Nhật-báo, Đông-Pháp Thời-báo, vân vân...

BUỒNG CHƠI — Có 200 bộ đồ chơi hội hợp, máy hát, máy chớp ảnh

PHÒNG TRÀ NƯỚC. — NHÀ ĂN CƠM.

Ở LƯU TRÚ. — (Cả điện, nước, vòi tắm) cơm ăn mỗi tháng 9$ hay là 13$50. (để riêng cho hội-viên).

THƯ VIỆN. — Có 1.000 quyển sách để cho hội-viên mượn (6 quyển trong tuần lễ) có gửi sách cho hội-viên các tỉnh, muốn mượn để tiền bảo-chứng rồi sau trả lại.

DIỄN-THUYẾT. — Giảng dạy về luân-lý và cách-trí phổ-thông.

DU-QUAN. — Đưa đi xem những lâu-đài cổ-tích và các sở công-nghệ

HỘI-HỌP ĐÀM-ĐẠO, v.v.

Tiền lệ vào hội : 0$50. — Tiền nguyệt-cấp : 0$20.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

VỊNH HẠ-LONG
tranh vẽ của MẠNH-HƯNG

EN BAIE D'ALONG
dessin par MẠNH-HƯNG



Université Côte d'Azur. Bibliothèques

REVUE DU F. E. A.

1923-24 — Nos 5-6 Mars — Juin

VIỆT NAM THANH NIÊN

TẠP-CHÍ

Năm 1923-24 — Số 5-6 Mars — Juin

Abonnement d'un an

France : 20 f. 00

Etranger : 3 $ 00

In Tại

NHÀ IN THỰC-NGHIỆP

43, Phố Hoàn-Kiếm. 43

HANOI

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

YẾU-MỤC

Trang

1 — TÍNH THÀNH-THỰC CỦA NGƯỜI NAM, Vũ-tam-Tập soạn 290

2 — TƯ-TƯỞNG (trích quyển "*Livre de la Sagesse*" của P. Sallet) . . . . . tạp

3 — NÓI VỀ CÁCH CHỌN NGHỀ — Trích quyển "*Trước khi chọn nghề mà làm*" của E. Mauvezin, Bùi-huy-Cường dịch 322

4 — Ở XỨ DỞ-DANG, trích quyển "*Par le sourire*" của Ch. Wagner, Vũ-văn-Định dịch. 348

5 — TRẺ CON DẠY NGƯỜI LỚN, Bùi-huy-Cường soạn. 358

6 — CHO KẺ NGHÈO — Trích bài "*Pour les Pauvres*" của Victor Hugo, Đặng-tích-Thiện dịch ra vận-văn. 368

7 — HAI CUỘC ĐI XEM MẤY NHÀ QUÝ-QUỐC CỦA BẢN-HỘI, Hội-đồng Trị-sự soạn. 374

8 — LÝ-THỊ VỌNG PHU, bài ca của cổ-nhân, Nguyễn-Ứng dịch pháp-văn (*bài nối và hết*) 386

9 — CHÍNH-SÁCH THUỘC-ĐỊA CỦA ĐẠI-PHÁP Ở ĐÔNG-PHÁP, A. Klobukowski soạn (Trích báo "*La Revue Bleue*") 400

10 — CON QUẠ CÓ NGHĨA, truyện tầu, Trần-trọng-Tiềm dịch việt-văn, Trương quốc-Hiền dịch pháp-văn . 416

11 — TRUYỆN DOMINIQUE, tiểu-thuyết của E. Fromentin, N. Đ dịch. 428

12 — MẶT GƯƠNG, trích quyển "*Contes et Légendes du Bouddhisme chinois*" của Ed. Chavannes, Nguyễn-Bân dịch 458

13 — ĐÊM, thơ bát-cú, Bùi-huy-Cường soạn, P. M. dịch thơ tây 466

14 — BỐN CÁI MONG CỦA THẦY KÝ, thơ bát-cú, Hồ-trọng-Hiếu soạn. 468

15 — "MẢNH GƯƠNG ĐỜI :" MẤY LỜI LƯỢC-THUẬT ĐẠI-Ý, Trần-tuấn-Khải soạn 470

16 — BẢNG DANH-DỰ CỦA NGƯỜI VIỆT-NAM, Tòa-Soạn ghi-chép 478

17 — THƯ-TÍN CỦA H. V. N. T. N. 486

18 — KỶ-THUẬT TÀI-CHÍNH CỦA H. V. N. T. N . . 527

19 — KÍNH-CÁO ĐỘC-GIẢ, của Tòa-soạn. 534

20 — MỘT TỜ BẨM-CÁO 546

21 — MỘT BỨC THƯ. 558

22 — MẤY LỜI KẾT-CỤC, P. Monet soạn. 562

SOMMAIRE

Pages

1 — DE LA SINCÉRITÉ CHEZ LES ANNAMITES, par Vũ-Tam Tập. 291

2 — PENSÉES (extraites du « *Livre de la Sagesse* » par P. Sallet.) . . . . . diverses

ERRATA *(Cải-chính)*

Pages	Lignes	Lire	Au lieu de
311	23 et 24	ils	il
317	21	exact	exacte
391	24	tissu	tissus
427	3	injustice	insjustice
444	12	tập	ập
477	3	une	d'une
487	12	talent	lalent
489	16	Baffeleuf	Baffleuf
507	15	désopilant	désopilent
509	12	fit tout	fittout
530	29	Principal	Ppel
557	8	solliciter de	solliciter
564	29	bienveillance	bien veillance
565	5	laissée	laissé

16 — TABLEAU D'HONNEUR ANNAMITE, par la Rédaction. 479

17 — BOITE AUX LETTRES DU F. E. A. 487

18 — COMPTE-RENDU FINANCIER DU F. E. A. . . . 527

19 — A NOS LECTEURS, par La Rédaction. 535

20 — UN RAPPORT. 547

21 — UNE LETTRE. 558

22 — CONCLUSIONS, par P. Monet. 562

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

SOMMAIRE

Pages

1 — DE LA SINCÉRITÉ CHEZ LES ANNAMITES, par Vũ-Tam Tập. 291

2 — PENSÉES (extraites du « *Livre de la Sagesse* » par P. Sallet.) . . . . . diverses

3 — DU CHOIX D'UNE CARRIÈRE — Extraits de « *Avant de choisir son métier* » par F. Mauvezin, traduction par Bùi-Huy-Cường. 323

4 — AU PAYS « D'À PEU-PRÈS », extrait de « *Par le Sourire* » par Ch. Wagner, traduction par Vũ-văn-Định. 349

5 — LA LEÇON D'UN PETIT, par Bùi-huy-Cường . . . 359

6 — EXTRAIT DE « POUR LES PAUVRES » par V. Hugo, traduction en vers annamites par Dặng-tich-Thiện. 369

7 — DEUX VISITES DU F. E A. A DES FRANÇAIS. par le Comité. 375

8 — PENSÉES DE SOLITUDE DE LÝ-THỊ, ancien poème annamite anonyme, traduction par Nguyễn-Ứng (*suite et fin*) 387

9 — LA MÉTHODE FRANÇAISE EN INDOCHINE, par A. Klobukowski, (extrait de « *la Revue Bleue* »). . 401

10 — LE CORBEAU RECONNAISSANT, récit chinois, traductions en annamite par Trần-Trọng-Tiềm et en français par Trương-Quốc-Hiền. 417

11 — DOMINIQUE, Roman par E. Fromentin, traduction par N. D. 429

12 — FACE DE MIROIR, extrait de « *Contes et Légendes du Bouddhisme chinois* » par Ed. Chavannes, traduction par Nguyễn-Bân 459

13 — LA NUIT, poésie par Bui-Huy-Cường, traduction en vers français par P. M. 467

14 — LES QUATRE ESPÉRANCES DU SECRÉTAIRE, poésie par Hồ-Trọng-Hiếu. 469

15 — ANALYSE DE « LE MIROIR DE LA VIE » par Trần-tuấn-Khải. 471

16 — TABLEAU D'HONNEUR ANNAMITE, par la Rédaction. 479

17 — BOITE AUX LETTRES DU F. E. A. 487

18 — COMPTE-RENDU FINANCIER DU F. E. A. . . . 527

19 — A NOS LECTEURS, par La Rédaction. 535

20 — UN RAPPORT. 547

21 — UNE LETTRE. 558

22 — CONCLUSIONS, par P. Monet. 562

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

TRANH VẼ (*phụ-đề*) :

1 — VỊNH HẠ-LONG, tranh vẽ của MẠNH-HƯNG . . . 285
2 — CHÙA MỘT-CỘT hay là NHẤT-TRỤ, tranh vẽ của NAM-SƠN. 291
3 — H. V. N. T. N. ĐI DU-QUAN XƯỞNG LAMARCHE ngày 6-4-24 377
4 và 5 — H. V. N. T. N. ĐI DU-QUAN ĐỒN-ĐIỀN BOREL ngày 4 - 5 - 24. 381-383
6 — CÁC HỘI-VIÊN V. N. T. N. DIỄN TẤN KỊCH « MẢNH GƯƠNG ĐỜI ». 471
7 — «MẢNH GƯƠNG ĐỜI» HỒI I — KỊCH 3 . . . 473
8 — » HỒI I — KỊCH 6 . . . 473
9 — » HỒI II — KỊCH 2 . . . 475
10 — » HỒI II — KỊCH 5 . . . 475
11 — » HỒI III — KỊCH 10 . . . 477
12 — » HỒI III — KỊCH 18 . . . 477
13 — NHẤT NGHỆ TINH, NHẤT THÂN VINH, tranh vẽ khôi-hài của MẠNH-HƯNG. 481
14 — RỠ CAY ĐẮNG ! — Tranh vẽ khôi-hài của NAM-SƠN. 483
15 MỘT VÁN BI-A Ở V. N. T. N. H., tranh vẽ khôi-hài của HỒ-TRỌNG-HIẾU 485
16 — BỰC BỐ-KINH, tranh vẽ khôi-hài của HỒ-TRỌNG-HIẾU 485
17 và 18 — TẤN KỊCH « LE GENDARME EST SANS PITIÉ» DIỄN Ở H. V. N. T. N. 507
19 — NGÀY HỘI-TIẾT CỦA H. V. N. T. N. (13-4-24) CỔNG VÀO 507
20 — » — CUỘC THI ĂN MẶC LẠ. 507
21 và 22 — H. V. N. T. N. ĐI XEM CÁCMÁY HƠI NƯỚC Ở SỞ MÁY ĐIỆN HANOI, ngày 25-5-24. 517
23 — BẢN-ĐỒ TOÀN-THỂ H. V. N. T. N. 557
24 — BẢN ĐỒ NHÀ H. V. N. T. N. . . . . —
25 — CỬA CHÍNH H. V. N. T. N. . . . . —
26 — NHÀ H. V. N. T. N. . . . . —
27 CỬA VÀO NHÀ H. V. N. T. N. . . . . —
28 — KHÁNH-THÀNH H. V. N. T. N. . . . . —
29 — THƯ-VIỆN H. V. N. T. N. . . . . —
30 — MỘT PHÒNG LƯU-TRÚ HỘI-VIÊN. . . . . —
31 — CÁI VƯỜN Ở GIỮA NHÀ ĂN VÀ NHÀ HỘI. . . —
32 — NHÀ ĂN CỦA H. V. N. T. N. . . . . —

Số này có một tập in nhan-đề và mục-lục cuốn tạp-chí thứ II (1er Janvier — 1er Juillet 1924)



Chùa Một-Cột
hay là Nhất-Trụ.

tranh của NAM-SƠN.

Pagode de Une-Colonne
ou de Nhất-Trụ.

dessin par NAM-SƠN.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

ILLUSTRATIONS *en hors-texte*

1 — EN BAIE D'ALONG, dessin à la plume par MẠNH-HƯNG 285
2 — PAGODE DE UNE COLONNE ou DE NHẤT-TRỤ, dessin par NAM-SƠN 291
3 — VISITE DU F. E. A. AUX ÉTABLISSEMENTS LA-MARCHE le 6-4-24 377
4 et 5 — VISITE DU F. E. A À LA CONCESSION BOREL le 4 5-24 381-383
6 — « LE MIROIR DE LA VIE » — GROUPE DES ACTEURS DU F. E. A. 471
7 — LE MIROIR DE LA VIE — ACTE I, SCÈNE 3 . . 473
8 — — id — — ACTE I, SCÈNE 6 . . 473
9 — — id — — ACTE II, SCÈNE 2 . . 475
10 — — id — — ACTE II, SCÈNE 5 . . 475
11 — — id — — ACTE III, SCÈNE 10 . . 477
12 — — id — — ACTE III, SCÈNE 18 . . 477
13 — IL N'Y A PAS DE SOT MÉTIER, dessin humoristique par MẠNH-HƯNG 481
14 — AMERTUME, dessin humoristique par NAM-SƠN . 483
15 — UNE PARTIE DE BILLARD AU F. E. A., dessin humoristique par HỒ-TRỌNG-HIẾU 485
16 — SA LÉGITIME, dessin humoristique par HỒ-TRỌNG-HIẾU 485
17 et 18 — « LE GENDARME EST SANS PITIÉ » AU F. E. A. 507
19 — FESTIVAL AU F. E. A. le 13-4-24 — L'ENTRÉE . . 507
20 — — id — — LES TRAVESTIS 507
21 et 22 — VISITE DU F. E. A. À L'USINE ÉLECTRIQUE 517
23 — F.E.A. — PLAN D'ENSEMBLE 557
24 — id — PLAN DE L'IMMEUBLE . . . . . -id-
25 — id — ENTRÉE PRINCIPALE. . . . . -id-
26 — id — IMMEUBLE . . . . . -id-
27 — id — ENTRÉE. . . . . -id-
28 — id — INAUGURATION . . . . . -id-
29 — id — BIBLIOTHÈQUE . . . . . -id-
30 — id — VUE D'UNE CHAMBRE DE PENSIONNAIRE. . . . . -id-
31 — id — JARDIN ENTRE L'IMMEUBLE ET LE RESTAURANT . . . . . -id-
32 — id — RESTAURANT . . . . . -id-

Le présent numéro contient les titres et tables des matières du Tome II de la Revue du F. E. A. (1er Juillet 1924)

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

TÍNH THÀHN-THƯC CỦA NGƯỜI NAM

Vũ-tam-Tập soạn

Những nhà soạn-giả chuyên-tâm khảo-sát về dân-tộc ta đều công-nhận rằng: "người Nam mình kém tính thực-thà lắm". Người thì nói sượng ngay rằng: « Dân An-nam là dân nói dối», kẻ thì nói nhẹ hơn rằng: « Người An-nam không được thực-thà ». Các quan giáo-sư ta cũng thường quở mắng ta về cái nết xấu ấy. Lời đó chẳng phải là lời khen cho chủngloại ta thật, song ta cũng chớ vội lấy làm giận. Trong bọn chúng ta cũng lắm người có tính động một tý là mích lòng quá-đáng ngay Hễ một lẽ phải gì không đẹp lòng ta là ta nhất thiết không công-nhận. Về sự đó, ta nên kể cái tích dụ sau này: « Ở trong một quyển sách tây kia, có một câu rằng: « Người Nam không có tính hiếu-năng ». Câu ấy có thể gọi là chân lý được, thế mà có kẻ phê ngay vào câu đó một chữ « không thực ». Trong quyển sách ấy còn nhiều lời nghiệm sát khác cũng đích đáng lắm mà cũng bị người gạch đi nhiều; những câu ấy chẳng qua chỉ vì không làm được đẹp ý các người đọc sách hay động lòng kia mà đến nỗi bị xoá đi như thế. » Ta thấy thanh niên ta hay bị cái tật ương trái ấy mà rất lấy làm thương tâm. Nó tức là một sự cản trở bước tiến-hóa của thanh-niên ta vậy. Khi ta cứ tự-phụ quá thì thật là ta chưa thiết gì đến sự tu-thân cho

DE LA SINCÉRITÉ CHEZ LES ANNAMITES

par Vũ-Tam-Tập

Les auteurs des ouvrages consacrés à l'étude de notre peuple sont d'accord sur ce point: «La vertu de franchise manque chez le peuple annamite » Les uns, sous une forme violente, disent: « L'Annamite est menteur». Les autres, avec réserve: « L'Annamite n'est pas franc ». Nos professeurs aussi ont souvent à nous reprocher ce défaut. Certes, ce n'est pas un éloge à l'adresse de notre race, mais ne nous hâtons pas de nous en fâcher. Certains d'entre nous font vraiment preuve de susceptibilité exagérée. Ils se refusent à accepter toute vérité, quand elle n'est pas flatteuse pour notre peuple. Citons à ce sujet l'exemple que voici: Nous avons lu dans un ouvrage français cette phrase: « L'Annamite n'est pas curieux ». C'est la vérité même. Aucun de nous ne peut raisonnablement soutenir le contraire... et cependant en regard de cette phrase, nous avons remarqué cette annotation: « C'est faux ». D'autres observations non moins judicieuses de ce livre avaient été biffées, tout simplement parce qu'elles n'avaient pas eu la chance de plaire à ces lecteurs susceptibles. Nous déplorons ce travers d'esprit particulièrement accusé chez notre jeunesse. Il est un obstacle à son progrès. On est bien loin du désir de perfectionnement, lors qu'on a une trop bonne opinion de soi! Nous n'ignorons pas que certains Français, par suite

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

hoàn-mỹ vậy. Nhiều người Pháp chưa am-hiểu dân-tộc ta lắm thường ngày ngày phạm nhiều sự sai-lầm làm cho ta mất lòng quá-đáng, sự đó ta cũng không lạ gì, nhưng cũng có nhiều người thành-tâm yêu-mến ta và muốn làm những việc hay cho ta, thành thử những người ấy đem hết trí-lự tài-năng mà khảo-sát suy-tầm về tính-tình phong-tục của quốc-dân ta. Vì thế những sự sát-nghiệm của hạng người này rất là đích-đáng, ta nên vì quyền-lợi ta mà lưu-tâm chú-ý đến.

Các đồng-bào ta có nhiều người thấy ta viết thế thì lấy làm ngạc-nhiên, rồi xét quá nghiêm mà kêu lên rằng : « Rõ thật là một bài làm cốt để trình quan giáo-sư người Pháp..» Tuy thế mặc lòng, ai muốn nói sao cũng được, ta xin cúi đầu mà chịu nhận rằng câu « Người Nam không được thực-thà » là rất đích-đáng. Và ta chẳng những không nên dại-dột đem tâm giận-giỗi những người đã bảo ta thế thôi, ta lại nên biết cho cái lòng thành-thực của họ nữa. Bao nhiêu cái lòng tự-ái sai-lầm, ta nên vứt bỏ một bên mà hiểu rằng khi ta biết cái nết xấu của ta, ấy là một cách giữ thân của ta dễ chừa cái nết xấu ấy đó. Tuy có nhiều người trong chúng ta coi sự nói dối là một nết xấu nhỏ, nhưng ta thì coi nó như một thói xấu lớn làm mất danh-giá cho dân-tộc ta vậy. Ta lấy thế làm nhục-nhằn xấu-hổ và cố hết sức chữa cho con trẻ khỏi tật dối-trá, thành nết thực-thà.

Cách dạy-dỗ cho trẻ con nên người thành-thực quả là một phận-sự tối-yếu của nhà giáo-dục, bất cứ là thầy giáo hay cha mẹ, là vì rằng nhờ có nết ấy mà các nết hay khác thuộc về tâm-thần trí-tuệ là những nết ta rất mong cho thiếu-niên ta mới thường thực-hành được. Đây ta hết sức suy-tầm những cái duyên cớ cốt-yếu nó làm cho phần nhiều chúng ta không được thực-thà, rồi sau ta chỉ-dẫn các cách-thức giáo-hoá thế nào có thể trừ bỏ được cái thói dối-dối mà mở-mang được cái nết thực-thà cho con trẻ nhà Việt-Nam ta.

* * *

Cái duyên-cớ vì đâu mà ta không được thực-thà cũng có một phần ở trong lịch-sử ký-vãng của ta.

de l'étude superficielle qu'ils ont faite de notre peuple commettent journellement telles ou telles erreurs qui peuvent légitimement nous froisser. Mais il en est aussi qui, poussés par une profonde sympathie et par un désir sincère de nous faire du bien, mettent toute leur application et tout leur talent à nous étudier. Les observations de ceux-ci sont judicieuses et nous devons savoir en tenir le plus grand compte dans notre propre intérêt.

Certains de nos compatriotes s'étonneront peut-être de ce que nous venons d'écrire et nous jugeant avec sévérité, s'écrieront : « Voici bien un devoir destiné à un professeur français !...» Quoiqu'ils puissent dire, nous devons nous incliner devant l'exactitude d'une remarque comme celle-ci : «L'Annamite manque de franchise. » Et au lieu d'en vouloir sottement à ceux qui nous font cette observation, sachons-leur plutôt gré de leur sincérité et, mettant de côté tout faux amour-propre, comprenons que la connaissance de notre défaut nous arme mieux contre lui pour nous permettre de nous en débarrasser. Le mensonge considéré par beaucoup d'entres nous comme un petit défaut nous apparaîtra désormais comme un vice qui déshonore notre peuple. Nous en rougirons et mettrons tous nos efforts à le combattre chez nos enfants et à les former à la franchise.

Le développement de cette vertu chez l'enfant est certainement une des tâches essentielles de l'éducateur quel qu'il soit, maître ou parents, car c'est par elle que les plus riches qualités de cœur et d'esprit que nous devons désirer à notre jeunesse trouveront leurs plus fréquentes applications. Nous allons tâcher d'étudier ici les principales causes d'un manque de franchise trop répandu parmi nous, puis nous indiquerons ce que peuvent être les moyens pour détruire ce défaut et développer chez nos enfants les habitudes opposées.

* * *

Ce défaut s'explique en partie par notre passé historique :

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Chúng ta đã từng bị áp-chế, đã từng bị người Tầu và các quan ta hà-hiếp, họ đã từng hà-lạm và hành-hạ dân ta quá. Ta vì làm thân tôi-tớ lâu đời như thế, thành ra có tính nghi-ngờ sợ-hãi chuyền-tử nhược-tôn, tính này lại cố-nhiên sinh ra hai thói xấu, thói nói dối và thói giả-hình, là hai cái khí-giới bảo-thân của người hèn-yếu. Vì thế nên nhiều khi trong bụng ta biết cái ý-kiến của người trên ta là sai-lầm mà ngoài miệng ta vẫn tảng-lờ hăm-hở cùng biểu đồng-tình với những ý-kiến ấy. Mà tội gì ta lại công-bố một điều chân-lý có thể tai-hại dầy-dà đến ta được, tội gì ta lại binh-vực cái lẽ phải để mang lấy vạ vào thân như thế ? Bởi vậy nên ta mới có cái tính hèn-hạ là : hễ ai hỏi ta, ta không tìm đường đáp lại theo như ý mà ta coi là phải hơn cả, nhưng ta chỉ kiếm lối trả lời theo như cách mà ta tưởng là lợi cho ta thôi. Ấy lại cũng vì lúc nào ta cũng e-sợ có người rình mò cái cách cử-chỉ ngôn-ngữ của ta, thành ra ta phải giấu-giếm vờ-vẫn, giả-hình giả-mạo, đến nỗi trong một nơi hội-họp thân-bằng cố-hữu cũng vậy, ta cũng không dám tự-do thành-thực phô-bầy cái ý-tưởng của ta ra, ta chỉ sợ liên-lụy đến thân ta thôi.

Tuy-nhiên ta cũng không đồng-ý với phần nhiều đồng-bào ta mà lấy cái duyên-cớ ở trong lịch-sử ấy để giảm bớt tội gian-trá của ta và để có quyền nói được rằng : « Một dân-tộc hèn-yếu cần phải dan-dối mới toàn-mệnh được. Vậy thì dân-tộc ấy có dan-dối cũng không nên trách, vì nhiều khi bắt-buộc phải dan-dối như thế. » Lời xét-đoán ấy thật là thấp kém quá. Đã dan-dối thì dù lấy duyên-cớ thế nào cũng không thể dung-thứ được. Ta đây sở-dĩ bầy tỏ cái duyên-cớ cũ-kỹ ấy ra không phải là để cho nhẹ tội dan-trá của ta, nhưng cốt để làm một cái mối quý-hóa mà suy-tầm cho ra những phương-kế thần-diệu mục-đích trừ bỏ cái thói nói dối và cái tật giả-hình đi đó.

Ta kém thực-thà còn vì nhiều cớ trực-tiếp khác. Cớ ấy phần nhiều do cách giáo-dục về đường tinh-thần và luân-lý ở trong gia-đình và tại học-đường mà ra. Về đường luân-lý giáo-dục, ta xin riêng cậy ở cái thế-lực ảnh-hưởng của gia-đình, vì chỉ có ở trong gia-đình là các thói quen ấy hay chuyền-nhiễm nhất mà thôi ;

Nous avons toujours été dominés, nous avons toujours souffert de l'oppression ! oppression des Chinois et de nos propres mandarins exploitant et maltraitant le peuple. Ce long passé de servitude a engendré une méfiance et une crainte habituelles et ataviques qui ont inévitablement développé chez nous le mensonge et l'hypocrisie, armes des faibles. C'est ainsi qu'on feindra de partager avec empressement les opinions d'un supérieur à qui l'on craint de déplaire, bien qu'au fond de son cœur on ne doute pas de leur fausseté. Pourquoi donc proclamer une vérité susceptible de nous attirer de graves ennuis ? Pourquoi prendre position pour le vrai, si nous devons ainsi courir certains risques ? De là vient cette bassesse d'esprit qui fait qu'à une question posée, on ne songera pas à répondre par l'affirmation de ce que l'on pense être l'expression de la vérité, mais bien par l'allégation de ce qu'on suppose devoir servir ses intérêts. C'est aussi la crainte habituelle d'être toujours épié dans ses gestes et ses paroles qui pousse à la dissimulation et à l'hypocrisie et qui fait que dans une réunion quelconque, fût-ce même entre camarades, on n'ose pas exposer librement et franchement sa pensée de peur de se compromettre.

Nous n'admettons pas toutefois, comme le font certains d'entre nous, que cette cause historique suffise à justifier notre manque de franchise et qu'on soit en droit de dire : « Un peuple faible a besoin de mentir pour se défendre. Il est donc excusable d'agir ainsi, puisque la plupart du temps il y est forcé ». Quel sophisme Le mensonge est impardonnable, quel que soit le prétexte qu'on puisse alléguer. Pour nous, si nous invoquons cette cause lointaine, ce n'est pas pour en faire une excuse, mais bien pour en retenir une précieuse indication dans la recherche des moyens propres à combattre le mensonge et l'hypocrisie.

Notre manque de franchise procède d'autres causes plus directes. Il tient en grande partie à l'éducation morale et intellectuelle reçue dans la famille et à l'école. Pour l'éducation morale nous insisterons particulièrement sur l'influence de la famille, car c'est surtout au foyer que se contractent ces habitudes ;

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Đứa trẻ con Nam-việt sinh-dưỡng theo như quy-tắc của một cái đạo luân-lý cốt ở sự kính-cẩn và ở điều quyền-pháp. Cái đạo ấy thì hay, thì quý thật, nhưng tiếc thay, người ta hay lạm-dụng quá-đáng : cha đối-đãi với con ác-ngược thiên-tư quá, nhiều khi con trẻ phạm lỗi cỏn-con cũng bị cha mẹ bành-hạ tàn-nhẫn. Nào là cha mẹ tát-vả đánh-đập con cái như mưa như gió, có người lại chẳng từ dùng đến thanh củi, cành cây, vọt tre gai góc để hành-hạ con ; thành ra cách trị con đã không sứng-đáng với lỗi nó rồi mà lại còn trị nó một cách ác-nghiệp như thế nữa. Thật là họ không có ý gì gợi đến cái tính-tình tự-trọng của nó ra cả, họ cũng không biết nể đến cái nhân-phẩm nó mới nhu-nhú lên là cái nhân-phẩm mà ta cần phải phát-khai cho rộng lớn thêm ra nữa. Phần nhiều ông cha ta thì chỉ có một cách luyện cho con cháu được nhiều nết tốt vào thân, là bắt nó phải cúi theo một cái luật không ai cưỡng được, phải chịu ếp một bề mà vâng lời dạy bảo, và là không cho nó có nghị-lực gì cả, mà nói tóm lại là hành-hạ cho nó nhục-nhẫn hết nước. Các cụ tưởng như roi vọt cũng đủ làm cho trẻ con khiếp sợ mà phải tuân theo phép-tắc cùng là không ngả về đường ác được vậy.

Ở nhà trường, trẻ con ta cũng còn phải chịu một cái giáo-dục quá ư nghiêm-nhặt. Ông thầy bao giờ cũng lấy sự sợ làm chủ việc giáo-huấn. Ông thầy lạm-dụng những cách trừng-trị nghiêm-nhặt và những cách hình-phạt thân-thể này khác. Cái oai-quyền của thầy-giáo thường lại to hơn cái oai-quyền của cha mẹ. Cha mẹ cho rằng thầy càng nghiêm-nhặt bao nhiêu thì càng có oai-quyền bấy nhiêu, nên mỗi khi giao con cho thầy, không bao giờ quên dặn câu này : « Thầy cứ đánh nó hết sức cho thì tôi đội ơn lắm. Thầy càng phết roi mây cho nó bao nhiêu thì nó càng mở mắt ra bấy nhiêu. » « Yêu cho vọt, ghét cho chơi », câu nói ở cửa miệng thiên-hạ ấy thực đã tỏ hết cái thói nghiêm-nhặt của ta ra. Nhiều người cha mẹ và thầy-giáo theo câu tục-ngữ ấy quá nệ, thành ra con cái và học-trò thường coi cha mẹ cùng thầy giáo như người tàn-ngược, chớ không phải là nhà giáo-dục nữa.

Giáo-hóa như thế chỉ làm cho trẻ con dần-độn, đứa nào

L'enfant annamite est élevé d'après les principes d'une morale essentiellement fondée sur le respect et l'autorité. Malheureusement, si cette morale est belle et bonne, de graves abus se produisent trop souvent en son nom : des parents agissent envers leurs enfants en despotes cruels et injustes ; de pauvres enfants sont martyrisés pour des fautes insignifiantes. Gifles et coups de rotin pleuvent dru sur les malheureux dont les parents bien souvent n'hésitent pas à recourir à l'emploi d'une bûche, d'une branche d'arbre, ou de quelque bambou épineux pour aggraver encore un châtiment tout-à-fait disproportionné à la faute commise. On ne fait pas appel au sentiment de la dignité individuelle chez ces pauvres petits ; on n'a aucun respect pour leur personnalité naissante qu'il faudrait au contraire s'appliquer à développer. Pour la plupart de nos parents, la façon la plus efficace de faire acquérir à l'enfant de bonnes habitudes est de le courber sous une règle inflexible, de l'astreindre à l'obéissance passive, de briser sa volonté, de le mater en un mot. La crainte des coups de rotin est jugée suffisante pour le tenir dans les règles et l'arrêter sur la pente du mal.

A l'école, les enfants annamites ont encore à souffrir d'une éducation trop rigoureuse. Le maître a sans cesse recours à la crainte. Il abuse de sévères punitions et de châtiments corporels variés. Son autorité est plus absolue encore que celle des parents qui l'estiment en proportion de sa sévérité et ne manquent jamais, lorsqu'ils lui confient leur enfant, de lui faire cette recommandation : « Nous vous serions reconnaissants de le bien châtier. Plus vous lui donnerez de coups de rotin, plus « ses yeux s'ouvriront ». Un de nos dictons populaires indique bien ce que sont chez nous ces habitudes de sévère éducation : « Donnez des coups de rotin à votre enfant si vous l'aimez, donnez-lui des friandises si vous le haïssez. » Bien des parents et des maîtres appliquant ce conseil vraiment trop à la lettre châtient leurs enfants et leurs élèves à la moindre faute. Aussi sont-ils souvent regardés par ces pauvres petits comme des bourreaux terribles et non comme des éducateurs.

Une telle éducation abrutit l'enfant en le rendant exagérément

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

cũng dù-dờ sợ-hãi quá thành ra nói dối và giả-hình. Trẻ con suốt đời chỉ những khiếp-sợ cha mẹ và thầy-giáo như thế, cho nên chúng đối với cha mẹ và thầy-giáo không có chút chi là tín-cẩn thành-thực cả. Hễ khi nào chúng có dịp lừa dối người trên để khỏi phải quở-phạt là chúng không từ.

Xem thế, bây giờ ta đưa mắt trông vào một chốn gia-đình của đứa trẻ con sinh-trưởng thì ta thấy nó đã sẵn có cái « mầm » nói dối và ta sẽ hiểu rằng nó chỉ đáng thương mà không đáng trách. Chung quanh người nó, cái gì cũng chủ gây-dừng cho nó những thói xấu ấy : nào là thói lừa-dối điên-đảo, vờ-vẫn giả-trá... Cha mẹ anh em nó thực đã là người đầu tiên rắt nó vào con đường dan-dảo vậy.

Họ thường doạ nó những cách hình-phạt ly-kỳ, những sự nguy-nan bí-hiểm để cho nó sợ. Phần nhiều người cho cách nói dối ấy là « có ích ». Đêm nó khóc thì họ dọa : « Mày có ngủ không, tao vứt ra sàn cho ngáo-ộp ăn thịt hay là Babị bắt đi bây giờ. » Nó có vô-phép và bảo không ăn lời, thì họ dọa : « Hễ mày cứ thế thì giời đánh chết mất thôi »

Về sự lễ-phép, họ cũng lạm-dụng những cách giả-dối quá-đáng. Thí-dụ như có một người khách mà cả nhà không ưa, người cha cũng nói những lời nồng-nàn để ngỏ ý hân-hạnh được tiếp-đãi người ấy, nhưng chính trong lòng thì không có chút thành-tâm nào hết. Thế mà rồi người cha lại làm ra bộ khăng-khăng giữ khách ngồi lại chơi lâu, tuy lấy người ta làm buồn như chấu cắn mà ngoài miệng vẫn hăm-hở nói rằng câu chuyện của người ta nở như ngô rang, mình thực vui-vẻ được ngồi hầu chuyện mãi mãi. Bà khách rắt lũ con đầu bù tóc rối, áo rách mặt nhem đến, người mẹ cũng khen lấy khen để rằng các cô, các cậu ăn mặc sạch-sẽ gọn-gàng. Người trên làm nhiều việc, nói nhiều câu thật mình không phục chút nào mà mình vẫn tưng-bốc như giời, như thánh.

Trẻ con lại thường được thấy ở ngay trước mắt luôn luôn những cái gương dan-dảo để kiếm lợi, kiếm tiền : Anh nó nói dối để khỏi phải phạt, chị nó nói dối để được tiếng khen.

timide et craintif et fait de lui un menteur et un hypocrite. Vivant dans la crainte de ses parents et de ses maîtres, il manque à leur égard d'expansion confiante et de franchise. Il cherche à les tromper chaque fois que l'occasion s'en présente dans l'intention d'échapper aux reproches et aux punitions qu'il redoute.

Si maintenant nous jetons les yeux sur le milieu familial où grandira cet enfant déjà prédisposé au mensonge, nous comprenons combien il est à plaindre beaucoup plus qu'à blâmer. Tout, autour de lui, concourt à développer ces mauvaises habitudes : ce ne sont que mensonges formels, ruses, duperies, grandes et petites dissimulations. . . . . Ses parents et ses frères et sœurs sont les premiers à le pousser dans la voie du mensonge :

Ils font ce qu'on appelle parfois des «mensonges bienveillants», en effrayant l'enfant de peines imaginaires, de dangers mystérieux Vient-il à pleurer la nuit, on lui dit : « Si tu ne dors pas, je te jetterai dans la cour et tu seras mangé par un renard fantastique ou tu seras pris par le «Seigneur aux trois sacs». Se montre-t-il impoli et désobéissant, sa mère lui dit : « Si tu te conduis mal, le Génie de la foudre va te frapper ! »

On abuse aussi des mensonges de politesse. Le père reçoit par exemple un visiteur que toute la famille trouve gênant et importun, par des paroles chaleureuses exprimant une joie exubérante qu'il ne ressent certes pas, puis il insiste pour le retenir plus longtemps et, bien que le trouvant fort ennuyeux, il proteste avec enthousiasme du plaisir qu'il éprouve à sa conversation. La mère se répand en exclamations admiratives sur la tenue des enfants de son amie qui se présentent pourtant les cheveux ébourriffés, le visage malpropre et les vêtements en désordre. On adresse force compliments à des supérieurs pour des actes et des paroles que personnellement on est bien loin d'approuver.

L'enfant a sans cesse sous les yeux l'exemple déprimant des mensonges intéressés : son frère ment pour échapper à une punition ; sa sœur, pour recevoir des louanges non méritées. Dans

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Trong nhà nào có buôn bán, thì đứa trẻ thường được mục-kích những sự dan-dối hằng ngày, khi thì hàng xấu nói tốt, hàng ít nói nhiều, hàng đắt nói rẻ, có khi lại nói xấu cửa hàng bên cạnh để cho mối hàng người ta mất lòng tin-cẩn.

Ta lại còn lừa con nữa thì thật là khả-ố. Cha mẹ hay hứa phần thưởng cho con mà chẳng bao giờ có đồ thưởng cả. Cha bảo con : « Mày chịu khó học rồi tao mua cho một đôi giầy thật đẹp ». Mẹ cũng bảo nó rằng : « Mày ngoan-ngoãn rồi đến cuối tháng tao cho 2 đồng bỏ ống ». Muốn khiến trẻ con chăm học và ngoan-ngoãn, cha mẹ hứa cho rất nhiều cái này cái khác, mà rút cục lại chẳng cho nó cái gì cả, họ tưởng rằng như thế cũng chẳng hại gì đến trẻ hết.

Về phần đứa trẻ, nhiều khi nó rất lấy làm ngang-trái vì nó thường thấy cha mẹ nói một đường mà làm một nẻo. Cha mẹ bảo con rằng : « Cờ bạc là thói rất hư » thế mà thường đánh bạc luôn ở trước mắt con. Lại có ông bố dạy con rằng rượu làm hại thân-thể người ta, mà ngày nào ông cũng sơi rượu đến tuý-lý càn-khôn.

Nhiều khi cha mẹ vụng-về đến nỗi hình như khen con làm điều dan-dối vậy. Khi thấy nó đang chơi mà nó lừa được anh chị nó cái gì thì cha mẹ nó thường vui cười hỉ-hả lắm. Lần nào cha mẹ thấy con có tài dan-dối hay có ý tinh-quái cũng nói ngay với cả nhà rằng : « Thằng này lớn lên là tài soay sở lắm, chớ không đần-độn thực-thà như thằng anh nó đâu. »

Nói tóm lại, người mình chỉ coi cái thói trí-trá là một tật xấu không thấm vào đâu cả. Đối với đứa trẻ vô-phép và cưỡng lời thì bao giờ mình cũng nghiêm-nhặt hơn là đối với đứa trẻ dan-dối. Người ta cũng thường mắng nó, phạt nó thật, song không tỏ cho nó biết rằng lời nói, việc làm của nó là sự rất đê-hạ. Vả chăng, người ta cũng không hay quý-trọng sự thành-thực cho sứng-đáng. Sự thàng-thực đối với họ cũng chỉ là một nết tốt xoàng thôi. Khi đứa trẻ nói thật, những nhời nói thật đó không làm mích lòng người trên thì người trên mới ban cho nó một câu rằng : « Được ». Cũng có nhiều khi nó ăn nói thực-thà mà lại bị quở, bị phạt. Thí-dụ

la famille où l'on fait du commerce, l'enfant constate tous les jours qu'on trompe sur la quantité, sur la qualité et sur le prix des marchandises, qu'on dénigre la boutique rivale pour lui faire perdre la confiance de ses clients.

On dupe l'enfant, ce qui est pire. Ses parents lui promettent des récompenses qui ne viennent jamais. Le père lui dit : « Sois studieux et je t'achèterai une jolie paire de souliers ». La mère ajoute : «Sois sage et je te donnerai à la fin de chaque mois deux piastres pour alimenter ta tirelire». Pour pousser l'enfant à bien travailler et à se bien conduire, on lui prodigue les promesses. Mais on se soucie fort peu de les tenir, croyant de bonne foi qu'en y manquant, on ne lui cause aucun préjudice.

L'enfant, d'autre part, a souvent lieu d'être choqué par la contradiction qui se manifeste entre les paroles et les actes de ses parents. Tandis qu'ils lui disent : « Le jeu est la pire des passions », ils jouent fréquemment aux cartes sous ses yeux. Ou bien, tel père dira à son fils que l'alcool est très nuisible à la santé, mais il en prendra tous les jours jusqu'à en perdre la raison.

Maladroitement, les parents semblent souvent approuver le mensonge. Ils rient de bon cœur quand ils voient l'enfant réussir à tromper son frère ou sa sœur au cours de leurs jeux. Chaque fois qu'il montre quelque esprit par un mensonge ou qu'il paraît astucieux, le père ne manque pas de dire à toute la famille : « Il saura se tirer d'affaire dans la vie, celui-là ! Il n'est pas comme son frère qui est toujours trop naïf et trop sincère ».

Bref, chez nous, le manque de franchise est couramment considéré comme un bien petit défaut. Très sévère envers l'enfant désobéissant et impoli, on se montre relativement indulgent à l'égard du menteur. On le blâme, on le punit parfois, mais on ne fait jamais ressortir suffisamment la honte qui s'attache à ses paroles et à ses actes. D'autre part, on ne célèbre pas la sincérité comme elle le mériterait. Elle est considérée comme une qualité tout-à-fait quelconque, Quand l'enfant dit la vérité, on se borne à lui dire : « C'est bien », à condition toutefois qu'il n'ait pas déplu à ses supérieurs. Il arrive en effet trop souvent qu'il reçoit des reproches

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

như nó thấy chú nó nói một câu vô-lý, nó bẻ thì nhà đã chẳng biết bụng thực-thà cho nó, lại còn hạch nó là sấc láo rồi trị nó. Mà trị nó cũng không bảo cho nó biết rằng tại nó vô-phép, chớ không phải vì nó có tính thực-thà là một tính tốt đâu. Một lần nó bị như thế, không còn bao giờ nó dám nói thật nữa.

Xem thế đứa trẻ sinh trưởng ở một nơi hầu hết chỉ gặp những sự dối-trá, một nơi mà không ai trọng sự thực-thà mấy, một nơi mà ngày nào nó cũng được dịp nghiệm biết ra rằng những sự bề ngoài mọi việc đời đều giả dối, nữa là những lời nói ở cửa miệng người ta thì còn dan-dảo đến đâu, thì khỏi sao nó lại không khuynh-hướng về đường dan trá được.

Cái luân-lý giáo-dục đã tập nhiễm cho con trẻ cái thói dan như thế thì cái tinh-thần giáo-dục mà ta đem rèn-tập cho chúng cũng chỉ lại giúp chúng càng tinh-sảo về đường dan-dối mà thôi. Các bậc phụ-mẫu Việt-Nam lại hiểu nghĩa chữ tinh-thần giáo-dục một cách nông-nổi hẹp-hòi quá, các người cho tinh-thần giáo-dục chỉ là cách dạy trẻ thuộc nhiều kinh-sách mà thôi. Thành-thử cái tinh-thần giáo-dục lẫn với cái học văn-chương phổ-thông, thầy-giáo chỉ có việc theo thể mà luyện-tập học-trò thôi. Trong sự học ngày xưa, các ông thầy chỉ chủ luyện người « thuộc nhiều » chớ không chủ luyện người « hiểu nhiều ». Các ông ấy lạm-dụng cái trí nhớ, bắt học-trò phải thuộc những bài luân-lý hay triết-học từng tiếng một, chớ không bao giờ thử xem chúng có hiểu không, hay là cố sức gợi cái nghĩa sâu-xa bài ấy cho chúng biết. Vì cớ ấy ta thường thấy trẻ con có trí nhớ lạ-lùng, chúng đọc thuộc lòng những bài thơ dài, những trang sách lớn mà không ngập-ngừng nửa chữ, nhưng tinh-cờ có ai hỏi nghĩa một câu thì chúng chẳng bao giờ giảng được rõ-ràng hết. Những câu văn thuộc lòng ấy chứa-chất đầy vào thành ra làm cho rối-quẫn nặng-nề trí khôn, mất cả những cái năng-khiếu quý-hóa, là cái tinh-thần minh-bạch hùng-dũng cái lý-luận công-minh chính-đáng của trẻ đi. Jules Payot tiên-sinh đã nói một câu đích-đáng rằng: «Những tiếng một bao-bọc tinh-thần người ta như một cái màng

ou une punition pour avoir témoigné de la franchise. S'il vient par exemple à reprendre son oncle qui a dit devant lui une chose invraisemblable, non seulement, on n'approuvera pas sa sincérité mais encore on le taxera d'insolence et le punira sans lui montrer que la faute commise est dans l'incorrection et dans l'irrespect et non pas dans une franchise qui ne saurait être mauvaise en soi. Ainsi prévenu, l'enfant se promet bien de ne plus jamais dire la vérité.

Comment nos enfants pourraient-ils résister à la tentation du mensonge, alors qu'ils vivent dans un milieu où ce vice est si répandu, où l'on fait si peu de cas de la franchise et où ils ont chaque jour l'occasion de constater que si en cette vie, les apparences des choses sont trompeuses, les paroles humaines le sont, hélas, bien davantage.

Si l'éducation morale qu'ils reçoivent peut ainsi habituer nos enfants au mensonge, l'éducation intellectuelle que nous leur donnons peut malheureusement renforcer encore ces tristes résultats. Les parents annamites se font une idée particulièrement étroite de ce que doit être l'éducation intellectuelle : elle consiste pour eux à faire acquérir à l'enfant des connaissances purement livresques. Il en résulte que cette éducation se trouve confondue avec l'instruction littéraire générale et devient à ce titre la tâche exclusive des maîtres. Dans l'ancienne culture, ceux-ci s'attachaient surtout à former des « têtes bien pleines » plutôt que des « têtes bien faites ». Ils abusaient de la mémoire, exigeaient le mot-à-mot des leçons de morale et de philosophie sans jamais s'assurer si les élèves les avaient comprises, sans jamais essayer de leur en révéler le sens profond. Aussi n'était-il pas rare de voir des enfants dont la mémoire était prodigieuse réciter sans hésitation de longues poésies et des pages entières de leurs livres classiques tout en demeurant incapables d'en donner quelque claire explication, si l'on venait par hasard à leur en demander la signification. Ces formes verbales ainsi emmagasinées embarrassent et alourdissent l'intelligence au grand préjudice de ces plus précieuses qualités : la clarté et la vivacité de l'esprit, la justesse et la précision du raisonnement. Jules Payot a raison de dire «Les mots

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

đặc bao-bọc cái thực-sự đến nỗi không sự gì thấm qua được nữa. Tinh-thần như thể con tằm tự làm ra kén rồi nhốt mình trong kén, cái màng vỏ kia cũng nhốt tinh-thần ở trong, không cho tinh-thần được giao-thông với các thực-sự ngoài đời, ấy thế là tinh-thần thành ra nhầm-lỗi.»

Mà cái «tinh-thần nhầm lỗi» thì có khác gì cái tinh-thần giả-dối: kẻ nào không biết đem chân-lý làm đầu sự tìm-tòi hăng-hái và sự nghiền-ngẫm sâu-xa của mình thì đời nào lại biết chân-lý được. Mà các người học-hành như vẹt đã bị cách học những câu sáo-ngữ không hiểu chính-nghĩa là gì che-lấp mất cả cái năng-lực tự-do tư-tưởng đi thì phỏng những sự tìm-tòi nghiền-ngẫm của họ còn có giá-trị gì.

Vả chăng những cách rèn-tập tư-tưởng như thế rất cần cho một người có lương-tâm chín-chắn để tìm-tòi điều chân-lý là cái mục-đích sở-nguyện của mình, nhưng những cách ấy ở trong một dân-tộc bị cái học-chính quá nệ làm hư-nát thì phỏng còn mở-mang làm sao được nữa! Ông đồ nho ta tuyệt nhiên không dạy học-trò tư-tưởng bao giờ, ông chỉ có một cái hứng-thú, là bắt tư-tưởng nó theo khuôn tư-tưởng mình cũng như tư-tưởng mình theo khuôn tư-tưởng cổ-nhân vậy; ấy vì từ cổ đến nay vẫn theo một cái khuôn-mẫu như thế, cho nên hễ ai học-tập phẩm-bình hay là tư-tưởng thì bị người cho là trái phép nhà nho, và phải trừng-trị rất nghiêm-nhặt.

Cách giáo-dục ấy thật không luyện được trẻ con thành người yêu-mến sự thực và đem hết tài-năng trí-lự ra thực-hành sự thực ở trong đời, cách ấy chỉ luyện được trẻ con thành những con vẹt khốn-nạn đầy óc những câu sáo-ngữ mà lại thêm cái tính kiêu-ngạo trẻ con nó làm cho mình không bao giờ tự biết tìm-tòi ra điều chân-lý. Cái giáo-huấn bất-lợi và trái-thời ấy còn sót lại nhiều giấu-vết ở quốc-dân ta lắm. Cái địa-vị của trí nhớ còn to lớn quá, thành ra chiếm mất nhiều chỗ của cái trí quan-sát, cái trí nghị-luận và cái trí đoán-định của người ta.

* * *

Trên kia ta đã bầy tỏ hết cả những cái duyên-cớ nó dễ khuynh-

font à la surface de l'âme une croûte opaque qui recouvre la réalité vivante si bien que rien n'en peut plus filtrer. L'esprit comme le ver-à-soie fait son cocon et s'y renferme : cette croûte verbale l'emprisonne, l'isole des réalités du monde extérieur. C'est ainsi que se forme un faux esprit.»

Or la parenté est étroite entre « ce faux-esprit » et l'esprit faux : l'amour de la vérité ne saurait subsister chez celui qui n'en fait pas à tout instant, l'objet habituel de ses plus actives recherches, de ses profondes méditations. Et que peuvent être ces recherches, que sont ces méditations chez la victime du psittacisme pour qui la citation de vaines formules vidées de leur sens primitif s'est substituée de longtemps à l'exercice fécond de la libre pensée ?

Et comment, d'autre part, les habitudes de cet exercice de la pensée, indispensable à la conscience scrupuleuse dont la recherche de la vérité pure est le seul but qu'elle propose à ses effets, comment ces habitudes auraient-elles pu se développer chez des peuples qui ont grandi sous la férule d'un enseignement dogmatique ? Le maître, chez nous, ne cherchait nullement à apprendre à l'élève l'exercice de sa pensée : il n'avait d'autre désir que de lui imposer la sienne, comme ses maîtres, autrefois lui avaient imposé la leur, comme cela s'était toujours produit depuis les temps les plus reculés, et l'exercice de l'esprit critique ou de la plus juste réflexion était taxé d'indiscipline et sévèrement réprimé.

Une telle culture, au lieu de faire de nos enfants des hommes épris du vrai, et cherchant à le trouver et à le réaliser au cours de leur vie par un effort assidu de leurs plus belles facultés, n'en formait que de pauvres perroquets bourrés de vaines formules et qu'un orgueil puéril privait à jamais de toute possibilité de recherche personnelle de la vérité. Trop de vestiges restent encore chez nous de cet enseignement néfaste et démodé ; la place attribuée à la mémoire est encore exagérée au préjudice de l'esprit d'observation, du raisonnement et du jugement.

* * *

Nous avons précédemment indiqué d'une part les motifs

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

hướng đứa trẻ thơ về đường dan-dôi và nó ngăn-trở đứa trẻ thơ khó lòng nên người thành-thực. Nay ta đã biết rằng cái tật xấu đó duyên cớ bởi đâu, vậy ta cũng dễ tìm đường trừ-khứ nó được.

Như lời trên kia đã nói, chúng ta sở-dĩ kém bề thực-thà là phần nhiều do ở các thói quen và thể-cách giáo-dục về tinh-thần, luân-lý của ta. Vậy muốn cho trẻ con có nết thực-thà, trước hết ta phải tính sự hoán-cải những thói quen cùng các thể-cách ấy đã :

Về đường luân-lý giáo-dục. — Ta phải dưỡng-dục trẻ con theo một phương-sách tự-do hơn trước. Ta chẳng nên lúc nào cũng lấy oai-quyền mà dạy trẻ, bất cứ làm cha mẹ hay thầy giáo, ta phải cố sức sao cho trẻ tin-cẩn yêu-mến ta thì cái tâm-sự non-nớt của chúng mới thành-thực giãi-bầy ra được. Trẻ con vốn có tính hay ngỏ tâm-sự, nhưng không phải với ai nó cũng đem ý-kiến tính-tình mà bầy-tỏ ra đâu; nó tin yêu ai thì nó mới ngỏ tâm-sự cùng người ấy. Khi nó thấy mình yêu nó, biết bụng cho nó thì nó không ngại mình, nó ngỏ cho mình biết nỗi lòng và việc đời của nó, mà nó không có ý gì lừa dối mình cả. Trẻ con mở lòng cho ta biết phải có thành-thực, sự đó tối cần cho nhà giáo-dục. Vì có thế, nhà giáo-dục mới biết rõ lòng trẻ con, mới dễ làm hết phận-sự mình được. Nhưng khốn thay, nhiều bực cha mẹ và ông thầy tưởng lầm rằng chỉ có oai-quyền là cái phương-pháp độc-nhất vô-song nó làm chủ sự giáo-dục thôi, thành ra đối-đãi với con trẻ nghiêm-nhặt quá, vùi giập mất cả cái khiếu mở mang của chúng đi. Đành rằng muốn cho sự giáo-dục có kết-quả hay thì ông thầy cần phải khiến trẻ thơ kính-trọng mình và kính-trọng cái giáo-huấn của mình ; vậy muốn thế, ông thầy chẳng nên cợt-nhả với học trò, phải đối-đãi với học trò cho nghiêm-trang luôn, mà thỉnh-thoảng cũng nên nghiêm-nhặt nữa mới được; nhưng chớ có nghiêm-nhặt quá-đáng như phần nhiều các nhà giáo-dục xưa nay.

Cái giáo-dục tự-do không dùng những cách hình-phạt nặng-

qui prédisposent nos enfants à mentir, de l'autre les raisons qui empêchent le sens de la vérité de se former chez eux. Maintenant que les causes principales du mal nous sont connues, nous pouvons mieux chercher les remèdes pour le combattre.

Notre manque de franchise tient, nous l'avons dit, directement et en grande partie à nos habitudes et à nos méthodes d'éducation morale et intellectuelle. Il en résulte que des réformes à ces habitudes et à ces méthodes s'imposeront avant tout, si nous voulons éveiller et développer le sens de la sincérité chez nos enfants :

Education morale. — Nos enfants devront être élevés selon une méthode plus libérale. Au lieu de recourir sans cesse à la crainte, les parents et les maîtres s'efforceront d'inspirer la confiance et l'affection qui permettent aux jeunes âmes de s'ouvrir franchement. L'enfant est naturellement expansif. Mais il ne communique pas ses pensées et ses sentiments à n'importe qui : il n'ouvre son cœur qu'à ceux qu'il aime et en qui il a confiance. Se sentant aimé et compris, il ne craint pas de nous mettre au courant de sa vie intérieure et extérieure et n'éprouve aucune envie de nous tromper. La sincérité avec laquelle l'enfant répand ses sentiments est utile à l'éducateur. Elle lui permet de le mieux connaître et le met à même, par conséquent, de remplir plus facilement sa tâche. Malheureusement, la plupart des parents et des maîtres, croyant à tort que l'autorité est l'unique principe directeur de l'éducation, éteignent l'effusion de leurs enfants et de leurs élèves en se montrant trop sévères envers eux. Certes, pour que l'éducation porte tous ses fruits, il est nécessaire que l'éducateur sache inspirer à ses élèves ,avec le respect de sa propre personne, celui de l'enseignement qu'il a la noble tâche de leur distribuer ; il doit pour cela, éviter des familiarités exagérées avec les enfants et il lui faut s'astreindre à leur montrer souvent un visage sérieux et parfois même sévère. Mais il ne faut pas non plus pousser cette sévérité jusqu'à l'excès comme le font la plupart de nos éducateurs.

Au lieu de courber l'enfant sous une règle rigoureuse et

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

nề để luyện-tập cho con trẻ cái tính vờ-vẫn và cái thói hèn-mạt, cái giáo-dục này bao giờ cũng cần đến cái tính-tình biết tôn-trọng nhân-phẩm, vì tính-tình ấy gợi cho ta cái lòng tự-nhiên muốn xa lánh hẳn những sự gì có thể làm hạ nhân-phẩm của ta xuống được. Ấy chính cái tính-tình đó ta cần gây-dựng cho trẻ, vì con trẻ có thể mới biết khinh-sợ sự nói dối. Nó sẽ lấy sự nói dối làm hổ-thẹn, nó sẽ coi sự nói dối như một vật không cùng ở với những tính-tình tự-trọng của nó.

Nên ta mong rằng : cách hình-phạt thân-thể bằng không bỏ hẳn đi được, cũng nên dùng đến rất ít thôi. Cái giá-trị giáo-dục của cách hình-phạt ấy rất là mập-mờ, vả ta chỉ thấy nó có hại hơn là có ích. Lấy sự đau-đớn làm cho trẻ sợ-hãi đê-hèn tức là vùi-giập cái lòng tôn-trọng nhân-phẩm của chúng đi và rắt chúng vào thẳng con đường điêu-dan giả-trá.

Ta cần gợi cho trẻ con lúc nào cũng có lòng can-đảm mà đứng hẳn về bên chân-lý, không chịu hèn-mạt sợ-hãi những sự nguy-tai nhân đấy có thể sảy ra cho mình được, mà hết sức trả lời những người hỏi mình theo như ý mình cho là phải lẽ, chớ không theo như cách mình tưởng là đẹp lòng người hỏi chuyện, mà phô bầy tư-tưởng ra một cách tự-do thành-thực chớ không phải rựa-rẫn vào ý-tưởng của người quyền-thế hơn mình. Nhưng cái lòng thành-thực ấy chớ nên hiểu lầm mà thành ra cái chứng táo-tợn sấc-láo.

Trong sự luyện-tập cái nết thực-thà cũng như trong sự luyện-tập các nết hay khác, cái gương tốt bao giờ cũng là sự trọng-yếu hơn cả. Vậy nên những người ở chung quanh trẻ, bắt đầu từ gia-đình nó trở đi, phải có cái nết tốt ấy. Muốn thế dẫu việc nói dối thể nào cha mẹ cũng nên cẩn thận mà giữ mình đừng nói dối.

Phải trừ bỏ hết các những cách nói dối mà mình tưởng là ích-lợi cho trẻ con như những cách dọa-nạt hoang-đường. Sự gì mình không muốn cho nó biết thì chớ có nói dối nó, chỉ nên bảo nó còn bé chưa hiểu được và đợi khi nào nó lớn lên sẽ giải nghĩa cho nó biết.

de développer en lui par l'usage du joug et des mauvais traitements un esprit de dissimulation et de servilité, l'éducation libérale fera appel, en toute circonstance, au sentiment de la dignité personnelle, sentiment qui doit nous inspirer une répulsion instinctive pour tout acte de nature à nous rabaisser devant nous-mêmes. C'est ce sentiment que nous aurons à développer chez nos enfants qui leur donnera l'horreur du mensonge. Ils rougiront de ce vice et s'apercevront qu'il est incompatible avec leurs légitimes fiertés.

Il est donc à souhaiter que les châtiments corporels soient sinon supprimés, du moins employés avec beaucoup plus de modération. La valeur éducative de ces peines est des plus contestables et nous pensons qu'elles sont souvent plus nuisibles qu'utiles. En rendant l'enfant craintif et lâche devant la souffrance, elles lui font perdre le sentiment de sa dignité et le conduisent tout droit au mensonge et à l'hypocrisie.

Nous inspirerons à nos enfants le courage de prendre nettement position, en toute occasion, pour la vérité, sans une crainte pusillanime des ennuis qu'une telle attitude peut attirer, d'exprimer le mieux possible dans leur réponse, lorsqu'il sont interrogés, ce qu'ils croient être la vérité, au lieu de chercher avant tout à flatter leur interlocuteur en lui faisant la réponse qu'ils supposent devoir lui plaire, d'exprimer librement et franchement leur manière de penser sans s'appuyer sur l'opinion de ceux qui leur paraissent puissants. Toutefois cette sincérité courageuse ne devra jamais être synoyme d'attitude frondeuse et insolente.

Dans la formation de la franchise comme dans celle de tant d'autres qualités, l'exemple joue un rôle d'une importance capitale. Il faut que tous ceux qui entourent l'enfant, à commencer par la famille, pratiquent cette vertu. Pour cela les parents devront s'interdire soigneusement le mensonge de toute nature :

Il faudra absolument proscrire les mensonges soi-disant faits dans l'intérêt de l'enfant, sous forme de menaces fantastiques, ceux aussi qu'on lui fait sur des choses que l'on croit devoir lui tenir cachées, alors qu'il est si simple de lui dire qu'il est

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Ta cũng khá nên lạm-dụng những cách giả-dối thuộc về lễ-phép. Đành rằng dẫu sao ta cũng không muốn cho con cái ta trở nên những người « lỗ-mạng » quá thẳng rất khó chịu cho cái xã-hội cần phải dung-thứ nhiều sự ngày nay. Những người có tính thẳng quá thường là khiếm-nhã. Nhưng không phải rằng muốn nhã-nhặn thì phải lừa dối người ta đâu. Chỉ nói nửa lời thì cũng hay thật, song cũng có thể nói cả được mà không phải nói những điều không đúng sự thực, vả chăng người ta lại có thể khéo nói bóng-bẩy một cách kín-đáo không đến nỗi mích lòng ai cả. Ta cần dạy cho trẻ thơ cách lịch-thiệp đó, chớ không phải những cách tâm-ngầm để bụng, không nói ra mồm đâu!

Ta chớ vì lợi dan-dối mà làm gương cho con em bắt chước Để cho nó thấy mình được lợi vì nói dối, ấy là đun-dẩy nó vào con đường nói dối hầu như không còn phương-sách nào ngăn-ngừa lại được. Lợi là một cái chủ-động mạnh nhất của muôn việc trần-gian, khi đứa trẻ thấy nói dối có lợi thì cũng khó lòng mà kiêng nói dối được.

Nếu ta không chủ-ý cho trẻ cái gì thì đừng hứa với nó cái ấy. Mình lừa nó lần này, tất nó hay lừa mình lần khác. Ta lấy làm đau lòng vì thấy nhiều bực cha mẹ An-nam rất hay nhẹ dạ hứa lời mà không mấy khi giữ lời hứa cả. Vậy thì các ngài phải bỏ hẳn cái thói xấu ấy đi. Khi các ngài hứa cho trẻ cái gì thì phải cho nó cái ấy, bảo phạt nó làm sao thì phải phạt nó làm vậy.

Một sự cần-yếu nhất là phải giữ sao cho việc làm giống như lời nói, vì như thế thì ta mới tỏ ra người chỉ vì lòng yêu chân-lý, bụng mến thành-thực mà nói và làm những việc ấy thôi, chớ không phải vì những cái chủ-động khác như lòng kiêu-ngạo và trí tư-lợi đâu. Nay thí-dụ như ta vẫn thường dạy trẻ phải ăn-tiêu tần-tiện, thì ta chớ nên hoang-phí một cách điên-rồ cho thỏa cái lòng khoe-khoang của ta ở trước mắt chúng nó, vì rằng ta làm gương xấu cho chúng nó như thế, tức là ta dạy cho chúng nó biết ta không thành-thực. Ta bắt chúng không được làm những việc mà chính

trop petit pour comprendre et d'ajourner la réponse à ces questions délicates au temps où il sera plus grand.

N'abusons pas des mensonges de politesse. Il est certain que nous ne voulons à aucun prix faire de nos enfants des Alceste d'une impitoyable franchise, ennemis des ménagements qu'impose la vie de société. Leur vertu brutale manque de civilité; mais celle-ci ne demande pas que l'on trompe. Il est bon de ne pas tout dire, mais on peut ne rien dire qui ne soit vrai et même on peut nuancer ses paroles avec discrétion pour qu'elles ne blessent pas. C'est le tact que nous devrons apprendre à nos enfants et non la restriction mentale.

Gardons-nous bien de donner à l'enfant l'exemple du mensonge intéressé. En lui révélant le parti qu'on peut tirer de ce vice, on l'y pousse presque infailliblement. Il lui est difficile de résister à la tentation de mentir, quand il s'aperçoit qu'il y a avantage à le faire : l'intérêt est le mobile le plus puissant des actions humaines.

Ne faisons jamais à l'enfant des promesses que nous ne sommes pas bien décidés à tenir : dupé, il saura nous duper à son tour. Nous signalons avec regret que les parents annamites promettent souvent à la légère et manquent presque toujours à leur parole. Qu'ils renoncent donc à cette mauvaise habitude ; s'ils ont promis une récompense, qu'il la donnent, s'il ont annoncé une punition, qu'il l'infligent.

Il est essentiel d'établir un parfait accord entre nos paroles et nos actions, afin que celles-ci nous montrent bien comme étant inspirés uniquement par l'amour de la vérité, par une sincérité parfaite, et non par tout autre mobile tel que l'orgueil ou l'intérêt. Si par exemple, nous répétons sans cesse à nos enfants qu'il faut vivre selon les principes d'une raisonnable économie, ne nous livrons pas sous leurs yeux à des dépenses folles pour des motifs de pure vanité ; en outre du mauvais exemple que nous leur aurions donné ainsi, quant à ces règles d'économie, nous leur aurions laissé l'impression que nous

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

ta cũng vẫn làm thì có phải rằng chúng tưởng cũng có quyền làm những việc ấy khi nào có dịp làm được không ?

Trong khi trò-truyện, hoặc ta nói về việc gì hay là về người nào, ta cũng chớ nên ngoa-ngôn quá-đáng. Vì hễ quá-đáng lắm thì hay sinh ra giả-dối. Khi ta mắng trẻ, chớ nên nói nặng thêm cái lỗi của nó ra ; khi ta kể chuyện, đừng vì muốn làm đẹp câu chuyện mà bịa-đặt hoang-đường vô-lý.

Trẻ con tuy có tính bắt-chước là tính thông-thường hệ-trọng hơn cả, nhưng giữ cái thái-độ đáng lấy làm gương đã nói trên kia đối với chúng nó thì cũng chưa đủ, phải xem xét những cái then-chốt bí-mật ở trong tâm-sự chúng nó để mình biết rằng vì đâu mà chúng nó sinh ra dan-dối, rồi sau mới có thể trừ thói dan-dối ngay từ lúc đứa trẻ chưa mắc được. Ta quyết-nhiên không cho trẻ vì khoe-khoang hay lợi-lộc mà ăn dan nói dối, muốn thế, hễ nó nói dối về phương-diện nào, ta lại lấy ngay phương-diện ấy mà trị cho nó. Đứa trẻ lười biếng thì ta bắt làm việc bội-phần, đứa trẻ vì lợi nói dối thì không cho nó được hưởng lợi ấy, và cả hai đứa ta lại làm cho nhục-nhã là từ giầy ta không tin chúng nó nữa. Nhưng khi sửa trị những tật xấu ấy, ta chớ nên cay-nghiệt quá. Trẻ con thường vì sợ mà hay nói dối. Ta phải lấy sự dịu-dàng khiến nó thú thực những lời nó nói, những việc nó làm ra, nhưng ta chớ quên tha lỗi cho nó, để gọi là khen thưởng nó vì nó đã thực-thà thú lỗi. Nhưng khi nó mới phạm lỗi xong, ta đừng bắt nó thú ngay mà giầy-vò lương-tâm nó, vì lúc ấy nó còn sợ ta quá hay là hám lợi quá. Nếu ta không để nó có đủ thì-giờ hồi-tâm thì nhiều khi nó thành nói dối.

Ta chớ coi sự nói dối là một nết xấu nhỏ-mọn nữa, ta phải lấy nó làm một nết xấu to của chủng-loại ta mới được. Lúc nào ta cũng phải dạy cho con cái ta biết rằng nết nói dối là một sự đê-mạt xấu-xa nó làm mất phẩm-giá người ta và khiến cho đồng-bào khinh-bỉ. Đối với những trẻ có ý

manquons parfaitement de sincérité lorsque nous leur donnons des principes que nous observons si peu, et ils se sentiraient légitimement autorisés à procéder de même en semblable occasion.

Dans nos conversations, soit que nous parlions des choses, soit que nous nous entretenions des hommes, veillons à l'exagération. Cette tendance à dépasser la mesure conduit facilement à la fausseté. Faisons-nous des reproches à nos enfants, gardons-nous bien d'outrer la gravité de la faute commise ; racontons-nous un récit, ne cherchons pas à l'embellir aux dépens de la vérité.

Mais il n'est pas suffisant d'obtenir vis-à-vis de l'enfant cette attitude exemplaire à laquelle son esprit d'imitation toujours en éveil donne une importance toute spéciale ; il faut encore étudier les ressorts les plus secrets de ces jeunes âmes pour arriver à connaître les mobiles qui peuvent les amener au mensonge afin, s'il se peut, d'extirper celui-ci avant même qu'il n'ait vu le jour. Nous n'admettrons jamais que nos enfants puissent tirer du mensonge vanité ou profit et, pour cela nous les punirons par où ils auront pêché. Nous augmenterons au paresseux le travail qu'il voulait s'éviter ; nous enlèverons à l'enfant intéressé l'avantage qu'il escomptait de sa faute et, à tous, nous infligerons par surcroît la honte de n'être plus crus. Mais gardons-nous bien de déployer dans la répression des fautes une rigueur exagérée. La frayeur pousse l'enfant au mensonge Amenons-le par la douceur à confesser sans détour ce qu'il a dit ou fait et ne manquons pas de le louer de sa sincérité en lui accordant un pardon qui en sera le prix. Mais ne torturons pas sa conscience en lui demandant l'aveu d'une faute à peine commise au moment où il est tout agité encore par la crainte ou tenu par l'intérêt. Nous risquerions de l'engager à mentir, en ne lui donnant pas le temps nécessaire Pour se ressaisir.

Ne considérons plus le mensonge comme un petit défaut, mais bien comme un des principaux vices de notre race. Parlons-en toujours devant nos enfants comme d'une chose basse, indigne, honteuse qui déshonore l'homme, qui le dégrade et le rend méprisable aux yeux de ses semblables. Soyons plus

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

ngả về đường giả dối, ta phải nghiêm-nhặt hơn là đối với những đứa lười-biếng, bảo không ăn lời. Ta cần phải làm sao cho con cháu ta biết rằng nếu chúng phạm hai mươi tội khác ta cũng rộng-dung cho, chớ như chúng giả-dối một chút để che-đậy một tội trong hai mươi tội kia thì ta không tha-thứ được. Nhưng trong khi ta trị cái thói giả-dối là quân thù-nghịch khả-ô nhất của tâm-địa nó, ta chớ nên tin nghe những lời vu-khống của anh chị nó coi thường mà bầy-đặt ra, sự vu-khống tức là một phương nói dối bất-nhân, bất trí. Ta bảo chúng nó biết rằng nói dối là việc quan-hệ, cái ảnh-hưởng của sự nói dối có hại to, không thể coi thường làm vậy được.

Sau nữa là ta phải ăn ở làm sao cho con em biết rằng ta lấy sự thực-thà làm trọng-yếu lắm, và ta phải lấy sự thực-thà làm một nết hay cốt-yếu mà luyện-tập cho chúng nó. Hễ khi nào có dịp khuyến-khích nó ăn ở thực-thà thì ta đừng nhãng-bỏ. Bất cứ ở nhà hay ở trường, một lời nói, một việc làm thành-thực phải có ngợi khen và ban-thưởng nữa. Cũng có đôi khi đứa trẻ thực-thà lỗ-mạng quá, thành ra trạm lòng người ta. Ta đừng vội mắng nó, ta nên khuyên nhủ nó dịu-dàng và khôn-khéo rằng: « Nói thực rất là việc hay, nhưng không được vô phép. Phải thực-thà, mà cũng phải lễ-phép mới được. » Trong khi trò-chuyện, chớ bỏ mất cái dịp nào nói đến sự thực thà, ngợi khen sự thực-thà và ngỏ ra ý mình coi sự thực-thà hệ-trọng lớn-lao hơn cả. Nếu ta thấy kẻ đầy người tớ thực-thà, ta khen nó ở trước mặt con cháu ta. Nếu ta xem nhật-trình thấy có việc thực-thà, ta bảo cho con cháu ta biết. Ấy chỉ nhờ những phương-pháp hằng ngày ấy mà ta có thể dạy cho con cháu ta biết yêu-quý sự thực-thà là sự chính ta đã yêu-quý như thế.

VỀ ĐƯỜNG TINH-THẦN GIÁO-DỤC — Cách học kinh-sử chuyên-chế của ta làm cản mất cái tính hiếu-năng, cái trí quan-sát, cái trí đoán-định và cái trí nghị-luận, nói tóm lại là nó ngăn-cản hết cả những đức-tính thuộc về tinh thần có thể gây thành cái nghĩa chân-lý được. Vậy muốn gây-rựng mở-mang cho con em cái nghĩa chân-lý ấy, ta phải sửa-đổi cách giáo

sévères envers ceux qui se montrent enclins au mensonge ou à la dissimulation qu'envers les désobéissants ou les paresseux. Que nos enfants sachent bien que nous leur pardonnerons plutôt vingt fautes qu'un simple déguisement de la vérité destiné à couvrir une seule d'entre elles. Mais tout en poursuivant ainsi le mensonge comme le pire ennemi de leur vie morale, gardons-nous d'accueillir les accusations à ce propos lancées à la légère par des frères ou sœurs, l'épithète de menteur appliquée sans pitié ni réflexion. Nous leur ferons comprendre qu'un mensonge est chose trop grave et l'impression qu'il provoque trop douloureuse pour qu'on en puisse traiter aussi légèrement.

Enfin montrons à nos enfants, par toute notre conduite, l'importance essentielle que nous donnons à la véracité et faisons en leur principale vertu. Ne négligeons aucune occasion de l'encourager. Dans la famille, comme à l'école, toute parole ou tout acte franc doit être exalté et même récompensé. Il arrive parfois que la franchise de l'enfant est brutale, par conséquent blessante. Ne nous hâtons pas alors de le blâmer, car il pourrait croire que c'est la sincérité même que nous condamnons, mais reprenons le doucement et adroitement : « C'est bien de dire la vérité, mais elle n'exclut pas la politesse. Soyons à la fois francs et bien élevés. » Au cours de nos conversations, saisissons toutes les occasions pour parler de la véracité, pour en faire l'éloge, pour dire toute l'importance que nous y attachons. Si nous constatons que notre domestique est sincère, louons le en présence de nos enfants. Si nous lisons dans un journal un acte de probité, signalons-le à leur attention. C'est par l'emploi quotidien de tels moyens que nous parviendrons à leur faire comprendre combien ils doivent aimer la franchise que nous estimons nous-mêmes à ce point.

EDUCATION INTELLECTUELLE. — Notre culture à la fois livresque et dogmatique entrave le développement de la curiosité, de l'esprit d'observation, du jugement et du raisonnement, toutes qualités intellectuelles que nécessite la formation du sens de la vérité. Pour cultiver et fortifier ce sens chez nos enfants, réagissons donc contre notre enseignement routinier en leur faisant

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

huấn cổ xưa lại, luyện tập cho con em ta được nhiều tính tốt nhờ đó có thể hiểu biết, mến-yêu và tìm-tòi cái chân-lý một cách tuần-tự được.

Trẻ con muốn thỏa-mãn cái tính tò-mò thì hay hỏi-han cha mẹ luôn luôn. Cha mẹ phải kiên-nhẫn rộng-dung mà nghe con cái hỏi-han, vì những câu hỏi ấy gợi cho ta biết rằng chúng có trí khôn cùng có tính tự nhiên muốn tìm cõi học thức và muốn nhờ sự học-thức tìm điều chân-lý vậy. Có khi trẻ hỏi ta mà ta hơi lúng-túng, những khi ấy ta chớ khinh bỏ đi hay là trả lời không thực. Thí dụ nó hỏi: «Sao giời lại mưa?» ta chớ giả lời: «Tại trên ấy có ông thần chuyên riêng về việc tưới đất». Vì như thế, chẳng hướng sai cái trí suy-xét của nó đi thì một ngày kia, nó cũng biết là ta lừa-dối nó, mà ta dối nó thế, là làm gương bất-chính cho nó noi theo. Cha mẹ và thầy giáo cần phải khuyến-miễn cho trẻ con có tính hiếu-năng vì tính ấy là một bước khởi-thủy tìm đường chân lý và có nhiều những gương tốt lắm; các ngài phải nên giữ trẻ từng để nó vì lém-lỉnh mà hỏi nhiều câu vô-ích thôi; muốn thế bắt nó phải nghĩ rồi hãy nói.

Trẻ con chỉ nhờ về lúc nào cũng có tính nghĩ-ngợi để biết đích-sác cái tâm-sự nó và các việc ở quanh mình nó, mà nó có thể đoán-định được công-minh những sự sẩy ra ở trước mắt hay là kể lọt vào trong tai nó, sự đó tức là con đường noi tới chân-lý vậy. Ta cố sức mở mang cho nó cái trí quan-sát phần nhiều còn kém-cỏi ấm, nghĩa là ta phải tập-tành cho nó biết chú-ý và biết quan-sát, ta phải trừ bỏ những cái ý-tưởng non-nớt, sai-lầm nó thường lộ-xuất ra làm cho sự quan-sát của trẻ không được kết-quả vẹn-tuyền.

Sự đoán định của trẻ-thơ thường hay nông-nổi và hay chuyên-nhất nên cũng hay sai-lầm. Cha mẹ và thầy giáo phải dạy cho nó biết xem xét, phải có kiên-tâm nghe lấy và sửa lại những ý quyết-định mới-mẻ của nó và khiến nó đem những ý ấy đọ với sự-vật ở đời phải tập quen cho nó cái tính biết phá cái hình-thực bề ngoài mà tìm cái thực-sự ở trong càng là biết truy-tầm cái nguyên-ủy của các việc sẩy ra cho thật đích-sác. Phải chữa-sửa cả những đường ăn tiếng nói sai-lầm

acquérir ces habitudes grâce auxquelles ils pourront parvenir à concevoir, aimer et rechercher méthodiquement la vérité:

Pour satisfaire son désir de connaître, l'enfant accable souvent ses parents et ses maîtres de questions. Ils devront les accueillir toutes avec une patience bienveillante, car elles révèlent la vie de l'intelligence et son instinct élancé vers la connaissance et par elle vers la vérité. Il arrive que souvent les questions posées par l'enfant nous embarrassent un peu; gardons-nous bien alors de les rejeter avec mépris ou d'y répondre par des mensonges. Si l'enfant demande par exemple: Pourquoi pleut-il?», ne lui répondons pas qu'il va dans le ciel un génie chargé d'arroser la terre». En répondant ainsi, ou bien nous fausserons à jamais son jugement, ou bien il apprendra un jour que nous l'avons trompé et cet exemple sera pour lui démoralisant. Parents et maîtres devront encourager cette curiosité de l'enfant, car elle est au départ de la recherche de la vérité et féconde en exemples excellents; ils auront seulement à prévenir l'abus des questions vaines que seul l'amour du bavardage justifie en engageant les enfants à réfléchir avant de parler.

C'est en acquérant l'habitude de tenir constamment son intelligence en éveil pour se rendre un compte exact et précis de ce qui se passe en lui et autour de lui, que l'enfant pourra parvenir à porter des jugements équitables sur les événements dont il sera témoin ou qui lui seront racontés, ce qui est la cheminement vers la vérité. Appliquons-nous à développer en lui cet esprit d'observation généralement insuffisant en l'habituant à fixer son attention et à observer en rejetant toute idée préconçue, tout préjugé qui interviendrait pour fausser le résultat de ses observations.

Les jugements de l'enfant sont souvent superficiels et absolus, par conséquent sujets à l'erreur. Les parents et les maîtres devront l'aider à bien voir, redresser et contenir avec patience ses premières affirmations et les lui faire comparer avec les choses. Ils lui feront prendre l'habitude de chercher la réalité sous l'apparence, de relier l'effet à la vraie cause. Ils redresseront les incorrections de langage qui sont souvent des incorrections de pensée et se garderont d'exposer devant

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

của nó, vì đó thường cũng là biểu-hiệu cái tư-tưởng của nó đấy. Lại phải giữ miệng đừng gỏ cho nó biết những cái ý-tưởng cường-ngạnh, những câu đoán-định quá-khích cùng những sự vọng-đoán mà cái trí chuyên-nhất của nó thường khi lại khuyếch-chương ra quá đáng.

Sự nghị-luận của trẻ con thường không được chắc-chắn. Muốn tập-nhiễm cho nó cái tính nghị-luận chính-đáng và nghiêm-nghị, thì phải trừ bỏ những cái tính dột-nát, cẩu thả, chưa kinh-nghiệm, hay hấp-tấp, không buồn nghĩ-ngợi, không chịu kết-đoán, vì những tính xấu ấy thường làm sai-lầm cái ý-luận của nó đi. Sau phải dùng một cách giáo-huấn có trật-tự đã khảo-sát kỹ càng và kinh nghiệm đích-đáng mà dạy-bảo cho nó hiểu một cách nghị-luận đích-đáng và kỹ-càng được. Ấy chính là ta tập-nhiễm cho con em cái tính nghị-luận công-minh mà tự-nhiên khiến chúng mến-yêu cái chân-lý đó.

Một cách giáo-huấn trường-tận như thế sẽ bồi-bổ cho cái nết thực-thà của con em ta một phần khá lớn. Lúc nào nó cũng phải quan sát, đoán-định và nghị-luận, thành ra nó sẵn tư-cách biết phân-biệt điều lẫy cùng điều dở và biết hướng lời nói và việc làm của nó về đường chân-lý hơn

* * *

Tiếc thay! phần nhiều cha mẹ và thầy giáo An-nam ta còn lấy cái ngụy-tối-yêu của sự thành-thực kia làm mới-lạ ắm. Họ không như người Tây, họ coi thường sự dan-dối và sự thật-thà quá. Đối với họ thì dan-dối chỉ là một tật xấu nhỏ, không thể sinh ra những sự nguy hiểm được — ấy phần nhiều người vẫn tưởng thế —, còn tính thật-thà thì chỉ là một nết tốt xoàng, kém xa những nết vâng lời và nết có phép. Cái tư-tưởng ấy rất có hại cho sự giáo-dục trẻ thơ. Chúng cần phải trị tội dan-dối và gây nếp thực thà cho con trẻ, thế mà không mấy người có sức lưu-tâm đến cả. Có lạ gì, việc mình đã không lấy làm hệ-trọng thì khi nào mình chịu để ý đến. Ta rất mong rằng các bực cha mẹ và thầy giáo nên suy-nghĩ về mấy lời sau này, vì mấy lời ấy là một điều chân-lý sâu-xa nó tỏ cho mình biết rằng sự thành-thực đáng quý và sự gian-dối đáng khinh là nhường nào: «Lời khen có giá-trị nhất mà ta có thể ban cho một người nào

lui des opinions violentes, des jugements passionnés, des préjugés que son esprit absolu risquerait encore d'exagérer.

Le raisonnement de l'enfant est peu sûr. Pour l'habituer à un raisonnement logique et rigoureux, on combattra l'ignorance, l'imprécision, l'inexpérience, la précipitation, la répugnance à réfléchir, l'impatience de conclure, toutes ces causes d'erreurs qui contribuent à fausser le raisonnement enfantin. Puis on donnera à l'enfant un enseignement méthodique, fait de recherches rigoureuses et de constatations précises qui lui permettra d'acquérir les qualités de précision et de rigueur dans le raisonnement. C'est précisement en habituant nos enfants à raisonner juste que nous leur ferons aimer le vrai.

Une culture ainsi comprise fortifiera dans une certaine mesure le sens de la sincérité chez nos enfants. Constamment appelés à observer, à juger et à raisonner, ils seront plus aptes à distinguer le vrai du faux et à conformer leurs paroles et leurs actes à la vérité.

* * *

Cette notion de l'importance primordiale de la sincérité paraîtra, hélas, presque nouvelle à la plupart des parents et des maîtres annamites. Contrairement à ce que font les Français, ils n'attachent une réelle importance ni au mensonge, ni à la franchise. Pour eux, l'un n'est qu'un petit défaut peu susceptible d'en raîner de fâcheuses conséquences, comme on le croit généralement, l'autre une qualité médiocre beaucoup moins appréciable que l'obéissance et la politesse. Une telle conception nuit gravement à l'éducation que reçoivent nos enfants. On ne s'applique pas à combattre le mensonge et à développer la franchise chez eux, comme il faudrait tant le faire. Et c'est assez naturel, car on traite légèrement toute question à laquelle on n'attache pas d'importance. Nous ne saurions trop engager nos parents et nos maîtres à méditer ces paroles d'une vérité profonde qui montrent à quel point la sincérité est estimable, le mensonge, odieux: «Le plus bel éloge

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

được, tức là câu bảo người ấy rằng: «ông là người thực-thà» (La Bruyère). —« Sự nói dối là một tật xấu hả bỉ Nếu ta biết nó đáng sợ-hãi gớm-ghê ngần nào thì ta dùng súng-lửa mà đánh đuổi nó đi, ta xử thế đối với tật nói dối công bằng hơn là đối với các tật xấu khác....» (Montaigne).

Nhiều người nói rằng: những lời đó có phần quá đáng lắm. Nhưng nếu những người ấy nghĩ đến cái kết-quả gớm-ghê của sự nói dối, thì tất-nhiên cũng phải công-nhận rằng những lời nói kia không có gì là quá đáng cả. Tật nói dối là cái nguồn suối sinh-sản ra các thứ sú-hướng: Khi mình đã cố ý giữ kín một cái lỗi gì ở trong bụng mình mà mình chẳng nói ra miệng, thì thế nào mình cũng sẵn lòng phạm điều lỗi ấy. Ở trong xã-hội, nếu không phải sự ăn cắp thì không còn sự gì là tội nặng nhất nữa, người trong xã-hội mà không có lòng tin cẩn nhau do ở bụng tốt của mình ra thì còn thể nào giao-tiếp cùng nhau được. Nếu trong một nước ai cũng lừa-đảo gian trá để kiếm tư-lợi một cách bất-lương thì nước không thể có được một công nghệ, thương-mại nào cả, mối hàng sẽ tản hết mà quốc-gia cũng lụn-bại! Một người lái buôn thực-thà, ấy là một người lái buôn tài-khéo khôn-ngoan nhất. Nếu cái nguyên-lý về khoa học vì nhà bác-sĩ kém thành-tín mà không được thế-lực ảnh-hưởng tự-do, thì tinh-thần làm sao còn tiến-hóa được nữa; nếu trong một nước mà dân-sự vì nghi-ngờ e-sợ lẫn nhau, mỗi người một nơi, không cùng đồng-tâm hiệp-lực với nhau để làm ăn, thì nước ấy còn khoáng-cường tiến-hóa làm sao được nữa! Một cái không-gian nguy-độc như thế tức là bóp ngạt hơi cả quốc-dân và hại cả quốc-dân không sao tiến-hóa lên được, dẫu đến thuốc tiên cũng không chữa nổi. Vậy tâm lòng yêu nước của ta đâu, mau mau cảm-khích cho ta biết khinh-sợ một cái tật xấu làm hại nước ta ghê-gớm thế. Nước Pháp nhân-từ hiện đang đem cái lòng thành-tín đáng thừa-nhận nó sẽ cứu ta khỏi mắc tật đó mà tay vào cái lòng nghi-hoặc rất nguy-tai gốc bởi sự áp-chế xưa kia mà ra vậy. Ta phải thề cái lòng ấy cho nước Pháp, và ta đã được nước Pháp giúp sức như thế thì ta cũng phải tự bồi thêm sức cho ta mới được. Đối với nước ta cũng như đối với nước bảo-hộ, cái nghĩa-vụ cao nhất của ta là sửa mình tấn-tới về đường tinh-thần luân lý như thế mà giúp sự tiến-hóa cho tổ-quốc ta.

qu'on puisse faire d'un homme, c'est de dire de lui: «Il est un homme vrai» (La Bruyère)- « Le mensonge est un maudit vice. Si nous en connaissions l'horreur et le poids, nous le poursuivrions à feu, plus justement que d'autres vices... » (Montaigne)

Ces pensées, diront certains, contiennent une grande part d'exagération. Ils comprendront qu'il n'en est rien, s'ils veulent bien envisager les conséquences terribles du mensonge. En lui est la source de toutes les tentations mauvaises: il n'est pas de faute qu'on ne puisse être disposé à commettre lorsqu'on garde en son cœur le ferme espoir de la cacher. Dans la vie sociale, aucune faute, si ce n'est le vol ne revêt un caractère d'une aussi extrême gravité, car les rapports entre les hommes seraient rendus parfaitement impossibles sans la confiance qui naît de la bonne foi. Plus de commerce, plus d'industrie possibles dans un pays où chacun ne cherche qu'à accroître malhonnêtement ses premiers gains par la fraude et la tromperie: c'est bientôt l'exode de la clientèle et la ruine du pays; la parfaite probité est la meilleure habileté du bon commerçant. Plus de progrès intellectuel possible, si le principe d'autorité scientifique ne peut plus jouer librement par le défaut de bonne foi du savant; pas d'expansion, pas de progrès pour un pays dont les habitants sont isolés les uns des autres par la méfiance générale et la suspicion de chacun envers tous. Cette atmosphère empoisonnée étouffe le pays et compromet irrémédiablement sa croissance. Que l'amour pour notre pays sache donc nous inspirer l'horreur d'un défaut qui lui nuit aussi gravement La France bienveillante s'applique à susbstituer à la méfiance funeste qu'engendra jadis l'oppression une confiance reconnaissante et joyeuse qui nous aidera à nous libérer de ce défaut. Sachons le comprendre et aidons-nous nous-mêmes, puisque nous sommes si bien aidés. Envers notre cher pays comme envers la nation protectrice, notre premier devoir est de travailler ainsi par le progrès moral à notre propre élévation.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

NÓI VỀ CÁCH CHỌN NGHỀ

Trích ở quyển « *Trước khi chọn nghề mà làm* »
của E. MAUVEZIN
BÙI-HUY-CƯỜNG dịch

Đành rằng muốn cho nước được mở-mang cường thịnh thì cần phải khai-khẩn lợi-dụng các nguồn-thác, các bờ bến, các mỏ và các đất-cát phì-nhiêu của Pháp-quốc ta (1) nhưng thế cũng chưa đủ.

Trước hết và nhất là phải biết lợi-dụng những cái đức-tính của giống nòi ta, nghĩa là phải hướng trẻ về một nghề nào hợp với tư-chất của nó hơn cả và rồi ra nó có thể sinh hoa-lợi được hoàn-toàn viên-mãn.

. . . . . .

* * *

Nêu ta muốn cho nước ta thành một nước kỹ-nghệ, thì cái mục-đích ta phải cố sức noi theo là sinh-sản ra nhiều hoa-lợi, tốt và rẻ.

* * *

Sự công-nhiên thường thấy là trong 100 người làm một nghề nào, thì được độ 2 người làm tốt, 20 người làm xoàng, còn bao nhiêu chỉ nên đi chọn nghiệp khác mà làm thì hơn. Nêu biết chọn nghệ cho hợp tài hơn thì đâu đến nỗi kết-quả loàng-xoàng như thế !

* * *

Nay đem một ngành lao-động mới-mẻ ra mà khảo sát xem ngành ấy cần đến những đức-tính làm sao, trí khôn và học thức thế nào, ta sẽ hiểu ra rằng dẫu một nghề có tiếng là dễ, nhiều người khinh là tầm-thường, mà những tư-cách

(1) - Bài này chỉ vào Đại-Pháp, nhưng đem nói vào Đông-Pháp cũng rất được lắm (T. S.)

DU CHOIX D'UNE CARRIÈRE

Extrait de « *Avant de choisir son métier* »
par F MAUVEZIN
Traduit par BÙI HUY-CƯỜNG

Pour relever notre pays, s'il est très important de mettre en valeur nos chutes d'eau, nos ports, nos mines, la terre féconde de France, (1) cela ne suffit pas.

Il faut surtout et avant tout, tirer le meilleur parti des qualités de notre race, en orientant chaque enfant vers le métier qui convient le mieux à ses aptitudes et dans lequel il pourra donner son rendement maximun.

. . . . . .

* * *

Produire beaucoup, bien et à bon marché, tel est le but vers lequel doivent tendre nos efforts si nous voulons exister en tant que pays industriel.

* * *

Il est prouvé que sur 100 personnes exerçant un métier ou une profession quelconque, 2 environ l'exercent de façon remarquable, une vingtaine de façon moyenne, mais que toutes les autres auraient mieux fait de choisir une autre voie. Une orientation rationnelle ne pourrait-elle donner de moins médiocres résultats ?

* * *

Etudions une branche nouvelle d'activité, examinons l'ensemble des qualités morales, l'intelligence, les connaissances qu'elle nécessite et nous sommes aussitôt amenés à penser que les aptitudes indispensables à un métier, même réputé facile,

(1) - Ce qui est dit ici pour la France s'applique parfaitement à l'Indochine (Réd).

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

cần-dùng để làm nghề ấy cũng nhiêu-khê lắm, khó mà thấy một người đủ cả được. Xem thế sẽ biết tại sao mà ta thấy ít người làm nghề được hoàn-toàn trọn-vẹn.

* * *

Ta phải học, phải biết tính-tình con cái ta. Ta phải dạy cho nó tự xét, tự biết mình nó.

Ta phải cố sức luyện tập cho nó làm một nghề gì hợp với tư-chất nó, một nghề gì nó có thể đem hết tài-năng, trí-lực, tâm-hồn vào làm được.

Ấy thế là sau này ta sẽ ngỏ cái bí-mật của sự hạnh-phúc cho nó biết đó.

. . . . . .

* * *

Nước ta sẽ tiến-hóa được một bước cao, khi nào mà khắp người trong nước cùng hiểu rằng không phải bất cứ ai bạ nghề gì cũng có tư-cách làm được đâu!

* * *

Sự chọn nghề và hướng trí cho trẻ con trước hết là một vấn-đề giáo-dục của thầy giáo, của cha mẹ và của những người dùng người làm việc.

. . . . . .

* * *

Không còn cái gì vui bằng trông thấy một người làm một nghề gì mà được cái địa-vị sứng-đáng ở trong nghề ấy.

* * *

Nếu ở trên đời này mỗi người được một việc làm sứng-đáng với tài-năng mình thì cuộc đời vui sướng biết là bao nhiêu nhỉ?

. . . . . .

et souvent dédaigné comme peu intéressant, sont assez complexes pour se trouver rarement réunies chez un même individu. Nous nous expliquons alors le petit nombre de ceux que nous voyons réussir.

* * *

Etudiez bien vos enfants. Apprenez-les à se connaître.

Efforcez-vous de les aiguiller vers un métier bien en rapport avec leurs facultés, un métier auquel ils pourront consacrer toutes leurs forces, toute leur intelligence, toute leur âme.

Vous leur aurez ainsi révélé le secret du bonheur.

. . . . . .

* * *

Un progrès énorme sera réalisé dans notre pays lorsqu'on aura compris que n'importe qui n'est pas apte à faire n'importe quoi.

* * *

L'orientation personnelle de l'enfant est avant tout une question d'éducation des Maîtres, des Parents et des Employeurs.

. . . . . .

* * *

Rien ne plaît plus que de voir un homme parfaitement à sa place dans le métier qu'il exerce.

* * *

Que le monde serait agréable si chacun occupait la place qui lui convient.

. . . . . .

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

* * *

Những cái thiên-tư chi-khiếu của người ta khác nhau không biết đâu mà kể, các công việc làm ăn ở đời cũng thế. Sự chọn nghệ hướng trí cho người nào, tức là tìm kiếm cho người ấy được một việc mà người ấy có tư-cách làm giỏi hơn cả.

* * *

Trong việc chọn nghệ mà làm, trẻ con và thanh-niên ít ra cũng vụ chữ hợp-thời như đàn bà con gái ở trong việc may vá áo quần vậy.

. . . . . .

* * *

Cái sức khỏe là một báu quý nhất đời ; chớ bắt trẻ con làm một việc gì hại đến sức khỏe của nó hay là làm cho nó yếu thêm.

. . . . . .

* * *

Về phương-diện xã-hội, một chỗ làm của người thế-gian chỉ có cái lợi nhỏ thôi, sự cốt-yếu là cái phận-việc của chỗ làm ấy phải cho hoàn-toàn đầy-đủ.

. . . . . .

* * *

Những sự khuynh-hướng sai lầm của con trẻ hầu hết là bởi chúng tự-đắc coi mình giỏi-giang tài-cán mà ra. Chúng làm thế không phải vì xuy-sét kỹ-càng, nhưng chỉ vì vô-tâm tham-muốn một nghề nào đang hợp-thời đó thôi.

. . . . . .

* * *

Tưởng rằng trong việc chọn nghệ hướng tâm chỉ nên lấy những tư-chất thuộc về thân-thể làm trọng thôi thì thật là

* * *

Les facultés, les aptitudes de l'homme varient à l'infini. Les travaux à exécuter aussi. L'orientation professionnelle consiste à rechercher pour chacun l'occupation à laquelle il est le plus apte.

* * *

Les enfants et les jeunes gens sacrifient au moins autant à la mode dans le choix de leurs métiers que les femmes dans la coupe de leurs vêtements.

. . . . . .

* * *

La santé est le premier de tous les biens ; ne donnons pas à l'enfant un métier qui puisse compromettre sa santé ou aggraver ses faiblesses physiques.

. . . . . .

* * *

Au point de vue social, la place qu'un homme occupe dans le monde, n'a qu'un intérêt secondaire ; l'important est que la tâche que cette place comporte soit parfaitement remplie.

. . . . . .

* * *

Presque toutes les graves erreurs d'orientation des enfants proviennent de ce qu'ils ont des idées trop avantageuses sur leurs possibilités. Ce n'est pas leur raison qui les guide, mais leur enthousiasme inconscient pour tel ou tel métier à la mode.

. . . . . .

* * *

C'est une erreur grossière que de penser que dans l'orientation professionnelle il ne faut considérer que les aptitudes

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

lầm quá. Mình hướng trí lầm cho trẻ con thường là tại mình chọn cho nó một nghề cao hơn cái học-thức của nó hay là nó không đủ kiên-tâm mà làm.

. . . . . .

* * *

Bổn-phận của cha mẹ là phải tìm kiếm cho con một việc nào sứng đáng nhất với tài-năng nó, nhưng chớ bao giờ quên rằng nhìn hơi thấp thì ít nguy hơn là trông quá cao mới được. Thà rằng thừa sức làm một việc dễ còn hơn là đuối sức làm một việc khó.

* * *

Không cho trẻ học còn làm hại nó ít hơn là cho nó học để nó lấy cái bản-căn của nó làm xấu-hổ.

. . . . . .

* * *

Biết bao nhiêu cha mẹ muốn cho con được quyền cao chức trọng hơn mình mà lại làm cho nó bị khổ-sở khốn-nạn cả !

. . . . . .

* * *

Biết bao người chỉ vì ít đức-tính mà dẫu làm nghề gì cũng chỉ kém-đụt thôi.

. . . . . .

* * *

Các ngài phụ mẫu ơi ! nếu các ngài có chắc rằng con cháu mười phần sẽ đỗ-đạt hiển-vinh được tám và sẽ bảo-tồn được quyền-chức mãi mãi, thì các ngài hãy cho các cô, các cậu ấy vào trường cao-đẳng, chuyên-môn mà học ; bằng không chắc như thế, xin các ngài mau mau dạy bảo các cô các cậu ấy luyện-tập về nghề canh-nông, thương-mại, kỹ-nghệ cho sớm.

. . . . . .

physiques. L'erreur d'aiguillage d'un enfant provient, très souvent, du choix d'un métier pour lequel il n'a qu'une instruction insuffisante, ou pas assez de persévérance

. . . . . .

* * *

Le devoir des parents est de rechercher pour leurs enfants la situation la plus haute compatible avec leurs facultés, en n'oubliant jamais qu'il est beaucoup plus dangereux de viser trop haut que trop bas. Il vaut mieux être un peu trop capable pour un métier facile que pas assez pour un métier difficile.

* * *

On rendrait un moins mauvais service à l'enfant en le laissant sans instruction qu'en lui en donnant une qui puisse l'amener à rougir de ses origines.

* * *

Que de parents en voulant donner à leurs enfants une situation supérieure à la leur, en ont fait des victimes et des malheureux.

. . . . . .

* * *

Par suite du manque de qualités morales, combien resteront inférieurs dans quelque situation qu'on pourra leur offrir !

. . . . . .

* * *

Parents, n'envoyez votre enfant dans une école supérieure, technique ou non, que s'il a au moins 80 pour cent de chances d'y être reçu dans un rang honorable et de s'y maintenir dans les mêmes conditions S'il n'a pas ce pourcentage de chances, aiguillez-le, sans plus tarder, dans la vie active, agricole, commerciale ou industrielle.

. . . . . .

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

* * *

Có ít nhiều đức-tính cốt-yếu, mà ở đầu hàng những đức tính ấy ta để cái nghị-lực và cái hạnh-kiểm, rồi lại có biết tinh nghề mình nữa, bất cứ nghề ấy là nghề gì, thì thực là có đủ đồ hành-lý đi trên con đường đời vậy.

. . . . . .

* * *

Cái gia-tài quý nhất cửa cha mẹ để cho con là sự dạy-dỗ cho nó một nghề gì thật đến nơi đến chốn để về sau bất cứ làm sao nó cũng kiếm đủ ăn được.

. . . . . .

* * *

Rồi ta ra làm sao nhỉ ? Nay ta cứ muốn cho trẻ con học nhiều để chúng không thèm để tai nghe đến những nghề-nghiệp cần nhất cho sự sinh-hoạt của xã-hội nữa.

* * *

Ta chớ nên coi nhà nước như ông Tạo-hoá có phép giải-quyết được tất cả những vấn-đề khó-khăn có thể sẩy ra được. Ta nên trông ở sức ta thì hơn. Nếu hội ta, đoàn ta cần người tập nghề thì ta nên mộ lấy chớ nên giao cho kẻ khác. Nếu việc mà ta còn không lưu-tâm đến thì ai người chú ý cho ? !

* * *

Đến cái ngày nào mà các nghề khó được các người giỏi làm thì ở dưới bóng thái-dương, tất nhiều sự thay đổi. Ngày nay thì trẻ càng tầm-thường bao nhiêu lại càng thèm-muốn làm-ăn những việc cần đến nhiều thông-minh học-thức hơn.

. . . . . .

* * *

* * *

Posséder quelques qualités essentielles au premier rang desquelles nous placerons l'énergie et la bonne conduite, puis savoir son métier, quel qu'il soit, constitue un bagage amplement suffisant pour réussir dans la vie.

. . . . . .

* * *

Le meilleur héritage que les parents puissent laisser à leurs enfants, c'est de leur faire apprendre sérieusement un métier, les mettant en situation de pouvoir, quoi qu'il arrive, gagner convenablement leur vie.

. . . . . .

* * *

Où allons nous ? On veut donner aux enfants toujours plus d'instruction et munis de cette instruction, ils ne veulent plus entendre parler des métiers les plus indispensables à notre existence sociale

* * *

Ne considérez donc pas l'Etat comme une Providence capable de résoudre toutes les difficultés qui peuvent vous arriver. Comptez plutôt sur vous-mêmes. Votre corporation a-t-elle besoin d'apprentis ? Qu'elle les fasse et ne laisse pas ce soin à d'autres. Si la question ne l'intéresse pas, qui voulez-vous qu'elle intéresse ?

* * *

Le jour où les métiers les plus difficiles seront faits par les plus capables, il y aura quelque chose de changé sous le soleil. Aujourd'hui, plus les enfants sont médiocres et plus ils sont séduits par certains métiers demandant beaucoup d'intelligence et d'instruction.

. . . . . .

* * *

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Trong những các nghề mà người ta có thể chọn làm để sinh-nhai được, không có nghề nào giữ cho mình được ấm no chắc-chắn bằng nghề thủ-công.

* * *

Hỡi các ngài phụ-mẫu! Các ngài hãy nghĩ và hãy bảo tôi xem nghề lao-động nào là nghề kiếm ăn được ở chốn tỉnh-thành, ở nơi thôn-giã, ở nước Đại-pháp, ở xứ Hoa-kỳ, ở bên Nhật-bản và bất cứ ở một nước nào người ta chưa biết nói mấy cũng được. Các ngài liệu có tìm thấy nghề nào không hay lại chỉ có một nghề thủ-công thôi?

. . . . . .

* * *

Cái số người chết đói, chết khát đem so với cái số người chết vì quá ăn, quá uống thì thật là ít-ỏi quá.

Cái số người chết vì làm-lụng quá đem so với cái số người vì lười-biếng và vì những cái tai-vạ của sự lười-biếng sẩy ra mà chết ngay từ khi còn trẻ-trung thì cũng ít ỏi quá như thế.

. . . . . .

* * *

Muốn sống ở đời cho trọn đạo, ta cần biết một việc, mà biết cho vẹn-toàn còn hơn là biết nhiều việc mà chỉ biết mập mờ thôi.

. . . . . .

* * *

Thông-minh mà không có hạnh-kiểm và kiên-nhẫn thì là một bộ hành-lý rất sơ-sài thiếu-thốn cho một người leo lên con đường đời gồ-ghề hiểm-trở.

. . . . . .

* * *

Parmi les occupations que peut choisir l'homme pour assurer son existence aucune ne le met aussi sérieusement à l'abri de la misère qu'un métier manuel.

* * *

Parents, réfléchissez et dites-moi quel est le genre d'activité permettant de gagner sa vie à la ville, à la campagne, en France, en Amérique, au Japon, n'importe où enfin, dans un pays même dont on connaît médiocrement la langue? En découvrez-vous un autre que le métier manuel?

. . . . . .

* * *

Le nombre de ceux qui meurent de faim et de soif est infime par rapport à ceux qui meurent d'avoir trop mangé ou trop bu.

Le nombre de ceux qui meurent d'avoir trop travaillé est également infime par rapport à ceux que la paresse et ses conséquences font mourir avant l'âge.

. . . . . .

* * *

Pour faire son chemin dans la vie, il est beaucoup plus important de ne savoir qu'une chose, mais de la savoir bien, que d'en connaître médiocrement plusieurs.

. . . . . .

* * *

L'intelligence sans conduite et sans persévérance est un bien maigre bagage pour gravir la rude route de la vie.

. . . . . .

* * *

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Một nước có thể nhờ canh nông mà sinh-tồn về tư-bản được không phải trông vào các nước bên ngoài, thì nước ấy cường-thịnh đến đâu nhỉ?

. . . . . .

* * *

Người ta thường nghe thấy nói rằng: « Con tôi có thể làm được việc khá chớ không chỉ là một người nông-phu xoàng thôi », vậy thử hỏi còn nghề nào lịch-sự, lành-bổ, tự do, sang-trọng, cần nhiều thông-minh hơn là nghề nông-phố nữa không? Ta phải biết rằng người nông-phu là người đã lợi-dụng được cái sức mạnh của mặt giời, của dòng nước, của không-khí và của các vật nhỏ vô-cùng-tận đó.

. . . . . .

* * *

Một người nhà quê lại nối nghiệp nhà quê của ông cha thì tưởng không còn cái nghiệp nào đáng thèm-muốn hơn nữa. Ta có thể là người nhà quê nết na, là người nhà quê thông-thái, là người nhà quê lịch-duyệt cũng có, là người nhà quê phú-quý cũng nên, nhưng bao giờ cũng là người nhà quê mới được. Hỡi bác nhà quê! bác phải lấy nghiệp nhà làm vẻ-vang nhé!

. . . . . .

* * *

Những người nông-phu dẫu không biết làm máy tỷ nào, nhà quê ta cũng cần đến nhiều hơn là những người làm máy chang biết nghề nông tỷ nào.

* * *

Biết bao nhiêu trẻ con nhà quê nếu cứ theo học trường làng thì có phải trở nên những người nông-phu tráng-kiện và làm nên giầu-có sung-túc không, nhưng người ta cứ muốn bắt chúng học lấy tú-tài, cử-nhân kia! Đến khi chúng đỗ-đạt rồi, ngoài chốn thành-thị ra, chúng không coi đâu là

Quelle force pour un pays que de pouvoir, grâce à son agriculture, vivre sur son propre fonds sans avoir recours aux autres nations pour se nourrir.

. . . . . .

* * *

« Mon fils peut faire autre chose qu'un simple cultivateur », entend-on dire trop souvent. Or, est-il un métier plus beau, plus sain, plus libre, plus noble, demandant plus d'intelligence que celui de cultivateur? Songez donc qu'il utilise les formidables puissances du soleil, de l'eau, de l'air, des infiniment petits!

. . . . . .

* * *

Est-il une carrière plus enviable pour le fils du paysan que de rester paysan comme son père? Paysan bien élevé, paysan instruit, ayant voyagé si possible. paysan riche, peut-être, mais paysan tout de même. Paysan, sois fier de ta profession.

. . . . . .

* * *

Nos campagnes ont plus besoin d'agriculteurs, même ne connaissant rien à la mécanique, que de mécaniciens ne connaissant rien à l'agriculture.

* * *

Que de fils de paysans auraient pu faire de braves cultivateurs et se créer ainsi une honnête aisance s'ils avaient seulement fréquenté l'école de leur village mais on a voulu en faire des Bacheliers, des Messieurs Dès lors ils trouvent indignes de vivre ailleurs qu'à la ville. S'ils sont incapables de faire leur

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

nơi đáng ở nữa. Mà nếu chúng vào làm được những việc thuộc về tinh-thần đã vậy, bằng không chúng chỉ tổ làm to thêm cái đạo quân toàn người nhỡ-thời và người cay đời mà thôi.

. . . . . .

* * *

Làm một việc gì mà thừa sức, thừa tài, hay là thừa trí nữa, kể ra thì cũng hơi khó chịu thật, song chưa nguy-hiểm bằng làm một việc gì mà đuối sức, không thể trọn được bổn-phận đối với việc ấy.

* * *

Cớ sao mà khi đứa trẻ học giỏi ở trường người ta chỉ muốn hướng nó về đường hư-văn hay là cho nó vào trường chuyên-môn thôi ?

Người ta sợ rằng nếu đứa bé ấy làm một nghề gì khác thì dở-dang hay sao ? Một người nhà in tài giỏi, một người thợ mộc hoàn-toàn cũng cần có nhiều ý-trí thông-minh như một người lao-động bằng tinh-thần, bất cứ là người nào ông kể ra đây cũng được. Ông có dám chắc người thợ bạn đứng đốc-công xây cái tháp Eiffel — người ấy chỉ tên là thợ bạn thôi — cũng là một người thường đó hay sao ?

* * *

Nhiều người tưởng mình dở-dang vì phải học-tập một nghề mà mình cho là dễ quá, nhưng chính thực ra dở-dang vì không đủ tài học một nghề khó hơn ; những kẻ ấy thường hay đăng thêm vào đạo quân những người nhỡ thời và cay đời nhiều nhất.

* * *

Người nhỡ thời là người đi ở trên đời mà không biết

chemin dans les carrières libérales, ils grossissent alors l'armée innombrable des ratés et des aigris.

. . . . . .

* * *

S'il y a peu de mal à être trop robuste ou trop instruit, ou même, si vous voulez, trop intelligent, pour le métier que l'on fait, il y a par contre un danger énorme à être inférieur à quelques-unes des tâches que l'on peut avoir à accomplir dans son état.

* * *

Pourquoi dès qu'un enfant réussit bien en classe, veut-on absolument l'aiguiller vers les professions libérales ou l'envoyer dans une grande école technique ?

Craint-on que cet enfant déchoie en apprenant un métier ? Il faut tout autant d'intelligence pour faire un parfait imprimeur, ou un excellent charpentier, que pour exercer quelque profession libérale que vous me pourrez citer. Croyez-vous que le compagnon charpentier qui a dirigé le montage de la Tour Eiffel — il s'appelait justement Compagnon — était un homme ordinaire ?

* * *

L'armée des ratés et des vaincus de la vie est surtout alimentée par ceux qui auraient cru déchoir en apprenant un métier soi-disant facile et qui ont réellement déchu en se révélant incapables d'en apprendre un difficile.

* * *

Le raté est celui qui marche dans la vie sans savoir où il

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

mình đi đâu, hay là người tự vẽ lấy một cái đích khó quá rồi không bao giờ có thể đạt tới được.

. . . . . .

* * *

Nghề nào mà có người mến làm và làm một cách thông-minh thì thật vui-thú cho người ấy lắm.

* * *

Người yêu nghề quá đến nỗi làm vẻ-vang cho nghề thì là tự làm vẻ-vang cho mình đó.

. . . . . .

* * *

Bảo trẻ con rằng có nghề hay, có nghề dở thì thực là lầm. Ai thạo nghề thì biết nghề là hay, ai không thạo nghề thì cho nghề là dở.

. . . . . .

* * *

Thế kỷ ta bây giờ ít người có tâm hơn là có khiếu, ít người có trí hơn là có học,

. . . . . .

* * *

Từ xưa đến nay không có một đoạn lịch-sử nào mà ta cần phải phô-chương những ý-tưởng về hảo-tâm, nghĩa-vụ như đời bây giờ.

* * *

Cái giá-trị của người ta do ở ba cái đức-tính : đức-tính về thể-lực đức-tính về tinh-thần, đức-tính về đạo-lý, nhưng mà cái thân-hể và cái học-thức đem so với cái nghị-luận và cái nghị-lực phải nhẹ hơn mới được.

. . . . . .

* * *

va ou qui, s'étant tracé un but trop difficile, sera toujours incapable de l'atteindre.

. . . . . .

* * *

Tout métier est intéressant pour celui qui l'exerce avec intelligence et amour.

* * *

L'homme qui aime passionnément son métier, en le glorifiant, se glorifie lui-même.

. . . . . .

* * *

C'est une erreur de dire aux enfants qu'il y a de bons et de mauvais métiers. Tout métier est bon pour celui qui le sait à fond, tout métier est mauvais pour celui qui le sait mal.

. . . . . .

* * *

Notre époque manque beaucoup plus de conscience que d'intelligence, de caractère que de savoir.

. . . . . .

* * *

Jamais, à aucune époque de notre histoire, il n'a été plus nécessaire qu'aujourd'hui d'exalter les idées d'honnêteté et de devoir.

* * *

La valeur de l'homme dépend de trois éléments : ses qualités physiques, ses qualités intellectuelles et ses qualités morales ; mais que la taille et l'instruction pèsent peu, comparées au jugement et à l'énergie !

. . . . . .

* * *

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Cái người nào biết trách nhiệm việc mình và đáng trách-nhiệm ấy thì thế nào cũng làm được việc.

* * *

Người ấy thật có tư-cách làm một ông chủ, khi những kẻ khác nằm ngủ thì người ấy ngồi làm, khi những kẻ khác ngập-ngừng thì người ấy quyết-định.

* * *

Lắm khi người ta có nhiều tính tốt nhưng cũng chỉ đáng làm dưới quyền kẻ khác thôi ; cái nết nó khiến mình có thể làm người chủ được, tức là cái trí sáng-kiến và cái lòng can-đảm không hãi trách-nhiệm.

. . . . . .

* * *

Kẻ nào không có tài-đức, mà lại hay tham-muốn thì khiến cho ta phải mỉm cười, nhún vai.

* * *

Tự-tín là một nết hay cần phải khuyến-miễn, song tự-tín mà không nghĩ-ngợi thì là liều-lĩnh.

* * *

Bao nhiêu người bị sạt-hại vì nỗi tưởng mình thừa sức làm một việc gì mà mình chưa nghiên-cứu được tường-tận.

* * *

Người nào bất cứ làm nghề-nghiệp gì mà ăn-tiêu quá lương-bổng thì hình như sinh ra để rồi nghèo khổ mà chết vậy.

. . . . . .

* * *

Thường thường chỉ những người có ít là hay tiêu nhiều thôi.

. . . . . .

Le succès est certain pour celui qui sait prendre des responsabilités et qui en est digne.

* * *

Celui-là a vraiment l'étoffe d'un chef qui travaille quand les autres dorment, qui veut quand les autres hésitent.

* * *

On peut avoir d'excellentes qualités et n'avoir que l'étoffe d'un subalterne ; ce qui révèle le chef, c'est l'initiative et le courage des responsabilités.

. . . . . .

* * *

L'ambition de celui qui n'a pas de qualités nous fait sourire et hausser les épaules.

* * *

La confiance en soi est un état d'âme à encourager, mais sans la réflexion, c'est de la témérité.

* * *

Combien se ruinent en se croyant très forts sur des sujets qu'ils n'ont pas suffisamment étudiés.

* * *

Tout homme, quelle que soit sa situation, qui dépense plus qu'il ne gagne, est destiné à mourir pauvre.

. . . . . .

* * *

Ce sont très souvent ceux qui possèdent le moins qui sont le plus dépensiers.

. . . . . .

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

* * *

Kẻ kia chỉ trông thấy những sự khó-khăn, người này lại không muốn hay những điều cản-trở. Sao chẳng trông đến những sự có thể làm được và tưởng đến những sự khó lòng làm được để lấy cái lòng tự-tín ở sự có thể làm được mà đánh đổ những điều khó-khăn cản-trở có hơn không ?

. . . . . .

* * *

Người ta không chỉ nhờ về sách-vở mới học-hành thông-thái được mà thôi đâu, người ta học-hành thông-thái được nhất là nhờ về sự làm ăn và sự từng-trải việc đời.

. . . . . .

* * *

Cái trí thông-minh để học-hành không phải là tất cả cái trí thông-minh ở đời đâu ! Nhiều khi mình há chẳng thấy người ta cần đến thông-minh để làm việc thủ-công cho tài-khéo đó ru !

. . . . . .

* * *

Muốn được kết-quả vẹn-tuyền thì chỉ nên tổ-chức những việc gì mà mình có sức thực-hành được tuyền-vẹn thôi.

. . . . . .

* * *

Chớ nên lúc nào cũng nói rằng : Lát nữa tôi làm cái này, cái khác ; tôi liệu xem, rồi tôi làm việc kia, việc nọ. Chớ nói thế, cứ việc làm ngay mới được.

. . . . . .

* * *

Cái tương-lai không phải của người thông-minh nhất, chính của người siêng-năng và người cần-cù nhất vậy.

. . . . . .

* * *

Les uns ne voient que les difficultés, d'autres veulent les ignorer. Le mieux est de voir les possibilités en songeant aux difficultés et de trouver dans les premières la foi pour vaincre les secondes.

. . . . . .

* * *

On ne s'instruit pas que par les livres, mais surtout par le travail personnel et par la dure expérience de la vie.

. . . . . .

* * *

L'intelligence pour les études n'est pas toute l'intelligence. N'en faut-il pas beaucoup, parfois, pour se servir habilement de ses mains ?

. . . . . .

* * *

Pour réussir, n'entreprends que ce que tu es capable de mener à bien.

. . . . . .

* * *

Evite de dire à tous propos : Je vais faire ceci ou cela ; si je voulais, je ferais ceci ou cela. Ne le dis pas, fais-le.

. . . . . .

* * *

L'avenir n'est pas aux plus intelligents. Il est aux plus actifs et aux plus consciencieux.

. . . . . .

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

* * *

Nếu chưa làm việc nhỏ thì đừng tưởng đến những việc to.

. . . . . .

* * *

Cậu kia ơi ! nay cậu lấy cái nghề người ta chọn cho cậu làm không sứng-đáng, vậy sau này đừng có một ngày kia, cậu tỏ ra người không sứng-đáng với cái nghề mà cậu chọn lấy nhé !

. . . . . .

* * *

Chớ có trông ở sự may, phải trông vào sức mình mới được

. . . . . .

* * *

Muốn biết cai-quản thì phải học vâng-theo, đó là cái phương-pháp thần-diệu nhất vậy.

. . . . . .

* * *

« Thưa ông, tôi muốn học làm máy điện vì nghề ấy cần phải thông-minh » (*rõ dơ !*) Ấy là lời nói cậu lên 15 tuổi, cái bằng sơ-học tốt-nghiệp cậu cũng chưa có mà cậu lại thường chịu thú rằng bao giờ ở lớp học cũng ngồi ghế bét. Như thế thì các ông nghĩ làm sao ?

* * *

Chớ có làm ăn như máy, như móc. Phải có sinh-hoạt, có thông-minh và trí-khí.

Làm-lụng để mà tập nghề, làm-lụng để cho hôm nay hơn hôm qua, làm-lụng để được việc cho chủ, làm-lụng để được vui lòng về việc mình làm, sau nữa là làm-lụng để trở nên kia khác và để đạt thành mục-đích.

* * *

* * *

Ne cherche pas à être grand avant d'avoir été petit.

. . . . . .

* * *

Jeune homme, tu trouves indigne de toi le métier qu'on te conseille, tâche de ne pas te révéler un jour indigne de celui que tu auras choisi.

. . . . . .

* * *

Ne compte pas sur la chance, compte sur ton effort.

. . . . . .

* * *

La meilleure méthode pour apprendre à commander, c'est d'apprendre à obéir.

. . . . . .

* * *

« — Monsieur, je veux être mécanicien électricien parce que c'est un métier intelligent » (*sic*), me dit cet enfant de 15 ans qui n'avait pu obtenir son certificat d'études et qui avouait d'autre part, être toujours parmi les derniers de sa classe. Qu'en pensez-vous ?

* * *

Ne travaille pas comme une machine, comme un automate. Sois vivant, aie de l'intelligence et du nerf

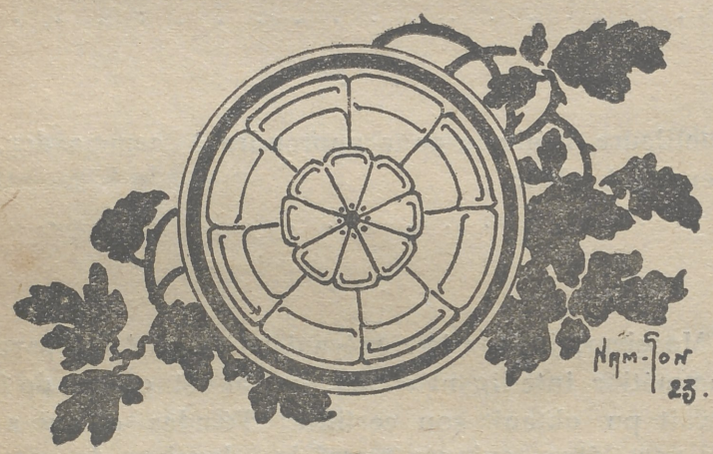
Travaille pour apprendre ton métier, pour faire aujourd'hui mieux qu'hier, pour bien servir ton patron, pour être fier de ton ouvrage, travaille enfin pour devenir quelqu'un et pour réussir.

* * *

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Hỡi những các thầy thanh-niên tráng-kiện, thông-minh, đạo đức, nhiệt-thành, ở các trường chuyên-môn hay trường Cao-đẳng ra ! Ấy là nhờ về các thầy mà nhà nước mong đi ngoại-quốc để học-hành thâm-thúy những cách-thức buôn-bán làm-ăn của người cạnh-tranh với nước ta đó.

Hễ thầy nào có can-đảm theo lời khuyên ấy thì sẽ được vui sướng, sẽ có quyền được nhà nước đền công và một ngày kia sẽ đứng chủ-chương những công việc to nhất của nước Pháp.

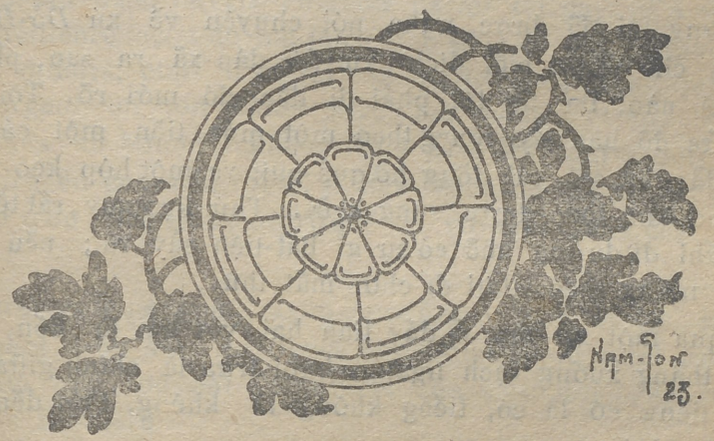


Hết cả những việc ác ở đời gốc ở sự người ta không yêu-mến lẫn nhau.

MEÏ-TI

C'est sur vous, jeunes gens de santé robuste, de moralité parfaite, d'intelligence éveillée et au cœur bien accroché, sortant d'écoles spéciales ou du rang, que le pays compte pour aller à l'étranger étudier à fond les méthodes commerciales ou industrielles de nos concurrents.

Ceux d'entre vous, qui auront le courage de suivre ce conseil y trouveront agrément, auront droit à la reconnaissance nationale et se trouveront un jour à la tête des plus importantes affaires françaises.



Tout le mal vient de ce qu'on ne s'entr'aime pas.

MEÏ-TI

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Ở' XỬ' DỞ'-DANG

Trích quyển « *Par le sourire* » của Ch. Wagner
Vũ-văn-Định dịch

Nếu ai cũng không muốn đi du-lịch, là vì có sự phiền-phức nó sẩy ra. Tuy-nhiên không mấy ai lại không thiết nghe những câu chuyện phiêu-lưu ; nhất là các cậu thanh-niên thời lại càng ham nghe, ham đọc những chuyện đó, những chuyện mà trong có sẩy ra lắm cái cảnh-ngộ ly-kỳ cho những nhà thám-hiểm ở những xứ xa lạ. Về phần tôi, tôi mới đi du-lịch một vòng khá dài ở một xứ dân-cư rất kỳ-dị. Tôi xin kể ra đây để anh em nghe.

Thường tôi đã được nghe nói chuyện về xứ *Dở-Dang*. Nhưng cho được biết đích xứ đó dân-xã ra sao, phong-tục thế nào, thế tất tôi phải đi đến đó mới rõ. Tôi bèn sắm sửa đồ hành-lý, mang theo một món tiền, một cái gậy chắc đầu bịt sắt, cái đồng hồ quả-quít và một hộp kẹo ngậm hơi cho tâm-thần được sáng-khởi. Thứ kẹo này rất tốt cho trong khi đi đường nhỡ có sự gì bất-tiện sẩy ra ; nếu quên không mang theo, thời đi chơi mất thú.

Đi qua một xứ mà ở đấy tính hai với hai là bốn, vạch thẳng thẳng xuống vạch ngang, buổi trưa là chính giữa ban ngày, tiếng có là có, tiếng không là không, thời đến một chỗ địa-giới.

Nhưng cứ thực-tình ra, thời ở đấy cũng chưa phải là chỗ địa-giới. Mà quả thật thế, đố ai có thể phân-biệt được địa-giới xứ *Dở-Dang* một cách minh-bạch bao giờ. Không biết xứ ấy bắt đầu từ đâu và đến đâu là hết. Kể cũng khó chịu thực, ấy cũng chỉ vì xứ *Dở-Dang* không phân địa-giới rõ-ràng, cho nên dân-cư quanh năm suốt đời tranh-giành cãi-cọ với lân-bang. Đối với lân-bang họ giữ một thế, nhưng không có thể gọi được là thế chiến-tranh vì họ không có chiến-tranh thực bao giờ mà cái duyên-do như thế, hà-tằng phải nói, ai người chẳng hay ! Quân binh của họ cũng chỉ hầu như có ; thủ-tướng của quân-binh họ là những quan

AU PAYS « D'A PEU PRÈS »

Extrait de « *Par le Sourire* » par Ch. Wagner
Traduction par Vũ-văn-Định

Si tout le monde n'aime pas les voyages, en raison des tracas qu'ils donnent, il est cependant peu de personnes qui n'aiment entendre des récits de voyage. En particulier, les enfants écoutent et lisent volontiers ces récits où se déroulent les aventures arrivées aux explorateurs dans des contrées lointaines et curieuses. Pour ma part, je viens de faire un assez long tour par un territoire où vivent de singulières populations. Je vous raconterai ce que j'ai vu.

Souvent déjà, j'avais entendu parler du pays d'*A peu près*. La meilleure façon de me faire une idée de ses habitants, de leurs mœurs, était d'y aller. Je fis donc ma valise, pris quelque argent, un bon bâton ferré, ma montre et une boîte de pastilles de bonne humeur. Ces pastilles sont excellentes à prendre, en cours de route, si des désagréments se présentent. Faute d'en emporter, on risque de voyager sans charme.

A travers le pays où deux et deux font quatre, où les verticales s'élèvent droit sur les lignes horizontales, où midi est le milieu du jour, où oui c'est oui et non c'est non, j'arrive enfin à une frontière.

A vrai dire, ce n'était pas là une frontière pour de bon. En effet, il n'a jamais été possible à personne de bien délimiter le pays d'*A peu Près*. On ne sait pas au juste où il commence et où il finit. C'est fâcheux, car les citoyens du pays d'*A peu près* n'ayant pas de frontières très précises, sont en perpétuelle discussion avec leurs voisins. Ils vivent avec eux sur un pied qu'on ne peut pas appeler un pied de guerre, parce qu'ils ont rarement de véritables guerres, et pour cause. Leur armée n'existe qu'à peu près. Leurs chefs militaires sont, si vous voulez, des généraux. Mais ce ne sont, après tout, que des façons de généraux qui savent à peu près

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

nguyên-soái, nhưng mà nói cho cùng thì những quan nguyên-soái đó chỉ là những lối quan nguyên-soái gần biệt cầm quân, mà về đến đàng chiến-pháp binh-thư, địa-dư và tất cả các khoa thuộc về binh-nghệ thời hầu như không biết. Họ học cái binh-nghệ ấy ở trong các trường : nhưng ở đấy cái gì cũng chỉ dạy có nửa phần hay già lắm là ba phần chia tư ; đến nỗi những hạng quan binh ở đấy ra chỉ là những hạng quan binh để cười, mà cả đến những binh-lính họ cầm quyền cũng thuộc về một hạng đó. Chính thực thời là binh-lính hoặc-giả như thể gọi là binh-lính cũng được, nhưng mà họ chỉ biết tập-tành hơi hơi. Gươm giáo của họ cũng chỉ hơi chém được ; súng ống cũng vậy, bắn chỉ gần đúng cả ; đến thuốc đạn cũng thế, chẳng ra khô hẳn mà cũng chẳng ra ướt hẳn, cho nên khi nạp súng để bắn không thể nói được rằng đạn có đi hay không đi, có tin hay không tin. Những cái đó cũng chỉ là gần gần thế cả. Chỉ có một điều có thể nói chắc được là mỗi toán quân như thể chống nhau với quân giặc đều bị thua, mà thua liểng-xiểng.

Ở xứ *Dở-dang* ấy, con trẻ chỉ hơi vâng lời cha mẹ. Khi chúng ngồi ăn, chân tay chúng chỉ sạch vờ sạch vẫn. Chúng ăn cháo không có lau đĩa bao giờ cả, ăn còn bỏ dở. Đến khi đi học, tới trường thời vào khoảng hơi đúng giờ; cặp sách thì nửa gấp nửa mở, bài vở thời vừa mới bắt đầu làm nhưng không bao giờ xong ; khi chúng viết những chữ « *i* » thời chỉ chấm có ba phần chia tư mà thôi ; phần nhiều những trang vở thời sạch-sẽ, nhưng không được suốt cả quyển ; bài học thời kể chúng cũng có thuộc, nhưng không thuộc đến nơi đến chốn ; khi thầy giáo nói, chúng mở một con mắt, lắng một bên tai, còn một bên tai, một con mắt thời chúng để vờ-vẫn vào những việc đâu đâu. Khi quan Thanh-tra đến khám trường, lúc về để lại một cái « nốt » như sau này :« Học trò nếu không hơi kém thì cũng hơi khá, ta đây không thể quyết-đoán được». Khi đi khỏi thường có ban khen cho thầy-giáo những lời chúc-tụng, nhưng những lời đó lại là những lời chê-bai, cũng không biết chừng. Song kẻ nào biết được thế thì thật là tay giỏi lắm.

Thợ mộc ở xứ *Dở-Dang* làm những sàn nhà, cửa lớn, cửa kính, cửa chớp cũng như các thợ mộc khác, song nếu đứng trông họ làm thời thấy họ cưa hơi thẳng, bào cũng thế,

commander et, par compensation, ignorent à peu près la stratégie la géographie et tout ce qui se rapporte à l'art militaire. Ils ont appris cet art, tant bien que mal, dans les écoles. Mais on y enseigne tout à moitié ou aux trois quarts. De sorte que les jeunes officiers qui en sortent sont des officiers-pour rire. Les soldats auxquels ils commandent sont des soldats de ce même genre. Evidemment, ce sont des soldats ou ça se dit des soldats. Mais ils savent faire l'exercice à peu près ; leurs sabres coupent à peu près, leurs fusils tirent quasiment juste et leur poudre n'est ni tout à fait sèche ni tout à fait mouillée. Anssi, quand ils ont braqué leurs canons et fait leur pointage, à la papa, ne peut-on pas dire que le coup porte toujours, ni qu'il rate toujours, ni qu'il porte ou ne porte pas. Tout cela est approximatif. La seule chose qu'on puisse affirmer carrément, c'est que chaque fois que cette façon d'armée s'est rencontrée avec l'ennemi, elle a essuyé des défaites ; celles-là, par exemple, étaient carabinées.

Au pays *d'A peu près* les enfants obéissent à peu près à leurs parents. Quand ils se mettent à table ils ont des mains propres, comme ci, comme ça. Ils mangent leur soupe, mais ne nettoient jamais leur assiette : il y a un résidu. Ensuite ils vont à l'école et arrivent, environ, à l'heure. Leurs sacs sont moitié ouverts, moitié fermés, leurs devoirs commencés mais pas finis. Quand ils écrivent ils mettent sur les *i* les trois quarts des points seulement. La plupart de leurs pages sont propres mais pas toutes. Ils savent leurs leçons mais pas jusqu'au bout. Quand le maître parle, ils ouvrent un œil et prêtent une oreille. L'autre oreille et l'autre œil s'occupent vaguement d'objets divers. Quand l'inspecteur visite l'école, il met la note suivante: « Elèves à peu près bien ; à moins qu'ils ne soient à peu près mauvais ; je ne saurais me prononcer ». En partant, il fait à l'instituteur des compliments qui sont aussi des critiques, si l'on veut ; mais bien malin celui qui le dira.

Les menuisiers du pays *d'A peu près* font des parquets des portes, des fenêtres, comme tous les menuisiers seulement, quand on les regarde travailler, on s'aperçoit qu'ils

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

cho nên khi lắp mộng thời khấp-kha khấp-khểnh, cửa lớn thời hở, cửa kính thời cũng không ra mở mà cũng không ra đóng; miếng kính thời thiên-thẹo, góc kính thời lệch-lạc, ván sàn thời cấp-kênh; còn bàn ghế hình như «nhảy-đầm» cả.

Những thợ đóng thùng, đóng những thùng «ton-nô», thùng vuông, chai, nhưng mà hết thảy đều chảy. Khi soi gương ở xứ *Dở-dang*, soi cũng thấy mặt, nhưng không thể biết chắc là mặt ai, có lẽ mặt mình, nhưng cũng có lẽ mặt anh ruột mình hay anh họ mình cũng không biết chừng; những ảnh truyền-thần của những nhà thợ họa ở xứ đó đều chỉ hơi giống với ảnh chính.

Những thợ nề ở đấy cũng giống như thợ nề ở xứ ta, họ có cả giây mực lẫn thước vuông. Nhưng không có góc nào là vuông mà cũng không có được cái tường nào là thẳng. Có lẽ vẹo cả chăng? Cái đó cũng không dám chắc, vì nói thế chẳng khỏi nói ngoa. Bởi vậy mà nhà ở, nhà thờ, chợ quán, đều chỉ vững bền một cách tương-đương. Phải nên biết rằng nếu mới rồi mái nhà hát ở một tỉnh trong đó có sụt thời cũng chỉ sụt một phần mái, và nếu có những người bị thương thì cũng chỉ bị thương có một nửa. Thầy thuốc gọi đến chữa cũng chỉ chữa gần khỏi những người bị đau và cũng chỉ gần giảm bớt được một phần què-quặt.

Những nhà hàng ở cái xứ kỳ-khôi ấy dùng những cân, những đấu cũng chỉ hơi đúng. Bởi thế cho nên nếu ta mua hàng về nhà cân lại thời làm thế nào cũng thiếu, chẳng nhiều thì ít Nếu họ giả lại hào con, vẫn đành rằng hào tốt, nhưng ít khi được tốt đều. Ở những cửa hàng vặt thời những đồ hàng chỉ khả-dĩ vào hạng dở-dang, thế nhưng bảo những hàng của họ là mạt-hạng cả thời lại là nói oan cho họ mà nếu họ bảo hàng của họ là thượng-hạng thời lại là người nói sai ; những hàng bán trứng chỉ hơi tốt, thịt cá gà vịt cũng tươi thật, nhưng tươi một cách khả-nghi, ấy đến cái hạnh-kiểm của những nhà buôn bán đó và sự sạch-sẽ của cửa hàng họ cũng rửa-rứa. Các tiếng chê bai ấy vừa nói nửa lời lại vừa phô cả ý vậy.

scient à peu près droit, rabotent, comme qui dirait, ric-à-rac. Alors, quand ils joignent leurs pièces il y a du jeu. Les portes ont des jours, les fenêtres ne sont ni ouvertes ni fermées. Les carreaux clignent, ayant des angles peu précis ; les parquets gondolent et les tables dansent.

Leurs tonneliers batissent tonneaux, cuves, foudres, baquets ; mais tout fuit. Quand on se regarde dans une glace au pays d'*A peu près*, on n'est pas tout à fait sûr de qui on voit la figure. C'est peut-être vous ; mais cela pourrait être aussi votre frère ou votre cousin. Les portraits fait par les peintres de là-bas ont tous une vague ressemblance avec les originaux.

Les maçons du pays d'*A peu près*, ont, comme les nôtres, le fil à plomb et l'équerre. Mais aucun angle n'est droit et aucun mur n'est perpendiculaire. Sont ils obliques ? On ne pourrait le dire sans exagérer. Aussi les maisons, les églises, les marchés sont-ils d'une solidité relative. Si le toit du théâtre d'une ville d'*A peu près* s'est écroulé dernièrement il faut reconnaître qu'il ne s'est écroulé qu'en partie, et que les victimes n'ont été assommées qu'à moitié. Les chirurgiens appelés au secours ont presque guéri les malades et à peu près bien réduit un certain nombre de fractures.

Les marchands de cette contrée cocasse se servent de balances, de poids, de mesures passablement justes. Cependant, si vous pesez la marchandise en rentrant, il en manque toujours tant soit peu. Rendent-ils de la monnaie, il y a sûrement de bonnes pièces, mais rarement elles le sont sans exception. Chez les épiciers les denrées sont de qualité intermédiaire Ce serait faire tort à ces braves gens que de dire qu'ils vendent des produits inférieurs ; mais, à leur tour, ils auraient tort de les qualifier de supérieurs. Les fruitiers ont des œufs à peu près frais ; la viande, le poisson, la volaille sont frais aussi, mais d'une fraîcheur douteuse. Et ce petit adjectif, qui n'en dit pas assez et qui en dit trop, est applicable à l'honnêteté de tous ces fournisseurs, autant qu'à la propreté de leurs boutiques.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Nếu có việc gì sảy ra, hoặc tai nạn, hoặc đánh nhau, giết người, vân vân ... thời lính cảnh-sát cũng có đến, nhưng đến chẳng ra hơi sớm mà cũng chẳng ra muộn quá, họ lấy khẩu-cung và có làm tờ trình, nhưng trong cái tờ trình đó làm thế nào cũng thiếu mất một vài việc, chẳng khác nào như con ngựa chạy ba chân. Tòa án có gọi người làm chứng thời họ cũng chẳng lấy gì làm chắc rằng họ có trông thấy, hoặc nghe thấy, nhưng không phải là họ nói những điều họ không trông thấy, hoặc không nghe thấy đâu. Thế dễ họ nói thật chăng! Hẳn thế, nhưng mà làm thế nào họ cũng giấu bớt đi một phần cỏn con, khi kiện-cáo xong, quan toà cũng có đọc án, nhưng cái án cũng chẳng ra cái án. Nó giống như cái áo vụng cắt, không ai mặc vừa. Bởi thế cho nên thường khi có kiện-cáo gì thời lập án mãi không xong. Cứ quanh-quẩn mãi không xử xong việc mà cũng không thể kết án được rằng ai phải ai trái.

Đến như đàn-bà xứ đó thì tôi cũng có để ý xem xét. Nhưng nếu có ai hỏi tôi rằng họ đẹp hay là xấu, thời tôi rất lấy làm phân-vân khó trả lời cho đúng được, vì nếu bảo họ xấu thời thật là nói oan cho họ mà nếu bảo họ đẹp thời lại là nịnh họ không phải đường. Nếu lại có ai hỏi tôi rằng những người đàn bà ấy có yểu-điệu, có lanh-lẹn, có tài tề-gia nội-trợ, có thông-minh, có đức-hạnh không, thời thật quả không sao tôi trả lời được. Cái gì họ cũng biết như là biết quét nhà, biết đan sợi. Thế thì họ đan sợi và quét nhà ra làm sao ? Đây tôi xin kể quét nhà thời họ chỉ quét có giữa nhà chớ không bao giờ quét cả trong só trong sỉnh. Thành thử trong nhà thì những chỗ só sỉnh không trông thấy đều bẩn ngập ; mà còn bít-tất đan thì có lẽ thủng tứ tung.

Nhân đây tôi xin kể qua sự ăn uống của tôi trong lúc đi du-lịch đó. Tôi ăn uống ra làm sao ? Thưa rằng : chẳng ra ngon, mà cũng chẳng ra không ngon. Đồ uống có mát không, cái đó tôi không có cái hân-hạnh nói đúng được. Vậy thì đồ uống tôi dùng đều nóng hay sao ? Không, tôi không có cái đặc-quyền dám quyết-đoán như vậy. Vả lại tôi cũng không dám phàn-nàn, bởi vì nước uống của họ, rượu nho, rượu bọt của họ đều không nóng mà cũng không lạnh.

Ấy cả đến người họ cũng rứa. Không nóng mà cũng không

Arrive-t-il un fait divers, accident, dispute, assasinat, les gendarmes se présentent ni assez tôt, ni trop tard. Il dressent procès-verbal et font leur rapport. A ce rapport il manque toujours quelque chose. Il a l'air d'un cheval qui marche sur trois pieds. Au tribunal on appelle les témoins. Il ne sont pas très sûrs de ce qu'ils ont vu et entendu ; mais ils se garderaient bien de dire qu'ils n'ont rien vu ni rien entendu. Disent-ils la vérité ? Ils la disent certainement ; mais ils, en dissimulent une portion. Une fois les plaidoyers terminés, les juges prononcent une sentence qui est une cote mal taillée Aussi, la plupart du temps, quand il s'agit de procès, ils n'en finissent pas On n'arrive pas à établir les faits ni à déclarer qui a tort ou raison.

Je me suis appliqué à regarder les femmes de la contrée. Mais si vous me demandiez si elles sont belles ou laides je serais fort embarrassé. En disant qu'elles sont laides on les calomnierait ; en disant qu'elles sont belles on les flatterait indignement. Et si vous vouliez apprendre de moi si ces femmes sont gracieuses, actives, bonnes ménagères, intelligentes, vertueuses, je ne saurais véritablement pas répondre. Elles font tout comme elles balayent et comme elles tricotent. Et comment tricotent et balayent-elles ? Voici : elles balayent dans le milieu des pièces ; mais pas dans les coins. En tricotant elles laissent tomber des mailles. Il en résulte que, dans leurs maisons,, les petits coins invisibles sont sales, et leurs bas ont des trous.

Comment ai-je mangé pendant mon voyage ? — Ni bien, ni mal. Ai-je bu frais ? — Je n'ai pas la satisfaction de le dire. Alors ai-je bu tiède ? — Non, je n'ai pas le droit de l'affirmer ni de me plaindre par conséquent, car leur eau, leur vin, leur bière, ne sont ni chaud ni frais.

Et eux-mêmes aussi ne sont ni chauds ni froids. Depuis le

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

lạnh. Ở cái xứ *Dở-Dang* ấy, trên từ Chính-phủ, dưới đến tư-gia, không có cái gì là cái thực-thà, đúng mực, quả-quyết cả. Ta thử nghĩ một nước như vậy thời ra sao ? Không có cái gì xấu mà cũng chẳng có cái gì tốt. Nhưng mà như thế tưởng cũng không phải là hay. Như thế thời là dở, mà là quá dở vậy. Một nửa cách-trí, một nửa tinh-xảo, một nửa thực-thà, một nửa tử-tế, như thế là nghĩa-lý gì ? Vì rằng như thế thời lại không ra gì hơn là thiếu hẳn cách trí, thiếu hẳn tinh-xảo, thiếu hẳn hạnh-kiểm. Chẳng thà tinh-quái mà thẳng, nói dối mà có can-đảm trong sự nói dối, thế lại hơn. Vì như thế, người ta có thể liệu được. Mình có thế nào thì cứ giữ thế. Mình phải làm việc gì thời làm cho thật tốt. Mình chớ nên đành chịu để dở-dang. Vả chăng không gì bực mình bằng dở-dang. Dở-dang nào có hay gì . . . . . Thế là tôi cũng đã biết thêm được một đôi tí ở xứ đó. Vậy nay đến buổi tôi phải trở ra về. Biết bao nhiêu những sự bất-trắc, những sự mập-mờ, những sự trái-ngược nó làm cho tôi phải tức mình đến nỗi những kẹo ngậm hơi của tôi hết trông thấy.

Đối với người hiền, ta ăn ở hiền, mà đối với người ác, ta cũng ăn ở hiền.

Lão-Tử. *Đạo 12*

gouvernement et les administrations jusqu'aux familles et aux particuliers, au pays d'*A peu près* rien n'est franc, net, carrément affirmé. — Et que doit on penser d'un pareil pays ? — Rien de mauvais, rien de bon. Mais cela même précisément n'est pas bon. C'est mauvais, tout à fait mauvais. Qu'est-ce qu'une demi-science, une demi-habileté, une demi vérité, une demi-honnêteté ? C'est quelquefois pire que le manque de science, d'habileté et d'honnêteté. Donnez-moi de francs coquins, des menteurs qui ont le courage de leur mensonge, cela vaut mieux. Au moins on sait à quoi s'en tenir. Soyons tout à fait ce que nous sommes. Faisons tout à fait bien ce que nous avons à faire Ne nous contentons jamais d'à peu près. En tout cas, rien n'est irritant comme l'à peu près. J'eu ai su quelque chose là-bas. Il était temps que je parte. Tant d'indécision, de flou, d'équivoque, me mettait hors de moi et mes pastilles de bonne humeur s'épuisaient à vue d'œil.

Avec celui qui est bon, je suis bon. avec celui qui n'est pas bon, je suis bon quand même.

Lao-Tse. *Tao 12*

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

TRẺ CON DẠY NGƯỜI LỚN

Bùi-Huy-Cường soạn

Ta chớ tưởng rằng : thầy giáo dạy học-trò mới là truyện tầm-thường, còn như học trò dạy thầy-giáo không là truyện tầm-thường đâu ! Ta chớ tưởng thế, nếu ta tưởng thế là ta lầm. Học-trò dạy thầy-giáo là một truyện thường, một truyện có hằng ngày, một truyện thường gặp có lẽ cũng nhiều như truyện thầy-giáo dạy học-trò vậy.

Mà thật thế, ta sở-dĩ coi sự học trò dạy thầy giáo là truyện ít tầm-thường, là vì ta không có dịp xem-xét nhìn-nhận đó thôi. Vả lại sự học trò dạy thầy giáo không giống như sự thầy giáo dạy học-trò ; trách chi mà chẳng lắm người không tin lời ta nói được. Thế nhưng mà, tin hay không tin, xin hãy đợi ta kể nốt câu truyện, câu truyện học trò dạy thầy giáo này, rồi sau lúc ấy ai nấy mới có thể phán-đoán một cách minh-bạch được.

.... Trường học vừa đánh trống giờ chơi, bao học-trò từ sáu năm cho đến mười tuổi đều cùng nhau xếp hàng ra sân.... vui, đùa, chạy, nhảy... Khi ấy trong mình tôi nhân khó chịu, tôi bèn ở lại trong lớp, tôi ngồi nghỉ trên bàn giấy, tôi trông sang vườn bên cạnh mà nhìn con chim chào-mào rỉa quả đu-đủ chín núc trên cây. Bỗng nhiên tôi nghe ở bên mình có tiếng chân đi nhẹ-nhàng run-rẩy bước tới. Tôi quay đầu lại, tôi thấy một đứa học trò nhỏ của tôi đang rón-rén đi một cách sợ-hãi đến gần tôi. Tôi bụng bảo dạ rằng : ý hẳn thằng này tại đánh nhau với trẻ khác rồi vào thưa mình đây chớ gì ! Bằng không thế, hẳn nó lại vờ cáo đau bụng để về nhà vòi mẹ tiền mua bánh chớ gì !..

LA LEÇON D'UN PETIT

Par Bui-Huy-Cuong

Ce serait une erreur de penser que, seul, le maitre donne à l'élève son enseignement sans que la réciproque puisse être vraie ; les cas où le maître a quelque enseignement utile à recevoir de ses élèves sont presque aussi fréquents que les premiers.

Je conviens de ce que beaucoup trouveront extraordinaire cette affirmation, mais pense que ceux-là n'ont pas eu assez l'occasion d'observer les faits ; et je reconnais, d'ailleurs, que les enseignements qu'un maître peut recevoir de ses élèves sont d'un caractère bien différent de ceux qu'il leur donne lui-même. Mais que mes contradicteurs veuillent bien patienter un peu et réserver leur opinion jusqu'à ce que j'ai pu leur conter l'anecdote suivante dont je suis pour ainsi dire, l'un des héros, et, lorsqu'ils la connaîtront, leur jugement pourra peut-être s'en trouver modifié.

... L'heure de la récréation venait de sonner ; de nombreux écoliers de six à dix ans avaient rompu les rangs et se dispersaient joyeusement dans la cour de l'école pour se livrer à leurs jeux. Assez fatigué ce jour-là, je rentrai pour m'asseoir un moment à mon bureau. Je regardais distraitement l'alouette à aigrette picorer une papaye du jardin voisin, lorsque j'entendis un bruit de pas légers qui se dirigeaient vers moi. Tournant la tête, j'aperçus un de mes plus jeunes élèves qui, d'un pas furtif et l'air timide, s'approchait de mon bureau. je pensai : « Sans nul doute, ce petit vient se plaindre à moi d'un de ses camarades avec qui il se sera battu.... Ou bien il vient me dire qu'il a la colique et prendre ce prétexte pour quitter la classe et rentrer chez lui où il n'aura rien de plus pressé que de se faire donner des sous par sa maman pour aller acheter des gâteaux ! .... »

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Tôi đoán cái ý-định của nó thế, tôi đã toan cất tiếng mắng chặn nó đi, không cho nó nói lời-thôi nữa xong, nhưng lại thấy giáng-điệu nó lo-sợ một cách đáng thương, tôi tự nghĩ rằng thằng này có lẽ nó thực-tình chăng, để ta nghe nó nói xong đã, rồi ta sẽ liệu.

Tôi nghĩ vậy vừa xong thì thấy miệng nó bập-bẹ nói với tôi rằng : « Thưa thầy, thầy cho con những cái phấn vụn... ở dưới khe giá-bảng .. »

Tôi nghe, tôi lấy làm lạ quá, tôi lấy làm không tầm-thường quá, là vì tôi chưa thấy kẻ học-trò nào hỏi xin người thầy-giáo một sự kỳ-khôi như thế bao giờ. Nhưng tôi lại có tính tò-mò, tôi không mắng nó vội, tôi hãy hỏi vặn nó mấy câu xem nó trả lời quanh-quẩn ra làm sao đã. Tôi bèn điềm-nhiên mà hỏi : « Mày muốn xin phấn vụn ấy để chơi nghịch phải không ? Liệu hồn mày đấy ! » (Lúc nào tôi cũng làm ra mặt một ông thầy như thế. . . .)

Nó luống-cuống đáp tôi rằng :

— Thưa thầy không ?

— Thế thì để mày làm gì ?

— Để con đưa về cho mẹ con ạ.

Tôi nhớ rằng thằng bé ấy mồ-côi cha từ thuở lên bôn, tôi lại hỏi :

— Mẹ mày bảo mày xin phấn à ?

— Thưa thầy tự con xin, chớ mẹ con không bảo con xin.

Tôi tưởng rằng có lẽ thằng này xin những cái phấn bột ấy đưa về cho mẹ đánh mặt chắc ; nhưng tôi vẫn phải giữ tư-cách đứng-đắn như một ông giáo mà lại hỏi nó rằng :

— Thế mày xin phấn ấy để cho mẹ mày làm gì ?

— Thưa thầy, để bỏ vào trong túi phấn ạ.

Je me disposais donc à devancer ses plaintes peu intéressantes en grondant mon bonhomme, lorsque je fus frappé par son air troublé et vraiment pitoyable ; je pensai que ce petit était peut-être sincère et allait me révéler quelque menu fait exact, et réservai mon jugement.

Le petit me dit alors, à voix presque basse et en bégayant de timidité : « Monsieur le maître, voulez-vous, s'il vous plaît, . . me permettre . . . de prendre. . . . la poudre de craie . . . qui est tombée. . . sur la planchette du tableau noir ? . . »

Je demeurai tout surpris d'une tel'e demande. . . Elle me parut évidemment peu banale ; c'était certes la première fois que, depuis que je suis au monde, j'en entendais formuler une semblable ! Mais avant de le gronder pour l'étrangeté de sa démarche et poussé par la curiosité, je crus bon de l'interroger d'abord pour voir comment il s'en tirerait, et je lui répondis : « Tu viens me demander cette poudre pour t'en amuser, n'est ce pas ? Fais attention, petit bonhomme ! » (Ce ton supérieur est destiné à affirmer en toute occasion la dignité de ma qualité d'instituteur ! . . . .)

L'air embarrassé, il me répondit ;

— « Non, Monsieur le Maître. . . ».

— « Alors, qu'en veux-tu faire ? »

— « C'est pour la donner à Maman. »

Je me rappelai alors que mon petit interlocuteur avait perdu son père à l'âge de quatre ans et lui demandai :

— « C'est ta maman qui te l'a commandé ? »

— « Non, monsieur le Maître, . . c'est moi tout seul . . . »

Je crus deviner alors que sa mère employerait cette poudre pour se farder ; mais, fidèle à mon attitude de maître sévère, je lui dis :

— « En quoi ta mère peut-elle bien avoir besoin de cette poudre ? »

— « Monsieur le Maître, c'est pour la mettre dans son petit sac à craie »

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

— Thế là nghĩa gì ? Bỏ vào trong túi phấn làm gì ?

— Thưa thầy. . . Mẹ con làm thợ may a ! . . .

Lúc đó tôi mới hiểu ra Vôn thằng bé ấy, từ thủa cha mất nhờ có mẹ làm thợ may mà nuôi cho ăn đi học, nay nó xin những phấn bột ở khe giá bảng như vậy, là để nó giúp mẹ nó khỏi phải mất mấy su mua phấn khác làm giây phấn cắt áo đó.

Tôi nghĩ vậy, trong óc tôi có thoảng qua một sự quái-lạ, sự ấy vừa là sự thẹn-thuồng mà lại vừa là sự âu-yếm. Bao nhiêu những ý tôi định đối-đãi với thằng bé khi nãy thì bây giờ vì sự ấy tiêu-tán đi đàng nào hết cả. Tôi cảm-động, nói chẳng ra lời, tự coi mình lúc ấy ở trước mặt thằng bé con như thằng bé con đứng trước mặt mình lúc nãy. Thằng bé nó đã làm được một việc tốt ngoài cái tuổi thơ-ấu của nó và trên cái ý-định của tôi, lẽ nào tôi lại không đành chịu coi nó là tuổi-tác hơn tôi được ! Tôi nói ra thì thực cũng lấy làm thẹn, chớ thực-tình lúc ấy tôi đứng trước mặt nó luống-cuống hơn là những lúc đứng trước mặt quan Đốc nhiều.

Tôi chẳng biết nói-năng làm sao hết, tôi cứ lẳng-lặng đứng lên, đi ra phía bảng, vét những phấn bột vào trong một mảnh giấy đưa cho nó. May sao lúc ấy là lúc giờ chơi, chớ như đang giờ học tôi đứng ở trước mấy chục đứa học-trò thì còn thêm thẹn biết bao nhiêu phần hơn nữa ! Chẳng hay rằng có phải vì nó muốn tránh cho tôi sự xấu-hổ bội-phần ấy mà nó hỏi xin phấn tôi trong lúc giờ chơi không ? Hay lại là vì nó sợ xin không đắt lời nên lánh giờ học để khỏi phải mắng ở trước mặt mấy chục bạn học-trò đó ? Nhưng mà dẫu vì duyên-cớ nào mặc lòng, nó đã dạy tôi một bài học về chữ hiếu mà tôi chưa từng dạy học-trò được hay đến như thế bao giờ, thì chẳng khi nào tôi lại còn dám không ghi xương tạc dạ.

— « Qu'est ce que c'est que cette histoire ? quel sac ? Pour quoi faire ? »

— Monsieur le Maître . . , c'est parce que Maman est tailleuse. . , »

Je devinai alors l'explication de ce mystère. Depuis la mort de son père, mon petit bonhomme avait été élevé par sa mère qui l'avait nourri et envoyé à l'école avec le seul gain de sa modeste industrie de tailleuse . . . Et pour permettre à sa mère d'économiser quelques sapèques, mon petit bonhomme voulait lui apporter ces quelques débris de craie qui pouvaient être utiles à son travail . . .

Lorsque j'eus ainsi compris ce qui en était, un sentiment étrange m'envahit, fait de sympathie pour mon jeune élève et aussi un peu de honte pour ma première opinion à son sujet, qui s'était bien modifiée maintenant . . . Je me sentis ému au point d'hésiter à parler et de me trouver presque aussi embarrassé devant cet enfant qu'il l'avait été devant moi quelques minutes auparavant . . . Il m'apparaissait à cet instant presque comme un aîné, car la portée de son acte si simple était bien au-dessus de ce que j'avais imaginé. Je dois avouer à ma honte que je me sentais plus troublé devant ce petit enfant que devant mon grand chef, Monsieur le Directeur des écoles ! . . .

Je ne savais que dire... je me levai machinalement, me dirigeai vers le tableau, y recueillis les débris de craie, les enveloppai dans un papier que je remis à l'enfant. . . Fort heureusement, tout ceci se passait pendant la récréation, en tête-à tête, et non sous le regard espiègle et volontiers moqueur de quelques douzaines de jeunes élèves, car ce spectacle étrange aurait singulièrement nui à mon prestige auprès d'eux ! . . . Mon jeune élève avait-il pensé à cela et voulu m'éviter l'embarras où je me serais trouvé devant ses camarades ? ou plutôt n'avait-il pas cherché à s'épargner leurs railleries dans le cas où sa demande lui aurait valu de ma part quelque réprimande ou punition ? Peu importe. Le fait est que je reçus ainsi, de cet enfant une grande leçon de piété filiale plus claire, plus frappante qu'aucune de celles que j'aurais pu donner moi-même à mes élèves, et le souvenir de cet enseignement si simple et si beau est, depuis ce jour, resté gravé dans mon cœur.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Nào nó có dạy tôi một bài về chữ hiếu mà thôi đâu, nó lại dạy tôi một bài về sự tiết-kiệm nữa. Vốn từ khi thằng bé nó hỏi xin phấn tôi về trước, tôi vẫn hay có tính hoang-phí ; hễ lần nào tôi viết bảng còn mẩu phấn bằng đầu ngón tay là tôi cũng quẳng sang vườn bên cạnh. Đến bữa nó hỏi xin phấn tôi, tôi mới nghiệm biết ra rằng : phàm vật gì dẫu ít đến đâu mặc lòng, mà mình cho là vô-ích, vô-dụng, vật ấy thường lại hữu-dụng, hữu-ích cho kẻ khác hơn là cái ý của mình tưởng-tượng kia đó.

Phải, một mẩu phấn mình quẳng ra vườn, nào ai ngờ đâu nó lại giúp cho một người con côi tỏ được lòng hiếu với bà mẹ góa, một người mẹ góa thêm được hạt gạo nuôi đứa con côi, nó lại giúp cho một thầy giáo như tôi đây biết mình cũng còn nhiều sự kém xa học-trò, tự bỏ được cái thói hoang-phí bất ngờ và sửa mình ăn ở hiếu-thảo với bố mẹ được ít nhiều phần hơn trước. Ôi ! một mẩu phấn bỏ, một dúm phấn thừa ! một mẩu phấn bỏ vứt sang bên vườn, một dúm phấn thừa rơi xuống kẽ bảng, nghĩa là một vật tầm-thường không biết tới đâu mà kể, không còn vật nào tầm thường hơn nữa, thế mà có sức giúp cho đường nhân-tâm thế-đạo được đến như thế, thì hỏi như những món tiền trăm, bạc chục vứt qua cửa sổ, những thân gái sắc, giai tài vùi xuống hang đen có thể giúp cho nhân-loại ích-lợi đến những bực nào nhỉ ? Mà những món tiền trăm bạc chục, những thân gái sắc giai tài ấy lại là những vật không tầm-thường, là những vật hiếm có ở đời thì há ta chẳng có quyền coi là tầm-thường được cả ru ! Ấy từ đó mà đi, bao những mẩu phấn viết bảng thừa, tôi quý-hóa hơn là những hạt cơm vãi, tôi không dám quẳng vứt đi nữa, tôi kính để ở trong ô-rút. Tôi để như vậy là có ý đợi bao giờ được kha-khá sẽ gói vào miếng giấy đưa tặng ông học-trò có hiếu, hay là ông thầy giáo tiết-kiệm của tôi cũng được. Tôi vốn được xem sách thánh-nhân dạy rằng : « Học nhi thời tập chi . . » vì vậy tôi mới học được một bài hay của học-trò, tôi vội phải thường tập luôn luôn như thế cho khỏi quên.

Trước kia, tôi ngồi trên bàn giấy nhìn xuống năm chục

Et ce fut là, aussi, une petite leçon d'économie ! J'étais un peu prodigue auparavant et j'avais la mauvaise habitude, chaque fois que j'avais fini d'écrire au tableau, de jeter par la fenêtre, dans le jardin voisin, les petits morceaux de craie qui me paraissaient inutiles ; cette simple aventure me fit comprendre du même coup que bien des choses qui nous semblent inutilisables peuvent ne pas l'être pour d'autres que nous auxquels nous ne songeons pas et qui sauraient en tirer profit.

Qui donc aurait supposé qu'un menu morceau de craie jeté inconsidérément par la fenêtre aurait pu être l'occasion pour un fils de témoigner à sa mère la piété filiale, et permettre à une veuve d'augmenter de quelques sous le gain dont elle nourrit son enfant, de donner, enfin, à un maître un exemple fructueux en lui apprenant qu'il peut être parfois moins savant que ses élèves, et que le plus petit d'entre eux peut lui donner, un jour, une touchante leçon de piété filiale et d'économie ? Si un simple morceau de craie jeté dans le jardin, si cet objet qui semble le plus menu, le plus négligeable au monde, peut contenir en lui une telle puissance de développement moral, que doit-on penser des services immenses que pourraient rendre aux hommes les milliers, voire les millions de piastres qu'ils gaspillent follement par sotte vanité ou dans la débauche, et qui ne servent qu'à tuer moralement et même physiquement tant de malheureux jeunes gens ou jeunes filles, victimes de leur ignorance ou de leurs passions ? Ces fortunes et cette jeunesse ainsi gaspillées ne sont pas, tant s'en faut, choses méprisables : elles rendent, pourtant, moins de services à la société que ce pauvre petit morceau de craie ; nous leur donnons ainsi moins de valeur qu'à cet infime objet !.... Depuis ce jour, je me garde bien de jeter mes débris de craie : Je les range soigneusement dans le tiroir de mon bureau, pour les offrir ensuite à mon petit élève... ou, plutôt, à mon professeur d'économie pratique, observant ainsi ce précepte de nos anciens sages : « Mets toujours en pratique les enseignements que tu as reçus.»

Je considérais autrefois, du haut de mon bureau de professeur,

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

đầu trẻ thơ, tự coi mình là thầy giáo của năm chục tên bé con ấy, chớ như bây giờ thì không, tôi chẳng dám sấc với các hạng người hậu-sinh ấy nữa, tôi tuy ngồi trên bàn giấy mà chỉ tự thấy mình còn phải làm học trò của một vài ông học trò trẻ-trung nghiêm-khắc nọ thôi.

Tôi nhờ thằng bé con côi của người gái hóa mà nghiệm được một bài học lớn : bài học lớn ấy đã dạy cho tôi rằng tôi còn dột lắm, tôi còn cần phải học nhiều, tôi chưa đáng làm thầy ai cả, tôi chỉ biết tư-cách làm một người học trò của tất cả thế- ian nhân-loại thôi. Tôi bước chân ra đường cũng không tự coi là có một địa-vị quan-trọng trong xã-hội như là những khi trước : giả-sử như tôi có gặp một người nhà quê, một kẻ cu-ly chăng nữa, tôi cũng tự bảo tôi rằng biết đâu người này chẳng lại là một ông thầy dạy khôn-ngoan cho ta trong những các ông thầy khác của ta ! Tôi tự hỏi vậy, nên tôi tự thấy bé nhỏ vô-cùng và ngu-si vô-hạn, tôi chẳng biết rằ g : sống ít lâu nữa có đủ thời giờ để học biết cái bé-nhỏ và cái ngu-si của tôi đến đâu là cùng-hạn chăng ?

Than ôi ! tôi nghĩ đến điều ấy, tôi lại nhớ tới bốn câu đường-luật của tôi ngẫu-hứng thuở mấy năm trước, tiện đây chép lại, xin các đọc-giả lượng-thứ cho :

Học mãi mà sao chẳng biết gì !

Một ngày, một học, một ngu đi. . .

Con đường học-thức xa vô-hạn ;

Mà cái xuân-xanh chỉ có thì !

comme bien inférieurs à moi les cinquante élèves assis sur leur bancs. Il n'en est plus tout-à-fait de même aujourd'hui. Je comprends qu'ils sont l'espoir de demain pour notre pays, et que tel d'entre eux, que je regardais de bien haut peut avoir, sans qu'il le sache, à me donner aussi d'utiles leçons.

C'est ainsi que j'ai reçu du jeune fils de la pauvre veuve, une leçon d'humilité que je n'oublierai pas non plus. Je comprends mieux combien mon ignorance est grande, et comment, loin de me considérer en maître savant qui donne toujours des leçons, je ne suis, en vérité, qu'un modeste élève qui doit tout et toujours apprendre de la nature et des hommes. Je ne crois plus jouir d'une situation supérieure, et s'il m'arrive de croiser sur ma route quelque paysan ou coolie, je songe à part moi : « Qui sait si cet homme ne pourrait me donner aussi par aventure une utile leçon de sagesse ? » De telles réflexions me font mieux comprendre mon ignorance et ma faiblesse au point que je viens parfois à me demander si j'aurai assez de temps, jusqu'à l'heure de ma mort, pour parvenir à les corriger ? . . .

Et ces pensées évoquent à mon esprit quelques vers d'une poésie que je composai naguère et que je citerai, pour terminer, si l'on veut bien me pardonner d'avouer à mes lecteurs tel pêché de jeunesse :

« Il y a bien longtemps que j'étudie, et cependant, je ne sais pas grand ! chose...

« Plus j'approfondis mon étude, plus mon ignorance m'apparaît comme un abîme sans fond.

« La route vers le savoir s'allonge indéfiniment,

« Et pourtant, hélas, la jeunesse passe comme un matin. . . »

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

CHO KẺ NGHÈO

Trích bài « *Pour les Pauvres* »
của Victor Hugo
Đặng-Tích-Thiện dịch ra vận-văn

Cho kẻ nghèo ấy là cho giời vay.
V. H.

Xem trong bữa tiệc mùa đông,
Hỡi này vinh-phú các ông trên đời !
Các ông những chơi-bời hát-xướng,
Chung-quanh mình bóng nhoáng, gương trong ;
Pha-lê, lạp-chúc, chấn-song...
Chiếu ra muôn tía, ngàn hồng như hoa.
Khách vui-vẻ lộ ra ngoài mặt...

Bỗng chuông vàng réo-rắt tiếng kêu,
Làm cho cảnh-vật đổi chiều,
Tiệc vui nay lại hát-reo rộn-ràng....
Biết đâu ở đầu đàng cuối chợ,
Chẳng có người khổ-sở lầm-than,
Đến bên cửa kính, phòng lan,
Đứng trông hàng bóng khách-quan rỡn-cười.

Các ông nghĩ tới người chăng tá ?
Nghĩ tới người vất-vả ấy không ?
Giá sương thêm nỗi đói lòng,
Đứng ngoài than-thở ; «Giời không công-bình !
«Sao của-cải một mình người nọ,
«Bữa tiệc to, bạn họ quây-quần...
«Riêng mình họ đã sướng thân,
«Mà con họ lại đến gần mừng vui !

POUR LES PAUVRES

Extrait de « *Pour les pauvres* »
Par Victor Hugo
Traduit en vers annamites par Đang Tich-Thien

Qui donne au pauvre prête à Dieu.
V. H.

Dans vos fêtes d'hiver, riches, heureux du monde,
Quand le bal tournoyant de ses feux vous inonde,
Quand partout à l'entour de vos pas vous voyez
Briller et rayonner cristaux, miroirs, balustres,
Candélabres ardents, cercle étoilé des lustres,
Et la danse, et la joie au front des conviés ;

Tandis qu'un timbre d'or sonnant dans vos demeures
Vous change en joyeux chant la voix grave des heures,
Oh ! songez-vous parfois que, de faim dévoré,
Peut-être un indigent dans les carrefours sombres
S'arrête, et voit danser vos lumineuses ombres
Aux vitres du salon doré ?

Songez-vous qu'il est là sous le givre et la neige,
Ce père sans travail que la famine assiège ?
Et qu'il se dit tout bas : — Pour un seul que de biens !
A son large festin que d'amis se récrient !
Ce riche est bien heureux, ses enfants lui sourient,
Rien que dans leurs jouets que de pain pour les miens ! —

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

«Chỉ lấy những đồ chơi của họ,
«Cũng dư cơm nuôi đủ nhà mình !»

Thật là người đó nghĩ quanh,
Đem lầu gianh nát, đem manh chiếu tàn,
Đem tố-mẫu nắm khan ổ giạ,
Sắp li-trần vì giá mùa đông,
Đem con, đem vợ đói lòng,
Sánh cùng yến-tiệc các ông chơi bời....

Sao chẳng biết trên giời đã sẵn,
Đứng Hoá-công sếp-đặt việc đời :
Những người làm lụng hết hơi,
Tiệc vui nào có được mời đến đâu !
Người thế-tục khác nhau sướng khổ,
Luật trần-gian thật rõ bất-công :
Người thì *hưởng*, kẻ thì *trông*. , .

Làm như ngầm-giục tấm lòng bần-nan,
Như rượu mạnh bốc làn men trắng,
Như ớt cay phơi nắng nồng hơi.
Các ông đại-phú kia ơi !
Của thừa kia để cho người nghèo mong ;
Họ không cướp các ông của ấy,
Nhưng các ông nên lấy lòng nhân....

. . . . . .

Nên cho những kẻ quẫn-bần,
Cầu kinh, làm phúc phải gần nhau luôn.
Kìa ông lão mình run, bụng đói,
Trước thềm hoa quỳ gối lậy ông !
Kìa đàn con trẻ lạnh-lùng,
Nhặt cơm vung-vãi, đỡ lòng đói no !

Et puis à votre fête il compare en son âme
Son foyer où jamais ne rayonne une flamme,
Ses enfants affamés, et leur mère en lambeau,
Et, sur un peu de paille étendue et muette,
L'aïeule, que l'hiver, hélas ! a déjà faite
Assez froide pour le tombeau.

Car Dieu mit ces degrés aux fortunes humaines.
Les uns vont tout courbés sous le fardeau des peines ;
Au banquet du bonheur bien peu sont conviés ;
Tous n'y sont point assis également à l'aise,
Une loi, qui d'en bas semble injuste et mauvaise,
Dit aux uns : *Jouissez* ! aux autres ; *Enviez* !

Cette pensée est sombre, amère, inexorable,
Et fermente en silence au cœur du misérable.
Riche, heureux du jour, qu'endort la volupté,
Que ce ne soit pas lui qui des mains vous arrache
Tous ces biens superflus où son regard s'attache ;
Oh ! que ce soit la charité !

. . . . . .

Donnez, riche ! L'aumône est sœur de la prière.
Hélas ! Quand un vieillard, sur votre seuil de pierre,
Tout roidi par l'hiver, en vain tombe à genoux ;
Quand les petits enfants, les mains de froid rougies,
Ramassent sous vos pieds les miettes des orgies,
La face du Seigneur se détourne de vous.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Ông ví lại không cho bọn ấy,
Thì giời kia cũng dẫy ông thôi...

Các ông đại-phú kia ơi!
Ra tâm làm phúc cho người ta đi.
Để thần thánh phù-trì trẻ-mỏ,
Cho các ông được rõ đủ điều:
Giai anh-tuấn, gái mỹ-miều,
Nho tươi chĩu quả, thóc nhiều đầy sân;
Đêm đêm ngủ có thần giáng thế,
Đến hỏi-han như thể bạn-bè...

Của cho, nào của vứt đi!
Đến ngày lạc-quốc hồi-quy sẽ giầu.
Cho đi để cùng nhau chúng nói:
« Thật ông này rất đỗi thương ta... »
Kẻ nghèo gió thổi cắt da,
Thấy hơi rượu thịt đứng mà thở-than.
Ta phải biết sẻ-san cho họ,
Họ thấy ta giầu-có đỡ ghen.

Ta nên giúp kẻ nghèo hèn,
Để cho giời mến, giời đền, giời thương...,
Để cho kẻ bất-lương kính-sợ,
Nói đến ta ví tựa thần-tiên;
Để cho nhà cửa bình-yên,
Vợ con cháu chắt đoàn-viên vui-vầy;
Để cho tới cái ngày tắt-nghỉ,
Người ăn xin quyền-thế trên giời
Cầu cho ta sạch tội đời...

Université Côte d'Azur. Bibliothèques



H. V. N. T. N. đi du-quan xưởng LAMARCHE ngày 6-4-24. || Visite du F. E. A. aux établissements LAMARCHE le 6-4-24.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Donnez ! afin que Dieu, qui dote les familles,
Donne à vos fils la force, et la grâce à vos filles ;
Afin que votre vigne ait toujours un doux fruit ;
Afin qu'un blé plus mûr fasse plier vos granges ;
Afin d'être meilleurs ; afin de voir les anges
Passer dans vos rêves la nuit !

Donnez ! Il vient un jour où la terre nous laisse.
Vos aumônes là-haut vous font une richesse.
Donnez ! afin qu'on dise : Il a pitié de nous !
Afin que l'indigent que glacent les tempêtes,
Que le pauvre qui souffre à côté de vos fêtes,
Au seuil de vos palais fixe un œil moins jaloux.

Donnez ! pour être aimé du Dieu qui se fit homme,
Pour que le méchant même en s'inclinant vous nomme,
Pour que votre foyer soit calme et fraternel ;
Donnez ! afin qu'un jour, à votre heure dernière,
Contre tous vos péchés vous ayez la prière
D'un mendiant puissant au ciel.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

HAI CUỘC ĐI XEM MẤY NHÀ QUÝ-QUỐC CỦA BẢN-HỘI

HỘI-ĐỒNG TRỊ-SỰ soạn

Trong kỳ tam-nguyệt vừa qua, bản-hội cũng như mọi khi đã đi du-quan được nhiều nơi công-xưởng kỹ-nghệ, nhưng chỉ có hai nơi là riêng đáng kể đến vì rằng hai nơi ấy đã tỏ cho thiếu-niên biết những sự kết-quả hoàn-toàn của cái tài sáng-kiến, cái trí thông-minh, cái lòng quả-quyết của người Pháp. Hai nơi ấy tức là công-xưởng ông Lamarche và đồn-điền ông Borel.

Ngày mồng 6 avril trước, quan Đốc và ông Phó-hội-trưởng Vũ-tam-Tập đã đưa chừng năm mươi hội-viên đến số 84, đường Carreau tại Hanoi, thăm xưởng ông Lamarche, ấy là nơi mà ông đã đem hết kiên-tâm đảm-lực rất đáng ngợi-khen ra mà chế-tạo khoáng-chương cái kỹ-nghệ các thứ nhựa cây của ông đó.

Ông Georges Désiré LAMARCHE trước kia đã bỏ hết gia-tư ở bên Pháp, đầu hàng ra chốn trận-tiền đóng phó-quản bộ-binh. Ông bị thương rất nhiều và rất nặng, nhưng ông cũng không từ sang Bắc-kỳ ta để đem trí quan-sát, đem bụng siêng-năng, đem tài sáng-tạo mà thờ Đại-pháp cùng Đông-Pháp.

Ông nghiệm thấy rằng nhiều thứ cây bản-địa rất là rẻ giống và dễ mọc hầu như cỏ dại, thế mà người An-nam không biết lợi-dụng. Những cây ấy thường có nhiều chất nhựa, chất bổ dùng vào kỹ-nghệ được nhiều việc và sinh nhiều lợi. Trong những cây ấy, nay xin tạm kể: cây củ đất, cây này có một thứ thường giống làm cảnh ở Bắc-kỳ ta (1), củ cái, củ vấu, củ mài củ từ, củ cọc-giậu, củ nưa, khoai nghệ, khoai vàng, khoai trắng, khoai lim, khoai bắc và bột-hoàng-tinh. Cây hoàng-tinh thật là ích-lợi một cách đặc-biệt, vì rằng củ nó có chất bột trắng, bột ấy là một món ăn hảo-hạng cho trẻ

(1) Thứ củ đất dùng vào kỹ-nghệ được nhiều việc thì không có hoa, nhưng mà lá có một cái gân đỏ.

DEUX VISITES DU F. E. A. À DES FRANÇAIS

Par LE COMITÉ D'ADMINISTRATION

Au cours du trimestre précédent, le F. E. A. a fait, comme d'habitude, plusieurs excursions à des établissements industriels, dont deux méritent une mention toute spéciale, parce qu'elles ont bien montré à nos jeunes gens ce que peuvent être les résultats de la claire intelligence, de l'initiative, de la volonté et de la persévérance françaises. Nous voulons parler des visites à M. Lamarche et à M. Borel.

Le 6 avril dernier, une cinquantaine de membres du Foyer, ayant à leur tête notre Directeur et l'un de nos vice-présidents, M. Vu-tam Tâp, est allé visiter, au n° 84 du boulevard Carreau, à Hanoï, les établissements où M. Lamarche a créé et développé avec une remarquable et louable opiniâtreté son industrie des *gluco-gommes*.

M. Georges Désiré LAMARCHE, après avoir abandonné tous ses intérêts en France pour aller faire vaillamment la guerre en première ligne comme adjudant d'infanterie, après avoir été plusieurs fois et grièvement blessé, n'a pas hésité à venir au Tonkin pour y mettre au service de la France et de l'Indochine son activité et ses qualités d'esprit observateur et inventif.

Il a remarqué que plusieurs plantes indigènes dont la culture ne demande aucun soin et qui, selon l'expression habituelle, « poussent comme de la mauvaise herbe » généralement méprisées par l'Annamite qui ne sait pas les utiliser, contiennent des principes mucilagineux et nutritifs qui permettent d'en tirer le plus grand profit grâce aux nombreux emplois industriels qu'elles peuvent recevoir. Nous citerons seulement parmi ces nombreuses plantes : le balisier ou canna éludis, dit toulouma (củ đất) dont une autre variété fait l'ornement de nos jardins tonkinois (1), les dioscorea ou ignames de toutes variétés (củ cái, củ vấu

(1) La variété dont l'emploi industriel est intéressant est celle qui ne donne pas de fleurs, mais dont la feuille porte une nervure rouge.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

con, người ôm (đau ruột) và người già ; ở Bắc-kỳ này, mua bột hoàng-tinh vừa dễ vừa rẻ, thế mà rất nhiều người Pháp mất tiền mua bột hoàng-tinh Bermudes đắt như vàng là thứ bột ở ngoại-quốc đi qua nước Pháp rồi mới tới đây. Thấy sự như thế khỏi sao chẳng đem tâm ái-ngại được ! Nhờ ông Lamarche cổ-vũ nên nghề giồng bột hoàng-tinh mở-mang kịch-liệt lắm, thật là một mối lợi rất lớn cho Đông-Pháp sau này. Vả chăng, nhỡ khi mất mùa, bột hoàng-tinh lại ăn trừ cơm rất tốt ; như thế, vừa khỏi đói kém, vừa làm giầu cho dân-sự, vừa giồng-giọt được các chỗ hoang-điền không thể cấy lúa được, như đồi, đất cát, vân vân, bấy nhiêu mối lợi toàn là kết-quả của sự mở-mang nghề giồng hoàng-tinh là một nghề không phải chăm bón gì mà cũng không cần có tài riêng gì cả (1). Rồng-rã trong bốn năm giời nay, ông Lamarche phân-phát biết bao nhiêu là củ hoàng-tinh cho mọi người ra tâm giồng-giọt ; ông lại nhận mua của dân-quê rất lắm, dân-quê cứ bình-thường cung-cấp cho ông. Xem thế biết rằng nay có sức cổ-động cho toàn-dân biết sự thiết-yếu của nghề giồng hoàng-tinh không những là giúp việc ông Lamarche mà thôi, nhưng nhất là làm lợi cho Đông-Pháp ta vậy.

Cây củ đất giồng cũng dễ như thế mà có thể giồng được suốt năm. Cây này cũng nhiều chất bổ thay được hoàng-tinh ngoài những ngày mùa hoàng-tinh (từ tháng chạp đến tháng hai tây). Củ đất rất dễ mọc ở các nơi đất xấu và sinh-sản chóng lắm.

Ta đã nói đến củ cải, khoai lang, nhưng ta nên kể thêm sắn, vì sắn là chất bổ-ích đã cố-nhiên từ xưa kia rồi.

Những chất nhựa lấy ở các cây ấy và nhiều cây khác ra, thí-dụ

(1) Nhờ ông Lamarche cổ-động mà trong một tỉnh Sơn-tây, năm 1919 sản được 5 tấn, đến vụ gặt này đã lên tới 400 tấn rồi.

củ mái, củ từ, cu cọc-giậu. củ nưa), les patates (ipomea Batatas) (khoai nghệ, vàng, trắng, lim, bắc ; xá, môn, etc) et le maranta arundinacea plus connu sous le nom d'arrow-root (hoàng-tinh). Cette dernière plante présente un intérêt tout particulier, parce que son tubercule fournit aussi une farine blanche qui est un aliment de choix pour les enfants, les malades (entérite) et les gens âgés ; il est lamentable de voir les Français du Tonkin payer au poids de l'or de l'arrow-root des Bermudes, venant de l'étranger après être passé par la France, alors qu'il est si facile d'en avoir sur place d'excellent à très bas prix. Le développement intensif de la culture de l'arrow-root préconisé par M. Lamarche serait une source de richesses considérables pour l'Indochine. De plus, dans le cas où la récolte de riz serait déficiente, cette plante fournirait un excellent aliment de remplacement: suppression des disettes, enrichissement considérable des habitants, mise en valeur d'immenses étendues incultes, impropres à la culture du riz (mamelons, terrains sablonneux, etc), tels seraient les résultats du développement de cette culture très facile et qui ne demande aucun soin, aucune connaissance spéciale (1), Monsieur Lamarche a distribué gratuitement depuis quatre ans des quantités importantes de tubercules d'arrow-root, comme plants, pour encourager cette culture ; il assure l'achat des récoltes aux paysans annamites qui consentent à s'y adonner régulièrement ; c'est donc un service à rendre non seulement à M. Lamarche, mais surtout à l'Indochine, que de faire connaître le plus possible la nécessité de développer cette culture.

Le cana toulouma ou éludis, dont la culture est non moins facile et qui peut se récolter à toute époque de l'année donne aussi des produits qui remplacent utilement ceux de l'arrow-root en dehors des saisons de récolte de celui-ci (décembre à février) ; il croît facilement dans les plus mauvais terrains, et se multiplie rapidement.

Nous avons cité aussi les igname et les patates auxquels il faut ajouter le manioc dont l'utilité est connue de longue date.

Les mucilages et les gommes extraits de ces plantes et de

(1) La production de la province de Son-tây qui était de 5 tonnes environ en 1919 est passé à 400 tonnes à la dernière récolte sous l'impulsion de M. Lamarche.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

như cây mỏ-nhát thì dùng được nhiều việc ích-lợi lắm. Nhựa ấy giúp được một việc mà xưa nay ở Đông-Pháp chưa ai tìm nghĩ ra, là đóng những mẩy than đá vụn thành những miếng than đá lớn. Than này đốt sinh nhiều khí nóng, mà các kỹ-nghệ ở đây dùng đến rất nhiều. Nhựa ấy lại còn chế thành được một chất gọi là «gluco-gomme». Ông Lamarche dùng chất này bồi vải làm thứ vải kính vẽ hình rất nhã và rất tiện-dụng ở cái thời-tiết xứ ta. Chất ấy còn dùng làm cốt cho các thứ thuốc sơn mạnh và rẻ tiền, vân vân.. Sau còn những chất thừa cũng là ích-lợi lắm : như sơ thì dùng làm giấy bọc và giấy lót đệm, lót khung, bã thì nuôi trâu bò, gà lợn, vân vân....

Nhưng muốn có được cái chất ấy thì trước hết phải làm nhiều việc như là giã, là rửa, là phơi, v. v. Ông Lamarche đã tự-ý chế ra được một bộ đồ dùng riêng để làm các công việc ấy, thành-thử nhanh-chóng lợi-lãi gấp hai mươi lần hơn là khi còn làm bằng thủ-công trong lúc sơ-đầu. Thật là ông có cái tài tỷ-mỷ sáng-chế và cái lòng quả-quyết nhất-định rất đáng ngợi-khen. Các máy của ông đã không phải tốn-kém gì mà chế-tạo ở đây như thế, thiếu-niên bản-hội được xem kỹ-càng đều lấy làm mãn-nguyện lắm.

Kỹ-nghệ các chất nhựa cây của ông Lamarche sở-dĩ mở-mang như vậy là nhờ có tấm lòng quả-quyết nhiệt-thành, siêng-năng kiên-cố, dẫu những sự khó-khăn trồng-trất đến đâu cũng không cản-trở được. Kỹ-nghệ này hiện đang phát-đạt tiến tới, người An-nam ta cần phải biết đến vì nhờ nó ta mới rõ rằng nước ta có thể khai-hóa các sản-vật — mà ta không biết — được giàu-mạnh đến nhường nào !.. Cái lịch-sự sáng-tạo ra kỹ-nghệ của ông Lamarche này thực là một cái gương tài-tình quả-quyết đáng giục lòng cho bạn thiếu-niên ta...,

* * *

Ngày mồng 4 Mai trước, quan Đốc, ông giáo Tài, chánh-hội-trưởng, ông Vũ-tam-Tập, phó-hội-trưởng cùng với ngoại trăm hội-viên đã đi xem đồn-điền ông Marius Borel ở chân núi Ba-

divers arbres à gommes (cây mỏ-nhát, par exemple) reçoivent de nombreuses et importantes applications. Ils apportent la solution, vainement cherchée jusqu'à ce jour en Indochine, de la fabrication de briquettes en agglomérés de poussiers de charbon, combustibles pratiques et d'un fort rendement dont les débouchés industriels sont importants ici. Ils permettent la fabrication de gluco-gommes avec lesquels M. Lamarche enduit des toiles qu'il transforme en vitraux transparents peints du plus bel effet décoratif et qui rendent les meilleurs services dans nos climats. Ils servent de base à des peintures résistantes et de prix peu élevé, etc, etc. . . . Enfin, les sous-produits sont fort utiles : fibres pour les emballages et les matelassures, tourteaux pour la nourriture du bétail, etc. . .

La préparation de ces produits nécessite des opérations successives de broyage, lavage, séchage, etc... pour lesquelles M. Lamarche a créé par ses seuls moyens tout un usinage spécial qui représente un bel effort d'ingéniosité et de volonté et dont le rendement est vingt fois supérieur à celui des opérations manuelles du début. Les jeunes gens de notre société ont été particulièrement intéressés par la visite détaillée de ces machines créées sur place avec des ressources très limitées.

L'industrie des gluco-gommes de M. Lamarche n'a pu se développer que grâce à une volonté opiniâtre et à un labeur persévérant qu'aucune difficulté — et elles ont été multiples — n'a pu abattre. Elle est maintenant en plein essor et doit être connue des Annamites à qui elle montre combien la prospérité de leur pays peut être accrue par l'exploitation de richesses qu'ils ignorent ; l'histoire de la création de cette industrie par M. Lamarche est un exemple d'ingéniosité et de volonté qui doit être fécond pour nous.

* * *

Le 4 mai, cent-vingt membres du Foyer, avec notre Directeur, notre président, M. le professeur Tài, et un de nos deux vice-présidents, M. Vũ-Tam-Tâp sont allés visiter la concession de M.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

vì. Ông trưởng-hội rất tận-tâm của ta đã nhờ hảo-tâm của hai ông chủ xe vận-tải là ông Loupy và ông Mỹ-Xuyên mà thuê được giá rẻ hai chiếc ô-tô kiểu lớn. Cuộc hành-trình hôm đó thật là gặp lắm sự chẳng ngờ : một cái xe bò đỗ ngay ở khuỷu đường suýt nữa làm cho chiếc ô-tô lớn nhất lật nghiêng xuống hố. Ấy cũng nhờ có tất cả mọi người trên xe hợp sức với nhau, lại có quan Đốc ra hiệu-lệnh. . . nhà binh... mà ô-tô sau mới thoát qua được bước nguy-hiểm đó. . . Thật là cái gương sáng-lạn một sự đoàn-thể là căn-bản hội ta, thật là một việc thực-hành đích-đáng câu châm-ngôn : « Đoàn-thể là thế-lực ! »... Mãi đến gần trưa, giời nóng như đốt, chúng tôi mới tới thửa nhà chính của ông Borel ở chân núi Ba-vì . . . Sau khi vượt qua một nơi hoang-địa hầu như xa-mạc mà đến một chốn lâu-đài lịch-sự nguy-nga, lớn-lao rộng-rãi thì khỏi sao lại không lấy làm ngạc-nhiên được.

Khi chúng tôi ăn uống nghỉ-ngơi một lát rồi thì ông Borel đưa chúng tôi đi xem, chúng tôi được mục-kích hết sự kỳ-diệu này đến điều mới-lạ khác. Những chuồng trâu bò có hàng 2.000 con vật, rất là chắc-chắn và giữ-gìn sạch-sẽ lắm. Đâu đâu cũng sạch-sẽ đặc-biệt như thế, là vì có những cống nước to chảy đi mọi nơi và nhất là vì những quân hầu, đầy tớ tự biết lúc nào cũng có... con mắt ông chủ xem xét đến luôn... (ông chủ mà không chịu để mắt đến thì muôn việc đều hư)... Chúng tôi được thấy những giống bò, giống dê, giống cừu rất lạ ở Âu-tây và ở Ấn-độ. Những giống này lai với các giống vật của ta thì lại tốt hơn chính giống tại Đông-Pháp nhiều. Trong một trăm rưỡi con vật Ấn-độ gửi tầu về, duy còn sáu mươi con sống sót. Khi ta nghĩ đến sự đó ta sẽ hiểu rằng ông Borel đã phải kiên-tâm đến thế nào mới đạt được kết-quả như trên kia đã nói ?...

Từng đàn cừu lớn mỗi năm gọt được rất nhiều lông chiên và bán được rất nhiều thịt ăn. Giống cừu vốn không sống được ở thời-tiết xứ ta, thế mà ông Borel nuôi được, là vì ông lấy các giống lai rất khéo và suốt mùa hè ông nhốt cừu luôn ở trong chuồng.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques



H. V. N. T. N. đi du-quan đồn-điền Borel ngày 4-5-24. || Visite du F. E. A. à la concession Borel le 4-5-24.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Marius Borel au pied du mont Bavi. Deux gros camions automobiles avaient été loués par notre dévoué Président, à des prix particulièrement avantageux dus à l'amabilité des entrepreneurs de transport, MM. Loupy et My-Xuyên. Le voyage fut fertile en incidents : une charrette arrêtée à un tournant de la route faillit faire verser le plus gros camion dans le fossé ! Il fallut rien moins que les efforts réunis de tous ses occupants, coordonnés par le commandement... tout militaire ! de notre cher Directeur pour sortir la lourde voiture de ce mauvais pas ! ... Ce fut un bel exemple vécu du grand principe de solidarité qui est à la base même de notre association, une frappante application de la maxime : «L'union fait la force ! ... » ... Il était près de midi lorsque nous parvînmes enfin, par une chaleur accablante, à l'habitation principale qui s'élève au pied du Bavi... On est tout surpris, après avoir parcouru ces régions incultes et presque désertes, de se trouver en face ce bel édifice, robuste et élégant, confortable et spacieux.....

Après un repas sommaire et un repos bien gagné, la visite commença sous la direction de M. Borel, et nous allâmes d'émerveillement en émerveillement. D'immenses étables, solidement construites, contenant plus de 2 000 têtes de bétail, sont admirablement entretenues. Partout règne la plus extrême propreté, grâce à une abondante distribution d'eau qui a demandé des installations fort importantes, mais aussi et surtout à un personnel domestique qui se sait à tout instant surveillé par cet... «œil du maître » sans lequel il ne se fait rien de bon.... Nous remarquons de curieuses variétés de vaches, taureaux, chèvres, boucs, moutons et génisses européens et indiens qui, par croisements avec les variétés indochinoises ont donné des produits admirables, très supérieurs aux nôtres. Quelle persévérance n'a-t-il pas fallu, encore, pour obtenir de tels résultats lorsqu'on songe que sur tels envois de cent cinquante têtes de bétail indiens, soixante individus seulement survivaient à la traversée ! ...

De grands troupeaux de moutons sont à l'étable, fournissant chaque année d'importantes récoltes de laine et une excellente viande de boucherie. Il était bien entendu que cet animal ne pouvait s'acclimater dans nos pays ; et pourtant M. Borel y a parfaitement réussi, tant par des croisements savants que par une stabulation continue pendant tout l'été.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Chúng tôi lại rất ngợi-khen những chuồng lợn — có một vài con rất lớn — sạch-sẽ quá làm cho sai nghĩa cả câu phương-ngôn « bẩn như lợn ». Ở đấy có nhiều bể nước xây bằng si-măng cho lợn tắm rửa hàng ngày, chắc lợn cũng không thấy đâu hơn thế nữa ... Ôi, thế mới biết sự ích-lợi của phép vệ-sinh ! . Lắm người nhà quê khổn-nạn ở Tầu... và ở mọi nơi không biết một tí vệ-sinh cần-yếu nào mà nếu được một chốn ở hay hay như nhà các ông ỷ tại đây thì chắc cũng vui lòng mà lìa bỏ nơi lều gianh túp cỏ của mình. Ta nói câu ấy tưởng cũng chẳng mất lòng ai vậy.

Phân ở các chuồng trâu bò, cừu lợn thì dùng bón cà-phê là thứ cây mà chúng tôi xem cuối cùng đây. Thật là một quang-cảnh rất ngoạn-mục! Trong những khoảng đất bao-la mới độ nào là rừng-rậm mà bây giờ từng giẫy cà-phê cao lớn xanh tươi tốt đẹp trông mòn con mắt vẫn không thấy hết, thấy cùng ; mỗi gốc cà-phê thật là đã mất nhiều công giồng giọt, nào là bón phân, nào là tháo nước, nào là gọt cây, v. v .., nếu đem tả hết ra đây thì e dài quá.... Trong ruộng cà-phê có nhiều đường rộng, những xe tải nặng tha-hồ tới lui... Người ta được trông cái quang-cảnh trật-tự và thịnh-vượng lớn-lao của sự giồng cà-phê ở chân núi Ba-vì mà ảnh-tượng ngoạn-mục như in trên bức tranh ấy thì thế-tất phải lấy làm ngạc-nhiên cảm-động. Này hỡi các vị hung-thần mà thiên-hạ xưa nay đồn rằng núi Ba-vì gớm-ghê kia rất lắm, có phải các ngươi chỉ là sự Tin nhảm và sự Ngu-dốt đó không ? Đến ngày mà dân-trí ta nhờ cái thiên-tài Đại-Pháp sửa-sang chỉ-dẫn để tranh-đấu với các ngươi thì ta quyết rằng các ngươi sẽ thua to mất !

Một người Pháp dã chỉ vì có nghị-lực không ai cản-trở được mà gây nên ở quanh mình một cái « thế-gian » như thế thì tưởng không còn cái gương nào tốt-đẹp cho thiếu-niên Việt-nam ta bằng ! Nào là thời-tiết khó ở, nào là chứng-bịnh chuyền-nhiễm, nào là gió bão, nào là sự giao-thông với bên Thượng-quốc rất đỗi chậm-chạp, nào là trăm nghìn nông-nỗi khó-khăn về việc tổ-chức ở trong một xứ-xở mà nhân-công phần nhiều cần phải kiên-tâm sửa-sang cả lại như xứ-sở ta này, thế mà không một sự gì ngăn-trở được công-việc gắng-gỏi rất đáng ngợi-khen của ông Borel khổng-lồ vui tính

Admiré aussi les porcheries dont les locataires – quelques-uns de taille colossale ! – sont d'une propreté remarquable qui fait mentir l'injuste dicto ; de grands bacs en ciment permettent de donner, à ces messieurs, un bain quotidien dont ils se trouvent on ne peut mieux. . . . Oh ! bienfaits de l'hygiène ! Soit dit sans froisser personne, beaucoup de paysans de Chine. . . . . et d'ailleurs . . qui ignorent, hélas, trop complètement cette science indispensable, seraient trop heureux de quitter leur tandis pour une demeure aussi agréable que celle de ces « habillés de soie » !

Le fumier des étables est indispensable à la fumure des plantations de caféier que nous visitons pour terminer. Quel merveilleux spectacle ! sur d'immenses espaces hier encore envahis par la brousse s'allongent à perte de vue les alignements de superbes pied de caféier dont chacun est l'objet de soins minutieux (fumure, irrigation, taille, etc. ..) qu'il serait trop long de décrire ici. De larges routes permettant la circulation des plus lourds charrois sillonnent la plantation. . . On se sent vraiment ému d'admiration à la vue du spectacle d'ordre grandiose et de prospérité que donne cette plantation modèle au pied du mont légendaire dont la silhouette forme un fond magnifique à ce tableau. . . Oh, génies malfaisants dont la tradition populaire a peuplé de tous temps ce Bavi redouté n'auriez-vous pas simplement pour noms Superstition et Ignorance, et ne voyons-nous pas que vous serez vaincus le jour où l'intelligence annamite sera organisée et guidée dans ce bon combat par le clair génie français ?

Quel plus bel exemple aurait pu recevoir notre jeunesse annamite que celui de ce Français qui, par la seule force d'une volonté que rien n'a jamais pu altérer, a su créer, autour de lui, un monde comme celui là ! Ni la dureté du climat, ni les épidémies ou épizooties, ni les typhons, ni les lenteurs de communication avec la métropole, ni les mille difficultés d'organisation dans un pays où la main-d'œuvre est, pour certains travaux, à former complètement au prix d'une longue patience, rien n'a pu arrêter dans son effort admirable ce bon géant souriant qui, dehors et en route du lever au coucher du soleil, a su apprendre notre

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

ấy! Ông đã học giỏi tiếng ta, khi ông ra ngoài, đi đường, từ sớm hôm đến chiều tối, ông lại đã khiến được đồng-bang ta tuân-phục kính-yêu và đã gây nên quanh mình ông một cái gia-đình có tộc-trưởng cũng sinh nở ra nhiều mầm-nhánh tận-tâm phụng-thờ mẫu-quốc! Lúc ông đưa cho khách xem bức ảnh mấy đứa con ông vừa mới hôm qua cùng chung ấm-lạnh với ông ở đây, rồi đến bức ảnh tiểu-thôn Hautes-Alpes bám bên sườn núi đầy tuyết là làng mà ông lúc nào cũng để tâm đến, thì cái dáng-điệu của ông rất là dản-dị bình-thường, khiến cho người ta cảm-động, tình khôn xiết kể.

Chúng tôi biết rằng nhiều người thiếu-niên ta đem tâm nghĩ-ngợi về cuộc du-quan này lắm... Thiếu-niên được trông thấy ông Khổng-lồ vui tính đã tiếp-đãi ta tử-tế ấy thì chắc cũng vỡ nghĩa câu phương-ngôn mà các quan giáo tây thường nhắc bảo ta: « Thân có mạnh-mẽ, hồn mới tráng-kiện ». Bây giờ không phải là cái thời-kỳ mà thiếu-niên ta lấy một nhà nho-sĩ ẻo-lả, đến nỗi gió đổ, tay nắm khư-khư một cây ô lớn hơn mình làm một người khuôn-mẫu cho nhân-loại nữa! Cái thời-kỳ ấy đã xa-xôi lắm rồi... Nay ta phải giưỡng sức cho khỏe, luyện trí cho tinh, giữ lòng cho sạch mà ra công sinh lợi... Đó là bài học mà nước Pháp vẫn thường dạy bảo ta, còn như cái gương của người dân Pháp kia đã tiếp-đãi ta rất là tử-tế thì đời đời ta xin ghi lòng tạc dạ...

Université Côte d'Azur. Bibliothèques



H. V. N. T. N. đi du-quan đồn-điền Borel ngày 4-5-24. || Visite du F. E. A. à la concession Borel le 4-5-24.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

langue, se faire respecter et aimer de nos compatriotes, et élever autour de lui une vraie famille patriarcale qui fera souche, elle aussi, de vaillants pionniers pour sa patrie ! . . . Et combien il est émouvant dans sa simplicité le geste de cet homme qui montre fièrement à son hôte, après la photographie de ses nombreux enfants et de ses parents qui, hier encore, partageaient ici ses peines et ses espoirs, celle du petit village des Hautes-Alpes, accroché tout là-bas au flanc des montagnes neigeuses et où, toujours, son cœur est resté ! .

Beaucoup de nos jeunes gens, nous le savons, ont mûrement réfléchi à la suite de cette visite... La vue du bon géant souriant qui les avait si bien reçus leur a fait comprendre la vérité de l'adage que leur répètent souvent leurs professeurs français : « Mens sana in corpore sano ». . . Il est bien loin déjà pour eux le temps où le type idéal d'humanité était à leurs yeux le lettré malingre tout prêt à choir au moindre souffle du vent et étreignant dans sa dextre un parapluie plus gros que lui-même ; . Fortifions nos corps, cultivons nos esprits et élevons nos âmes en vue de l'effort fructueux ; . . . Telle est la leçon continuelle que nous donne la France — et dont l'exemple que nous avons reçu du vrai Français qui nous fit si bon accueil restera gravé dans notre souvenir.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

LÝ THỊ VỌNG PHU

Bài ca của cô-nhàn

NGUYỄN ỨNG dịch pháp văn

(Bài nối và hết)

Cơ biến-hoá nói sao cho hết,
Truyện gia-tình, kể xiết ai-bi,..
Chẳng qua phận bạc kể chi !

Thôi thời cam chịu nữ-nhi phận hèn.
Trong một lò lửa chen mấy bếp,

Gạo một nồi tẻ nếp lẫn sao !
Thiếp nay đã nguyện thiên-tào,
Bể giâu ví đổi, má đào khôn buông.

Khúc ruột tằm đã vương tơ nhện,

Thân Lý này gửi Nguyễn danh-gia.

Dám đâu nhìn mặt sao a,
Theo lòng vàng đá mà hoa vội cười.

Vả lang-quân là người Hà-quận,
Cùng thiếp giầy Thiên-bản hương-thôn,
Hương-thôn chịu một thân buồn,
Hà-thành chàng tỏ nguồn-cơn chăng là ?
Bởi nhớ chồng mày hoa ủ-dột,

Vị thương chàng trăm hột châu rơi ;
Châu rơi ai tỏ chăng ai ?

PENSEES DE SOLITUDE DE LY-THI

Ancien poème annamite anonyme

Traduction par NGUYỄN-ỨNG

(suite et fin)

Ah ! Qui décrira jamais le malheur dont je suis accablée ?
C'est sur une trame de douleurs que mon existence est tissée.
Oh ! destin fatal qui me laisse aujourd'hui sans espoir et sans pensée,
Accablée sous le faix du chagrin, auquel je veux me résigner.
Est-il plusieurs compartiments dans le four où couve la chaleur ?
Au riz pur doit-on mêler une autre céréale ?...
J'ai fait serment à la face du Ciel
Que ce cœur ne se donnera pas deux fois, quand l'univers entier serait bouleversé !...
De même que le ver-à-soie est fixé au cocon par le fil ténu, du plus intime de son être.
De même le corps de Lý-Thị est uni à la famille de Nguyễn-Gia,
Oserais-je encore regarder dans les yeux mon mari,
Si mon cœur ne demeurait immuable comme l'or ou le granit
Les fleurs mêmes se détourneraient de moi?
Mais son pays natal est Hà-Quận
Tandis que le mien est Thiên-Bản, le petit pays perdu,
Où je pleure d'ennui et de tristesse.
Le soupçonne-t-il seulement, tandis qu'il est à Hà-Thành ?
Ma pensée douloureuse ne le quitte pas, et mon visage, comme ma jeunesse, se flétrit.
Et sur notre séparation, je pleure amèrement...
Ces larmes amères, les connaît-il ?

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Mày hoa ủ-dột, tuyết phai ai tường ?

Tưởng thoa thiếp, thiếp càng thêm tủi,

Đoái thư chàng, chàng lại thấy không.
Nhớ chàng hoa chẳng muốn trông,

Xạ thì bỏ hả, hương xông bỏ tàn.
Thiếp nhớ chàng như loan nhớ phượng,

Vợ nhớ chồng như nhạn nhớ ô.

Thiếp chàng xa cách sông đò,
Nhạn ô xa-cách mấy gò non cao.

Thiếp trông chàng, chàng nào có thấy.

Nhạn trông ô, ô lại vắng tanh.

Vắng tanh trông những cỏ xanh,
Cỏ xanh cao ngất bên mành phù-tang.
Ngán đến cảnh hồng-nhan bạc-phận,
Nghĩ thân này oán-hận giời xanh:
Giời xanh nỡ phụ tơ-mành,
Ao xanh nỡ phụ khách tình cho đang!

Nếu thiếp kẻ bộc-tang giăng-gió,

Ở bạc-tình giống vợ Kim-Nham ;
Phụ công ở dạ bắc nam,

Thì giời phụ thiếp, thiếp cam với giời.
Nếu thiếp phải là người du-đãng,

Et cette jeunesse, et ce visage flétri, et ces secrets de mon [cœur, les soupçonne-t-il seulement ?...
Mon chagrin redouble à la pensée de cette épingle d'or qu'il [m'offrit,
Et la vue de sa lettre augmente ma peine de le savoir si loin.
Abîmée dans sa pensée, les fleurs ont à mes yeux perdu leur [beauté,
Et mes parfums favoris sont pour moi comme l'eau du ruisseau.
Mon désir s'envole vers lui comme l'oiseau "loan" vers l'oiseau [" phượng "
Pauvre femme, ma pensée reste attachée à lui comme celle [de l'hirondelle au point où son nid est fixé...
Je suis séparée de lui par des fleuves nombreux,
Comme l'hirondelle est, à l'automne, séparée par les mon- [tagnes du nid qu'elle avait bâti au printemps.
Et les pieuses méditations dont mon mari est l'objet, il les [ignore probablement
Et pourtant l'hirondelle songe à son nid... Ce pauvre nid, [aujourd'hui désert,
Caché dans un coin touffu de la verdure sans fin.
Dans ce monde éphémère et changeant.
Hélas ! vouée à cet ingrat destin,
Je ne sais qu'élever ma plainte vers le créateur,
Qui semble m'avoir abandonnée !...
Le beau garçon à la tunique de soie verte a pourtant délaissé [celle qu'il aimait..
Que ne suis-je donc comme celles qui vont se perdre dans les champs de mûriers, ouvrant leur cœur aux rayons de la [lune, aux murmures du vent,
Infidèle comme l'épouse de Kim-Nham.
Qui trahit son serment, j'écouterais les sollicitations de droite [et de gauche. .
Mais je préférerais que le Ciel me fît périr sur place !
Si je devenais une femme indigne,

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Hẳn chẳng còn đứng quán Thu-phong;

Thu-phong đứng vậy mà trông,
Trông chồng đến rũ mà không thấy gì!
Chàng biệt thiếp, long qui Bắc-hải,
Thiếp giã chàng, hổ lại Nam-sơn.
Chàng thì theo việc Vương-tôn,
Thiếp thì cung-cấm khuê-môn đêm ngày.
Ước Trác-thị thiếp nay phải giữ,
Thề Vĩ-sinh chàng chớ có quên!

Lòng trinh thiếp phải giữ nguyền,
Dạ thành chàng ở có bền được chăng?
Hay bắt chước theo chàng Thiện-sĩ,
Lại học đòi thiển-trí Trương-sinh;
Trương-sinh, Thiện-sĩ vô-minh,
Để đau-đớn kẻ lòng trinh má hồng.

Khiến Vũ-thị gieo sông oan-thác,

Thị-Kính thì tràng hạt cà-xa.
Buồn thì nói vậy cho qua,

Áo may chẳng biết hàng ta, hàng tầu?

Quả cau non xem mầu hạt biết,

Người có nghì xem nét mặt hay.

Phu-quân thiếp thực người ngay,
Có đâu ở dạ nước-mây thế-thường,

Je ne pourrais plus me tenir, la tête haute dans cette tour du vent d'automne,
Où je l'attendrai dans l'angoisse,
Jusqu'au jour où mon âme meurtrie succombera sous le chagrin.
Tel le Dragon s'éloignant vers le nord,
Mon mari est parti pour aller servir le roi.
Je lui ai dit adieu et suis restée seule comme le tigre légendaire au Mont du Sud,
Je demeure fidèle au serment de Trác-thị,
Espérant que, de son côté, il n'oubliera pas les promesses de Vĩ-sinh.
Je lui renouvelle chaque jour mon serment de fidélité.
Mais, lui, sait-il me garder la fidélité de son cœur?
Ou bien a-t-il déjà suivi les traces de Thiện-sĩ,
A-t-il imité le cœur volage de Trương-sinh?
Oh, Trương-sinh et Thiện-sĩ, cœurs sans loyauté,
Combien de joues roses ont été, pour vous, baignées de larmes, combien de pauvres cœurs ont été meurtris!
Vũ-thị, l'épouse de Trương-sinh, a dû chercher la mort dans le fleuve impétueux,
Thị-Kính, l'épouse de Thiện-sĩ, a dû prendre la robe et le chapelet de bonzesse.
Abîmée de douleur, j'exhale ma plainte dans ce gémissement,
Et pourtant je dois savoir de quel tissus précieux est faite cette robe que j'ai revêtue:
Comme on connaît la qualité de la noix d'arec par la couleur de son noyau,
On connaît aussi les qualités du cœur de celui que l'on aime par les traits de sa physionomie.
A la vérité, je connais la vertu de mon mari,
Les cœurs vulgaires se comportent à la façon de la vapeur qui s'éloigne bien vite de l'eau dont elle s'est séparée: il n'est pas de ceux-là.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

May gặp đứng hiền-lương quý-khách,

Lại phải điều quế-bích vô-duyên.

Hữu-duyên ấy thực là tiên,
Vô-duyên ấy thực là viên bạch-hầu.
Nàng Vọng-phu chịu đau thuở trước,

Thân Lý này nối gót theo sau;

Theo sau chịu lấy khúc sầu,
Sầu này thảm nọ khác nhau vẻ gì?
Ấy chẳng qua cũng vì số-phận,
Khiến duyên này lận-đận dở-dang.
Ân-lang! anh hỡi Ân-lang!
Xa-xôi biết thiếp đoạn-tràng này chăng?
Nghe tiếng dế thương chàng đồng-vọng,

Đoái ngọn đèn nhớ bóng dung-quang.

Dung-quang chàng tựa Phan-lang,

Làm cho thiếp nhớ muôn vàn thảm thay!
Ước gì có khăn giây quá hải,
Hỏi Phật-Bà duyên bởi vì đâu?
Xui nên thiếp lỡ gieo cầu,
Gần nhau phút đã xa nhau tức thì!

Kẻ bắc-thành, người về Nam-quận,

Kẻ kinh-thành người chốn thôn-hương.
Thôn-hương thiếp chịu vỡ-vàng,
Kinh-thành chàng có khỏe-khoang như thường?

Le sort m'a privilégiée lorsqu'il m'a fait rencontrer ce cœur
[noble, ce caractère droit,
Mais combien il m'a disgraciée lorsqu'il m'a réduite à la so-
[litude dans cette chambre!
Avec l'amour de mon mari, j'étais une fée bienheureuse,
Privée de lui, je ne suis plus qu'un pauvre petit singe blanc...
O, Vọng-phu, ma sœur des temps lointains, combien tu as
[souffert!
Mais la pauvre Lý-thị, aujourd'hui, ne souffre pas moins que
[toi!...
Elle pleure, comme toi, sur un malheur égal,
Et nos deux douleurs sont sœurs l'une de l'autre.
Comment peut-on souffrir ainsi, abandonnée au cruel destin?

Mon aimé, ô mon bien-aimé,
Connais-tu bien, de loin, toute l'amertume de ma douleur?
Dans le concert strident des grillons je crois percevoir la
[douce voix de mon bien-aimé,
Et dans l'ombre où se joue la faible lumière de ma lampe
[du soir, je crois reconnaître ses traits,
Le portrait où il se dresse, tel Phan-Lang, dans sa mâle
[beauté.
Etreint douloureusement mon cœur d'un souvenir plus proche.
Que ne suis je donc en possession du ruban magique qui peut
[nous emporter au delà des mers!
J'irais interroger Phật-Bà sur les causes de ce destin funeste
Qui voulut qu'à peine unis nous fussions si cruellement sé-
[parés!
Mon mari est à la capitale du Nord, et je suis à la province
[du Sud,
L'un en pleine ville, l'autre perdue dans la campagne...
Et dans cette campagne je dépéris de tristesse et d'ennui.
Et lui, à la ville, sa santé n'est-elle pas altérée?

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Hay nhớ thiếp tư-lương lỗi ước,
Lại hững-hờ việc nước không chuyên ;
Hoá ra thiểu-não đôi bên,

Kẻ thương bạn cũ, người phiền tình xưa.
Chàng nhớ thiếp lai thư hỏi-thám,
Thiếp-nhớ chàng gửi nhắn thôn-nhân.

Thơ kia đã thấu tình-quân,
Nhời vàng đã gửi thôn-nhân đưa về.
Thấy thơ chàng đương mê thoát tỉnh,
Xem xong rồi sức mạnh hơn xưa.
Tỉnh vui song có một giờ ;
Về sau phách lạc hồn mơ như thường.
Thoát chiêm-bao thấy chàng hồi-quán,
Hai vợ chồng khóc-thán cùng nhau;
Cùng nhau kể lể gót đầu,
Bỗng nghe trống điểm bên lầu canh năm.

Nghe thấy động thôi nằm lại dậy,
Vẫn một mình nào thấy chi đâu !
Ngửa-ngang nhìn trước trông sau,

Chiếu chăn còn đó, người đâu vắng rồi ?
Sao nỡ để thiếp ngồi trơ đó ?
Nỡ lòng nào mà bỏ thiếp đang !
Hay là ông Nguyệt mời chàng,
Rủ rê chàng lại chén vàng cùng ai....

Nghĩ đến phận châu rơi khôn cản,

Nghĩ thân này bể hoạn mênh-mông.

Ou bien, songeant à mes douleurs et à mes serments,
Ne néglige-t-il pas les devoirs de sa charge...
Et ne sommes-nous pas, chacun de notre côté, en proie aux
[mêmes tourments...

Lui, songeant à celle qu'il aimait, et moi évoquant son amour,
Sa pensée allant sans cesse vers moi, il m'a écrit une lettre.
Ma pensée allant sans cesse vers lui je lui ai fait transmettre
[un message par les paysans mes voisins.

Sa réponse m'est parvenue.
Et ce sont des paroles d'or qu'elle m'a apportées.
Sa lettre m'a tiré de la langueur où je m'enlisais,
Et m'a animée d'une force nouvelle...
Hélas, ce bienfaisant éveil n'a duré qu'un instant,
Et je suis retombée dans les rêveries profondes.
J'assiste, en rêve, à son retour au village natal,
Et les deux époux mélangent leurs larmes,
En se racontant leurs infortunes.
Mais soudain la cinquième veille retentit au gong du poste
[voisin, et je me dresse en sursaut.
Et je me retrouve seule, seule lamentablement...
A droite, à gauche, le cherche mon regard anxieux...
Hélas, il est bien parti... plus rien que nattes et couvertures
[vides....

O ami, comment peux-tu, sans scrupules, m'abandonner ainsi?
Ne comprends-tu pas que je reste seule, et que ma jeunesse
[sera flétrie,
Se pourrait-il que déjà, le dieu de la Lune t'ait convié,
À savourer, dans la tasse d'or, l'élixir divin qu'une autre te
[versera ?

À la pensée de mon destin funeste, je ne puis contenir mes
[larmes,
Dans l'océan immense aux flots trompeurs,

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Mênh-mông nước chảy đôi dòng,
Tiều-chu này biết thả trông đường nào ?

Thế mới biết má dào lỡ phận,
Trách giăng già lẫn-cẫn xe tơ !

Kẻ sao xum-họp một nhà,

Kẻ sao muôn dặm đường xa thiệt-thòi !

Xui Ngưu, Chức đôi nơi trắc-trở,
Biết dở-dang chồng vợ làm gì !

Thà rằng chưa biết chi chi,
Chăn đơn gối chiếc cũng thì ấm-êm.

Song thế-vị đã quen chua-chát,

Lửa thân-tình thường đốt tâm-can.

Ngán thay ! kẻ bắc người nam,

Lẻ-loi số-phận ai làm cho nên ? !

Muốn vạch giời kêu lên một tiếng,

Thưa giăng già làm truyện bất-nhân,
Xe tơ sợi chẳng được săn,
Làm cho kẻ bắc người nam nhỡ-nhàng.
Phận liễu-bồ dám màng cay-đắng,
Tủi song-đường mưa nắng không chừng.

Mà mình duyên-phận dở-dang,

L'eau s'écoule en courants divers et opposés,
O frêle esquif abandonné et dont on ne sait ni d'où il vient,
[ni où il va, ni même quel vent le pousse,
Tu es l'image de la vie d'une pauvre enfant aux joues roses.
Combien il est maladroit, notre vieux génie de la Lune ! Il
[emmêle au hasard le fil rouge de nos destinées ;
Aux uns, il donne le bonheur paisible, à deux, sous le même
[toit,
Aux autres, il impose la séparation cruelle par des milliers
de lieues.
Celle de Ngưu-Lang et Chức-Nữ en est un exemple fameux.
Oh, si j'avais pu pressentir un tel destin, combien j'aurais
[préféré renoncer à jamais au mariage !
Vivre dans la chasteté,
Garder l'oreiller unique et la simple couverture ... N'est-ce
[donc pas vraiment le meilleur destin ?
Hélas ! ... Comment puis-je tenir ce langage insensé ? N'ai-
[je pas appris, déjà, à aimer ces tourments,
À chérir ce feu ardent de l'amour dont mon cœur et le plus
[intime de mon être furent consumés?...
N'est-ce pas affreux d'être ainsi séparés, aux extrémités de
[l'univers,
Par notre amère destinée... Oh, qui me dira pourquoi elle
[nous fut réservée ?...
Oh ciel implacable, que ne puis-je t'entr'ouvrir des soupirs
[que je pousse vers toi.
Et te bannir, vieille lune inhumaine qui donna ce capricieux
[destin au fil rouge
Qui devait nous unir pour toute notre vie...
Que suis-je cependant, sinon un faible pêcher fleuri .. je saurais
[accepter mon destin,
Si je n'avais à souffrir aussi à la pensée de mes vieux parents
[exposés aux caprices du soleil et de la tempête.
Abandonnée moi-même du dieu des époux,

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Tấc công chửa báo nghĩ càng hổ thay!

Bực toan muốn rứt giây trần-tục,

Cửa từ-bi quyết dốc gửi thân ;
Song còn cảm nghĩa lương-nhân,
Đợi tin hãy tạm nghe dần về sau.
Sông Ngân lại bắc cầu Ô-thước,

Bõ công này chầu-chực bấy lâu.

May ra báo được ân sâu,

Chữ trinh chữ hiếu làm đầu gương soi

* * *

Mượn bút hoa mấy nhời ghi-chép,

Đem cảnh-tình giãi hết đầu đuôi.
Giở hay hãy phó mặc giời,
Thử xem xoay-chuyển ra thời làm sao ?

Je ne puis, à ma honte, rien faire pour soulager leur infortune
[et leur témoigner ma piété filiale.
Je voudrais parfois dire adieu à ce monde de douleurs et de
[vanités,
Et me réfugier, corps et âme, dans l'asile du Bouddha ;
Mais l'amour veille encore au fond de mon cœur,
Et je veux vivre encore dans l'espérance du retour,
Dans l'attente du jour où le « Pont du Corbeau » sera jeté
[enfin sur le « Fleuve d'Argent »
Et la joie de ce moment effacera aussitôt toutes les douleurs
[de l'attente cruelle.
Et peut-être pourrai-je, alors, remplir mieux aussi mes devoirs
[de piété filiale avec l'aide de mon mari.
Car piété filiale et piété conjugale sont les devoirs essentiels
[de la jeune femme.

* * *

De mon pinceau orné de fleurs gravées j'ai voulu tracer ce
[poème,
Qui dira, sans réticences, toute ma triste situation.
Bonne ou mauvaise, quelle qu'elle soit, elle fut fixée par le
[Maître de toutes les destinées.
C'est auprès de lui qu'il faut intercéder — C'est lui qui
[décidera. . . . .

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

CHÍNH-SÁCH THUỘC-ĐỊA CỦA ĐẠI-PHÁP Ở ĐÔNG-PHÁP

Của quan Nguyên-Toàn-Quyền Đông-Pháp,
A. KLOBUKOWSKI đại-nhân soạn

(Trích báo « *La Revue Bleue* »)

Ngày 17 janvier, hồi 16 giờ rưỡi quan thuộc-địa thượng-thư có thông-tin một bức vô-tuyến-điện cho quan toàn-quyền Đông-pháp. Sau có nửa giờ đồng-hồ thì chúng tôi đã tiếp được tin trả lời của quan Toàn-Quyền Martial Merlin.

Bấy giờ chúng tôi họp nhau có nhiều người trước kia đã ở xứ Đông-Pháp thì đều bái-cảm cái công-lao mới-mẻ lạ-lùng thiên-niên bất-dịch của Đại-pháp đã hi-sinh để mở-mang xứ Viễn-đông ; bấy giờ lại nghĩ đến sự phản-kháng của nhiều người xưa kia không muốn cho chánh-phủ dân-quyền hồi thứ ba thi-hành chính-sách mở-mang thuộc-địa.

Sự phản-kháng ấy không phải là không có lý. Vì khi đó là lúc mới qua khỏi việc chiến-tranh năm 1870 khiến ta phải thiệt-thòi đất cát, quẫn-bách lý-tài Cô-nhiên là bấy giờ nước Pháp phải thu-thập cả tài sức lại mà hồi-phục lấy thế-lực cấp-thiết, chớ có đâu lại đem ra cõi ngoài tiêu-tán làm những việc bất-chắc viển-vông.

Tuy vậy mà bấy giờ có nhiều người đi ra ngoài cõi, qua các bể rộng, sang Phi-châu, tới Viễn-đông Bấy giờ hình như là mỗi người đều muốn ra sức riêng mà tìm cách gỡ lại sự thua thiệt chẳng may vừa rồi, không muốn ngồi khoanh tay nhìn cảnh thất-bại mẫu-quốc, và muốn ra tay khai-khẩn những việc quan-trọng mới khác, làm cho lá cờ ba sắc nước mình chẳng may bị mù-ám một khi sẽ lại được tỏ-rạng quang-minh. Ấy là những người đi thám-khẩn, hoặc là võ quan hay là văn-chức, và những nhà công-thương. Bấy giờ những kế-sách thì nhỏ-mọn lắm, và thế-lực thì thật là eo-hẹp khó-khăn. Nhưng mà được cái người ta có lòng can-đảm quả-quyết, nghị-lực lương-tâm, kiên trí bền lòng cho tới thắng công. Phải đánh nhau với những dân-tộc phản-kháng, với

LA MÉTHODE FRANÇAISE EN INDOCHINE

Par A. KLOBUKOWSKI, ancien Gouverneur Général de l'Indochine

(Extrait de « *La Revue Bleue* »)

Le 17 janvier, à 16 h. 1/2 M. le Ministre des Colonies envoya, par voie radiotélégraphique, un message au Gouverneur Général de l'Indochine. Trente-trois minutes après, nous parvenait d'Hanoï la réponse de M. Martial Merlin.

Nous étions là un certain nombre d'anciens de l'Indochine qui avons salué avec émotion cette nouvelle et définitive consécration du labeur français en Extrême-Orient ; on se reportait à l'époque où la politique coloniale de la IIIe République se heurtait à une si vive opposition.

Les raisons ne manquaient pas qui l'expliquaient. La guerre de 1870 avait passé, diminuant notre territoire et obérant nos finances. La France était naturellement portée à reconstituer, à concentrer ses forces plutôt qu'à les risquer dans l'engrenage d'entreprises qui lui apparaissaient comme autant d'aventures incertaines et coûteuses.

Mais les hommes étaient partis, pour d'autres continents, au-delà des mers, en Afrique, en Extrême Orient Il semblait qu'ils voulussent prendre individuellement une revanche sur la mauvaise fortune, ne pas rester sur l'échec qui avait accablé la patrie et faire rayonner au loin, dans un renouveau du travail et de la gloire, l'éclat des trois couleurs, un instant assombri C'étaient des explorateurs, militaires ou civils, des commerçants, des industriels ; leurs moyens étaient modiques, leurs appuis précaires. Par contre ils avaient l'audace, la vigueur morale et, dans le succès, une foi inébranlable Ils eurent raison — après quelles luttes ! - des obstacles que leur suscitaient des climats incléments et des humanités hostiles .. Ils y a de cela cinquante ans à peine. Et aujourd'hui le drapeau français

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

những thủy-khí bất-hợp vất-vả ít lâu, rồi sau những người khẩn-địa kia được lý toàn-thắng. Hành-động như thế mới được độ năm mươi năm nay mà bây giờ nước Pháp có những thuộc-địa mênh-mang khắp cả thế-giới, nào là xứ Algérie, là nguyên-gốc khởi-điểm thuộc-địa, nào là những xứ Tunisie, Maroc, Madagascar, Đông-Phi, Tây-Phi và xứ Đông-pháp.

Nhưng tất cả các thuộc-địa của ta, Đông-pháp là xứ xưa kia ít người biết đến và nhiều người ghét bỏ thậm-tệ : nói đến hai chữ Đông-pháp thì ai cũng kêu rằng : Gớm ! đó là một xứ độc-địa nguy-hiểm ! không có sản-vật gì khai-thác, đến đó thì chỉ tốn-kém mất công mất của thôi thì đến làm gì ? Cuối năm 1885, may nhờ có ông Paul Bert hết sức giảng-giải ở Phòng nghị-viên, được ba lần đại-số hội-đồng chuẩn-ưng thì mới không để cho thoái-bỏ xứ Bắc-kỳ.

Song bấy giờ có nhiều nhà tiên-phong, đây chỉ kể những người đầu chức to về việc đi thám-khẩn xứ Đông-Pháp lần thứ nhất, như là ông Doudart de Lagrée, ông Francis Garnier sau vì lao khổ tử-vong, thì trước đã qua khắp mọi nơi và tìm thấy các xứ đó ; sau lại có nhiều nhà chánh-trị, binh-gia, kỹ-sư nối trí công-nghiệp, rồi mang về trình bầy cho Mẫu-quốc xem thấy nhiều sự kết-quả hay về việc tầm-sát, khá làm phấn trí nức lòng. Nhưng mà phần nhiều công-chúng vẫn là phản-cự không biết xứ Nam-Kỳ, thuộc-địa của ta từ sáu mươi năm nay, là một cõi phù-sa cấy lúa tốt lạ-lùng, rõ là một cái kho thóc lớn của Viễn-đông, và lại sẵn có sông ngòi rộng-rãi làm đường vận-tải đi tứ phía nhẹ-nhàng.

Cao-Miên là xứ bảo-hộ của Pháp ta từ năm 1863, thế mà vẫn ít người biết ; đấy có bao nhiêu là cảnh, vật thú-vui, nào là sông rộng hồ lớn đông-đúc chài-lưới, nào là đất cát mênh-mông, chỗ nọ thời ruộng bông, chỗ kia đồng cỏ bát-ngát, lại còn những rừng xanh cây-cối rải-rắc khắp nơi, những đền-đài cổ-tích xây đắp nguy-nga từ nghìn năm về trước.

Trung-kỳ thời lại phải những mây mù bờ bể khuất-ám hơn nữa. Vậy xưa kia ai biết xứ ấy có những đình chùa trạm-chổ xinh đẹp, những lăng-miếu đế-vương sầm-uất nguy-nga, những rừng sâu gỗ quí ở gần giáp bờ bể, có những sông lạch ra vào rất tiện, lắm thứ cầm thú lạ-lùng thường quanh những bờ

flotte sur un empire englobant, avec l'Algérie, base et point de départ, la Tunisie, le Maroc, Madagascar, l'Afrique-Orientale et Occidentale et l'Indochine !

De toutes nos possessions celle-ci fut longtemps la plus impopulaire et la plus violemment décriée : l'Indochine ! C'est au diable Vauvert, un pays malsain, sans avenir économique, que va-t-on y faire, sinon y gaspiller des ressources précieuses ? Et à la fin de 1885 c'est à grand'peine que l'intervention de Paul Bert, à la tribune de la Chambre des députés obtenait, à trois voix de majorité, que le Tonkin ne fût pas évacué.

Cependant de vaillants pionniers, Doudart de Lagrée, Francis Garnier, pour ne citer que les chefs de la première exploration scientifique en Indochine, qui moururent à la peine, avaient parcouru et révélé ces contrées; de nombreux Français administrateurs, officiers, ingénieurs s'y étaient succédé, rapportant dans la Métropole les résultats encourageants de leurs observations et de leurs recherches. Le grand public persistait à ignorer la Cochinchine, terre française depuis soixante ans, aux plaines immenses, extraordinairement fertile en riz, véritable grenier d'abondance de l'Extrême Asie, sillonnée de larges fleuves « ces routes qui marchent ».

Le Cambodge était quasiment inconnu, bien qu'il fût sous le protectorat français depuis 1863 ; contrée pleine d'attraits avec la pêche abondante de ses fleuves et de ses lacs, sa culture cotonnière, ses pâturages illimités, ses forêts que parsèment des monuments grandioses et millénaires.

L'Annam, plus encore, se perdait dans la brume de son littoral bordé de salines. Qui donc s'intéressait à ses pagodes au style tourmenté et pittoresque, à ses nécropoles impériales d'un caractère imposant et si doucement mélancolique, à ses forêts profondes aux essences précieuses, peu éloignées de la

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

suối người ta trông thấy ở trong một đường vệt đi không biết bao nhiêu là vết chân loài vật, hình như là từ ngày khai thiên lập địa đã có hết cả giống vật đến tụ-họp ở đó vậy.

Còn Bắc-Kỳ là xứ giáp-giới một nước lớn nhất hoàn-cầu, hẳn là một ngày kia sẽ nhờ thế giáp-giới đó mà dễ mở-mang đường kinh-tế, vả lại xứ ấy có một miền trung-châu phẳng-lặng, cầy cấy tốt-tươi, trộng như thể là một cái vườn đẹp ở bên Pháp, với những sản-vật khoáng-chất dư-dật cùng là thắng-cảnh lạ-lùng, như vịnh Hạ-long kia, tưởng là một cảnh bồng-lai xinh-đẹp nhất thế-giới, ấy thế mà xưa kia nhiều người chỉ cho xứ ấy là một nơi « tổ giặc cướp » mà thôi.

Xứ Ai-Lao có những rừng thưa, có nhiều gỗ điên-man là một thứ gỗ quý, nào là những ghềnh thác uốn-oanh, cảnh-tượng kịch-liệt, thế nước chẩy sức mạnh to vô-chừng dùng chạy được những máy lớn-lao, còn những bản-dân thì tính nết hiền-lành, ăn mặc lạ-lùng trông ra ngoạn-vẻ, vậy xứ ấy có đáng nói đến không? Nhưng xưa thì hẳn cho đấy là một nơi cùng hẻm không ai muốn nhìn đến.

Đông-Pháp là một cõi đất mông-mênh địa-diện rộng gấp rưỡi nước Pháp, có sông Cửu-long phát-nguyên từ Tây-tạng chảy qua Ai-Lao, Cao-Miên và Nam-Kỳ, kéo dài được 4.200 kilomètres và những địa-diện các chỗ trung-châu kể được một triệu kilomètres vuông ; lại có sông Hồng-Hà phát-nguyên từ Vân-Nam đến nửa đường lại thêm có sông Thao, sông Gấm đổ vào làm cho rộng thêm ra, mà địa-diện vùng sông ấy thì lớn hơn là vùng sông Seine và sông Loire ; xứ Đông-pháp lại là cõi đất giáp bể Thái-Bình-Dương, bờ bể chạy dài một giải 2.500 kilomètres, như vậy quả là một cõi tốt đẹp lạ-lùng, thế mà trước kia bao nhiêu lâu chỉ có một số cực ít người chú-ý đến thôi ! Song dù trong bước sơ-đầu lắm người lãnh-đạm như thế, nhưng cái công-nghiệp do-thám khai-khẩn xứ ấy đã tiến-bộ, và nay đã hoàn-thành, mà đối với dân bản-xứ thì không hay lấy oai-quyền sức-mạnh áp-chế, nhưng mà thường là nhờ cái thế-lực, cái tư-cách đạo-đức luân-lý giáo-dục quy-thuận.

Cái công-nghiệp vẻ-vang của Chánh-phủ Pháp thì không

mer, en communication avec elle par des rivières faciles ; peuplées d'une faune admirable et variée qui, sur la même piste, aux alentours des sources, laisse un tel fouillis d'empreintes qu'on dirait un rendez-vous de tous les animaux de la création ?

Quand au Tonkin, à proximité du plus vaste Empire du monde dont le voisinage devait nécessairement, un jour ou l'autre, favoriser son développement économique, avec son delta cultivé comme un jardin de France et ses graudes richesses minières, avec sa baie d'Along, unique peut-être parmi les curiosités de l'univers et qui évoque quelque paysage de mystères et de rêve, était-ce, pour beaucoup, autre chose qu'un "sale nid de pirates".

Le Laos et ses forêts-clairières, ses bois de teck, ses rapides aux sinuosités tragiques, au courant de foudre récélant des forces motrices prodigieuses, sa population aimable et plaisante sous ses accoutrements multicolores, valait-il d'être mentionné ? C'était évidemment quelque coin perdu, morose et négligeable.

L'Indochine enfin, qui a une superficie une fois et demie plus grande que celle de la France ; le Mékong, issu du massif thibétain, qui arrose le Laos, le Cambodge et la Cochinchine, d'une longueur totale de 4.200 kilomètres et dont le bassin représente un million de kilomètres carrés ; le Fleuve-Rouge, provenant du Yunnan qui traverse le Tonkin, grossi par la rivière Noire et la rivière Claire et constitue un bassin supérieur à ceux de la Seine et de la Loire, l'Indochine dont l'Océan Pacifique baigne les côtes sur une étendue de 2.500 kilomètres, tout cela, tout ce merveilleux ensemble pendant longtemps ne retint l'attention que d'une infime minorité ! Pourtant au milieu de cette indifférence qui entoura ses débuts, l'œuvre de pénétration a marché et la voici accomplie, ayant pris un point d'appui, vis à-vis des indigènes, moins sur la force que dans l'accendant d'une supériorité morale bienveillante et constamment éducatrice.

Le mérite du gouvernement français est, non pas seulement

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

những rằng vì đã lập nên cái chánh-sách hay ấy, rất thích-hợp với những tâm-ý cao-thượng của nước ta, mà lại vì rằng xưa nay vẫn giữ được vẹn nguyên cái chính-sách ấy dù rằng đã có nhiều lần sảy ra những việc phản-đối rối-loạn. Như là sau những việc mưu-phản năm 1883, mất quan đại-tá Henri Rivière, năm 1884 ở Lạng-Sơn, và trong những ngày phải đánh giẹp Bắc-kỳ vất-vả, nước Pháp vẫn không đổi cách chánh-trị đối với bản-dân thuộc-địa, dẫu thấy có mấy việc phản-kháng ngăn lòng tin cẩn, nhưng Chánh-phủ Pháp vẫn không nghi tình dân-chúng.

Trong năm 1886 một nhà sứ-thần đại-biểu nước Pháp mà người Annam rất tôn-trọng thường để hình ảnh thờ kính, là ông Paul Bert, người đã tỏ lòng quảng-đại ra tâm khai-hóa cho dân ; khi ấy dân Annam còn đang đợi chờ nghe ngóng thì người giảng-thuyết êm-ái mà bảo dân trình bầy giãi tỏ cho người xem hết cả những điều gì mà ý dân muốn cầu-thỉnh kêu ca. Như vậy không có sự gì là sự thốt-nhiên và có hiệu-lực hơn nữa. Một điều hành-động khởi tiên đó, ông Paul Bert đã làm cảm-động lòng người Annam là dân-tộc văn nho, ở trong giai-cấp xã-hội thì hay nhường ngôi trên cho những bậc thông-thái khôn ngoan, chớ không hay dành cho những kẻ bạo cường áp-chế. Trước kia một lời nói cường-bạo đã làm cho chúng bỏ ta nay một nhời nói trúng nghĩa-lý thì làm cho chúng lại vui lòng hòa-thuận với ta.

Trong những xứ có văn-minh cũ như xứ Đông-pháp thì các công-nghiệp của nhà nước khai-hóa có nhiều điều phiền-phức tinh-nhiệm khó-khăn lắm. Thật thế, dân-trí còn kém thì nhà nước chưa có thể dạy cho thâm-hiểu ngay được những sự cao-viễn thâm-thúy ; lại còn có nhiều nhà hiếu-cổ muốn bảo thủ quốc-túy, hay nghị-luận chê bai thì cũng khó xử. Đối với những bậc ấy thì nhà nước không thể chỉ dùng một chính-sách ra tay tế-độ mà được, nhà nước đã phải chịu khó học biết ở người ta mọi điều kiến-thức rồi mới tìm cách phá được những điều nghi-kỵ của người ta, và phải dùng một cách khôn khéo lắm mới giáo-hóa dần dần mà nâng lên cho tới cái trình-độ học-thức cao của ta.

Đó là một điều danh-dự của các nhà đại-biểu nước ta đã khéo

d'avoir établi une telle règle, si conforme à nos aspirations nationales, que de l'avoir maintenue en dépit des péripéties qui, parfois, troublèrent le territoire indochinois. Ni après le guet-apens où, en 1883, succomba le commandant Henri Rivière, ni en 1884, après la fatale méprise de Langson, ni pendant les opérations que nécessita l'assainissement du Tonkin, la République ne modifia sa ligne de conduite envers des populations que ne rendaient pas suspectes à ses yeux les excitations de quelques meneurs et auxquelles elle entendit faire obstinément confiance.

En 1886 le premier geste de l'envoyé de la France, de celui dont les Annamites ont placé l'effigie sur l'autel des ancêtres, fut un geste de clémence émancipatrice ; il demanda à ces hommes qui attendaient anxieusement sa parole, de se concerter et de lui présenter leurs *cahiers* de doléances et de revendications. Rien n'était plus inattendu. Rien ne fut plus efficace. Paul Bert avait, du premier coup, touché l'âme de ce peuple de lettrés qui, dans la hiérarchie sociale, assignaient la première place, non au plus fort, mais au plus instruit, au plus sage. Un langage comminatoire les eût éloignés de nous, cet appel à leur raison nous les concilia.

Dans les contrées de vieille civilisation — c'était le cas de l'Indochine — la mission de la République était particulièrement complexe et délicate. En effet elle n'avait pas à faire à des êtres intellectuellement débiles, encore trop près de la nature pour saisir des considérations abstraites ; elle était en face de traditionnalistes qui observent et raisonnent. A ceux-là elle ne devait pas seulement tendre une main secourable, elle leur devait ses leçons et ses enseignements pour combattre leurs préventions et, par un prudent travail de rééducation, les élever progressivement à son niveau.

Ce fut l'honneur de ses représentants d'avoir interprété ses

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

biểu-lộ được những tinh-thần của ta một cách rõ minh-bạch và lại oai-nghi. Những nhà đại-biểu ta không những rằng đã giẹp yên được xứ Viễn-Đông là một cõi xưa kia chỉ hay rối-loạn, mà nay khiến cho được hòa-bình, làm cho mở-mang được bao nhiêu công-việc ích-lợi cho canh-nông, công-nghệ, khiến cho phát-đạt về đường tiền của ; không những thế mà thôi, những nhà đại-biểu ấy lại còn biết nghĩ đến cái trách-nhiệm giáo-dục, muốn hợp-quần cả các dân-tộc đưa lại gần ta, mà tìm cách mở-mang cho đàng trí-thức tinh-thần mỗi ngày tiến-bộ mãi lên, mà muốn mở-mang cho thì không có dùng cách ép-uổng, tổ sinh ra những việc bất phục bất tòng, nhưng mà lấy cách nghĩa-vụ quảng-đại của nước văn-minh phải đi giáo-hóa giúp-đỡ nhân-loại.

Bởi vậy những người bản-xứ Đông-Pháp đã thấu hiểu rằng nước Pháp chỉ tôn-lập có cái công-lý và cái quyền-lợi làm chúa-thượng và nước Pháp vẫn chưa từng lo đến cái điều chủ lợi. Bởi thế sự khuynh-hướng cốt về đường luân-lý đạo đức chớ không thiết về những sự lợi-dụng tiền-tài, cho nên nước Pháp không thu-nhập được những tài-lợi nhỡn-tiền mà nếu dùng chính-sách trục-lợi thì đã thu-nhập được nhiều rồi. Tuy không được lợi tiền-tài, nhưng đã làm tiêu-tán được hết cả những điều ngờ-vực lo-sợ và đã truyền-thụ vào óc não cho dân được cái tư-tưởng đoàn-thể với người Pháp mà biết nghĩa hợp sức nhân-loại.

Bởi thấy cái cách chính-trị mềm-mại khôn-ngoan thiết-thực ấy, cho nên một nhà nhật-trình người Anh có danh tiếng, tên là Lord Northcliffe, có kiến-văn sáng-suốt và tư-tưởng trung-bình, mà ta vẫn kính mến, một khi người ấy đã đi du-lịch qua xứ Indes Britanniques, xứ Đông-Pháp và xứ Maroc, lúc giở về đến Marseille người ấy có ca-tụng cái chính-sách của ta rằng : « Thưa các ngài, về cách cai-trị thuộc-địa thì chúng tôi phải kính-phục các ngài lắm » Đó là một nhời tôn-trọng quý-hoá. Trong nhời ấy đã có ý so-sánh phẩm-bình.

Đông-Pháp vừa là một nước nhất-thống lại là một nước biệt-phân : nhất-thống là hết cả toàn-xứ đều theo một cái cốt trụ về đàng chính-trị và đàng kinh-tế ; biệt-phân là mỗi xứ có những cách riêng để cai-trị cho thích hợp. Đó là cái chính-sách của người bạn đáng thương-tiếc của ta, Eugène

sentiments avec précision et autorité. Ils ne se bornèrent pas, dans cette partie de l'Extrême-Orient si longtemps en proie à l'anarchie, à établir définitivement l'ordre et la sécurité, à exécuter de grands travaux utiles à l'agriculture, à l'industrie et à l'amélioration d'intérêts matériels ; pénétrés de leur rôle d'éducateurs, ils voulurent aussi associer les peuples dont ils avaient charge à la marche du progrès intellectuel, les rapprochant de nous, non par la contrainte qui n'engendre que mécontentements et rancunes, mais par l'accomplissement envers eux de nos devoirs de nation évoluée.

Ainsi les Indochinois furent amenés à se rendre compte que la France ne proclame qu'une souveraineté, celle du droit et de la justice et que le souci du lucre ne l'a jamais hantée. C'est pourquoi son orientation, répondant plus à des besoins moraux qu'à des préoccupations utilitaires, ne lui a pas valu les profits immédiats qu'une politique mercantile lui eût procurés. Mais elle y a gagné de dissiper des défiances et des inquiétudes, de répandre en des cerveaux instinctivement enclins à l'appréhension, des germes de collaboration et de les conduire aux premières notions de la solidarité humaine.

C'est à cette méthode souple, généreuse et réalisatrice qu'un éminent journaliste anglais, clairvoyant et impartial, lord Northcliffe, à qui nos sympathies resteront fidèles, rendait hommage à son retour d'un voyage aux Indes Britanniques, en Indochine et au Maroc : « Messieurs, disait-il en débarquant à Marseille, en matière coloniale nous vous devons un grand coup de chapeau. » Témoignage précieux. Il avait comparé et conclu.

L'Indochine une et divisible : une comme entité politique et économique, divisible quant aux moyens de gouvernement et d'administration propres à chacun des Etats qui la composent, ce fut le principe dont s'inspira en 1887 notre ami à jamais regretté Eugène Etienne, créateur de l'Union Indochinoise. De cette

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Etienne, đã lập ra cái chủ-nghĩa hợp-nhất Đông-Pháp trong năm 1887. Vì sau theo mở-mang cái chủ-đích ấy cho nên ta mới có nghị-lực hành-động tại xứ Đông-Pháp. Cái nguyên-lý của chính-sách ấy là do ở một cái cỗi dễ tâm-lý : cái chính-thể chúng-quốc hợp-đồng đã xướng-lập nên thì là một chính-sách bảo-thủ lấy các quyền-lợi công-đồng cho toàn cả xứ, nhưng lại giữ-gìn không cho sung-đột đến những phong-hóa riêng của từng xứ, mở-mang học-thức cho đủ các bậc, lập ra những tràng ấu-học và công-nghệ cho sung-mãn, và trong khi mở-mang học-thức thì khai tâm mở trí cho dân bản-xứ hiểu biết cái nghĩa quyền-lợi và cái giá-trị của từng người ở trong xã-hội, do từ điều biết giữ-gìn gánh-vác trách-nhiệm

Việc tổ-chức ấy thực-hành cho thích-hợp trong các dòng lớn theo ý sở-cầu của quốc-dân mà giữ cho khỏi những cách bạo-động tiến-hóa. Còn đối với việc cai-trị riêng của từng xứ thì chỉ can-dự đến để kiểm-thúc những công việc tiến-hành tự quản-xuất lấy mà thôi; cái sức ảnh-hưởng đó thì chậm thật, nhưng thật có hiệu-lực chắc-chắn, mà có phát-siển ra trong những cách hành-động ở gia-đình và xã-hội, và lại làm cho thấm-nhập một cách êm-đềm vào não-tủy cả quốc-dân những tư-tưởng của ta, và luyện thành khí-chất thể-lực cho quốc-gia.

Trong những năm liên-tiếp về sau thì phải trù-tính trước những điều thay đổi : một vài việc có nghĩa-lý tuần-nhiên thích-hợp, như là những việc giúp đỡ Mẫu-quốc sẻ-chia gánh nặng, còn những việc khác về vấn-đề tiền-tài thì có phần kém hoàn-hảo. Nhưng có một điều cốt trọng ta phải kể rõ ra đây là việc tổ-chức đó đã thành công-quả và công-quả ấy thật là to-tát nguy-nga.

Nào là trong xứ được yên-trị cho người an-cư lạc-nghiệp, sự buôn bán được thịnh-vượng mở-mang và được đủ quyền-hành phát-đạt ; những đường xá thông-hành mở rộng khắp nơi (nào là trạm-thơ, giây-thép, vận-tải đường bể, đường sông, đường bộ, xe lửa, đường đi) ; lại thiết-lập cả những đồ máy-móc cần-thiết để mở-mang các công-cuộc lớn-lao sinh thêm thịnh-vượng cho toàn cả xứ ; sự học-hành giáo-dục thì mở rộng ra khắp cả mọi nơi ; nào là lập ra các cục y-tế khử-

conception procède dans son développement d'ensemble, notre action en Indochine, Son originalité était d'avoir une base psychologique : le système fédératif qu'elle a inauguré reposait sur une communauté d'intérêts généraux mais il s'appliquait également à ne pas heurter les mœurs et les coutumes, à assurer la diffusion de l'enseignement à tous les degrés avec prédominance pour l'instruction primaire et professionnelle, et à donner ainsi aux indigènes, en même temps que la définition de leurs droits, conscience de leur valeur individuelle et, partant, de leurs responsabilités.

Cette organisation s'adaptait bien dans ses grandes lignes à la mentalité de populations en garde contre des transformations soudaines. Elle n'intervenait dans l'administration des Pays de l'Union que pour en contrôler et en activer le fonctionnement autonome ; son influence, lente il est vrai mais efficace, se manifestait sur leur vie familiale et sociale ; elle préparait, sans à-coups, la pénétration de la masse par nos idées ainsi que la cohésion des éléments constitutifs de la force nationale.

Dans les années qui suivirent, des modifications durent être envisagées: quelques unes logiques et opportunes, celles par exemple qui apportaient une aide à la Métropole en l'allégeant de ses dépenses de souveraineté ; d'autres d'ordre fiscal, beaucoup moins heureuses. Mais ce qui doit être mis en lumière ici, c'est le bien qui a été fait et il est considérable.

La sécurité assurée aux personnes dans leur vie et dans leurs biens ; le pays ouvert au commerce et la liberté accordée aux transactions ; l'accroissement des voies et moyens de communication (postes et télégraphes, transports maritimes, fluviaux et terrestres, chemins de fer, routes) ; création de l'outillage économique indispensable à l'éclosion de grandes entreprises augmentant la prospérité générale ; l'instruction libéralement distribuée ; la lutte contre les épidémies par l'assistance médicale et

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

trừ bệnh-tật, các nhà hộ-sinh bảo-dưỡng hài-nhi ; lại còn mở rộng cả những phòng nghị-viện cho dân được biết phần trách-nhiệm đối với nhà nước...

Một chánh-phủ đã biết lo-liệu, tổ-chức, sửa-sang, hoàn-thành bấy nhiêu công-việc to-tát, thì cái thì-giờ đã dùng không phải là vô-ích Từng-trải bao lúc vất-vả bao bước khó-khăn, nay đã tiến-tới nơi cao chót-vót, thì Chánh-phủ đó nay có quyền được nhìn lại con đường đã đi qua ấy ra dáng hiển-hách. Nay hồi-tưởng đến những sự khó-khăn ngày xưa thì lại sinh thêm can-đảm, lần này không phải là lo kinh-chống với sự thất-vong, nhưng mà phấn-trí nức lòng để tiến-tới êm-đềm về những ngày hậu-lai.

Chúng tôi tư-tưởng như thế ngày 17 Janvier ở kinh-tế-phòng của xứ Đông-Pháp, trong khi đó thì lời nói cánh bay qua 4.000 dặm đường, chóng hơn là giây nói từ Paris sang Lille hay là sang Marseille.

Cái lịch-sử kỳ-vãng khó-khăn kia nay ta hồi-tưởng đến là chỉ để chứng-thuyết rằng không có một cái ý-tưởng kế sách nào có thể phá-hoại được cái trí-dũng của người Pháp, và lại minh-chứng cho mọi người biết chắc rằng thuộc-địa của ta sẽ có tương-lai tốt-đẹp vô-giới-hạn vì xưa đã có nhiều triệu-chứng báo trước cho ta phải can-dự đến cõi Á-châu.

Lại nhờ thêm được địa-lợi tốt, xứ Đông-Pháp ở vào giữa khoảng các nơi thành-thị nhớn, nhờ có các bến bể tiện lợi cho các tầu to có thể tới được tận giáp bờ, thì xứ Đông-Pháp dễ đường thông-thương với các xứ chung quanh như là Tiêm-La, Ấn-Độ, Ma-Lạc-Kha, Phi-Luật-Tân, Nhật-Bản, Trung-Hoa. Có nhiều ruộng đất cầy-cấy, lắm đồ kỹ-nghệ tinh xảo, xuất-cảng được nhiều đồ ăn thức dụng và các thức nguyên-liệu cần-thiết (than, bông, cao-su, v. v.), như vậy Đông-pháp sẽ trở nên một tay vận-tải to lớn trong việc hành-động kinh-tế ở cõi Thái-bình-dương. Đối-diện với các thuộc-địa Úc-châu của ta thì Đông-pháp cũng ví như một nước Đại-pháp thứ hai nếu có chính-trị khôn-ngoan rộng-rãi và khéo giúp-đỡ những việc mở-mang các công-cuộc to lớn.

Nhưng hiện nay Đông-pháp cũng như các xứ khác, đang phải đau một bệnh khó chịu, mà căn-nguyên — ở đó cũng như

la protection de l'enfance par l'institution de maternités et d'un corps de sages-femmes, l'extension des attributions des assemblées consultatives. . .

Une administration qui a conçu, organisé et mené à bonne fin de telles améliorations a bien employé son temps. Des sommets qu'elle eut tant de mal à atteindre, elle peut avec un légitime orgueil contempler le chemin parcouru ; des difficultés surmontées il lui vient un courage nouveau, non plus cette fois pour réagir contre un destin acharné à sa perte, mais pour affermir sa marche alerte et continue dans la sécurité des lendemains.

Nous pensions à cela le 17 janvier dans les salons de l'agence économique de l'Indochine tandis que la parole ailée franchissait des espaces de 4.000 lieues en moins de temps qu'il n'en faut pour téléphoner de Paris à Lille ou à Marseille.

Le passé pénible ne revivait en nous que pour attester qu'il n'est pas de conception ni de projet dont la hardiesse puisse déconcerter le génie français, et, dans le même instant, s'affirmait aux yeux de tous la certitude de «l'avenir sans limites» pressenti, pour notre colonie, par les précurseurs de notre intervention en Asie.

Par sa position géographique exceptionnelle au centre des plus riches marchés du monde, grâce à ses ports accessibles aux navires du plus fort tonnage, l'Indochine communique facilement avec le Siam, les Indes Néerlandaises, la presqu'île de Malacca, les Philippines, la Chine et le Japon. Région agricole industrielle, exportatrice de denrées alimentaires et de matières premières recherchées (charbon, coton, caoutchouc, etc), elle devient un facteur de plus en plus important dans le mouvement économique du Pacifique ; elle est, au regard de nos possessions océaniennes, une seconde France dont le rayonnement ne peut que s'étendre du moment qu'une administration prudente et libérale en secondera judicieusement les entreprises.

Il ne faut pas se dissimuler qu'actuellement l'Indochine souffre du malaise qui pèse sur tous les pays et dont la cause

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

ở đây — là do ở sự chiến-thắng không được những lợi sung-mãn. Vì cái bệnh đó mà Đông-Pháp phải chịu — như các nhà thụ-thuế ở bên Pháp — đeo thêm những gánh nặng về việc giúp-đỡ chi-tiêu cho mẫu-quốc, và lại thêm những phí-tổn nhiều về lương-bổng của một số quan-chức quá đông, cho nên những gánh nặng ấy làm cho sổ chi-tiêu hao-hụt mất nhiều. Nhưng mà — cốt nhất là — nhờ được việc quốc-trái vẫn thủ-thường và những công việc to lớn khai sông làm ruộng, xây đường xe lửa để thông-hành suốt cõi, nối tiếp với các đường thủy, và sau nữa phá được những sự hiểm-trở vây bọc Ai-lao và súc-động việc khai-mở trung-châu Bắc-kỳ cho chóng phát-đạt.

Song tuy rằng nay những việc ấy được an-ổn cả, nhưng cần phải lo-tính việc tiết-kiệm chi-tiêu trong các tòa-sở như ở bên Pháp vậy...

Vậy nay cái chức-vụ của quan Toàn-quyền Merlin thật là tinh nhiệm khó-khăn lắm. Nhưng mà người có thể đảm-đang hoàn-toàn được, vì người là bậc đã tầng-trải nhiều và lại có tính kiên-trì lắm. Tôi đã được xem bài diễn-thuyết của ngài đọc trong lúc khai-nghị thường-kỳ hội-đồng Chánh-phủ Đông-pháp; văn-từ dản-dị, nhưng lời-lẽ minh-bạch, người không kể hết cả những điều người biết, nhưng người nói đủ những điều cần-thiết. Nghe biết rằng người nói điều nào thì là việc người đã chứng-kiến, quan-sát, và suy-nghĩ một cách kỹ-lưỡng khôn-ngoan, đó là cái đức-tính của người mà bọn dưới quyền người xưa đều biết cả thế — bọn dưới quyền ấy là một số to lắm, vì có xứ thuộc-địa nào mà người chưa cai-trị! — và những bạn hữu với người cũng đều biết thế, như ký-giả đây chẳng phải là người mới quen biết vậy. (1)

(1) Độc-giả xem quá xuống dưới này sẽ biết rằng quan Toàn-Quyền Merlin đối với bản-hội quả đã chi-tiêu tần tiện một cách sứng đáng ghê thật, là vì ngài đã viết thư hứa giúp — có dễ ngài hứa lắm đấy? — nên rồi sau ngài lại không trợ-cấp một ly gì cho bản-hội sắp đến ngày phải đóng cửa. Đọc xong bài văn trên kia rồi thấy soạn-giả đồng-ý với bạn thân là quan Toàn-Quyền ta mà coi những công-cuộc mở-mang luân-lý như bản-hội đây là một sự xa-phí vô-ích thì ai mà không ngạc-nhiên được!

P. MONET.

première — là-bas comme ici — est l'insuffisante réalisation de la victoire. De ce chef, elle supporte courageusement — de même que les contribuables en France — un surcroît de charges qui constituent son apport aux dépenses de la métropole et qui, ajoutées aux frais excessifs résultant de l'entretien d'un personnel administratif surabondant, diminuent singulièrement l'élasticité de son budget. Mais — et c'est l'essentiel — le service de ses emprunts reste assuré, ainsi que la continuation des travaux d'hydraulique agricole et l'achèvement progressif du réseau ferré, complément des voies navigables, débloquant enfin le Laos et accélérant l'exploitation minière du Haut-Delta Tonkinois.

Cependant, si rassurantes que soient ces constatations, un régime de rigoureuses économies s'impose, comme en France dans tous les services. . .

La tâche de M. Merlin est donc délicate et reste difficile. Il saura la remplir, car c'est un homme expérimenté et ferme. J'ai sous les yeux son discours d'ouverture de la session ordinaire du Conseil du Gouvernement de l'Indochine ; dans un langage sobre et précis il dit bien, sinon tout ce qu'il sait, au moins tout ce qu'il croit devoir dire. On sent qu'il parle après avoir vu, enquêté, avec le bon sens que lui connaissent ses anciens administrés — ils sont légion, car quelles colonies n'a-t-il pas gouvernées! — et ses amis dont le signataire de ces lignes n'est pas le dernier en date. (1)

(1) — On verra plus loin que M. Merlin a fort bien su, en effet, en ce qui nous concerne, réaliser de judicieuses économies, puisque, malgré des promesses écrites — résultant évidemment de quelque erreur — il a refusé toute subvention à notre œuvre qui se trouve ainsi à la veille d'expirer. Nous serions surpris, après ce que nous venons de lire, que l'auteur de cet article estime, comme son excellent ami, qu'une œuvre de développement moral telle que la nôtre est, en ce pays, un luxe superflu.

P. MONET.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

CON QUẠ CÓ NGHĨA (1)

Truyện tầu trích-lục ở bộ « *Kỳ-phán công-án* »

Là bộ sách chép các thứ án đã phán-đoán rất công-minh của các nhà luật-sĩ Trung-hoa lưu lại.

TRẦN-TRỌNG-TIỀM dịch Việt-văn

TRƯƠNG-QUỐC-HIỀN dịch Pháp-văn

Khi xưa, ở phủ Thanh-Châu, tỉnh Sơn-đông, có một người lái buôn tên là Trương-Ân là người có đức tốt, tính khẳng-khái, hay trọng nghĩa khinh tài, hễ gặp việc gì đáng giúp đỡ ai mà có thể giúp được thời làm ngay không còn biết tiếc chút nào.

Có một hôm anh ta đem đi theo hơn trăm lạng bạc để sang Bắc-kinh mua hàng, đi đường độ nửa tháng thời gặp người cho thuê ngựa tên là Lý-Lập.

Lý-Lập mời Trương-Ân thuê ngựa ngồi cho đỡ mệt thì Trương Ân đáp : « Tôi cũng muốn dùng ngựa lắm, song ngặt vì cái bao đồ hành-lý tôi đem theo đây nó vướng-víu khó đi chăng!» — Được, ngài cứ cưỡi ngựa còn bao hành-lý xin cứ giao cho tôi, để tôi xin mang.

Trương-Ân nghe lời liền giao bao đồ cho Lý-Lập rồi cứ lên ngựa cho chạy trước, đi được vài dặm gặp một đứa con trai tay mang một con quạ mà tiếng kêu nghe ra bi-thảm lắm. Trương-Ân hỏi đứa bé rằng :

— « Mày có thể bán con quạ này cho tao được không ? »

(1) Truyện này chắc thuộc về đời Tống, cuối đệ-thập thế-kỷ sau khi thiên-chúa giáng-sinh.

LE CORBEAU RECONNAISSANT (1).

Récit chinois extrait du « *Ky-Phan-Công-an* ».

Recueil d'avis et ordonnances célèbres authentiques de la Chine

Traduit en Annamite par TRAN-TRONG-TIEM

et en Français par TRUONG-QUOC-HIEN

Il y avait jadis, au Chantoung, dans la préfecture de Thanh-Châu, un brave homme de commerçant nommé Trương-Ân: obligeant, dévoué et, comme on dit, le cœur sur la main, il plaçait l'amour du bien fort au-dessus de la recherche de son propre intérêt et était toujours tout prêt à se sacrifier pour rendre service à son prochain.

Un beau jour, ayant résolu d'aller acheter à Pékin diverses marchandises, il se mit en route pour la capitale lointaine, emportant plus de cent onces (2) d'argent. Après quinze jours de voyage, il vint à rencontrer un certain Lý-Lập qui faisait profession de louer des chevaux aux voyageurs.

Celui-ci lui ayant proposé de lui louer une de ses bêtes pour diminuer sa fatigue durant le reste de ce long voyage, il lui répondit : « J'accepterais bien volontiers, si je n'avais cette valise qui m'embarrasse vraiment beaucoup. » — « Qu'à cela ne tienne, dit l'autre ; mettez-vous toujours à cheval, et je fais mon affaire de la valise. »

Notre Trương-Ân, à ces mots, enfourcha le cheval et s'y carra confortablement, s'en remettant au loueur du soin de s'occuper des bagages. Ayant ainsi parcouru quelques stades (3), il vit venir à sa rencontre un jeune garçon qui tenait en main un corbeau dont les cris touchants l'émurent de pitié.

— « Veux-tu me vendre cet oiseau ?» demanda-t-il à l'enfant

(1)—Le présent récit date probablement de la dynastie des Song, fin du 10e siècle après J.-C.

(2)—L'once (luong ou lang) équivaudrait à environ 37 gr 8.

(3)—Le stade (dặm ou lý) : environ 720 mètres.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Đứa bé thưa rằng : « Thưa ông, tôi muốn bán lắm. »

Trương-Ân tức thì mua con quạ ấy mà thả ngay.

Không ngờ khi lấy tiền trả cho đứa bé thì tên Lý-Lập liếc trông thấy trong túi có tiền liền sinh lòng tham-lam mà nghĩ rằng : ấy là cái túi con mà cũng có ngần ấy bạc huống chi trong cái bao kia thì không biết còn nhiều đến nhường nào ?

Rồi cứ việc đi theo đến một chỗ rừng rậm, xem bốn bề không có một người nào, Lý-Lập mới lấy gậy nhằm trên đầu Trương-Ân đánh một cái rất mạnh đến nỗi Trương-Ân ngã ngựa chết tươi ngay.

Lý-Lập vội-vàng nhặt lấy xác Trương-Ân mà chôn vào rừng ấy, rồi lấy cả đồ hành-lý và tiền bạc đem đi, không còn ai biết cả.

Qua ngày hôm sau quan huyện sở-tại đấy là ông Hoàng-Giáp khi ra nhà khách thấy một con quạ đậu tại trước thềm mà bay lượn mãi trên sân.

Quan huyện thấy vậy động lòng, gọi người gần đấy mà bảo rằng :« Quái lạ ! con quạ kêu cách sầu thảm thế này có lẽ nó có điều gì oan-ức chăng ?

Con quạ lại cứ càng kêu thêm.

Quan huyện nói rằng : « Nếu mày quả có điều gì oan-ức, thì tao sai lính theo mày. »

Ngài nói thế rồi liền bảo ngay tên cai lệ là Triệu-Bảo đi theo

— « Mais oui, Monsieur, très volontiers ! »

A peine entré en possession du corbeau, notre brave Trương-Ân s'empressa de lui donner la liberté.

Le pauvre marchand ne s'était, hélas, pas aperçu de ce que, durant qu'il réglait l'achat de son oiseau, le dénommé Lý-Lập jetait, à la dérobée, des regards avides sur son porte-monnaie et constatait qu'il était encore fort bien garni. La convoitise s'empara instantanément de l'âme de celui-ci : « S'il peut tenir tant d'argent dans ce petit porte-monnaie, songea-t-il ; quels trésors ne doivent-ils pas être contenus dans les flancs rebondis de cette superbe valise ? » . . .

Ils poursuivirent leur route jusqu'en un certain point où elle s'engageait sous une épaisse forêt. Voyant que, là, nul importun n'était à redouter, le misérable loueur asséna soudain sur le crâne de Trương-Ân un si formidable coup de bâton que notre pauvre ami tomba de cheval et passa instantanément de vie à trépas.

L'assassin s'empressa d'enfouir le corps de sa malheureuse victime, après l'avoir soigneusement dépouillé de ses bagages et de son argent. Nul œil humain autre que le sien n'avait été témoin de son horrible forfait.

. . . . . .

Le lendemain, le «Hoàng-Giáp», mandarin sous-préfet de la localité, arrivant comme chaque jour à son bureau, ne fut pas peu surpris de voir un corbeau traverser la cour en voletant lourdement et venir se présenter devant lui en poussant des cris déchirants. Assez ému à ce spectacle, notre mandarin dit à son entourage :

— Les cris lugubres de ce malheureux volatile me donnent l'impression qu'il vient se plaindre de quelque injustice dont il aurait été victime ! »

L'oiseau, à ces mots, redoubla ses cris.

— « Si tu as vraiment souffert de quelque iniquité, lui dit le bon mandarin, tu vas nous le faire connaître aisément, car voici quelqu'un de mes gens que je mets à ta disposition pour t'accompagner là où il te plaira de l'amener. »

Et, incontinent, il ordonna à un caporal de ses satellites, du

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

con quạ hễ chứng-kiến được điều gì thì phải về báo. Con quạ bay đi, đi được vài dặm thì nó lại đậu ở bờ đường mà chờ Triệu-Bảo, sau đi được đến hai mươi dặm thấy có một cái rừng xanh, quạ tức thì bay ngay vào rừng, rồi đậu ở trên một đống đất mới, mà kêu một cách rất bi-thương, làm cho Triệu-Bảo phải rởn tóc gáy. Tên cai lệ chắc là chính chỗ ấy là chỗ đã sẩy ra cái bi-kịch liền vội-vàng trở về bẩm quan. Giữa lúc ấy thì con quạ cũng trở lại và kêu-van một cách rứt thê-thảm.

Quan huyện thấy vậy bảo rằng : « Thực là oan-hồn không còn nghi ngờ gì nữa», rồi lập tức bắt quân hầu sắm-sửa đi theo đến chỗ chôn ấy để mà xét-nghiệm

Khi đến nơi, quan bắt đào lên xem thì quả thấy một cái xác người đàn-ông mới chôn chưa được bao lâu, giở ra thì thấy bên cạnh có một cái roi ngựa, tức là cái roi mà khi Lý-Lập giết vội-vàng bỏ quên lại. Quan sai lính mang roi ấy về. Khi về đến nhà, ngài lại sai đốt hương cáo-chúc thần-linh. Đến canh ba đêm hôm ấy thì ngài mộng thấy một người hình-dung gầy-gò, đầu tóc rũ-rợi bơ-phờ, dáng đi tiều-tụy quỳ trước mặt mà kêu rằng :

« Xin quan lớn xét cho con việc oan này»

Quan huyện hỏi : « Mày là người nào, mà bị oan điều gì ?»

Người ấy thưa rằng : «Con bị oan thế này là vì tên «phi Đào, phi Hạnh, phi Tọa, phi Hành». Nói xong liền khóc nức-nở rồi đi mất.

Quan huyện rật mình tỉnh dậy, thôi không ngủ nữa. Ngài

nom de Triệu-Bảo, de suivre le corbeau et de rendre compte, à son retour, de tous les faits dont il aurait été témoin. Voletant devant lui, le corbeau suspendait, par instants, son vol pour l'attendre. Ayant cheminé ainsi pendant une vingtaine de stades, on atteignit un vaste emplacement tout couvert de broussailles; l'oiseau s'y arrêta définitivement, et, perché sur un tertre qui paraissait tout récent, il se mit à pousser de tels cris que le caporal, épouvanté, sentit ses cheveux se dresser sur la tête. Persuadé qu'il se trouvait là sur le théâtre de quelque drame, Triệu-Bảo entra bien vite pour rendre compte au mandarin du résultat de sa mission. L'oiseau rentra aussi, et il renouvela ses cris et ses éloquentes manifestations.

— « Ce doit être l'âme de la victime qui s'est incarnée dans le corps de cet étrange animal. » dit le sous-préfet Et il donna l'ordre à ses serviteurs de tout préparer immédiatement pour une enquête judiciaire sur place.

Parvenu sur les lieux, il fit fouiller le tertre : on trouva sans peine le cadavre dont l'enterrement était évidemment tout récent. On découvrit même un fouet que le meurtrier avait, dans sa hâte, oublié auprès du corps de sa victime. Le sous-préfet fit emporter le fouet et rentra bien vite chez lui. Là, il se mit en demeure d'allumer des baguettes d'encens et d'implorer les puissants génies pour qu'ils l'aidassent à découvrir les coupables. Vers la troisième veille de cette nuit de prières, il eut la vision d'un homme maigre qui, l'air égaré, s'agenouilla devant lui et lui dit d'un ton suppliant :

— « Grand mandarin, daignez, je vous en prie, examiner l'injustice dont je suis frappé, et ma reconnaissance sera infinie !».

— « Qu'es tu, et quelle injustice veux-tu dire ? » lui demanda le mandarin.

— « Grand mandarin, je suis la malheureuse victime de l'acte indigne commis par un homme dont le nom est tracé par des caractères qui ne signifient ni « dào » (pêcher), ni « hạnh » (amandier) ni « tọa » (assis), ni « hành » (marchant). Cela dit, il éclata en sanglots et disparut.

Le sous-préfet reprit ses sens brusquement et se leva aussitôt,

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

nghĩ-ngợi mãi về cái mộng ấy mà vẫn chưa đoán ra được là cái gì ? Sáng sớm ngài ra nhà khách, truyền cho quân hầu đi bắt hết mấy nhà ở gần rừng ấy đến huyện để tra :

Lính lãnh mệnh đi thì ở gần rừng ấy độ ba dặm có một rẫy nhà gọi là Bình-Phong-Chai, chỉ có hơn mươi nhà làm nghề cho thuê ngựa, thì liền bắt vài người đến huyện.

Quan huyện hỏi rằng : « Chúng bay sinh-nhai bằng nghề gì ?»

— Bẩm quan lớn, chúng con chỉ có nghề cho thuê ngựa kiếm ăn.

— Chúng bay đã làm nghề cho thuê ngựa kiếm ăn thì cớ sao lại còn dám đồng-mưu tập-họp nhau mà giết một người hành-khách để lấy của của người ta ?

— Bẩm quan lớn không bao giờ chúng con dám làm điều phi-pháp ấy.

— Nếu không phải chúng bay giết thì cớ sao mới vài hôm nay ta thấy xác một người hành-khách vùi ở trong rừng gần miền chúng bay ?

— Bẩm quan lớn, chúng con dám quyết rằng nếu có sảy ra việc đó thì không bao giờ bởi chúng con, vì rằng chúng con rất lương-thiện.

— Thế tại sao ta lại thấy cái roi ngựa này ở cạnh người bị giết ?

Mấy người nghe thấy quan hỏi thế thì liền tất-tả chạy đến xem cái roi ngựa rồi thưa rằng :

— Bẩm quan lớn, chính chúng con là người cho thuê ngựa, song chúng con không bao giờ ở nguyên một nơi, chỉ thay đổi nhau mà làm việc.

— Nếu chúng bay đã cắt phiên nhau mà làm ăn thế, thì chúng bay phải khai một tờ giấy liệt hết cả tên họ từng người, ta xem.

Chúng liền vâng lời rồi liệt rõ các tên vào tờ giấy ; quan bèn

poursuivi par le souvenir de cette vision. Il s'efforça longuement d'en trouver l'explication, mais en vain. De bon matin, il se rendit à son bureau et prescrivit d'y rassembler tous les habitants voisins du lieu du crime pour qu'ils y fussent interrogés.

On se mit en quête de ceux-ci et, à trois stades de là environ, on ne trouva qu'une dizaine de familles se consacrant à la location de chevaux aux voyageurs. On en amena quelques gens à la sous-préfecture.

— « De quel métier vivez-vous ? » leur demanda le sous-préfet dès qu'il les eut en sa présence.

— « Grand mandarin, nous vivons très modestement du pauvre métier de loueur de chevaux. »

— « Comment avez-vous pu avoir l'audace de comploter le meurtre d'un voyageur pour le dépouiller, vous qui prétendez vivre de votre métier ! »

— « Grand mandarin, nous n'avons jamais eu semblable audace, nous ne sommes pas des meurtriers ! »

— « Alors comment se fait-il que j'ai découvert ce cadavre de voyageur dans la broussaille tout près de votre village si vous n'êtes pas les auteurs du crime ? »

— « Grand mandarin, nous vous jurons que nous sommes absolument incapables d'une telle abomination ! Nous sommes d'honnêtes gens, ce n'est pas par nous que ce crime a été commis ! . . . . »

— « Et comment se fait-il aussi, dans ces conditions, que j'ai trouvé ce fouet auprès de la victime ? »

Ceux à qui cette question était posée s'empressèrent autour du fouet que leur montrait le mandarin et dirent :

— « Grand mandarin, nous sommes bien tous loueurs de chevaux, mais nous nous déplaçons fréquemment par tours de service pour notre travail. Nous ignorons tout de ce crime ! »

— « Si vous assurez votre service par roulement entre vous, je vous ordonne de me remettre une liste de vos noms avec vos tours de service. »

Ce qui fut fait et, il eut aussitôt sous les yeux la liste détaillée de

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

cầm xem cẩn-thận, khi đến tên Lý-Lập thì trong lòng chợt hồi-tưởng đến cái mộng đêm qua, lấy làm ứng-nghiệm lắm, mà nghĩ rằng : « Nếu không phải « đào » 桃 mà cũng không phải « hạnh » 杏 thì có phải là « Lý » 李 không? mà không phải là « tọa » 坐 mà cũng không phải là « hành » 行 thì có phải là « lập » 立 không ? »

Nghĩ thế rồi lập tức sai người đi bắt tên Lý-Lập. Khi giải tên Lý-Lập đến thì nó đã mặt tái mét không còn hột máu, trông ra dáng sợ hãi lắm. Lúc đầu mới hỏi thì nó còn chối chưa chịu nhận, kịp khi quan nổi giận mà quát to, truyền lấy hình-cụ ra thì bấy giờ Lý-Lập chỉ có một việc là thú nhận tội-lỗi một mạch, từ đầu chí đuôi : nào từ lúc thấy Trương-Ân mua quạ phóng sinh, nhác thấy anh ta có tiền sinh lòng gian-tham, nên giết chết đi để lấy của, cho đến khi đem chôn vào rừng rồi ký tờ cung-khai nhận tội. Lạ nhất là lúc tên Lý Lập chưa ký tờ cung-khai thì con quạ đậu lên trên đầu tên phạm mà mổ mạnh đến nỗi máu chảy dòng-dòng, mãi đến khi thú nhận mới chịu thôi, xong rồi lại đập đầu vào đá dưới sân công-đường mà chết.

Bấy giờ thiên-hạ mới hiểu truyện : là nguyên khi trước Trương-Ân mua mà phóng sinh, đến bấy giờ Trương-Ân bị chết oan mà nó liều mình để đền ơn trả nghĩa, cả huyện đều lấy truyện ấy làm kỳ-dị xưa nay chưa hề thấy bao giờ.

Còn tên Lý Lập phạm tội sát-nhân thủ-tài thì chỉ đợi đến kỳ lập-quyết.

Lời phân của quan huyện

Xét án tên Trương-Ân là người từ-thiện, chịu bỏ tiền ra mà chuộc mạng cho con chim, còn tên Lý-Lập là đứa hung ác, cố mưu mà hại mạng người ta.

tous les noms qu'il parcourut attentivement. Parvenu au nom de Lý-Lập, son souvenir se reporta soudain à la vision de la nuit précédente : « Est-ce que la rencontre n'est pas vraiment remarquable ? songea-t-il : nous avons ici le caractère «lý» (prunier) qui n'est ni «đào » (pécher), ni « hạnh » (amandier) ; puis le caractère «lập» (debout) qui n'est ni «tọa» (assis), ni «hành » (marchant)... » Est il comprit que toute sa vision était véridique.

Il fit immédiatement arrêter le nommé Lý-Lập en question. Celui-ci se présenta devant lui pâle et défait, en proie à une terreur manifeste. Il essaya d'abord de nier, mais lorsque le mandarin, irrité d'une telle attitude, eût donné l'ordre qu'on apportât les instruments de torture, il ne pût que faire des aveux complets. Il raconta tout, du début à la fin, depuis le moment où il avait remarqué la richesse de Truong-An lors de l'acquisition du corbeau jusqu'à celui où il l'avait tué et dépouillé dans la forêt ; puis il signa la déclaration où il reconnaissait ainsi formellement sa culpabilité. Fait bien curieux, avant qu'il se fût décidé à avouer, l'oiseau vint se percher sur le sommet de sa tête et lui asséna de violents coups de bec, si bien que le sang jaillit fortement ; il continua ainsi jusqu'à ce que Lý-Lập eût signé l'aveu de son crime. Son devoir alors accompli, il se donna la mort en se précipitant avec violence sur les dalles de la cour du tribunal.

C'est à ce moment seulement qu'on comprit ! C'était en reconnaissance de ce que Trương-Ân l'avait acheté pour lui rendre sa liberté que le pauvre animal s'était ainsi suicidé, en raison de ce que la cause première de la mort de Trương-Ân avait été ce rachat du corbeau. Ce fait vraiment merveilleux, jusqu'alors sans précédent connu, produisit une impression profonde sur le peuple.

Quant à l'assassin Lý-Lập, il n'eût plus qu'à attendre qu'on statuât sur son sort.

« Avis du Sous-Préfet »

« Attendu que le sieur Trương-Ân, homme compatissant, n'a « pas hésité à payer de sa poche la rançon de la vie et de la « liberté d'un pauvre corbeau, et que le sieur Lý-Lập, cruel et « cupide, a commis, sur sa personne, le crime d'homicide vo- « lontaire et de vol avec préméditation.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Như vậy trách nào cái oan-hồn kia chẳng giận, con quạ nọ chẳng hờn mà đến nỗi phải tới trước công-đình mà đại-tỏ oan-tình... .

Ví-dụ như con quạ kia mà không gặp được Trương-Ân thì cái nạn nguy lúc ấy cũng khó lòng mà thoát khỏi, mà Trương-Ân nọ không được ơn con quạ thì lấy ai mà cáo tố oan-tình này cho.

Ngán thay ! con chim là loài không biết suy-xét mà còn biết báo nghĩa đền ơn, huống chi là người ta là loài có tư-tưởng ý-chí mà nỡ nào đi làm truyện đê-liệt thế ru ?

Còn một nỗi con quạ đáng thương thay là khi tên phạm Lý-Lập chưa nhận tội thì nó cứ đậu trên đầu mà mổ hoài, kịp đến khi tên thù-nhân đã thú tội, thì nó lại đập đầu mà chết trên công-đình. Như thế thời tình rất khẩn-thiết, nghĩa rất cao thâm.

Như việc này : người vị chim mà chết, chim vị người mà phải bỏ mình, nhân truyện phóng-sinh chim mà hại người, nhân truyện báo nghĩa người mà hại chim, thực khó lòng mà an-uỷ được hai cái vong-hồn dưới chín suối. — Bản-chức phải làm cho trọn nghĩa-vụ mà định án xử-quyết tên Lý-Lập, còn chờ lệnh sang mùa thu sẽ xử.

Phán án xong rồi sai dam tạm tên Lý-Lập cùng là làm ma cho Trương-Ân và con quạ một cách long-trọng, sai đem chôn hai cái xác vào hai mả cạnh nhau, mà trước mả quạ thì dựng một cái đình-bia đề ba chữ kỷ-niệm « nghĩa-nha-phần » là mộ con quạ có nghĩa.

« Attendu que l'âme de la victime, ainsi qu'il devait arriver, « s'est manifestée en cet oiseau qui est venu se présenter de-« vant le tribunal pour y dénoncer l'insjustice subie par son bien-« faiteur.

« Attendu que si l'oiseau n'avait pas rencontré Trương-Ân, « il n'aurait pu échapper au péril qu'il encourait du fait de sa « captivité entre les mains d'un enfant, et que si Trương-Ân, « de son côté, n'avait pas rencontré le corbeau, l'attentat dont « il avait été la victime serait demeurée inconnu et impuni. »

« Considérant que nous sommes indigné de constater qu'en « cette tragique affaire un simple oiseau, pauvre bête incapable « de raisonnement, a su prouver une telle reconnaissance, tandis « qu'un homme n'a su qu'écouter ses plus vils instincts pour « commettre un lâche assassinat.

« Considérant que, fait particulièrement émouvant de la part « de l'oiseau, celui-ci, avant la confession du criminel, lui a « violemment becqueté le crâne, puis s'est donné la mort dès « qu'il eut reçu satisfaction, ce qui nous témoigne de sa part de « sentiments admirables et d'une reconnaissance des plus pro-« fondes.

« Décidons : l'homme et l'oiseau ayant mutuellement sacrifié « leur vie l'un pour l'autre, l'homme étant mort pour avoir dé-« livré le corbeau, et le corbeau étant mort par reconnaissance « pour l'homme, il nous est très difficile de donner maintenant « quelque satisfaction véritable aux mânes de ces deux victimes « qui ont émigré au Pays des Neuf-Sources » (1). Notre princi-« pal devoir est donc de proclamer le forfait abominable du dé-« nommé Lý-Lập sur lequel jugement sera prochainement rendu « en automne prochain par l'autorité compétente. »

Après avoir publié cette ordonnance, le mandarin fit incarcérer Lý-Lập ; il prescrivit des funérailles solennelles pour Trương An et pour l'oiseau dont les dépouilles mortelles furent placées côte-à-côte en deux tombes contigües, et il fit dresser, en face du tombeau du corbeau une petite stèle commémorative sur laquelle furent gravés les caractères suivants : « Nghĩa-nha-phần » : Tombeau d'un corbeau reconnaissant.

(1) « Les Neuf-Sources» (Chín Suối) : Séjour des morts d'après la mythologie chinoise.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

CHUYỆN DOMINIQUE

Tiểu—Thuyết

của Eugène Fromentin

N. D. dịch

(Tiếp-theo)

III

Câu truyện tôi kể về tôi không có mấy nỗi, có thể tóm vào mấy câu sau này : tôi chỉ là một lão nhà quê xa làng một độ, một nhà văn-sĩ tủi thân đã cạch cái sinh viết văn thơ, thủy-chung rút cục lại đến cái nóc nhà mình cắt rốn chôn rau nhi-dĩ. Câu truyện tóm lược lại sau này, cái kết-cục tầm thường mà ông đã rõ đấy, đó là phần hay nhất thuộc về luân-lý trong câu truyện và có nhẽ là phần lãng-mãn phiêu-lưu nhất. — Kỳ-dư cũng không bổ-ích cho ai, riêng tôi nhớ đến là thấy cảm-động mà thôi. Tôi cũng không giữ kín làm gì, xin ông biết cho ; nhưng tôi cũng hết sức nói đến, là tại những nhẽ riêng không phải tại lòng muốn thuật truyện cho hay hơn đâu.

Trong mấy người liên-can đến truyện này, tôi xin kể truyện họ cũng như truyện tôi, một người là cố-hữu khó luận-định tính cách, xét đoán không khỏi không lấy làm đắng cay, mà lúc nầy ông đã đọc cái thư cáo-biệt bi ai. Không bao giờ ông giả thích được cái đời ông vốn không thuận với cái ý ông sở-nguyện. Đem câu truyện đời ông mà thuật với những câu tâm-sự này, cũng gần như là đem phục-hồi cái đời ông lại mà thôi. Người thứ hai thì không có nhẽ gì giữ mật cái đời của mình được. Ông ta ở vào cái địa-vị một người trong công-vụ, hoặc ông đã quen biết, hoặc có nhẽ rồi ra ông quen biết : tôi xin nói cho ông biết rằng ông ta xuất-thân rất hàn-vi, tôi thiết-tưởng nói như thế không có ý giảm bớt một chút giá-trị gì của ông ta đâu. Còn người thứ ba mà sự giao-tiếp có ảnh-hưởng rất sâu-xa về thời

DOMINIQUE

Roman

Par Eugène Fromentin

Traduit par N. D.

(suite)

III

Ce que j'ai à vous dire de moi est fort peu de chose, et cela pourrait tenir en quelques mots : un campagnard qui s'éloigne un moment de son village, un écrivain mécontent de lui qui renonce à la manie d'écrire, et le pignon de sa maison natale figurant au début comme à la fin de son histoire. Le plat résumé que voici, le dénoûment bourgeois que vous lui connaissez c'est encore ce que cette histoire contiendra de meilleur comme moralité, et peut-être de plus romanesque comme aventure. Le reste n'est instructif pour personne, et ne saurait émouvoir que mes souvenirs. Je n'en fais pas mystère, croyez-le bien; mais j'en parle le moins possible, et cela pour des raisons particulières qui n'ont rien de commun avec l'envie de me rendre plus intéressant que je ne le suis.

Des quelques personnes qui se trouvent mêlées à ce récit, et dont je vous entretiendrai presque autant que de moi-même, l'un est un ami ancien, difficile à définir, plus difficile encore à juger sans amertume, et dont vous avez lu tout à l'heure la lettre d'adieu et de deuil. Jamais il ne se serait expliqué sur une existence qui n'avait pas lieu de lui plaire. C'est presque la réhabiliter que de la mêler à ces confidences. L'autre n'a aucune raison d'être discret sur la sienne. Il appartient à des situations qui font de lui un homme public : ou vous le connaissez, ou il vous arrivera probablement de le connaître, et je ne crois pas le diminuer du plus petit de ses mérites en vous avertissant de la médiocrité de ses origines. Quant à la troisième personne dont le contact eu une vive influence sur ma jeunesse, elle est placée maintenant

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

niên-thiếu của tôi thì ngày nay ông ta đã được đặt vào cái địa-vị an-nhàn, phong-lưu kín đáo tưởng như những câu truyện cũ của ông không còn có liên-can gì với những câu truyện cũ của kẻ thuật truyện này.

Tôi có thể nói rằng tôi không có gia-quyên và chính những con cái tôi ngày nay làm cho tôi biết cái giây thân-tình êm-đềm, chắc-chắn mà khi tôi đương trạc chúng nó, tôi không được biết đến. Mẹ tôi gọi là đủ sức nuôi tôi rồi tạ-thế đi -- cha tôi sống thêm được vài năm nữa, nhưng mà yếu-ớt khốn-nạn đến nỗi tôi thấy cha tôi vắng mặt lấu rồi mới thấy mất mà tôi không thấy cha tôi đã làu rồi mới thấy chết thực, thành thử ra tôi không biết cha tôi cũng không biết mẹ tôi và đến ngày tôi để chở cha tôi vừa mới quá-cố đi tôi ở một mình không thấy sự biến đổi to-tát gì làm cho tôi đau-đớn. Chung quanh mình thấy người ta nhắc luôn cái tên mồ-côi như là một cái tên khốn-nạn mà mình chỉ cho cái tên ấy một cái nghĩa mơ-màng và lúc trông thấy lũ đầy-tớ khóc thương mới biết rằng cái thân mình đáng thảm.

Tôi trưởng-thành trong đám nô-bộc đảm đang ấy, xa có cô tôi là bà Xê-Sắc trông nom cho, mãi đến về sau lúc tôi cần có cô tôi coi-sóc của-cải và dạy-dỗ cho, cô tôi mới đến ở lầu Trembles. Cô tôi thấy tôi là một đứa trẻ ngơ-ngẩn, không có giáo-dục, rốt đặc. dễ kèm, nhưng khó bắt nhễ, lông-bông hết sức, chẳng có trí gì về kỷ-luật, về việc học hành, lần đầu nói đến việc học việc dùng thì-giờ, chỉ há hốc miệng ra, lấy làm lạ vì đời người không rút lại vào cái thú chạy rông ngoài đồng mà thôi. Từ thuở bé đến bây giờ, tôi chả chịu làm gì sốt. Tôi chỉ còn phảng phất nhớ đến cha tôi có mấy điều cuối cùng sau này: cái bệnh nó làm cho cha tôi hao mòn có thư được đôi lúc, cha tôi đi ra vườn đến bức tường ngoài, rồi những buổi chiều dài đẳng đẵng, giời nắng chang chang, cha tôi trống gậy mấy, đi chậm chạp như một ông lão già nhởn-nhơ đi dạo hằng giờ. Trong lúc đó, tôi đi khắp cánh đồng đánh bẫy chim. Tôi không học hành gì khác cả, cứ trông thấy cha tôi làm gì, thì cô bắt chước lấy hết. Còn bè bạn duy có lũ trẻ nhà quê con nhà hàng xóm, hoặc lười quá không theo học trong trường được, hoặc bé quá chưa cho ra làm ruộng được, đều khuyến-khích tôi nên theo gương chúng tuyệt không lo-lắng gì đến cuộc tương-lai. Mà sự

dans les conditions de sécurité, de bonheur et d'oubli, à défier tout rapprochement entre les souvenirs de celui qui vous parlera d'elle et les siens.

Je puis dire que je n'ai pas eu de famille, et ce sont mes enfants qui me font connaître aujourd'hui la douceur et la fermeté des liens qui m'ont manqué quand j'avais leur âge. Ma mère eut à peine la force de me nourrir et mourut. Mon père vécut encore quelques années mais dans un état de santé si misérable que je cessai de sentir sa présence longtemps avant de le perdre, et que sa mort remonte pour moi bien au delà de son décès réel, en sorte que je n'ai pour ainsi dire connu ni l'un ni l'autre, et que le jour où, en deuil de mon père, qui venait de s'éteindre, je demeurai seul, je n'aperçus aucun changement notable qui me fît souffrir. Je n'attachai qu'un sens des plus vagues au mot d'orphelin qu'on répétait autour de moi comme un nom de malheur, et je comprenais seulement, aux pleurs de mes domestiques, que j'étais à plaindre.

Je grandis au milieu de ces braves gens, surveillé de loin par une sœur de mon père. madame Ceyssac, qui ne vint qu'un peu plus tard s'établir aux Trembles, dès que les soins de ma fortune et de mon éducation réclamèrent décidément sa présence. Elle trouva en moi un enfant sauvage, inculte, en pleine ignorance, facile à soumettre, plus difficile à convaincre, vagabond dans toute la force du terme, sans nulle idée de discipline et de travail, et qui, la première fois qu'on lui parla d'étude et d'emploi du temps, demeura bouche béante, étonné que la vie ne se bornât pas au plaisir de courir les champs. Jusque-là je n'avais pas fait autre chose. Les derniers souvenirs qui m'étaient restés de mon père étaient ceux-ci : dans les rares moments où la maladie qui le minait lui laissait un peu de répit, il sortait, gagnait à pied le mur extérieur du parc, et là, pendant de longues après-midi de soleil, appuyé sur un grand jonc et avec la démarche lente qui me le faisait paraître un vieillard, il se promenait des heures entières. Pendant ce temps, je parcourais la campagne et j'y tendais mes pièges à oiseaux, N'ayant jamais reçu d'autres leçons, à une légère différence près, je croyais imiter assez exactement ce que j'avais vu faire à mon père. Et quant aux seuls compagnons que

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

giáo-dục tôi thích nhất, cái bài học tôi không phải phản-đối, và xin ông biết cho cái bài học cho tôi cái kết-quả vững-bền và thiết-thực lại chính ở bọn ấy mà ra vậy. Tôi cứ học tập-nhạp theo cựu-tập mà biết một mớ việc vặt, chính là những món học và cái thú ở chốn thôn quê vậy. Tôi lại có đủ tư-cách mà học như thế: tôi có sức khỏe, có hai con mắt nhà nông-phu, nghĩa là hai con mắt rất tinh, tai sớm luyện nghe những tiếng rất nhỏ, chân đi không mỏi, lại thêm cái lòng thích những sự khoáng-đãng, biết lưu-tâm đến điều mình quan-sát, điều mình trông thấy, nghe thấy, không thích những truyện mình xem, rất hám những truyện thuật lại; điều lạ trong sách không thích cho tôi bằng những truyện hoang-đường và tôi thích những câu truyện dị-đoan hơn những câu truyện thần-tiên.

Tôi lên mười tuổi, cũng giống như trẻ khác ở Villeneuve tôi cũng biết đủ như chúng nó, biết kém ông cha chúng nó; nhưng; mà họ với tôi cũng có một điều khác, tuy chưa rõ-rệt lắm, nhưng thốt-nhiên đã định rồi: là tôi nhân trông thấy đời, trông thấy những việc thường mà đã nẩy ra những cảm-tình trẻ khác hình như không nghĩ đến. Thật quả thế, khi tôi nhớ lại, cái điều sở-thích của tôi trong cuộc đi săn, không phải chỉ là cái thú sửa bẫy, mắc bẫy rình chim trong bụi rậm đâu; là tại trong những lúc ẩn-núp ấy, duy chỉ có điều này là còn nhớ lại, là có nhiều chỗ trông rất tinh tường, nhớ đúng cả giờ nào, mùa nào, nhớ cả đến những tiếng kêu từ bấy đến nay, vẫn còn văng-vẳng mãi. Nhát nữa kể đã được ba mươi nhăm năm, thế mà tôi còn nhớ đến một buổi chiều kia, khi tôi đang cất bẫy trong một cánh ruộng mới cầy hôm trước, giời thế nào, gió thổi thế nào, không-khí bình tĩnh, giời phủ mây đen, mà những chim câu tháng chín bay qua cánh đồng, đập cánh vù vù, chung quanh đồng ruộng, những máy say thóc, đã cởi vải ra, chờ gió gió không đến, chắc ông nghe thấy coi như là câu truyện trẻ con vậy. Thực tôi cũng không biết nói tại sao mà câu truyện tầm-thường như thế lại in sâu vào trong trí nhớ của tôi, rõ cả

j'eusse alors, c'étaient des fils de paysans du voisinage, ou trop paresseux pour suivre l'école, ou trop petits pour être mis au travail de la terre, et qui tous m'encourageaient de leur propre exemple dans la plus parfaite insouciance en fait d'avenir. La seule éducation qui me fût agréable, le seul enseignement qui ne me coûtât pas de révolte, et, notez-le bien, le seul qui dût porter des fruits durables et positifs, me venait d'eux. J'apprenais confusément, de routine, cette quantité de petits faits qui sont la science et le charme de la vie de campagne. J'avais, pour profiter d'un pareil enseignement, toutes les aptitudes désirables ; une santé robuste, des yeux de paysan, c'est-à-dire des yeux parfaits, une oreille exercée de bonne heure aux moindres bruits, de jambes infatigables, avec cela l'amour des choses qui se passent en plein air, le souci de ce qu'on observe, de ce qu'on voit, de ce qu'on écoute, peu de goût pour les histoires qu'on lit, la plus grande curiosité pour celles qui se racontent ; le merveilleux des livres m'intéressait moins que celui des légendes, et je mettais les superstitions locales bien au-dessus des contes de fées.

A dix ans, je ressemblais à tous les enfants de Villeneuve : j'en savais autant qu'eux, j'en savais un peu moins que leurs pères ; mais il y avait entre eux et moi une différence, imperceptible alors, et qui se détermina tout à coup : c'est que déjà je tirais de l'existence et des faits qui nous étaient communs des sensations qui toutes paraissaient leur être étrangères. Ainsi, il est bien évident pour moi, lorsque je m'en souviens, que le plaisir de faire des pièges, de les tendre le long des buissons, de guetter l'oiseau, n'était pas ce qui me captivait le plus dans la chasse ; et la preuve, c'est que le seul témoignage un peu vif qui me soit resté de ces continuelles embuscades, c'est la vision très nette de certains lieux, la note exacte de l'heure et de la saison, et jusqu'à la perception de certains bruits qui n'ont pas cessé depuis de se faire entendre. Peut-être vous paraîtra-t-il assez puéril de me rappeler qu'il y a trente cinq ans tout à l'heure, un soir que je relevais mes pièges dans un guéret labouré de la veille, il faisait tel temps, tel vent, que l'air était calme, le ciel gris, que des tourterelles de septembre passaient dans la campagne avec un battement d'ailes très sonore, et que tout autour de la plaine, les moulins à vent,

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

năm nào ngày nào, đến nỗi bây giờ lại vào câu truyện một người đã quá đứng tuổi, nhưng nếu tôi kể ông nghe câu truyện ấy trong nghìn câu truyện khác, là để cho ông biết rõ ràng cái đời tôi giao-tiếp với ngoại-vật, đã có một điều đặc-biệt biểu lộ ra mà trong người tôi đã nẩy ra một cái trí nhớ riêng ít cảm đến sự đời, mà có cái tài lạ thấu được những cảm-tình vậy.

Chính thực ra, thì cái giáo-dục ấy tưởng là mạnh-mẽ lắm lại là đáng ghét, nhất là cho những kẻ mà cuộc tương-lai của tôi có can-hệ đến sau này. Tôi dẫu ngang tàng, tuy tôi hằng gặp và kết thân với bè bạn trong làng, kỳ-thực tôi rất đơn-độc một mình, một chúng-loại, một địa-vị lại thêm nhiều điều không hợp với cái tương-lai của tôi. Tôi quyến-luyến với những người đáng làm đầy tớ không đáng làm bạn cho tôi ; tôi quyến luyến mà tôi không biết, quyến-luyến bởi những giây bền chặt với những nơi mình sớm phải từ-giã ; tôi tập những thói quen chả ích gì chỉ làm cho tôi thành ra người dở-dang sau này ông sẽ biết, dở thằng dở ông, khi ông khi thằng, có khi vừa thằng vừa ông, không rõ là bực nào vậy.

Tôi đã nói với ông rằng tôi cực dốt, cô tôi cũng biết thế, vội tìm về lầu Trembles một thầy học, là một thầy giáo thiếu-niên ở trường trung-học Ô-Mê-Sơn. Ông là người thông-minh lắm, giản-dị cương-trực mực-thước, xem sách nhiều, việc gì cũng sành, xử-sự rất nhanh, nhưng không bao giờ bàn bạc mọi lẽ, người rất lanh-lợi mà hẳn cũng tham-lam lắm, tôi không trông thấy người nào bước vào cuộc đời rất ít tưởng tượng, rất nhiều đảm-lực, ít tư-bản mà coi thế cực một cách rất vững-vàng. Ông ta có con mắt tinh đời, dáng điệu khoan-khoái, nhời nói minh-bạch, phong-khí tinh-thần có vẻ hoạt-bát, khéo lẫn mình trong đám đông người. Cái tính ấy giao-tiếp với cái tính tôi vốn không giống tính ông mấy tí nhẽ ra thì thiệt cho tôi nhiều ; nhưng mà tôi xin nói rằng ông ta vốn bụng dạ nhân từ, lại tính-tình, tâm-tư lúc nào cũng

dépouillés de leur toile, attendaient le vent qui ne venait pas. Vous dire comment une particularité de si peu de valeur a pu se fixer dans ma mémoire, avec la date précise de l'année et peut-être bien du jour, au point de trouver sa place en ce moment dans la conversation d'un homme plus que mûr, je l'ignore ; mais si je vous cite ce fait entre mille autres, c'est afin de vous indiquer que quelque chose se dégageait déjà de ma vie extérieure, et qu'il se formait en moi je ne sais quelle mémoire spéciale assez peu sensible aux faits, mais d'une aptitude singulière à se pénétrer des impressions.

Ce qu'il y avait de plus positif, surtout pour ceux que mon avenir eût intéressés, c'est que cette éducation soi-disant vigoureuse était détestable. Tout dissipé que je fusse, et coudoyé et tutoyé par des camaderies de village, au fond j'étais seul, seul de ma race, seul de mon rang, et dans des désaccords sans nombre avec l'avenir qui m'attendait. Je m'attachais à des gens qui pouvaient être mes serviteurs, non mes amis ; je m'enracinais sans m'en apercevoir, et Dieu sait par quelles fibres résistantes, dans des lieux qu'il faudrait quitter, et quitter le plus tôt possible ; je prenais enfin des habitudes qui ne menaient à rien qu'à faire de moi le personnage ambigu que vous connaîtrez plus tard, moitié paysan et moitié *dilettante*, tantôt l'un, tantôt l'autre, et souvent les deux ensemble, sans que jamais ni l'un ni l'autre ait prévalu.

Mon ignorance, je vous l'ai déjà dit, était extrême ; ma tante le sentit ; elle se hâta d'appeler aux Trembles un précepteur, jeune maître d'étude du collège d'Ormesson. C'était un esprit bien fait, simple, direct, précis, nourri de lectures, ayant un avis sur tout, prompt à agir, mais jamais avant d'avoir discuté les motifs de ses actes, très-pratique et forcément très ambitieux. Je n'ai vu personne entrer dans la vie avec moins d'idéal et plus de sang-froid, ni envisager sa destinée d'un regard plus ferme, en y comptant aussi peu de ressources. Il avait l'œil clair, le geste libre, la parole nette, et juste assez d'agrément de tournure et d'esprit pour se glisser inaperçu dans les foules. Il dépendait d'un tel caractère, aux prises avec le mien, qui lui ressemblait si peu, de me faire beaucoup souffrir ; mais j'ajouterai qu'avec une bonté d'âme réelle, il avait une

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

chính-trực. Cái bản-tính bất-túc của ông bẩm-sinh vốn thế nhưng cái bản-tính ấy không đến nỗi nhiều nơi khuyết-sử vì đã có nhiều cái tính-chất đặc-biệt thay vào những cái đức-tính khiếm-khuyết và làm cho cái bản-tính kia hình như không thiếu một chút gì. Ông ta vừa đúng 24 tuổi, mà người ta tưởng đến ngót ba mươi. Tên thánh của ông là Augustin ; từ bây giờ đến dịp sau, tôi hãy cứ lấy tên ấy mà gọi vậy.

Ông ta vừa đến ở lầu Trembles thì cái đời tôi cũng có thay-đổi, mà không thay đổi thì ít ra cũng chia làm hai phần được. Những thói cũ tôi không bỏ, song tôi bị cưỡng-bách phải tập quen những thói mới khác. Tôi có sách, có vở, có thì giờ học tập ; nhưng những cái đó chỉ tổ làm cho tôi càng hám chơi-bời trong những giờ nghỉ việc. Mà tôi càng cần tiêu-khiển bao nhiêu thì cái lòng tôi thú cảnh lâm-toàn lại càng tăng-tiến lên bấy nhiêu.

Giạo ấy, lầu Trembles cũng không khác gì bây giờ. Thế thì giạo ấy lầu Trembles vui hơn hay là buồn hơn bây giờ ? Trẻ con có một cái đặc-tính thường là n vui-vẻ cũng như là thường làm to-lớn những sự quanh mình vậy, nhưng cái đặc-tính vui vẻ ấy thường sau này lại hóa giảm bớt đi thành ra buồn rầu mà không có một cái duyên cớ gì hiển-nhiên cả, duy chỉ bởi cái mục-đích bây giờ khác xưa mà thôi. Lão An-Di mà ông đã biết, từ sáu mươi năm nay ở trong lầu này không ra khỏi cửa có thường bảo tôi rằng giạo ấy ở đây mọi việc cũng sơ-sấn như bây giờ. Tôi sớm liễm cái thói viết các chữ số và động tỷ gì cũng đóng xi ghi nhớ. Nay giả-dụ cái trí nhớ câu truyện tôi này có phần khuyết-điểm thì cái thói kia sẽ có thể giúp tôi nhớ dần lại được. Vì thế cho nên có lắm lúc những năm giời đằng đẵng nó làm cho tôi xa cách hẳn cái thời-kỳ mà tôi nói tới đây cũng tiêu-tán qua loa đi, lại có lắm lúc tôi quên rằng tôi đã sống từ trước đến giờ, tôi đã phải săn sóc đến lắm việc hệ-trọng, trải qua nhiều nỗi vui buồn kia khác và gặp được lắm lẽ ái-ân đứng-đắn hơn nhiều. Sự đó chắc ông cũng lượng biết vì cảnh vật đã nguyên như cũ, đời cũng không khác gì xưa ; ấy cũng tỷ như một cái vết đi cũ mà bây giờ lại tượt chân xuống. Mà nếu ông tha thứ cho, tôi xin tỷ sự đó như một vết thương cũ đã khỏi hẳn nhưng chưa tiệt nọc, thốt-nhiên lại tung ra và làm cho ta phải đau-đớn kêu ca nếu ta không nén lòng giữ miệng. Tôi sở dĩ lấy cái

droiture de sentiments et une rectitude d'esprit à toute épreuve. C'était le propre de cette nature incomplète, et pourtantsans trop de lacunes, de posséder certaines facultés dominantes qui lui tenaient lieu des qualités absentes, et de se compléter elle-même en n'y laissant pas supposer le moindre vide. On lui eût donné tout près de trente ans, quoiqu'il en eût tout juste vingt-quatre. Son nom de baptême était Augustin : jusqu'à nouvel ordre, je l'appellerai ainsi.

Aussitôt qu'il fut installé près de nous, ma vie changea, en ce sens du moins qu'on en fit deux parts. Je ne renonçai point aux habitudes prises, mais on m'en imposa de nouvelles. J'eus des livres, des cahiers d'étude, des heures de travail ; je n'en contractai qu'un goût plus vif pour les distractions permises aux heures du repos, et ce que je puis appeler ma passion pour la compagne ne fit que grandir avec le besoin de divertissements.

La maison des Trembles était alors ce que vous la voyez. Etait-elle plus gaie ou plus triste ? Les enfants ont une disposition qui les porte à tellement égayer comme à grandir ce qui les entoure, que plus tard tout diminue et s'attriste sans cause apparente, et seulement parce que le point de vue n'est plus le même. André que vous connaissez, et qui n'est pas sorti de la maison depuis soixante ans, m'a dit bien souvent que chaque chose s'y passait à peu près comme aujourd'hui. La manie, que je contractai de bonne heure, d'écrire mon chiffre, et à tout propos de poser des scellés commémoratifs, servirait au reste à redresser mes souvenirs, si mes souvenirs sur ce point n'étaient pas infaillibles. Aussi il y a des moments, vous comprendrez cela, où les longues années qui me séparent de l'époque dont je vous parle disparaissent, où j'oublie que j'ai vécu depuis, qu'il m'est venu des soins plus graves, des causes de joie ou de tristesse différentes, et des raisons de m'attendrir beaucoup plus sérieuses. Les choses étant demeurées les mêmes, je vis de même ; c'est comme une ancienne ornière où l'on retombe, et, permettez-moi cette image, un peu plus conforme à ce que j'éprouve, comme une ancienne plaie parfaitement guérie, mais sensible, qui tout à coup se ranime, et, si l'on osait, vous ferait crier. Imaginez qu'avant de partir pour le collège, où j'allai tard, pas un seul jour je ne perdis de vue ce clocher que vous voyez là-bas, vivant aux mêmes lieux,

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

tỷ-dụ ấy là vì nó hợp với cái cảm-súc của tôi hơn ít nhiều. Xin ông hãy tưởng-tượng ra rằng trước khi tôi ra tỉnh học mà tôi đi học như thế đã là chễ rồi, không có một ngày nào tôi nhãng trông cái gác chuông ở trước mắt ông kia bấy lâu vẫn đứng sững nguyên-vị mà không thay-đổi tý gì ; ông lại nên biết cho rằng bây giờ tôi thấy cảnh cũ chẳng khác gì xưa mà người ta lại đối-đãi với cảnh-vật ấy một cách đặc-biệt khiến tôi nhận ra và sinh lòng yêu mến. Ông cũng nên biết rằng một ly kỷ-niệm gì ở trong cái thời-kỳ ấy tôi cũng không quên, mà có thể nói là tôi cũng không hơi quên được. Và ông chớ lấy làm lạ vì thấy tôi vu-vơ nói cho ông nghe những sự phảng-phất thuở xưa nó có cái mãnh-lực cố-nhiên làm cho tôi trẻ người lại có lẽ thành ra ấu-trĩ cũng nên. Ấy vì thế nên có những tên, nhất là những tên nhiều chỗ mà tôi không bao giờ có thể nói đến một cách mạnh-bạo ; trong những tên ấy, lầu Trembles tức là một vậy.

Cho ông hết sức nhận-biết lầu ấy cũng kỹ-càng như tôi mặc lòng, tôi muốn tỏ cho ông hiểu rõ cái thú của tôi ở đó cũng không dễ hơn được chút nào. Thế mà cái gì ở đó cũng thú thật, cả đến cái vườn rất xoàng-xĩnh mà ông đã biết cũng thế. Vườn có cây cối là vật hiếm trong miền, lại có nhiều chim, chim yêu cây-cối và chỉ ở cây-cối thôi. Vườn lại có nơi trật-tự, có chỗ hỗn-tạp, lại có những lối đi rải cát ăn liền với bực thềm đến tận bức hàng giào thưa, những lối đi rải cát ấy làm đẹp lòng những người như tôi vốn ưa các chốn mà mình có thể đường-bệ rong-chơi, mà đàn-bà trong cái thời-kỳ khác có thể diện-bộ áo-quần sang-trọng được. Rồi lại có những só tối om, những ngã tư ẩm-ướt : ở đó mặt giời chỉ gọi là hơi chiếu tới thôi, quanh năm rêu mọc xanh dì ở trên một bãi đất sốp như bột bể và có nhiều hang sâu duy tôi ưa đến ; những hang ấy có vẻ đối-bại, không ai nhìn-nhận, và nói về phương-diện khác thì lại khiến tôi nhớ việc đã-qua ; đó là một điều cảm-giác nó chẳng làm rầu lòng tôi chi trong thời kỳ-vãng ấy. Tôi còn nhớ rằng khi xưa tôi ngồi trên những ngọn ngâu cao ngất ở đôi bên lối đi đã cắt bằng-phẳng. Tôi hỏi tuổi những cây đó thì mới biết nó cổ-thụ ghê quá, tôi xem-xét những cây ấy một cách tò-mò đặc-biệt ; lão An-di bảo rằng những cây nhỏ ấy cũng cổ bằng những viên đá cổ

dans les mêmes habitudes, que je retrouve aujourd'hui les objets d'autrefois comme autrefois, et dans l'acception qui me les fit connaître et me les fit aimer. Sachez que pas un seul souvenir de cette époque n'est effacé, je devrais dire affaibli. Et ne vous étonnez pas si je divague en vous parlant de réminiscences qui ont la puissance certaine de me rajeunir au point de me rendre enfant. Aussi bien il y a des noms, des noms de lieux surtout, que je n'ai jamais pu prononcer de sang-froid : le nom des Trembles est de ce nombre.

Vous auriez beau connaître les Tembles aussi bien que moi, je n'en aurais pas moins beaucoup de peine à vous faire comprendre ce que j'y trouvais de délicieux. Et pourtant tout y était délicieux, tout, jusqu'au jardin, qui, vous le savez cependant, est bien modeste. Il y avait des arbres, chose rare dans notre pays, et beaucoup d'oiseaux, qui aiment les arbres et qui n'auraient pu se loger ailleurs. Il y avait de l'ordre et du désordre, des allées sablées faisant suite à des perrons, menant à des grilles, et qui flattaient un certain goût que j'ai toujours eu pour les lieux où l'on se promène avec quelque apparat, où les femmes d'une autre époque auraient pu déployer des robes de cérémonie. Puis des coins obscurs, des carrefours humides où le soleil n'arrivait qu'à peine, où toute l'année des mousses verdâtres poussaient dans une terre spongieuse, des retraites visitées de moi seul, avaient des airs de vétusté, d'abandon, et sous une autre forme me rappelaient le passé, impression qui dès lors ne me déplaisait pas. Je m'asseyais, je m'en souviens, sur de hauts buis taillés en banquettes qui garnissaient le bord des allées. Je m'informais de leur âge, ils étaient horriblement vieux, et j'examinais avec des curiosités particulières ces petits arbustes, aussi âgés, me disait André, que les plus vieilles pierres de la maison, que mon père n'avait pas vu planter, ni mon grand-père, ni le père de celui-ci. Puis, le soir, il arrivait une heure où tout ébat cessait. Je me

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

nhất ở trong lầu, cha tôi cũng không được thấy giồng, mà cả ông tôi cho đến cụ tôi cũng thế. Rồi, chiều đến, có một lúc kia im-lặng như tờ, tôi đứng lảnh lên chốc thềm trông ra cuối vườn góc tược thấy những cây hạnh-đào là cây bị gió tháng chín trụi lá trước nhất. Những khe cành cây ấy trông suốt ra phía mặt giời tà đỏ ửng thì có một cái vẻ đẹp kỳ-khôi. Trong vườn-hựu còn lắm thứ cây gỗ trắng, cây thung, cây chúc-đào, sáo mỏ đỏ và sáo mỏ vàng tới ở đó hàng đàn trong suốt mùa thu ; trông ra xa ít nữa lại thấy một khóm sồi to, ấy là những cây rụng lá cuối cùng cũng như nẩy mầm sau rôt, những cây này lá vàng đến tận tháng chạp là khoảng rừng cây đã hình như tắt-nghỉ, chim khách đã đến làm tổ, những giồng điều lớn đã đến đậu cao, những con «gie», con quạ mà mùa đông đưa đến trong hạt trước hơn những con gie con quạ khác đã tới đỗ nghỉ.

Mỗi mùa đưa lại cho chúng tôi một thứ chim, mỗi thứ chim lại tự chọn lấy tổ ở : chim mùa xuân thì tìm cây có hoa, chim mùa thu thì tìm cây cao hơn, còn chim mùa đông thì vào bụi rậm-rạp gai-góc, những cây chúc-đào. Nhiều lần đang giữa mùa đông bay là đang độ sương mù mới có, chợt một buổi sáng kia, một con chim lạ bay đến một nơi rừng cấm quạnh hiu, chim này vỗ cánh một cách bất-thường, nó bay hung-hăng lắm, tuy có nhanh-nhẹn thật, song cũng hơi vụng-về. Ấy là một con rẽ lớn mới lại đêm qua, nó đập cành cây nhoi lên và lẩn vào các mầm cây to trụi lá, thỉnh-thoảng nó chỉ lộ ra một chút để thò cái mỏ dài thẳng tuột của nó ra thôi. Rồi thì mãi đến năm sau, cùng vào độ ấy, cũng một chỗ ấy, người ta lại mới thấy có rẽ lớn bay về, tưởng chừng như vẫn có một con trước kia đã qua chốn đó vậy.

Đến tháng năm, chim gáy rừng cùng bay về với tu-hú. Nó gáy, nó kêu êm-ái và cách quãng dài, nhưng nhất là trong những buổi chiều ấm-áp và khi trên không-khí hình như có sự gì sản ra nhựa mới, nở ra xuân xanh vậy. Có nhiều đêm dài đằng-đặc tôi không ngủ mấy, giăng sáng mập-mờ, thỉnh-thoảng lại lấm-tấm hạt mưa ấm-áp mà nhẹ-nhàng bình-tĩnh hình như giọt châu của người vui quá nhỏ-xa. Ấy suốt đêm như những đêm ấy, ở trong giữa đám lá tối om, ở nơi địa-giới vườn-tược, ở trong

retirais au sommet du perron, et de là je regardais au fond du jardin, à l'angle du parc, les amandiers, les premiers arbres dont le vent de septembre enlevât les feuilles, et qui formaient un transparent bizarre sur la tenture flamboyante du soleil couchant. Dans le parc, il y avait beaucoup d'arbres blancs, de frênes et de lauriers, où les grives et les merles habitaient en foule pendant l'automne; mais ce qu'on apercevait de plus loin, c'était un groupe de grands chênes, les derniers à se dépouiller comme à verdir, qui gardaient leurs frondaisons roussâtres jusqu'en décembre et quand déjà le bois tout entier paraissait mort, où les pies nichaient, où perchaient les oiseaux de haut vol, où se posaient toujours les premiers geais et les premiers corbeaux que l'hiver amenait régulièrement dans le pays.

Chaque saison nous ramenait ses hôtes, et chacun d'eux choisissait aussitôt ses logements, les oiseaux de printemps dans les arbres à fleurs, ceux d'automne un peu plus haut, ceux d'hiver dans les broussailles, les buissons persistants et les lauriers. Quelquefois en plein hiver ou bien aux premières brumes, un matin, un oiseau plus rare s'envolait à l'endroit du bois le plus abandonné avec un battement d'ailes inconnu, très-bruyant et un peu gauche, quoique rapide. C'était une bécasse arrivée la nuit ; elle montait en battant les branches et se glissait entre les rameaux des grands arbres nus ; à peine apparaissait-elle une seconde, de manière à montrer son long bec droit. Puis on n'en rencontrait plus que l'année suivante, à la même époque, au même lieu, à ce point qu'il semblait que c'était le même émigrant qui revenait.

Des tourterelles de bois arrivaient en mai, en même temps que les coucous. Ils murmuraient doucement à de longs intervalles, surtout par des soirées tièdes, et quand il y avait dans l'air je ne sais quel épanouissement plus actif de sève nouvelle et de jeunesse. Dans les profondeurs des feuillages, sur la limite du jardin, dans les cerisiers blancs, dans les troënes en fleur, dans les lilas chargés de bouquets et d'aromes, toute la nuit, pendant ces longues nuits où je dormais peu, où la lune éclairait, où la pluie

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

khóm anh-đào trắng, ở trong cụm bạch-lạp nở hoa, ở trong giàn đinh-hương thơm nức, con chim họa-my thường hót véo von, làm cho tôi khi tủi, khi buồn, khi vui, khi sướng.. Khi thời-tiết khó ở, nó cũng nín hơi ; hễ mặt giời tỏ-rạng, gió thổi hiu-hiu, nó hi-vọng mùa rét sắp qua, mùa hè gần tới thì nó lại lên tiếng véo-von. Rồi thì người ta vắng nghe tiếng nó, ấy là nó đã ấp xong. Và ít lâu nữa, vào khoảng cuối tháng sáu, trong một ngày nóng-nực kia, tôi trông thấy ở giữa đám cành to rậm lá có một con chim mùi sặc-sỡ, ra ý sợ hãi như ở đâu xa đến, nhảy lên nhảy xuống loạng-choa loạng-choạng một mình rồi cất cánh vù bay ; ấy là con chim mùa xuân nó đã từ-giã chúng tôi mà đi nơi khác.

Ở ngoài thì cỏ khô đã vàng sắp chín. Gỗ cành nho già nhất đã nẻ toác ra ; còn vườn nho thì đã bắt đầu đâm nhánh. Lúa mỳ xanh tận chân giời, trông xa ra cánh đồng gió thổi như sóng rợn vẫn thấy xanh xanh, nhưng thỉnh-thoảng có bãi cỏ long-đảm đỏ trói, có đám rau du-thái làm cho lóa mắt người ta như những miếng vuông vàng. Nhờ bóng mặt giời tháng sáu cơ-man nào là sâu bọ bướm ong chim-chóc ngộ-nghĩnh cũng vận-động sinh-sản bành-trướng một cách xưa nay chưa từng có. Ngày thì trên giời đầy én, đến chiều, sau khi đàn nhạn rít kêu đuổi nhau, lại đám giơi kéo ra : thật là một đám kỳ-khôi hình như nhờ buổi chiều âm-áp mà tái-sinh vậy. Tức thì nó lượn quanh những gác chuông nhỏ trong buổi tối giời. Kể đến mùa gặt cỏ khô thì sự sinh-hoạt ở chốn dân-quê chỉ là một vụ hội-hè náo-nhiệt thôi. Đó là một việc công-cộng to-lớn trước tiên nó khiến cho bao ngựa xe phải kéo ra đầy-đủ và bao thợ-thuyền cùng họp nhau ở một chỗ.

Khi người ta hái cỏ, khi người ta sới cỏ, tôi cũng có đấy, nhiều lần tôi lại để cho xe tải đầy cỏ trở về kéo tôi đi nữa. Tôi nằm sát bụng ở trên trốc đống cỏ như một đứa trẻ nằm trong giường rộng, bánh xe lăn trên cỏ gặt nhẹ-nhàng như võng đưa tôi giập-giềnh ; thế là tôi ở một chỗ cao hơn mọi lần mà trông ra chân giời xa tít như không tận, không cùng vậy. Ngoài cái diềm đồng cỏ xanh tôi trông thấy bể đi xa tít phương giời ; chim chóc cũng bay gần tôi hơn trước ; tôi chẳng hay rằng cái khoảng không-khí mênh-mông, cái chốn không-trung bát-ngát có cái cảm-giác nồng-nàn gì nó khiến tôi quên

quelquefois tombait, paisible, chaude et sans bruit, comme des pleurs de joie, — pour mes délices et pour mon tourment, toute la nuit les rossignols chantaient. Dès que le temps était triste, ils se taisaient ; ils reprenaient avec le soleil, avec les vents plus doux, avec l'espoir de l'été prochain. Puis, les couvées faites, on ne les entendait plus. Et quelquefois, à la fin de juin, par un jour brûlant, dans la robuste épaisseur d'un arbre en pleines feuilles, je voyais un petit oiseau muet et de couleur douteuse, peureux, dépaysé, qui errait tout seul et prenait son vol : c'était l'oiseau du printemps qui nous quittait.

Au dehors, les foins blondissaient prêts à mûrir. Le bois des plus vieux sarments éclatait ; la vigne montrait ses premiers bourgeons. Les blés étaient verts ; ils s'étendaient au loin dans la plaine onduleuse, où les sainfoins se teignaient d'amarante, où les colzas éblouissaient la vue comme des carrés d'or. Un monde infini d'insectes, de papillons, d'oiseaux agrestes, s'agitait, se multipliait à ce soleil de juin dans une expansion inouïe. Les hirondelles remplissaient l'air, et le soir, quand les martinets avaient fini de se poursuivre avec leurs cris aigus, alors les chauves-souris sortaient, et ce bizarre essaim, qui semblait ressuscité par les soirées chaudes, commençait ses rondes nocturnes autour des clochetons. La récolte des foins venue, la vie des compagnes n'était plus qu'une fête. C'était le premier grand travail en commun qui fît sortir les attelages au complet et réunît sur un même point un grand nombre de travailleurs.

J'étais là quand on fauchait là quand on relevait les fourrages, et je me laissais emmener par les chariots qui revenaient avec leurs immenses charges. Etendu tout à fait à plat sur le sommet de la charge, comme un enfant couché dans un énorme lit, et balancé par le mouvement doux de la voiture roulant sur des herbes coupées, je regardais de plus haut que d'habitude un horizon qui me semblait n'avoir plus de fin. Je voyais la mer s'étendre à perte de vue par-dessus la lisière verdoyante des champs ; les oiseaux passaient plus près de moi ; je ne sais quelle enivrante sensation d'un air plus large, d'une étendue plus vaste, me faisait perdre

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

hẳn thực-sự ở đời trong một lát ấy. Cỏ khô hầu vừa tải hết thì lúa mỳ đã thấy vàng loe. Thế là lại làm ăn vận-động như trước, chỉ khác rằng mùa ấm hơn và giời nắng hơn, thành ra lúc thì gió thổi mạnh, lúc lại lặng như tờ, trưa thì nồng bức, đêm thì thanh-thú như lúc bình-minh và những ngày giông-tố thì điện-khí hăng-hái khác thường. Không say-sưa mấy lại phú-túc hơn, những đống lượm thóc vứt xuống một khoảng đất đã chán sinh-sôi và đã giầy nắng-nực : ấy là quang-cảnh mùa hè. Mùa thu ở xứ chúng tôi, ông đã từng biết, ấy là một mùa sở-vọng. Rồi thì đến mùa đông ; thế là cái vòng một năm giời đóng lại đó. Mùa ấy tôi thường ở trong phòng hơn mọi mùa ít nhiều ; mắt tôi lúc nào cũng mở rõ, tôi hay áp mặt trông qua những đám sương mù tháng chạp cùng là những hàng nước mưa rài-rộng vô-cùng che-phủ sóm quê như một cái tang-phục tối đen hơn là sương muối.

Nhờ vì cây-cối trơ-trụi cả, tôi trông toát được hết cái địa-giới của vườn-tược. Tưởng không có sự gì làm cho vườn ấy lớn-lao bằng một đám sương mong-manh mùa đông nó làm cho những chỗ ở xa xanh mầu da giời và những đường đi lối lại không biết ngắn dài thế nào là đích-sác. Tiếng-tăm cũng thấy vắng ngắt, hay là chỉ có ít thôi, nhưng đã có tiếng nào là tiếng rõ-ràng minh-bạch hơn xưa. Nhất là buổi chiều và ban đêm thì trong không-khí có một cái tiếng âm đặc-biệt. Trong những lối đi im-lặng và vắng tanh, đầy những không-khí ẩm-ướt và tịnh không có một sự gì náo-động, tiếng một con chim chích bờ tường kêu xa đi mãi mãi, không có sự gì cản-ngăn. Khi đó, tại lầu Trembles, có một sự bình-tĩnh ở đâu xa xuống, không sao tả ra lời được, trong bốn tháng giời mùa đông ấy, tôi cô nhặt-nhạnh, thu-góp, hội-họp cả cái thế-gian biến-hoá tinh-vi đầy những sự viển-vông, những hương ngào-ngạt, những hình-ảnh, những tiếng-tăm lại, không để nó thoát đi, vì nó đã hệt như ảo- mộng, vì nó đã khiến tôi sinh-trưởng được một cách hoạt- động suốt tám tháng giời kia trong một năm dài đằng-đẵng.

Ông Augustin chiếm ngay lấy tôi. Nhờ có thời-tiết trong mùa ấy giúp sức, thành ra ông ấy hầu được đặc-quyền dạy cả thân tôi, tôi hết sức học-hành để chuộc lại cái vong-kỷ những ngày qua chơi vô-sự. Nhưng những ngày ấy chắc có vô-ích thật không ?

un moment la notion de la vie réelle. Presque aussitôt les foins rentrés, c'étaient les blés qui jaunissaient. Même travail alors, même mouvement, dans une saison plus chaude, sous un soleil plus cru : — des vents violents alternant avec des calmes plats, des midis accablants, des nuits belles comme des aurores, et l'irritante électricité des jours orageux. Moins d'ivresse avec plus d'abondance, des monceaux de gerbes tombant sur une terre lasse de produire et consumée de soleil : voilà l'été. Vous connaissez l'automne dans nos pays, c'est la saison bénie. Puis l'hiver arrivait; le cercle de l'année se refermait sur lui. J'habitais un peu plus ma chambre ; mes yeux, toujours en éveil, s'exerçaient encore à percer les brouillards de décembre et les immenses rideaux de pluie qui couvraient la compagne d'un deuil plus sombre que les frimas.

Les arbres entièrement dépouillés, j'embrassais mieux l'étendue du parc. Rien ne le grandissait comme un léger brouillard d'hiver qui en bleuissait les profondeurs et trompait sur les vraies distances. Plus de bruit, ou fort peu ; mais chaque note plus distincte. Une sonorité extrême dans l'air, surtout le soir et la nuit. Le chant d'un roitelet de muraille se prolongeait à l'infini dans des allées muettes et vides, sans obstacle au son, imbibées d'air humide et pénétrées de silence. Le recueillement qui descendait alors sur les Trembles était inexprimable ; pendant quatre mois d'hiver, j'amassais dans ce lieu où je vous parle, je condensais, je concentrais, je forçais à ne plus jamais s'échapper, ce monde ailé, subtil, de visions et d'odeur, de bruit et d'images qui m'avait fait vivre pendant les huit autres mois de l'année d'une vie si active et qui ressemblait si bien à des rêves.

Augustin s'emparait de moi. La saison lui venait en aide ; je lui appartenais alors presque sans partage, et j'expiais de mon mieux ce long oubli de tant de jours sans emploi. Étaient-ils sans profit ?

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Đối với cảnh-vật chung-quanh, tôi thì súc-cảm như thế, mà ông giáo tôi không lấy gì làm quá động lòng. Ông ấy lại lãnh-đạm với mùa-màng thời-tiết đến nỗi lầm cả ngày tháng như là rồi ra có dể ông lầm cả thời giờ chắc. Nhiều sự súc-động lòng tôi như một vết thương trúng qua toàn-thể mình tôi một cách êm-ái, thể mà ông cũng chẳng chút động lòng. Ông thời ghẻ-lạnh, thứ tự, gọn-gàng và đều-hòa tính khí, ấy là những nết tôi có rất ít cả. Vì thế, ông ở bên tôi mà không lưu-ý và không ngờ đến cái sự lòng tôi. Ông đi chơi ít, không mấy khi rời phòng, làm việc từ sáng đến đêm, chỉ những buổi tối mùa hè là lúc không ai không ngủ và không có ánh sáng ban ngày, ông mới chịu nghỉ tay thôi. Ông đọc sách, ông ghi chép mọi sự : suốt cả mấy tháng giời tôi chỉ thấy ông ngồi viết. Ông viết văn suôi, nhưng thường thường là những bài vấn-đáp rất dài. Ông dùng quyển lịch để chọn những tên riêng, ông xếp cả những tên ấy một hàng trên tờ giấy trắng, sau mỗi tên lại cước-chú, và mỗi tên ấy, ông chỉ cả hình-dung tính-khí ra. Tên ấy có đặc-tính gì, có kỳ-tính làm sao, có ngộ-tính thế nào, ông cũng ghi tất. Ông phối-hợp những sự khác nhau như thế, là ông đặt những vai ở trong bi-kịch, hi-kịch của ông đó. Ông viết cực nhanh, chữ lắt-tắt mà đều-đặn rõ-ràng, hình như có người sẽ đọc cho ông vậy. Một đôi khi ở dưới ngòi bút ông có nẩy ra một ý quan-sát gì thâm-thúy hơn, thì ông mỉn miệng cười. Và sau mỗi đoạn khí dài hình như trong đoạn ấy vai hát nói lý sác-đáng chặt-chẽ lắm thì phải — , ông ngồi nghĩ một lát để lấy hơi viết rồi tôi thấy ông kêu lên rằng : « Bây giờ, ta trả lời làm sao đây ? » Có khi tình-cờ ông ra vẻ thân-mật gọi tôi lại gần bảo tôi rằng : « Anh Đô-mỹ-Nịch, anh thử nghe câu này xem nhé ! » Nhưng ít khi tôi có dáng hiểu biết. Mà đối với những nhân-vật tôi không trông thấy, tôi không quen-biết, thì tôi để tâm đến làm sao được !

Tất cả những cách sinh-hoạt nhiêu-khê khác hẳn cái cách sinh-hoạt của tôi ấy đối với con mắt tôi thì như là ở trong một cái xã-hội hư-không mà tôi chẳng hứng chí nhập cuộc. Ông Augustin bảo tôi rằng : « Thôi được, rồi sau anh sẽ hiểu ». Tôi hơi bẽn-lẽn mà biết đích rằng cái sự nó làm cho ông giáo trẻ-trung của tôi đắc-chí đó, ấy chính là cảnh-tượng trò chơi

Très-peu sensible aux choses qui nous entouraient, tandis que son élève en était à ce point absorbé, assez indifférent au cours des saisons pour se tromper de mois comme il se serait trompé d'heure, invulnérable à tant de sensations dont j'étais traversé, délicieusement blessé dans tout mon être, froid, méthodique, correct et régulier d'humeur autant que je l'étais peu, Augustin vivait à mes côtés sans prendre garde à ce qui se passait en moi, ni le soupçonner. Il sortait peu, quittait rarement sa chambre, y travaillait depuis le matin jusqu'à la nuit, et ne se permettait de relâche que dans les soirées d'été, où l'on ne veillait point, et parce que la lumière du jour venait à lui manquer. Il lisait, prenait des notes : pendant des mois entiers, je le voyais écrire. C'était de la prose, et le plus souvent de longues pages de dialogues. Un calendrier lui servait à choisir des séries de noms propres. Il les alignait sur une page blanche avec des annotations à la suite ; il leur donnait un âge, il indiquait la physionomie de chacun, son caractère, une originalité, une bizarrerie, un ridicule. C'était là, dans ses combinaisons variables, le personnel imaginé pour des drames ou des comédies. Il écrivait rapidement, d'une écriture déliée, symétrique, très-nette à l'œil, et semblait se dicter à lui-même à demi-voix. Quelquefois il souriait quand une observation plus aiguë naissait sous sa plume, et après chaque couplet un peu long, où sans doute un de ses personnages avait raisonné juste et serré, il réfléchissait un moment, le temps de reprendre haleine, et je l'entendais qui disait : « Voyons, qu'allons-nous répondre ? » Lorsque par hasard il était en humeur de confidence, il m'appelait près de lui et me disait : « Écoutez donc cela, Monsieur Dominique. » Rarement j'avais l'air de comprendre. Comment me serais-je intéressé à des personnages que je n'avais pas vus, que je ne connaissais point ?

Toutes ces complications de diverses existences si parfaitement étrangères à la mienne me semblaient appartenir à une société imaginaire où je n'avais nulle envie de pénétrer. « Allons, vous comprendrez cela plus tard », disait Augustin. Confusément j'apercevais bien que ce qui délectait ainsi mon jeune précepteur, c'était le spectacle même du jeu de la vie, le

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

của đời người, cái cơ-quan vận-động các tính-tình, cái mối tranh-giành tư-lợi, cái dục-vọng, cái sú-tính ; nhưng tôi xin nhắc lại rằng cái thê-gian này dẫu là bàn cờ như ông Augustin thường nói, cái thê-sự này dẫu là canh bạc khéo chơi hay vụng, ở trong ấy có luật-lệ kỷ-cương, tôi cũng không lấy làm quan-tâm mấy. Ông giáo tôi cũng hay viết thơ. Thỉnh-thoảng ông cũng thường nhận được thơ gửi đến, nhưng phần nhiều gián tem Paris cả. Những thư ấy, ông hăm-hở bóc ra, vội-vàng đọc lấy, rồi nét mặt ông vốn xưa chín-chắn nay hơi cảm-động một lát, mà cứ sau mỗi lần nhận thơ như thế, ông chẳng đờ-đẫn người ra trong một khoảng không quá vài giờ, thì lại hăm-hở viết văn bội-phần suốt mấy tuần lễ.

Đã một đôi lần, tôi thấy ông xếp một tập giấy bỏ vào phong bì gửi ra Paris rồi đưa cho người chạy giấy ở Villeneuve và dặn người ấy kỹ-càng vồn-vã lắm. Ông gửi thê rồi đợi thư trả lời nóng ruột lộ ra nét mặt, nhưng thư ấy cũng có khi tới, khi không ; rồi thì ông lại lấy giấy trắng ra tỷ như một người làm ruộng lại cầy một luống đất khác vậy. Ông dậy sớm, ông chạy vào buồng giấy như người thợ đi đến bàn gỗ ; ông ngủ rất chưa, không mấy khi trông ra ngoài cửa sổ để xem giời mưa hay là giời nắng. Tôi quyết khi ông từ-giã lầu Trembles, ông không biết rằng ở trên chòi nhỏ có cái khán-phong lúc nào cũng chuyển-động để báo gió mưa thay đổi bất kỳ. Khi ông thấy tôi nhìn gió ra vẻ lo-sợ thì ông thường hỏi : « Cái đó có hại gì cho anh không ? » Ông nhờ có cái sức hoạt-động phi-thường nó hình như cái thiên-tính của ông mà thân-thể ông cũng không vì thê kém-sút đi phần nào, nên ông làm đủ được mọi việc, nào là việc của ông, nào là việc của tôi. Ông ấy giìm tôi vào trong đống sách, bắt tôi đọc đi, đọc lại, bắt tôi dịch nghĩa, phân-giải, sao-chép và chỉ buông-tha tôi ra ngoài khoảng không rộng-rãi khi nào thấy tôi đã ngạt hơi vì chìm đuối lâu-lai ở trong bể tiếng một thôi. Tôi nhờ ông nên học biết được nhanh chóng — mà cũng không lấy làm buồn-bã gì — tất cả những sự yếu-cần cho một đứa trẻ tương-lai chưa nhất-định, nhưng người ta hãy cốt luyện vào trường tỉnh đã. Cái mục-đích của ông là rèn tập cho tôi chóng theo kịp những lớp trên để bớt năm theo trường đại-tập. Bốn năm vù qua như thế, ông xét tôi đã đủ tư-cách vào theo lớp nhì. Tôi trông thấy cái ngày phải từ-giã lầu Trembles nó cứ lừ lừ tiến đến mà xiết nỗi kinh hoàng.

mécanisme des sentiments, le conflit des intérêts, des ambitions, des vices ; mais, je le répète, il était assez indifférent pour moi que ce monde fût un échiquier, comme me le disait encore Augustin ; que la vie fût une partie jouée bien ou mal, et qu'il y eût des règles pour un pareil jeu. Augustin écrivait souvent des lettres. Il en recevait quelquefois ; plusieurs portaient le timbre de Paris. Il décachetait celles-ci avec plus d'empressement, les lisait à la hâte ; une légère émotion animait un moment son visage, ordinairement très discret, et la réception de ces lettres était toujours suivie, soit d'un abattement qui ne durait jamais plus de quelques heures, soit d'un redoublement de verve qui l'entraînait à toute bride pendant plusieurs semaines.

Une ou deux fois je le vis faire un paquet de certains papiers, les mettre sous enveloppe avec l'adresse de Paris et les confier avec des recommandations pressantes au facteur rural de Villeneuve. Il attendait alors dans une anxiété visible une réponse à son envoi, réponse qui venait ou ne venait pas ; puis il reprenait du papier blanc, comme un laboureur passe à un nouveau sillon. Il se levait tôt, courait à son bureau de travail comme il se serait mis à un établi, se couchait fort tard, ne regardait jamais à sa fenêtre pour savoir s'il pleuvait ou s'il faisait beau temps ; et je crois bien que le jour où il a quitté les Trembles il ignorait qu'il y eût sur les tourelles des girouettes sans cesse agitées qui indiquaient le mouvement de l'air et le retour alternatif de certaines influences. " Qu'est-ce que cela vous fait ? " me disait-il, lorsqu'il me voyait m'inquiéter du vent. Grâce à une prodigieuse activité dont sa santé ne se ressentait point et qui semblait son naturel élément, il suffisait à tout, à mon travail en même temps qu'au sien. Il me plongeait dans les livres, me les faisait lire et relire, me faisait traduire, analyser, copier, et ne me lâchait en plein air que lorsqu'il me voyait trop étourdi par cette immersion violente dans une mer de mots. J'appris avec lui rapidement, et d'ailleurs sans trop d'ennuis, tout ce que doit savoir un enfant dont l'avenir n'est pas encore déterminé, mais dont on veut d'abord faire un collégien. Son but était d'abréger mes années de collège en me préparant le plus vite possible aux hautes classes. Quatre années se passèrent de la sorte, au bout desquelles il me jugea prêt

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Chẳng bao giờ tôi lại quên mấy ngày cuối cùng trước kia bước chân ra tỉnh : thật là một cơn cảm-động giở sống, giở chết không có duyên cớ hiển-nhiên gì ; đến một sự khốn-nạn to nào cũng không làm cho người ta cảm-động hơn thế. Mùa thu đã tới ; muôn việc cùng săn-sóc cả vào sự đó. Tôi xin kể ông nghe một việc mảnh này, ông sẽ lượng biết.

Ông Augustin muốn thử sức tôi lần cuối-cùng, bèn bắt tôi làm một bài luận la-tinh đầu-đề là ông Annibal lìa bỏ đất Ý-đại-lợi. Tôi bước xuống chỗ sân cao có bóng nho mát, ngồi ngay trên cái ghế dài bên vườn rồi cầm bút viết văn ở giữa giời. Đầu bài lấy ở trong những việc lịch-sử ra thì vào độ ấy có cái đặc-tính hay riêng cảm-động tôi lắm lắm. Ấy cả những việc gì có liên-can tới cái tên đó cũng vậy, như trận đánh ở Zama thì làm cho tôi chân-tình cảm-động như là một sự tai-nạn mà ở trong đó tôi chỉ thấy việc anh-hùng chớ chẳng hay điều quyền-lợi. Tôi nhớ cả những sự tôi xem sách, tôi cố tưởng-tượng ra một người nhỡ việc vì sự rủi-ro của tổ-quốc, đành chịu thua vì số-phận giống nòi mình phải thế, chớ không vì bại trận, bại binh, đang thơ-thẩn bước xuống tầu, nhưng còn thương tiếc chẳng nỡ rời chân, ngoảnh đầu nhìn lại từ-giã nước người một lần cuối cùng vừa ra tình thất-vọng, vừa ra ý thách-đe ; rồi chẳng cần giở hay hay, tôi cứ cố đem diễn ra văn sự mà tôi cho là chân-lý dù chẳng được lịch-sử mấy, nhưng cũng không kém vẻ nên thơ gì. . . .

Tảng đá tôi dùng làm bàn giấy thì hơi ấm ; những thằn-lằn đi lại bên cạnh tay tôi ở dưới bóng ấm-áp của vầng Thái-dương. Cây đã kém xanh, ngày đã kém nắng, bóng đã thêm dài, mây đã thêm lặng, bấy nhiêu sự thấy cùng đườm-nhuận cái vẻ đứng-đắn riêng của mùa thu mà bảo cho ta biết rằng đó là buổi chiều tà, là ngày lụn-bại, là giờ từ-biệt. Gió không động-đậy giàn nho mà cành nho khô rụng xuống từng cái một. Trong vườn thực là bình-tĩnh. Chim chóc véo-von làm cho tôi cảm-động đến tận trong tâm-thần. Trong mình tôi bỗng nhiên có một sự âu-yếm không hay duyên-cớ bởi đâu mà muốn cầm lòng lại càng khó nữa, nó bừng bừng nổi

à me présenter en seconde. Je vis approcher avec un inconcevable effroi le moment ou j'allais quitter les Trembles.

Jamais je n'oublierai les derniers jours qui précédèrent mon départ : ce fut un accès de sensibilité maladive qui n'avait plus aucune apparence de raison ; un vrai malheur ne l'aurait pas développée davantage. L'automne était venu ; tout y concourait. Un seul détail vous en donnera l'idée.

Augustin m'avait imposé, comme essai définitif de ma force, une composition latine dont la sujet était le départ d'Annibal quittant l'Italie. Je descendis sur la terrasse ombragée de vignes, et c'est en plein air, sur la banquette même qui borde le jardin, que je me mis à écrire. Le sujet était du petit nombre des faits historiques qui, dès lors, avaient par exception le don de m'émouvoir beaucoup. Il en était ainsi de tout ce qui se rattachait à ce nom, et la bataille de Zama m'avait toujours causé la plus personnelle émotion, comme une catastrophe où je ne regardais que l'héroïsme sans m'occuper du droit. Je me rappelai tout ce que j'avais lu, je tâchai de me représenter l'homme arrêté par la fortune ennemie de son pays, cédant à des fatalités de race plutôt qu'à des défaites militaires, descendant au rivage, ne le quittant qu'à regret, lui jetant un dernier adieu de désespoir et de défi, et tant bien que mal j'essayai d'exprimer ce qui me paraissait être la vérité, sinon historique, au moins lyrique.

La pierre qui me servait de pupitre était tiède ; des lézards s'y promenaient à côté de ma main sous un soleil doux. Les arbres, qui déjà n'étaient plus verts, le jour moins ardent, les ombres plus longues, les nuées plus tranquilles, tout parlait, avec le charme sérieux propre à l'automne, de déclin, de défaillance et d'adieux. Les pampres tombaient un à un, sans qu'un souffle d'air agitât les treilles. Le parc était paisible. Des oiseaux chantaient avec un accent qui me remuait jusqu'au fond du cœur. Un attendrissement subit, impossible à motiver, plus impossible encore à contenir, montait en moi comme un flot prêt à jaillir, mêlé d'amertume et de ravissement. Quand Augustin descendit sur la terrasse, il me trouva tout en larmes.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

lên như là một con sóng sắp vỡ tung ra, ấy nó lẫn cả sự vui-sướng và sự đắng cay làm một. Khi ông Augustin bước xuống sân cao, ông thấy tôi chan-hòa nước mắt.

Ông bèn hỏi : « Anh làm sao thế, ông Annibal làm anh than khóc đó à? »

Nhưng tôi không trả lời, cứ lẳng-lặng đưa bài vừa viết ông xem.

Ông ngạc-nhiên nhìn tôi một lần nữa, ông chắc rằng chung quanh đấy không có một ai sinh cảm cho tôi như thế, ông đưa qua con mắt rất nhanh, rất đãng ra vườn, lên giời rồi ông lại hỏi tôi :

« Nhưng anh làm sao thế, hử anh ? »

Rồi ông cầm bài tôi xem.

Xem đoạn, ông bảo tôi rằng : «Được đấy, nhưng hơi nhu quá. Tuy bài này anh cũng đủ chiếm được một số cao ở trong bực trung-hạng lớp nhì, nhưng anh còn có thể làm hơn được. Trong bài, anh nói Annibal thương-tiếc nhiều quá mà không có mấy lòng trông-cậy ở nước bên kia bể lớn đang ràn quân đợi mình. Anh định nói là Annibal đoán biết trận đánh ở Zama, có phải là ý thế không ? Nhưng mà nếu hắn thua trận đó cũng không phải lỗi hắn. Mặt giời ở về phía sau lưng thì hắn đã được. Vả chăng, sau Zama, còn Antiochus, mà sau việc phản-nghịch ở Antiochus, hắn còn thuốc-độc kia mà. Một người chưa chịu khoanh tay ngồi chết thì chưa gọi là thua được.»

Tay ông cầm một phong thư mà ông vừa nhận được ở Paris gửi đến. Lần này ông có vẻ hoạt-động hơn mọi lần ; mắt ông thường rất trông thẳng, nhưng không mấy khi quang-minh, thế mà lần này có một sự cảm-giác mạnh-mẽ sung-sướng và quả-quyết nó làm cho sáng-sủa ra.

Ông cùng tôi giạo mấy bước ở trên sân cao mà bảo tôi rằng : « Này anh Đô-Mỹ-Nịch, tôi có một tin mừng ngỏ cho anh biết, tin này chắc làm cho anh vui lòng vì tôi biết tính anh vẫn có bụng mến tôi. Khi anh vào trường học thì tôi cũng ra tỉnh. Tôi sửa-soạn cuộc xuất-hành ấy đã lâu lắm rồi. Hiện nay đã sẵn-sàng cả, tôi có thể yên-trí lập-nghiệp ở Paris được. Ngoài đó, người ta đang chờ tôi ; thơ về gọi tôi đây này.»

« Qu'avez-vous ? me dit-il. Est-ce Annibal qui vous fait pleurer ? »

Mais je lui tendis, sans répondre, la page que je venais d'écrire.

Il me regarda de nouveau avec une sorte de surprise, s'assura qu'il n'y avait autour de nous personne à qui il pût attribuer l'effet d'une aussi singulière émotion, jeta un coup d'œil rapide et distrait sur le parc, sur le jardin, sur le ciel, et me dit encore :

« Mais qu'avez-vous donc ? »

Puis il reprit la page et se mit à lire.

« C'est bien, me dit-il quand il eut achevé, mais un peu mou. Vous pouvez mieux faire, quoiqu'une pareille composition vous classe à un bon rang dans une seconde de force moyenne. Annibal exprime trop de regrets ; il n'a pas assez de confiance dans le peuple qui l'attend en armes de l'autre côté de la mer. Il devinait Zama, direz-vous ; mais s'il a perdu Zama ce n'est pas sa faute. Il l'aurait gagné, s'il avait eu le soleil à dos. D'ailleurs, après Zama, il lui restait Antiochus. Après la trahison d'Antiochus, il avait le poison. Rien n'est perdu pour un homme tant qu'il n'a pas dit son dernier mot. »

Il tenait à la main une lettre tout ouverte qu'il venait à la minute même de recevoir de Paris. Il était plus animé que de coutume ; une certaine excitation forte, joyeuse et résolue éclairait ses yeux, dont le regard était toujours très-direct, mais qui s'illuminaient peu d'habitude.

« Mon cher Dominique, reprit-il en faisant avec moi quelques pas sur la terrasse, j'ai une bonne nouvelle à vous annoncer, une nouvelle qui vous fera plaisir, car je sais l'amitié que vous avez pour moi. Le jour où vous entrerez au collège, je partirai pour Paris. Il y a longtemps que je m'y prépare. Tout est prêt aujourd'hui pour assurer la vie que je dois y mener. J'y suis attendu. En voici la preuve. »

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

ông vừa nói, vừa chìa thơ cho tôi xem.

« Ở đời bây giờ, muốn thành-đạt chỉ cần ra sức một tý, thế tôi đây lại làm-lụng rất nhiều ; anh đã thường thấy tôi viết-lách, chắc anh cũng phải công-nhận điều đó. Này anh Đô-Mỹ-Nịch, anh nghe tôi nhé, trong ba ngày nữa, anh sẽ là một người học-sinh ở lớp nhì, thế nghĩa là anh gần thành người lớn mà hơn trẻ con nhiều rồi đó. Cái tuổi phỏng có kể làm chi ! Hiện nay anh mười sáu tuổi ; trong sáu tháng nữa, nếu anh muốn lên mười tám tuổi cũng được. Anh phải từ-giã lầu Trembles và đừng nghĩ đến nữa. Rồi sau sẽ hay, bao giờ anh phải tính-toán gia-tài sản-nghiệp thì anh hẵy nghĩ đến Anh không phải sinh ra để ở nhà quê, để ở chỗ vắng ; chỗ vắng-vẻ quạnh-hiu sẽ làm anh chết được. Anh hoặc trông quá cao hay là nhìn quá thấp. Anh trông quá cao là trông sự không thể được, mà nhìn quá thấp thì chỉ thấy những lá khô thôi, cái đời ta không phải ở chỗ ấy, anh nên nhìn thẳng trước mặt anh cao bằng đầu người thì anh sẽ thấy cái đời đó. Anh đã rất thông-minh, lại có nhiều cơ-nghiệp, vả anh dòng-dõi thế-phiệt, cứ đủ bấy nhiêu quý-vật vào ở lưu-trú trong một học-đường thì làm gì mà chẳng đến nơi, đến chốn. — Tôi xin khuyên anh thêm một câu nữa rằng : anh chớ nên trông sự tuyệt-sướng ở trong khoảng mấy niên-học của anh. Anh nên biết rằng sự phục-tòng không có hại gì đến đường mai-hậu, và khi mình đã sẵn lòng tự bắt mình phải siêng-năng thì sự chăm-chỉ người ta bách mình phỏng còn lấy gì làm ngại. Nếu anh không được thật tự-do chọn bạn, thì anh đừng tính đến sự kết nghĩa kim-lan ở chốn học-đường làm gì. Còn như nếu anh học-hành thành-đạt mà lắm kẻ ghen-tuông, thì cứ theo ý tôi, anh nên tìm cách bảo-thủ lợi-danh sẵn và nhân đó học-tập vào đời. Vậy nay đừng có một ngày nào anh quên tự bảo rằng hễ chịu khó làm-lụng thì tất-nhiên kết-quả đạt-thành và đừng có một tối nào anh ngủ mà quên tưởng đến Paris là nơi đang chờ-đón anh và là nơi hai ta sẽ lại gặp mặt ».

Ông nói xong bắt tay tôi ra dáng người trên thật là khỏe-khoắn, rồi chỉ nhảy một bước đã lên tới bực thềm đi vào phòng riêng.

Et en disant cela il me montrait la lettre.

« Aujourd'hui le succès ne dépend que d'un petit effort, et j'en ai fait de plus grands ; vous êtes là pour le dire, vous qui m'avez vu à l'œuvre. Ecoutez-moi, mon cher Dominique : dans trois jours, vous serez un collégien de seconde, c'est à dire un peu moins qu'un homme, mais beaucoup plus qu'un enfant. L'âge est indifférent. Vous avez seize ans. Dans six mois, si vous le voulez bien, vous pouvez en avoir dix huit. Quittez les Trembles et n'y pensez plus. N'y pensez jamais que plus tard, et quand il s'agira de régler vos comptes de fortune. La campagne n'est pas faite pour vous, ni l'isolement, qui vous tuerait Vous regardez toujours ou trop haut ou trop bas. Trop haut, mon cher, c'est l'impossible ; trop bas, ce sont des feuilles mortes. La vie n'est pas là ; regardez directement devant vous à hauteur d'homme, et vous la verrez. Vous avez beaucoup d'intelligence, un beau patrimoine, un nom qui vous recommande ; avec un pareil lot dans son trousseau de collège, on arrive à tout. — Encore un conseil : attendez-vous à n'être pas très heureux pendant vos années d'études. Songez que la soumission n'engage à rien pour l'avenir, et que la discipline imposée n'est rien non plus quand on a le bon esprit de se l'imposer soi-même. Ne comptez pas trop sur les amitiés de collège, à moins que vous ne soyez libre absolument de les choisir ; et quant aux jalousies dont vous serez l'objet, si vous avez des succès, ce que je crois, prenez-en votre parti d'avance et tenez-les pour un apprentissage. Maintenant, ne passez pas un seul jour sans vous dire que le travail conduit au but, et ne vous endormez pas un seul soir sans penser à Paris, qui vous attend, et où nous nous reverrons. »

Il me serra la main avec une autorité de geste tout à fait virile, et ne fit qu'un bond jusqu'à l'escalier qui menait à sa chambre.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Tôi bèn đi xuống các lối trong vườn, lão An-đi đương nhặt cỏ ở trên những luống đất

Lão thấy tôi có ý bối-rối buồn-rầu quá-đáng như vậy, bèn hỏi tôi rằng: « Này cậu Đô-mỹ-Nịch ! cậu làm sao thế ? »

— Làm sao à ? trong ba ngày nữa tôi phải ra tỉnh học, lão An-đi ạ ! »

Rồi tôi chạy vào trong cuối vườn, tôi ở ẩn đó mãi đến tối đêm...

(*Còn nữa*)

Je descendis alors dans les allées du jardin, où le vieux André sarclait des plates-bandes.

« Qu'y-a-t-il donc » Monsieur Dominique ? me demanda André en remarquant que j'étais dans le plus grande trouble.

— Il y a que je vais partir dans trois jours pour le collège, mon pauvre André. »

Et je courus au fond du parc, où je restai caché jusqu'au soir.

(*A suivre*)

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

MẶT GƯƠNG (1)

Đoản-thiên tiểu-thuyết của Ed. Chavannes

Nguyễn-Bân dịch

Này là một truyện tôi đã nghe người ta kể lại : Một hôm đức Thích-Ca ngự ở vườn Hà-nam tân-đê, trong rừng Chiết-đa, tại Xã-vệ-quốc. Đến bữa cơm, những nhà tăng ni lấy bát thờ ra phố đi xin đồ ăn. Nhưng mà lúc ấy còn chưa đến giờ ngọ, chúng mới bảo nhau rằng : « Bây giờ ra phố thì còn sớm quá, chi bằng chúng ta hãy vào phòng giảng-thuyết của các thầy Bà-la-môn mà ngồi một chốc đã. » Tất cả bọn cùng đồng-ý bèn đi lại đó. Tới nơi chào hỏi bọn Bà-la-môn xong rồi những nhà tăng-ni đều ngồi xuống ghế. Bấy giờ các bác Bà-la-môn đang cãi nhau về kinh-sách nhà Phật, có một ý-tưởng cứ phản-đối nhau mãi, chẳng ai chịu ai, mà không sao quyết-luận được. Rồi sau hoá ra các bác cãi-cọ khích-bác nhau kịch-liệt, bác nọ bảo bác kia rằng : «Những lời của chúng tôi nói mới phải là đạo-lý, chớ còn những lời của các anh nói thì là đạo-lý thế nào được ? Những lẽ của chúng tôi nói thì mới hợp đạo, chớ còn những lẽ của các anh nói thì hợp đạo sao được ? Đạo của chúng tôi nên đem truyền-giáo, chớ còn đạo của các anh thì khó theo lắm. Lời lẽ của các anh không có thứ-tự : điều gì nên nói trước thì lại nói sau ; điều gì phải nói sau thì lại nói trước. Phần nhiều lẽ các anh nói là sai cả. Những lý-sự của các anh ví như là một gánh nặng mình đã không có sức nhấc nổi, mà nay các anh tự-đắc bàn-luận thì bàn-luận thế nào được ! Sự học của các anh thật là vô-ích, và các anh chẳng biết một lẽ gì là đạo. Vậy nếu người ta vấn-lý thì các anh trả lời làm sao ? » Vì thế các bác Bà-la-môn đến nỗi cãi nhau om-sòm, mắng nhau miếng một miếng hai. Bấy giờ các nhà tăng-ni thấy đôi bên công-kích nhau kịch-liệt như vậy, thì chẳng cho bên nào là phải mà vào hùa với bên

(1) Truyện này trích quyển « Contes et légendes du Bouddhisme chinois», Ed. Chavannes soạn -- Nhà Bossard ở 43 phố Madame Paris, ấn-hành.

FACE DE MIROIR (1)

Conte par Ed. Chavannes

Traduit par Nguyên-Bân

Voici ce que j'ai entendu raconter : Un jour le Buddha se trouvait dans le royaume de Çrâvastî, dans le bois de Jeta, dans le jardin d'Anâthapindada. A l'heure du repas, les bhiksus prirent les bols à offrandes et se rendirent dans la ville pour demander de la nourriture. Cependant, comme il n'était pas encore midi, ils se dirent : « Il est encore trop tôt pour entrer dans la ville ; le mieux est d'aller nous asseoir un moment dans la salle de conférences des brahmanes hérétiques». Tous ayant approuvé ce projet, ils se rendirent donc là. Après avoir échangé des compliments de bienvenue avec les brahmanes, ils prirent des sièges et s'assirent. En ce moment, les brahmanes discutaient entre eux sur leurs livres saints et il s'était formé une contestation qu'ils ne parvenaient pas à résoudre ; ils en étaient venus à se blamer et à se haïr les uns les autres, disant : « Ce que nous savons est la loi ; ce que vous savez, comment serait-ce la loi ? Ce que nous savons est d'accord avec la doctrine ; comment ce que vous savez serait-il d'accord avec la doctrine ? Notre doctrine doit être mise en pratique; votre doctrine, il serait difficile de s'y attacher. Ce qu'il faut dire avant, vous le dites après : ce qu'il faut dire après, vous le dites avant. Pour beaucoup de lois, ce que vous dites est faux. Comme un fardeau trop lourd qu'on ne peut soulever, ainsi les sens que vous prétendez discuter vous ne pouvez les expliquer. Votre science est vaine et vous n'avez pas la moindre connaissance. Si on vous presse de questions, qu'aurez-vous à répondre ? » C'est ainsi qu'ils se portaient des coups les uns aux autres avec l'arme de la langue, et, pour une blessure reçue, ils en rendaient trois. Les bhiksus, entendant les deux partis s'injurier ainsi réciproque-

(1) — Extrait de « Contes et légendes du bouddhisme chinois » par Ed. Chavannes, Edition Bossard, 43 rue Madame, à Paris.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

nào, các nhà đều đứng dậy đi ra thành Xá-vệ-quốc để xin đồ ăn. Xin được đồ ăn rồi thì các nhà đưa về để lại bát thờ đâu đấy, và trở lại vườn Chiết-đa. Khi bái-chúc Thích-Ca xong rồi thì các nhà ngồi xuống một hàng kể lại để Thích-Ca nghe truyện ban nãy, và nói rằng : « Chúng tôi nghĩ rằng thế là những thầy Bà-la-môn kia cố trí học đạo ; vậy đến bao giờ thì chúng sẽ hiểu được chân-lý ? »

Đức Thích-Ca bèn bảo các nhà tăng-ni rằng : « Không phải là chỉ đời nay mới có những kẻ giáo-thuyết ngu-tối. Hỡi các ngươi, các ngươi chưa biết rằng những kẻ ngu tối ấy có đã lâu lắm. Xưa kia ở xứ Thiệm-bộ-đề này có một ông vua tên là « Mặt gương » người có học những sách nguyên gốc của Thích-Ca, những nghĩa-lý của người biết nhiều như thế là cát ở sông Hằng-hà. Còn các bề tôi cả quan-tư dân-chúng thì phần nhiều không có học kinh sách nhà Phật, và lại chỉ xem những sách nhỏ mọn, chúng hay tín-ngưỡng cái ánh sáng đom-đóm, mà lại nghi-kỵ ánh-sáng mặt giời mặt giăng. Ông vua thấy vậy muốn cho những bề tôi bỏ chỗ ao tù-hãm mà ra vùng-vẫy ở nơi bể rộng mông-mênh, người bèn lấy một lũ mù làm một truyện ngụ-ngôn để dạy-bảo. Người mới sai đi tìm hết cả trong nước những kẻ mù từ lúc mới đẻ ra, đưa về để ở ngoài cửa điện. Các quan được lệnh bèn đi nhặt hết cả người mù trong nước đưa về, rồi vào tâu vua rằng nay đã tìm được hết cả những người mù và bây giờ chúng đang đứng ở ngoài điện.

Vua bèn phán rằng : « Các ngươi hãy dẫn cho chúng nó xem những con voi. » Các quan vâng lệnh, bèn đưa lũ mù đến gần những con voi và giắt tay cho chúng xem. Trong lũ mù một anh được nắm cái cẳng chân voi ; một anh được nắm cái chỏm đuôi, một anh được nắm cái gốc đuôi ; anh khác thì được sờ vào bụng voi ; anh khác thì được sờ bên sườn ; anh khác thì được sờ trên lưng, anh nữa thì được mó vào tai ; anh nữa mó vào đầu ; anh nữa mó vào ngà ; anh nữa mó

ment, n'approuvèrent pas les paroles d'un des partis, et n'attestèrent pas l'exactitude des opinions de l'autre parti, mais ils se levèrent de leurs sièges respectifs et se rendirent à Çrâvastî pour y mendier de la nourriture. Quand la nourriture eut été recueillie, ils mirent en place les récipients et revinrent dans le jardin de Jeta ; après avoir rendu hommage au Buddha, ils s'assirent sur un rang et lui racontèrent tout ce qui s'était passé, disant : « Nous songeons que ces brahmanes ont fait effort pour étudier ; quand donc devront-ils comprendre la vérité ? »

Le Buddha dit aux bhiksus : « Ce n'est pas seulement dans la vie présente que les hérétiques sont inintelligents et enténébrés. O bhiksus, il y a de cela fort longtemps, dans cette région du Jambudvîpa, il y avait un roi nommé Face de miroir ; il récitait les livres essentiels du Buddha ; ses connaissances étaient nombreuses comme les grains de sable du Gange. Quant à ses sujets, ministres ou gens du peuple, pour la plupart ils ne lisaient pas les écrits bouddhiques et portaient avec eux des livres mesquins ; ils avaient foi dans la clarté du ver luisant et mettaient en doute l'éclat qui se projette au loin du soleil et de la lune ; le roi se servit d'aveugles pour en tirer un apologue, car il désirait faire que ces gens renonçassent à aller sur des mares et navigassent sur la grande mer ; il ordonna donc à ses émissaires de parcourir le royaume pour rassembler ceux qui étaient aveugles de naissance et les amener à la porte du palais ; ayant reçu cet ordre, les officiers prirent tous les aveugles du royaume et les firent venir au palais, puis ils annoncèrent qu'ils avaient trouvé tous les aveugles et que ceux-ci étaient maintenant au bas de la salle.

Le roi dit : « Allez leur montrer des éléphants. » Les officiers obéirent à l'ordre royal ; ils menèrent les aveugles auprès des éléphants et les leur montrèrent en guidant leurs mains ; parmi les aveugles, l'un d'eux saisit la jambe d'un éléphant ; un autre saisit la queue ; un autre saisit la racine de la queue ; un autre toucha le ventre ; un autre, le côté ; un autre, le dos ; un autre prit une oreille ; un autre, la tête ; un autre, une défense ; un autre, la trompe. Les aveugles, se tenant auprès des éléphants, se

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

vào vòi : Lũ mù ta bấy giờ đứng bên cạnh những con voi mà cãi nhau om-sòm, mỗi anh tự-đắc rằng mình là phải, còn những kẻ khác là sai cả.

Khi ấy các quan bèn giắt lũ mù lại gần vua, vua mới hỏi lũ mù rằng : « Các ngươi đã trông thấy voi chưa ?» Chúng trả lời : « Tâu Hoàng-Thượng, chúng tôi đã được mục-kích toàn-thể con voi rồi». Vua lại hỏi : « Thế thì con voi giống cái gì ?» Bấy giờ anh mù đã được nắm cẳng chân voi trả lời rằng: « Muôn tâu Thánh-chúa, con voi giống như một cái ống sơn » Anh mù đã được nắm chỏm đuôi thì trả lời rằng con voi giống như một cái chổi ; anh mù đã được nắm gốc đuôi thì kêu rằng con voi giống như cái gậy ; anh mù đã được sờ vào bụng voi thì kêu rằng con voi giống như cái trống ; anh mù đã sờ bên sườn thì bảo rằng con voi giống như bức tường ; anh mù đã được sờ lưng thì cãi rằng con voi giống như một cái bàn cao ; anh mù đã được mó tai thì cãi rằng nó giống như một cái nia ; anh mù đã được mó đầu thì cãi rằng nó giống như cái thùng to ; anh mù đã được mó ngà thì cãi rằng nó giống như một cái sừng ; còn anh mù đã được mó vòi thì kêu rằng: «Tâu Thánh-chúa, con voi giống như là một cái dây to.» Rồi bấy giờ cả lũ mù đổ ra cãi nhau kịch-liệt ở trước mặt vua mà mỗi anh kêu rằng : « Muôn tâu Chúa-thượng, con voi thật quả là giống như hình-tượng của tôi vẽ-tả.» Bấy giờ ông vua «Mặt Gương» mới bật cười to và bảo rằng : «Hỡi các ngươi, tất cả các ngươi, các ngươi chưa đọc những kinh sách nhà Phật, thì các ngươi đều giống như lũ mù này.» Rồi vua lại đọc thêm một câu ngụ-thuyết :

Nay các ngươi là một lũ mù, – các ngươi cãi nhau vô-ích và các ngươi lại tự-đắc là nói phải ; mới biết có một điều mà các ngươi lại bảo rằng hết cả những đều khác là giả-dối, — và các ngươi cãi nhau về truyện con voi.

Rồi vua lại nói thêm một câu nữa rằng; «Những kẻ hay thiết-tha về những quyển sách nhỏ-mọn mà không biết rằng những kinh-sách Phật-giáo là chân-lý, là chính-đạo, nghĩa-lý bao-quát mênh-mông, thâm-cao vô-hạn, thì những kẻ ấy là đồ không có mắt.» Bấy giờ hết cả nhân-dân kẻ sang người hèn đều theo nhau học những kinh sách nhà Phật.

disputaient tumultueusement, chacun d'eux disant qu'il était dans le vrai, et les autres non.

Les émissaires les ramenèrent alors vers le roi et le roi leur demanda : « Avez-vous vu les éléphants ? » Ils répondirent : « Nous les avons entièrement vus.» Le roi reprit : « A quoi ressemble un éléphant ?» Celui qui avait tenu une jambe répondit : « O sage roi, un éléphant est comme un tuyau verni.» Celui qui avait tenu la queue dit que l'éléphant était comme un balai ; celui qui avait tenu la racine de la queue, qu'il était comme un bâton ; celui qui avait touché le ventre, qu'il était comme un tambour ; celui qui avait touché le côté, qu'il était comme un mur ; celui qui avait touché le dos, qu'il était comme une table élevée ; celui qui avait tenu l'oreille, qu'il était comme un van ; celui qui avait tenu la tête, qu'il était comme un gros boisseau ; celui qui avait tenu une défense, qu'il était comme une corne ; quant à celui qui avait tenu la trompe, il répondit : « O sage roi, l'éléphant est comme une grande corde. » Et, de plus belle, ils se mirent à se disputer en présence du roi, disant : «O grand roi, l'éléphant est réellement tel que je le décris. » Le roi Face de miroir rit alors aux éclats et dit : « Comme ces aveugles, comme ces aveugles vous êtes, vous tous qui n'avez pas vu les livres bouddhiques. » Puis il prononça cette gâthâ :

Maintenant, vous qui êtes une troupe d'aveugles, — vous disputez vainement et vous prétendez dire vrai ; — ayant aperçu un point, vous dites que le reste est faux, — et à propos d'un éléphant, vous vous querellez.

Il ajouta encore : « Ceux qui s'appliquent à l'étude des livres mesquins et qui n'ont pas vu que les livres bouddhiques sont d'une vérité et d'une rectitude si vastes que rien ne leur est extérieur, si hautes que rien ne les recouvre, ceux-là sont comme les gens privés d'yeux.» Alors tous, qu'ils fussent de condition haute ou de condition basse, récitèrent ensemble les livres bouddhiques.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

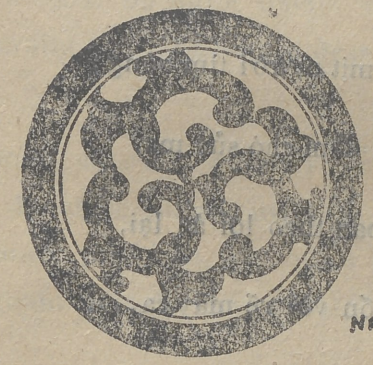
Đức Thích-Ca kể truyện thế rồi lại bảo các nhà tăng-ni rằng : « Ông vua «Mặt Gương» đó chính là ta đây ; còn những kẻ không có mắt kia là lũ Bà-la-môn ở trong phòng giảng-thuyết bây giờ, chúng là đồ ngu-dốt và bởi chúng mù-đui cho nên mới sinh ra sự phản-đối nhau ; nay lúc nào chúng phản-đối nhau thì chúng vẫn ở trong nơi đen-tối, và bởi hay phản-đối nhau thế hóa ra chúng chẳng tiến-tới thông-hiểu thêm được một chút nghĩa-lý nào.»



Anh phải yêu đồng bào như mình anh.

Bibl. Levit. 19. 18

Le Buddha dit aux bhiksus : « Le roi Face de miroir, c'était moi-même ; quant aux gens privés de la vue, c'étaient les brahmanes de la salle de conférences ; en ce temps ces gens étaient sans sagesse et, à cause de leur cécité, ils en arrivèrent à se disputer ; maintenant, quand ils disputent, ils sont aussi dans l'obscurité et, à cause de leurs disputes, ils ne font aucun progrès. »



Tu aimeras ton prochain comme toi-même.

Bible Levit. 19. 18.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

ĐÊM

Thơ bát-cú, Bùi-huy-Cường soạn

P. M. dịch thơ tây

Thơ-thẩn đêm hôm buổi vắng nhà,
Ra sân đâu mất chị Hằng-nga ? !
Một vùng tít-mịt người tìm bóng ;
Bốn phía êm-đềm chó sủa ma.
Ngứa cẳng toan theo lối ác lại,
Buồn tay muốn với rẽ mây ra....
Canh đi chẳng đứng mà lâu thế ?
Mong-mỏi tan sương một tiếng gà...

LA NUIT

Poésie par Bùi-huy-Cường

Traduction en vers français par P. M.

Il fait nuit. . . je suis seul sous le chaume et je rêve. . .
Puis sans mot dire, avance en pleine obscurité,
Dans le noir de la cour où nulle ombre ne lève,
Devant mes pas craintifs. . . La lune a déserté. . .

J'entends battre mon cœur. . . quand retentit, sonore,
Tout près, l'aboi du chien qu'un ma-quỷ a frôlé. . .
Un autre lui répond, plus loin, un autre encore. . .
Decrescendo poignant vers l'esprit envolé.

Inquiet, troublé, j'appelle en mon cœur le soleil,
Oh ! qu'il caresse encore l'âme qu'il a quittée ! . . .
Je voudrais de mes mains déchirer, pour l'éveil,
La nuée lourde d'angoisse en le ciel arrêtée. . .

Combien longues ces nuits, où le cœur en misère
Souffre, supplie et craint sans espoir ni merci. . .
Chantera-t-il, enfin, ce coq à la voix claire,
Qui chassera la nuit, la fièvre et le souci ?

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

BỐN CÁI MONG CỦA THẦY KÝ

Thơ bát-cú, Hồ-Trọng-Hiếu soạn

Làm nghề thầy ký với thầy thông ;
Sống ở trên đời có bốn mong :
Mong tháng chóng qua, tiền chóng lĩnh,
Mong giờ mau hết, việc mau xong.
Mề-đay mong được năm mười chiếc,
Lương-bổng mong tăng sáu bảy đồng.
Chỉ biết thời nay mong thế thế...
Còn bao mong nữa xếp bên lòng...

Tôi muốn lấy lòng trong-sạch, lấy bụng nhân-từ mà ăn ở với mọi người, cũng như tôi muốn mọi người ăn ở với tôi vậy.

Kinh Phật

Université Côte d'Azur. Bibliothèques



Các hội-viên V. N. T. N. diễn tân kịch « Mảnh Gương đời » || « Le miroir de la vie ». Groupe d'acteurs du F. E. A.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

LES QUATRE ESPÉRANCES DU SECRÉTAIRE

Poésie par Hồ-trọng-Hiếu

Le secrétaire ou l'interprête

Nourrit en son cœur quatre espérances :

Il espère que le mois passera vite pour toucher sa solde,

Il espère que le temps consacré à sa besogne s'envolera rapidement pour en être bientôt débarrassé ;

Il espère recevoir une dizaine de médailles,

Il espère obtenir six ou sept piastres d'augmentation...

Ou du moins, je ne lui connais que ces quatre espérances...

Les autres sont sans doute cachées bien précieusement dans un petit coin de son cœur...



Je veux agir envers les autres avec un cœur pur, plein d'amour, exactement comme je voudrais qu'ils agissent envers moi.

Texte bouddhique

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

MẢNH GƯƠNG ĐỜI

Trần-Tuấn-Khải soạn

Bản kịch này soạn bằng quốc-văn đã đem diễn trên sân-khấu rạp « Chớp bóng Hàng Quạt »ngày 12 Avril 1924 để mừng ngày hội-tiết thường-niên của bản-hội : đào kép toàn hội-viên đóng : thật là vui trò và tự-nhiên từ đầu chí cuối. Hôm ấy quan-khách rất đông cùng vỗ tay khen-ngợi lắm.

Trước kia, bản-chí định đăng toàn-vở và in riêng một số có nhiều tranh vẽ vào trong bộ « Việt-Nam Thanh-Niên Tùng Thư », bản dịch chữ Pháp của ông Hồ-trọng-Hiếu, quý-hữu bản-chí, đã sẵn-sàng cả; nhưng khốn vì lý-tài quẫn-bách, bản-chí đành đăng thay mấy lời lược-thuật đại-ý này vậy, dám xin các ngài độc-giả lượng-thứ cho.

T. S.

MẤY LỜI LƯỢC-THUẬT ĐẠI-Ý KỊCH NÀY

Hồi thứ nhất - Khuếch-ông vốn dòng thi-lễ, nhờ ông cha để lại cho một cơ nghiệp khá lớn nên cũng vào bực giầu có ở đất Hà-thành, nhưng vì giao-du với những phường đãng-tử nên tập-nhiễm những thói chơi-bời xa-xỉ.

Một hôm nhân vợ là Khuếch-bà đi chẩy hội chùa Hương vắng, nên sai con Hoa là đứa ở gái trong nhà đi mời thầy Tâm là một người bạn giỏi nghề đàn-địch và nhờ gọi mấy người đào-ca đến để giải-trí. Cuộc vui ấy vừa mãn, Khuếch-ông bảo con Hoa coi nhà rồi cùng thầy Tâm và 2 người đào-ca lên tửu-quán rượu chè.

Khuếch-bà chẩy hội về thấy vắng chồng, hỏi con Hoa mới rõ mọi việc, lấy làm buồn-rầu, sai con Hoa lấy thúng may ra vừa khâu vừa than-thở nỗi lòng.

Khuếch-ông say-sưa trở về lả-lơi trêu-cợt vợ ; Khuếch-bà thấy vậy bèn trách chồng rằng người đã đứng tuổi, con trai

LE MIROIR DE LA VIE

Par Trần-tuấn-Khải

Cette pièce, en langue annamite, a été jouée le 12 avril dernier, en l'honneur de la fête annuelle du Foyer, sur la scène du « Cinéma Tonkinois » par des acteurs, tous membres de notre société. Elle a été enlevée avec beaucoup d'entrain et de naturel, aux vifs applaudissements d'une salle comble.

Nous avions l'intention de la publier ici *in-extenso*, puis d'en faire un tirage à part illustré dans notre « Collection F. E. A.» ; la traduction entièrement faite par notre ami Hồ-Trọng-Hiếu était toute prête.. Malheureusement l'état de nos finances nous oblige à remplacer cette publication par celle d'une simple analyse, ce dont nous nous excusons auprès de nos lecteurs.

ANALYSE

Acte 1er. — Khuêch-Ông, de bonne famille de lettrés et ayant hérité d'une certaine fortune est considéré comme un des plus gros bourgeois de la capitale. Malheureusement, la fréquentation habituelle de quelques mauvais sujets a fait de lui un prodigue et un débauché.

Profitant un jour de l'absence de sa femme Khuêch-Ba, en pélerinage à la pagode de Hương-Tích, il fait introduire chez lui, par la servante Con Hoa, son ami Tâm, musicien convaincu, et quelques chanteuses pour les distraire. Après quelques divertissements, il laisse la maison à la garde de Con Hoa et emmène tout le monde festoyer au restaurant.

Khuêch-Ba rentrant de pélerinage et ne trouvant plus son mari s'enquiert des causes de cette absence auprès de Con Hoa qui lui révèle tout. Khuêch-Ba, en proie à un profond accès de mélancolie, chantonne tristement en faisant quelques travaux de couture.. . .

Khuêch-Ong, rentrant ivre, la trouve ainsi. . . Il se prend à la lutiner comme un jeune amoureux. Khuêch-Ba essaye de lui faire

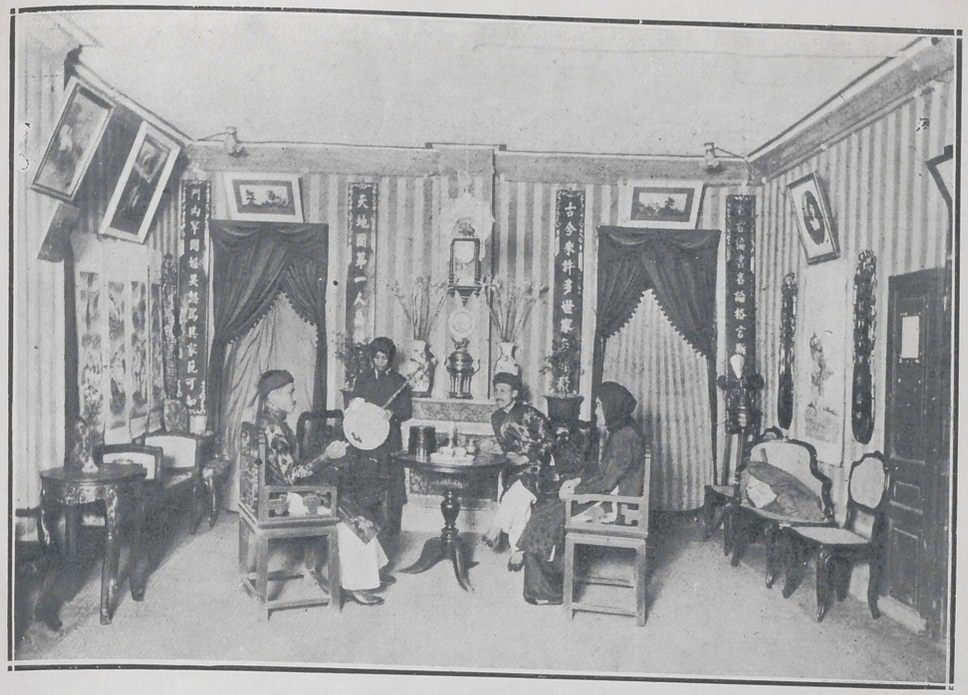
Université Côte d'Azur. Bibliothèques

chưa có, có một mụn con gái đã không coi sóc gây-dựng thì chớ, lại theo chúng bạn chơi bời về phá tán cơ nghiệp. Khuếch-ông viện những câu vô-lý ra mắng vợ rồi dở thói vũ-phu vùi hoa giập liễu, may có cô Thục là con gái và con Hoa ra can ngăn van lạy mới thôi.

* * *

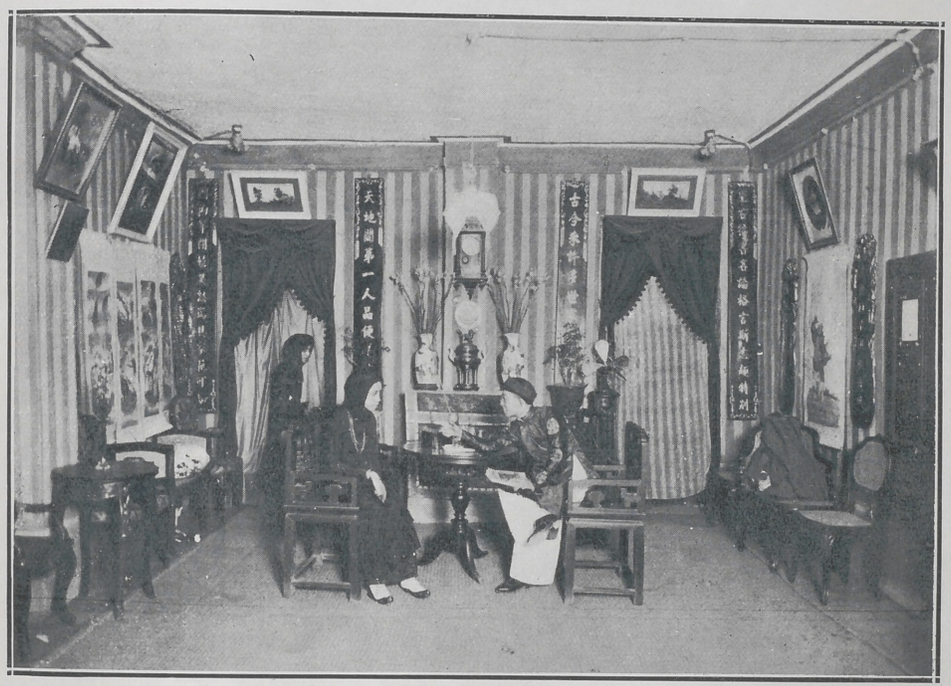
Hồi thứ nhì — Khuếch-ông đang ngồi tính-toán công nợ, nào những món đã quá hạn, nào những món sắp đến hạn, trong lòng bối rối, và tự-hối rằng đua anh em chơi bời là khờ dại, những khi ngồi trên chiếu rượu cùng là ở các vũ-đài thì anh em có thể đồng-sinh đồng-tử được, nhưng đến khi quẫn-bách nguy-nan thì chẳng thấy ai cưu-mang giúp-đỡ ; chợt có một viên mõ-tòa và một viên cảnh-sát vào hỏi về việc nợ, trước Khuếch-ông còn chối, còn tự xưng mình là thằng bếp, sau hỏi đến thẻ tùy-thân thì đành chịu để cho người ta bắt vào nhà giam cấm.

Khuếch-bà đang coi sóc các việc trong nhà thấy thằng Quít vào báo thì vật-vã khóc than. Cô Thục khuyên-giải và nói phải đi mời Thầy cò đến để tìm kế lo liệu cho Khuếch-ông. May có thằng Quít trước đã ở với một ông Thầy cò nên giới-thiệu và mời đến, song vì tiền của trong nhà đã khánh-kiệt nên thầy cò cũng khó nghĩ ra kế hay, chỉ khuyên cô Thục nên vì tình cha con mà đem thân ra báo-đáp. Khuếch-bà dùng-dằng không nỡ, song cô Thục xuân-xanh mới mười tám tuổi, quyết-chí xin cho con Hoa sang nhờ bà Tài là người quen nghề mối lái ở cùng phố để bà tìm cho một nơi giầu có gửi thân và lấy tiền ra lo-liệu cho bố.



« Mảnh Gương đời » Hồi I — Kịch 3
Kh. — ông..... Tri-kỷ gặp nhau có mấy lúc.

« Le Miroir de la vie » Acte I — Scène 3
Kh. — ông : Sachons mettre à profit ces trop rares réunions...



« Mảnh Gương đời » Hồi I — Kịch 6
Cậu Tình : Thế cô cho tôi là hạng người thế nào ?

« Le Miroir de la vie » Acte I — Scène 6
Cậu Tình :. . . et dans quelle espèce de gens me ranges-tu ?

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

honte de son attitude, lui reprochant de ne pas être plus sérieux à son âge, de mener une vie indigne d'un père de famille, de n'avoir qu'une fille unique et de négliger complètement son éducation, s'adonnant à la débauche et gaspillant toute la fortune des siens avec des compagnons de plaisir. Khuêch-Ong, après avoir vainement essayé de justifier sa conduite par des arguments spécieux, finit par s'emporter et va même frapper sa femme lorsque surviennent sa fille et la servante qui s'interposent heureusement à temps.

* * *

Acte II. — Khuêch-Ong récapitule mentalement ses nombreuses dettes dont les unes sont échues, et les autres à échoir bientôt. Il fait d'amères réflexions sur l'infidélité des prétendus amis qui lui ont juré aide et dévouement sur les nattes des chanteuses, mais qui l'ont sans hésitation abandonné à son malheureux sort lorsqu'il a fait appel à eux. C'est à ce moment que surgit précisément l'huissier accompagné d'un agent de police venant l'appréhender pour la prison pour dettes. Khuêch-Ong essaye d'abord de nier son identité et de se faire passer pour son propre cuisinier, mais doit finalement se résoudre à se laisser emmener par les deux représentants de la loi.

Khuêch-Ba, occupée aux soins du ménage, apprend par le domestique Quit cette triste nouvelle : elle se répand en gémissements et en lamentations. Sa fille Thục, âgée de dix-huit ans, s'efforce à la consoler et lui conseille de consulter un avoué pour tirer Khuêch-Ong de ce mauvais pas. Le boy Quít en indique un chez qui il a servi autrefois, et s'en va le quérir. Ce n'est d'ailleurs qu'un simple clerc d'avoué qui singe le patron en donnant des consultations sur des sujets dont il ignore le premier mot. Voyant qu'il ne parviendra pas à exploiter une malheureuse femme dont la ruine est complète, il se retire après avoir conseillé à Mademoiselle Thục de se donner en mariage au plus offrant afin de sauver l'honneur de son père avec la fortune de son mari. Khuêch-Ba recule devant un tel parti, mais sa fille, convaincue qu'elle doit être prête à se sacrifier entièrement au devoir de piété filiale, passe outre ses hésitations ; elle envoie chercher Mme Tài, l'habile entremetteuse, et lui donne mission de découvrir le gros richard dont l'argent sauvera son père. . . en faisant sans doute le malheur de sa propre vie.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

* * *

Hồi thứ ba — Cô Thục một đêm ngồi đối ngọn đèn tàn nghĩ đến tình-cảnh lấy làm đau đớn, hạt châu lã-chã tuôn rơi; vì trước kia cô có đính-ước với một người học-sinh tên là Trần-văn-Tình, tưởng rằng chẳng chóng thì chầy sẽ được cùng nhau sum-họp; ngờ đâu vì cảnh-tình bắt-buộc, phải mang chữ hiếu bỏ chữ tình, càng nghĩ càng thêm chua-sót...

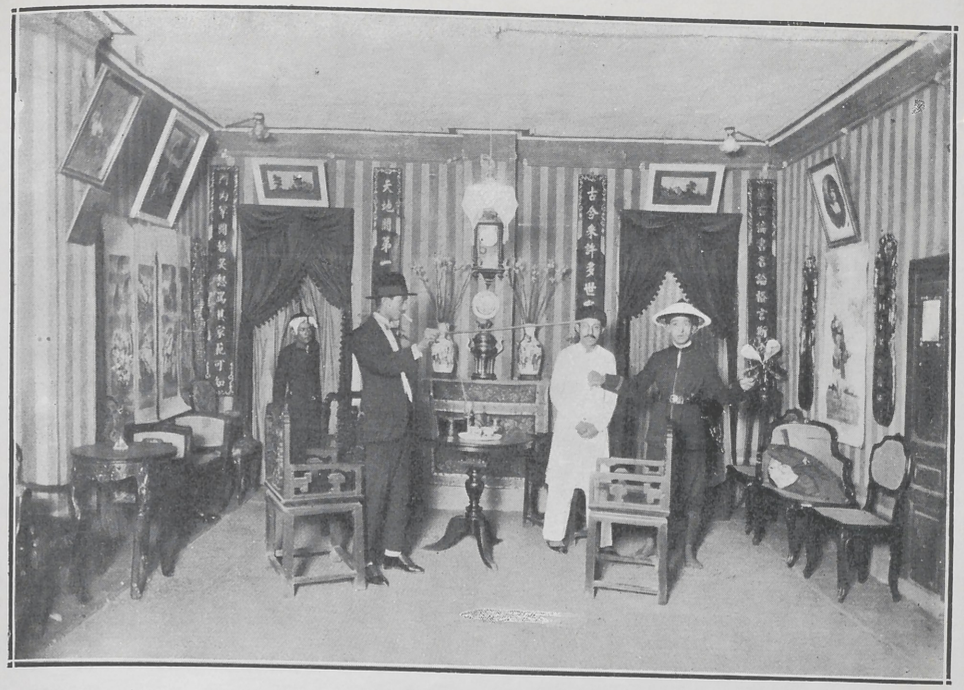
Sực có cậu Tình đến: hai người tỏ bầy tâm-sự cùng nhau. Cô Thục thì xin lỗi cậu Tình đành phải lỗi lời nguyện-ước vì không có thể coi duyên hội-ngộ trọng hơn nghĩa cù-lao: còn cậu Tình thấy vì kim-tiền mà phải chia uyên rẽ thúy và tự xét không đủ thế-lực giúp-đỡ người tri-kỷ thì lấy làm xấu hổ, liều mình đi lánh phương xa.

Cô Thục thấy cậu Tình đi khỏi thì buồn-bã, may có con Hoa là đứa nghĩa-tỳ tình-nguyện bắt chước người xưa mà ra thế cho chủ.

Cách mấy hôm có cậu công-tử Bột là người bà Tài mách lại xem mặt cô Thục, thì con Hoa ăn-mặc giả ra tiếp và hẹn hôm sau sẽ trả lời.

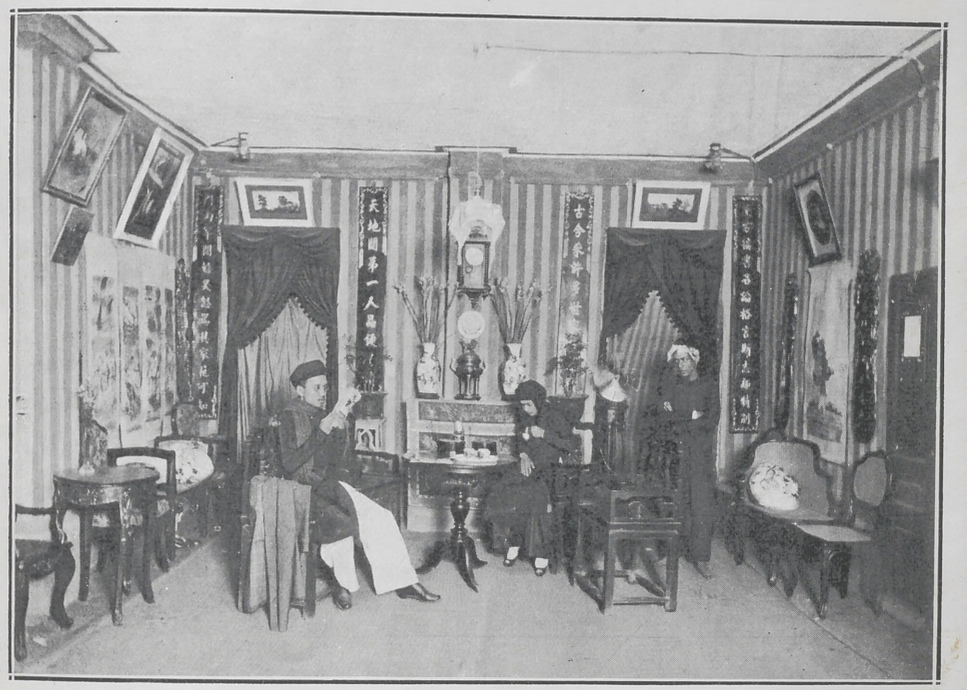
Hôm sau cậu Bột đến thì cô Thục và con Hoa giảng cho một bài học rất đích-đáng, khiến cho cậu Bột xấu hổ muôn phần.

Ngay lúc đó cậu Trần-Đức thấy em là cậu Tình bỏ Hà-thành mà đi, hỏi dò-la biết rằng trước cậu Tình vẫn đi lại nhà cô Thục thì ngờ cô Thục là phường trên bộc trong giầu mới đến nơi để dò-xét, song tới khi rõ cô là người hiếu-nữ thì lấy làm cảm phục bỏ tiền ra giúp.



« Mảnh Gương đời » — Hồi II — Kịch 2
Mõ Tòa: Emmenez-le!

« Le Miroir de la vie » Acte II — Scène 2
L'huissier: Emmenez-le!



« Mảnh Gương đời » — Hồi II — Kịch 5
Thầy Cò: ...Tôi mang nhầm quyển Việt-Nam Thanh-Niên Tạp-chí...

« Le Miroir de la vie » Acte II — Scène 5
Thầy Cò: ... Je me suis trompé, j'ai emporté un nº de la Revue du F. E. A.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

* * *

Acte III. — Mademoiselle Thục est assise, le soir, auprès d'une petite lampe méditant sur le malheureux sort qui lui est réservé et pleurant amèrement . . . . Elle songe, hélas, au jeune et bel étudiant, M. Tinh, à qui elle s'était secrètement fiancée. Elle pensait bien partager sa vie avec celui à qui son cœur s'était tout donné, et ne prévoyait certes pas à cette époque la cruelle situation qui l'obligerait à déchirer ce cœur, et à sacrifier l'amour conjugal à la piété filiale plus forte que tout. . . Et elle s'abîme dans son chagrin ...

M. Tinh, le jeune et charmant fiancé, survient précisément à ce moment. . . Elle lui explique les causes de son désespoir : quelque grand puisse être l'amour qu'elle a pour lui, il ne saurait cependant lui faire oublier ce qu'elle doit à son père. .. Le malheureux Tinh, comprenant que le manque d'argent est la seule cause de cette douloureuse situation et sachant bien, hélas, qu'il est incapable d'y porter remède, décide de s'exiler bien loin, bien loin, et de ne revenir jamais.

Après qu'il a disparu, Mᵉˡˡᵉ Thục est en proie à un violent accès de désespoir. Elle a heureusement auprès d'elle la dévouée jeune servante Con Hoa qui lui promet de se substituer à elle pour recevoir les richards jeunes ou vieux qui vont se présenter pour solliciter sa main.

Quelques jours plus tard, la commère Tài envoie un jeune fils de mandarin, suffisant et vaniteux du nom de Bột, qui veut d'abord se rendre compte de la beauté de la jeune fille. Con Hoa, déguisée sous les robes de sa maîtresse, reçoit Bột et ajourne la réponse au lendemain.

Monsieur Bột revient en effet le lendemain mais, pour toute réponse, il reçoit une verte leçon de Mᵉˡˡᵉ Thục et de Con Hoa et s'en va tout penaud.

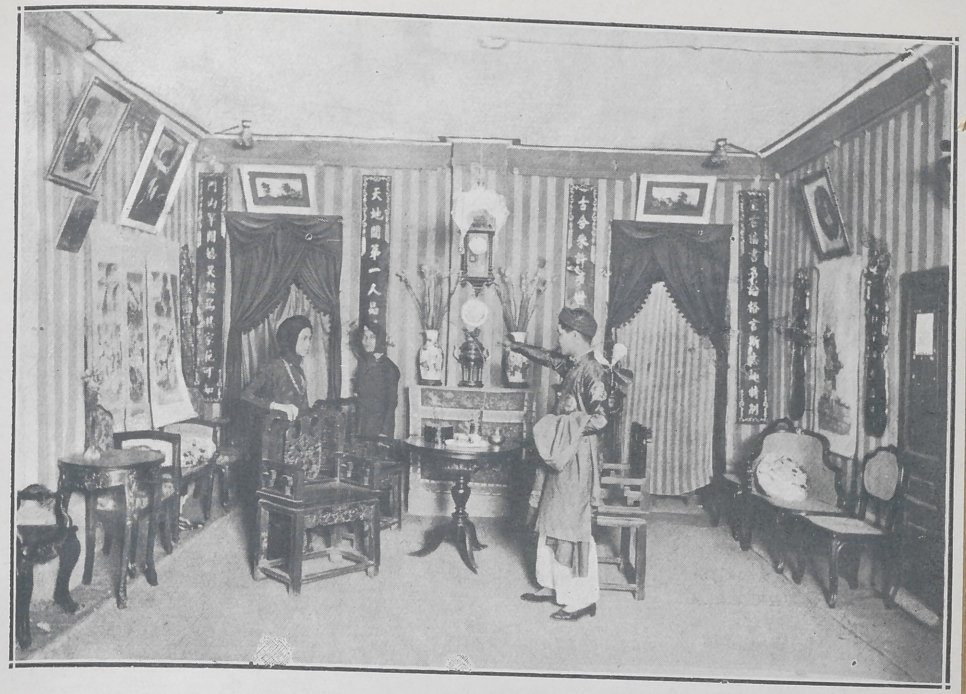
A ce moment intervient M. Dức, frère du jeune fiancé Tinh, qui est très inquiet de la disparition de ce dernier. Ayant été vaguement au courant des relations de Tinh et de Mᵉˡˡᵉ Thục, il se renseigne sur la famille Khuêch et apprend ainsi que, contrairement à ce qu'il avait supposé, cette jeune fille est un pur et

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Rồi cậu lại bầy kế đăng báo rằng mình đã kết-duyên với cô Thục để đánh lừa em về. Cậu Tình ở nhà một người bạn trên miền thượng-du, một hôm xem báo thấy tin ấy lấy làm căm-tức anh, tức-khắc về Hanoï để sinh sự cùng anh ; nhưng đến khi hiểu thấu ngọn-ngành, biết rằng anh vì thương mình mà phải bầy mưu lập kế và trong khi mình đi vắng đã giúp-đỡ cô Thục để tơ-duyên khỏi lầm-lội thì lấy làm cảm-phục và hối-hận vô cùng

Khuếch-bà và cô Thục được món tiền của cậu Đức giúp bèn tìm đến những nơi có quyền-thế lo-liệu, nên chẳng bao lâu Khuếch-ông đã được tha về ; Khuếch-ông cảm ơn cậu Đức, cậu Tình và tỏ ý thương-yêu vợ con hơn trước vì biết rằng trong khi vận-nạn thì chỉ có vợ con thương-sót mình hơn cả. Khuếch-ông tình-nguyện xin sửa mình rồi từ đó các cách chơi bời xa-xỉ ông đều bỏ hết. Cách ít lâu cậu Trần-văn-Tình làm lễ thành-hôn với cô Hoàng-Thục, để con chồng vợ, một nhà xum họp hòa vui.

Cho hay vinh nhục bởi người,
Mảnh gương họa để cõi đời soi chung.



« Mảnh Gương đời » Hồi III — Kịch 10
Cậu Bột :... Hôm ấy tôi nói truyện với cô Thục này...

« Le Miroir de la vie » — Acte III, Scène 10
Cậu Bột :... J'ai parlé l'autre jour à Mlle Thục que voilà !



« Mảnh Gương đời ». Hồi III — Kịch 18
Kh. — ông : Tôi từ nay xin lạy cả các ông bạn.

« Le Miroir de la vie » — Acte III, Scène 18
Kh. — ông : Salut, Messieurs mes camarades .. et adieu à jamais !

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

noble cœur. Emu de ce qu'il a appris sur son compte, il se présente à elle et réussit, à force d'insistance, à lui faire accepter d'une grosse somme qui lui permettra de libérer son père.

Mais il faut aussi retrouver Tinh, qui est disparu, et le faire revenir à Hanoi. L'ingénieux Duc a recours au stratagème suivant : Il fait insérer dans tous les journaux annamites la nouvelle qu'il va épouser mademoiselle Thuc, fille de Khuêcb-Ong. Immanquablement, Tinh accourt à Hanoï en apprenant cette nouvelle, pour reprocher à son frère une trahison dont il est stupéfait et indigné. Une explication a lieu entre les deux frères, Tinh comprend son erreur, demande pardon de son emportement, et témoigne de façon touchante à son frère si dévoué toute la reconnaissance qu'il a pour lui.

Libéré de ses dettes grâce au prêt consenti par Duc, et par suite des démarches instantes, auprès de la justice, de sa femme et de sa fille, Khuêch-Ong recouvre la liberté. Il arrive chez lui tout penaud et déconfit : ce n'est plus du tout le brillant « noceur» d'autrefois ! Il remercie chaleureusement Duc et Tinh de ce qu'ils ont fait pour lui ; il comprend qu'avec eux, sa femme et sa fille seules ont eu quelque souci de lui pendant qu'il gémissait en prison : il sent alors combien il les aime, et prend l'engagement solennel de renoncer à ses mauvais plaisirs et de vivre entièrement pour les siens. Il tiendra ses promesses, et le mariage de mademoiselle Thuc et de Tinh réunira dans quelques jours toute la famille dans une allégresse générale.

Nous sommes par notre conduite, les propres artisans de notre bon ou mauvais destin. Que cette aventure, miroir de la vie, nous incite à faire sur ce sujet d'utiles réflexions !

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

BẢNG DANH-DỰ CỦA NGƯỜI VIỆT-NAM

Tòa Soạn ghi-chép

SOC-TRANG : Liều mình vì phận sự—Hồi 12 giờ rưỡi trưa ngày 16 décembre 1923, tại làng Tầm-lật vì việc lơ-đễnh nên sẩy ra một việc hỏa-hoạn cháy tiêu một cái nhà lá 3 căn của hai tên khách Quảng-Đông On-Xang và Huỳnh-Bảo (2 người ở chung một nhà). Sự thiệt-hại về việc rủi-ro này phỏng định chừng 110$00.

Lúc này nhằm mùa nắng hạng dông gió ; ngọn lửa mới phát lên thì ai nấy cũng đều dậm đất chắt lưỡi than thầm cho cả xóm nhà lá trên mấy chục nóc nhà kế cận đó chắc phải bị tiêu-hủy hết.

Nhưng may thay có hai chú cai : **Tân** (đồn Phú-Lộc) và **Bình** (đồn Cái-triết) hết lòng sốt-sắng cho lính mình và dân cứu chữa.

Can-đảm thay! Đáng kính thay! cho hai người lính **Học** (đồn Phú-lộc), **An** (đồn Cái-triết) lúc lửa đương cháy dữ-dội và cháy lan qua nhà tên Thanh và tên Giàu, mà nhờ hai người lính chẳng kể mạng mình, nhảy liều lên nóc nhà mà cứu chữa, làm cho lửa khỏi cháy lan và cho đến tàn đám lửa. Rồi việc, thì lính An mới thấm đau, tức vì lúc nhảy lên mái nhà, bị lọt chơn té nhằm lu nước: còn lính Học thì bị phỏng mình, nhưng 2 người cũng ráng gượng chữa cho đến tắt lửa.

. . . . . .

(*Đông pháp thời báo*, ngày 2 Janvier 1924)

* * *

Một cách ban thưởng đích đáng — Mới rồi, một tờ báo bản-xứ có đăng việc can-đảm của **những người làm tàu**

TABLEAU D'HONNEUR ANNAMITE

Par La Rédaction

SOCTRANG : Victime du devoir. —Le 16 décembre 1923, au village de Tâm-lât, un incendie allumé par mégarde réduisait en cendres la paillote qu'habitaient en commun deux Cantonnais (An-xuong et Huynh-Bao), causant environ cent-dix piastres de dégâts.

La vue des premières flammes provoqua un émoi général ; car on était en pleine saison sèche où souffle souvent un vent violent, et chacun craignait que ce hameau, composé de paillotes serrées les unes contres les autres, ne devînt en entier la proie du feu.

C'est à ce moment angoissant que se présentèrent heureusement deux braves caporaux : **Tân** (du poste de Phu-Loc) et **Binh** (du poste de Cai-Triêt) qui apportèrent avec enthousiasme leur secours généreux en entraînant de leurs exortations leurs soldats et les spectateurs civils.

Avec un courage admirable et qui doit être connu et respecté de tous, deux de ces soldats : **Hoc** (de Phu-Lôc) et **An** (de Cai Triêt) exposèrent leur vie sans hésitation en sautant sur la toiture au moment où l'incendie qui s'était rapidement propagé atteignait les maisons Thanh et Giâu. Ils réussirent ainsi à isoler ces maisons du feu ; An sautant sur le toit, passa au travers, tomba sur une jarre, et se releva tout contusionné ; Hoc revint couvert d'ampoules et de brûlures ; mais l'un et l'autre, dominant leur douleur, poursuivirent courageusement leur tâche et parvinrent ainsi à enrayer les effets du fléau.

(*Đông-Pháp thời-báo* du 2 Janvier 1924)

* * *

Une distinction qui sera bien placée. — Un journal local a relaté un acte de dévouement accompli par **l'équipage de**

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

« **Haïnan** » và nhất là của **hai người thủy-thủ tầu ấy** liều mình cứu được một người đàn bà như sau này:

« Trên sông Bassac vì gió thổi, tầu qua mà thành nổi sóng dữ-dội lắm làm cho đắm một chiếc ghe của người đàn bà cầm lái. Đáng lẽ thì người ấy chết đuối, song may sao, lúc đó chiếc tầu Haïnan đi qua, nghe thấy tiếng kêu bèn ném phao ngay xuống. Hai người thủy-binh chẳng đợi thuyền bè chi hết, nhảy từ trên mạn tầu xuống mặt sông rồi hết sức bơi lại vớt người đàn-bà lên một chiếc thuyền đến cứu. »

Sự can-đảm, sự tận-tâm, đâu đâu cũng có, ở nước nào cũng có và ở các hạng người nào trong xã-hội đều có cả vậy. Liều mình để cứu kẻ khác như thế thì thật là một việc đáng khen. Cổ-nhân thường ca-tụng những việc như thế và hoan-nghênh các người can-đảm tận-tâm lắm lắm.

Bản-báo rất thành-tâm ngợi khen tấm lòng can-đảm của hai người thủy-thủ và thỉnh-cầu với quan Toàn-quyền Nam-kỳ là người chính-trực rất thương dân-sự ra ân cho hai người đó một cái mề-đay « cứu sinh » hay mề-đay « danh-dự » bằng bạc. Cách ra ân ấy chỉ khuyến-miễn cho kẻ khác thấy việc hoạn-nạn sẩy ra thì vội vàng noi gương hai người lính thủy kia thôi.

Những sự hoạn-nạn hình như vẫn rình ta ở mỗi độ đời, ở mỗi bước đi và ở chỗ rẽ đường vậy. Nếu ta chẳng trừ được hết, nhưng ta đem hạt tận-tâm, đem mầm can-đảm mà reo-rắc vào đám quần-chúng để họ thấy việc nguy-hiểm chẳng từ chạy đến cứu chữa, thì ta cũng trừ được ít phần thảm-trạng vậy. Mà xứ như thế há chẳng là có lòng nhân-đạo du!

Quan Toàn-quyền Cognacq đã bao phen ngỏ lòng nhân-ái chắc bây giờ ngài cũng chiếu-cố cái dư-luận của bản-báo mà vì mấy lời thỉnh-cầu này sẽ ban-thưởng cho hai người thủy-thủ ấy.

(*Voix Annamite*, ngày 14 Mars 1924)

* * *

NHẤT NGHỆ TINH, NHẤT THÂN VINH
tranh vẽ khôi-hài của
MẠNH-HƯNG

IL N'Y A PAS DE SOT MÉTIER
dessin humoristique par
MẠNH-HƯNG



Phen này ta quyết đi buôn lọng!...

(TRẦN-KẾ-XƯƠNG)

(Người vẽ bức tranh này do câu thơ trứ-danh, là có ý nói rằng ở trong một nước nhiều quan-tư thì người văn-nhân cũng không nên khinh-bỉ nghề thương-mại).

Allons-y gaiement pour vendre des parasols!...

(TRẦN-KẾ-XƯƠNG)

(L'auteur de ce dessin, dont la citation est extraite d'un poème populaire annamite, a voulu dire que si le pays possède assez de fonctionnaires, un bon citoyen, même lettré ne doit pas se croire déshonoré parce qu'il s'adonne au commerce).

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

l' « **Haïnan» des messageries Fluviales** notamment par **deux matelots** du bord qui ont risqué leur vie pour sauver une femme Voici de quoi il s'agit, d'après ce journal :

« Une forte houle se faisant sentir sur le Bassac à cause du vent et du passage des bateaux, un ghe-tông conduit par une femme indigène chavira. La femme aurait certainement péri si le « Haïnan » n'était passé à ce moment et si l'équipage ayant entendu des cris n'avait manœuvré pour jeter à la femme une bouée de sauvetage. Deux matelots du bord, sans attendre qu'aucune embarcation fut amenée, se précipitère dans le fleuve et avec difficulté parvinrent à sauver la femme et à la hisser dans un sampan venu au secours.

Le courage, le dévouement se trouvent partout, dans tous les pays et dans toutes les classes de la société. Mettre en péril ses jours pour sauver ceux de ses semblables est un geste digne d'éloges. Les anciens chantaient ces actes stoïques et comblaient leurs auteurs d'honneurs.

De tout cœur nous applaudissons au grand courage de ces deux matelots et nous prions M. le Gouverneur de la Cochinchine dont nous connaissons la sollicitude envers les Annamites et l'esprit d'équité, de vouloir bien accorder à ces deux braves une médaille de sauvetage ou une médaille d'honneur en argent. Ces distinctions ne feront qu'encourager les autres qui, quand l'occasion se présente, ne manqueront pas d'imiter ces deux matelots.

Les accidents guettent l'homme à chaque étape de la vie, à chaque pas, au détour de chaque chemin. Il sera humain sinon de les aplanir, du moins de les rendre moins tragiques en semant dans la masse des germes de courage, de dévouement qui, au signal de l'alarme, pousseront et courront devant le danger.

M. Cognacq qui a donné tant de preuves de bienveillance partagera certainement notre manière de voir et réservera sans doute une suite favorable à notre requête en faveur de ces matelots.

(*La Voix Annamite*, du 14 mars 1924)

* * *

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

HANOI. — Một việc tận-tâm — Chủ nhật vừa rồi hồi 7 giờ sáng bà cụ trạc ngoài sáu mươi đi tầu Ninh-Giang sang ngang sông Nhị-Hà chẳng may ngã xuống nước.

Người bẻ lái tầu không chút ngã lòng hãm ngay máy lại nhẩy tùm xuống sông ; ngay lúc ấy cũng có **một người thủy-thủ** nhẩy theo xuống, rồi hai người cùng cứu được bà cụ lên phà, không việc gì cả. Khi tầu sang tới mạn Hanoi thì bà cụ kia phải mang ngay vào nhà thương Bảo-hộ điều-trị.

Bản-báo rất vui lòng công-bố việc tận-tâm đã được hiệu-quả của người cầm lái và người phục-dịch tầu sang ngang này và mong rằng hai người ấy sẽ được ân-thưởng sứng-đáng với cái lòng can-đảm của mình đã liều thân cứu người đồng-loại.

(France Indochine, ngày 26 Mars 1924)

*
* *

PHU-THỌ. — Đáng khen. — Hôm mồng mười ta mới rồi, tôi đi hội đền Hùng, sẩy gặp một người nọ chói một người kia dong đi, tôi cùng theo xem đến chỗ một **thầy-đội** canh ở đấy. Thầy thấy thế bèn hỏi đầu đuôi thì người bị chói nói rằng có nợ của người kia bẩy hào bạc, chưa có tiền trả mà người kia nỡ làm tàn-nhẫn như thế. Thầy đội nghe xong liền móc túi lấy bẩy hào bạc của mình ra cho người bị chói để trả nợ, và trách người kia sao nỡ làm nhục người ta ở nơi công-chúng như vậy.

Thầy đội nào đó ? cái lòng tử-tế tưởng cũng đáng khen.

Thanh-lâm lai-cảo

(*khai-Hóa*, ngày 18 avril 1924)



RÕ CAY ĐẮNG !

Chân giầy chân dép, quần chùng áo dài thế này mà thiên-hạ vẫn bảo là sơ-sác.

AMERTUME !

Babouche et sandale... tunique et pantalon trop longs !... et il y a encore des gens pour me traiter de va-nu-pieds !...

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

HANOI : Un acte de dévouement. — Dimanche matin vers 7 heures, une vieille femme indigène âgée de plus de 60 ans, passagère sur la chaloupe *Minh-giang* qui assure le service du bac du Fleuve Rouge, tomba accidentellement dans le fleuve.

Le patron de la chaloupe sans perdre son sang-froid, fit stopper la chaloupe et se jeta courageusement à l'eau, suivi par **un de ses matelots** qui vint lui prêter main-forte pour repêcher la victime de l'accident qu'ils purent ainsi ramener saine et sauve à bord du bac. La chaloupe se dirigea ensuite vers la berge du côté de Hanoï et la noyée fut transportée aussitôt à l'hôpital indigène du Protectorat où elle a reçu les soins que nécessitait son état.

Nous sommes heureux de signaler l'acte de dévouement que viennent d'accomplir le patron et l'employé de la chaloupe du service des bacs de Hanoï, et espérons que la récompense que leur mérite leur veillante conduite leur sera accordée.

(*France-Indochine* du 26 mars 1924)

* * *

PHUTHO : Un acte digne d'être connu — Etant allé le dix de ce mois, en pélerinage à la pagode de Hùng-Vương, je rencontrai un homme qui, tout ligotté, était emmené par un autre au bout d'une corde. Je les suivis un moment jusqu'à ce qu'ils fussent arrêtés par **un sergent** qui assurait le service d'ordre pendant les fêtes. Interrogé par lui, le malheureux prisonnier lui déclara que, n'ayant pu rendre à un voisin la somme de soixante-dix cents qu'il lui devait, celui ci s'était vengé en le traitant de la sorte. A ces mots, le sergent, sans une seconde d'hésitation, sortit de la poche la somme de soixante-dix cents et la remit au créancier impitoyable en le blâmant sévèrement pour le mauvais traitement et l'humiliation publique qu'il s'était permis d'infliger à sa malheureuse victime.

Nous aimerions connaître le nom de ce brave sergent dont l'acte de bonté généreuse mérite vraiment d'être connu de tous

Thanh-Lâm

(« *Khai-Hoa* » du 18 Avril 1924)

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

* * *

ĐẬP-CẦU. — Việc can-đảm. — Hôm mồng bầy vừa rồi, hồi 10 giờ sáng, một người đàn bà ta ngã xuống sông cầu, trước kho lương trại lính, độ nửa giờ nữa mới thấy xác nổi lên cách chỗ đó chừng 20 thước tây. **Một cô con gái** định nắm sống người kia giữ lại, nhưng bị sức nước lôi xuống luôn thể. Sau có cậu **Nguyễn-văn-Chúc** 17 tuổi quyết-tâm nhẩy xuống định vớt cả hai người, nhưng bị cô con gái kia bứu lấy nên cũng chìm nốt. Sau cùng lại có cậu **Nguyễn-duy-Sinh** 15 tuổi nhẩy xuống cứu được cô con gái và cậu Nguyễn-văn-Chúc lên.

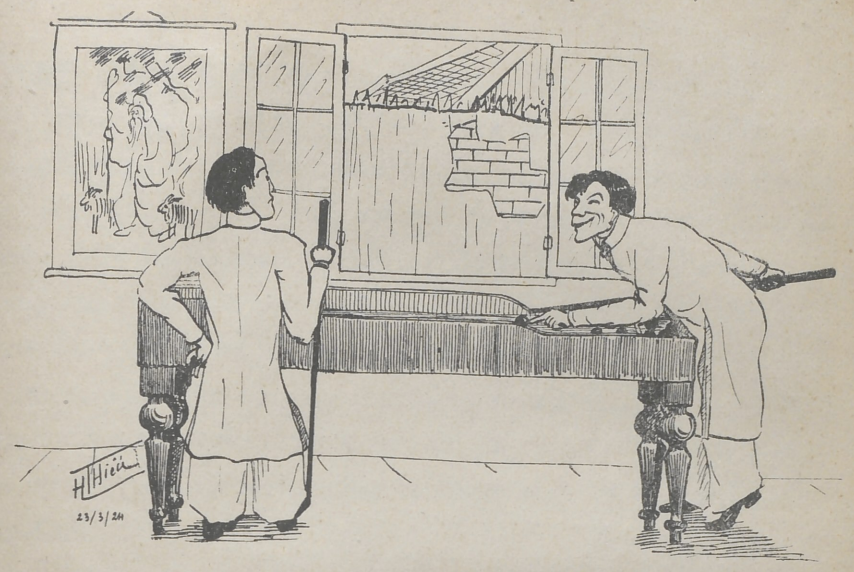
Bản-báo kính mừng cả ba người đã có can-đảm cứu đồng-loại và đã vì nghĩa tận-tâm xuýt nữa thiệt mạng, mong rằng cả 3 người sẽ được ban-thưởng đích-đáng.

(*France Indochine*, ngày 10 Mai 1924)



MỘT VÁN BI-A Ở V. N. T. N. H.
HỒ-TRỌNG-HIẾU vẽ

UNE PARTIE DE BILLARD AU FOYER
par HỒ-TRỌNG-HIẾU

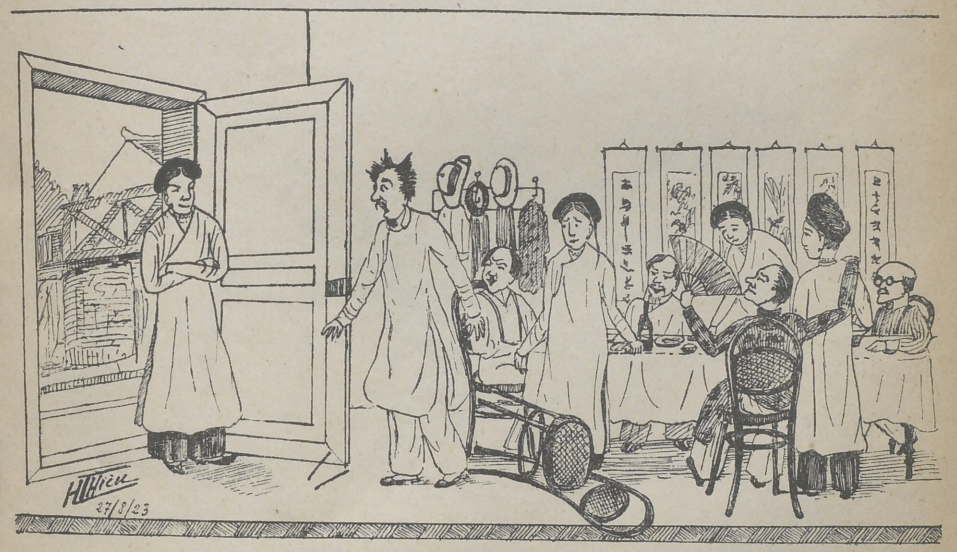


Anh chàng ranh vặt : Nếu tôi được thì anh trả tiền bánh, mà nếu tôi thua, tôi gọi bánh ăn, nhưng chỗ anh em, tôi cũng nhường anh trả tiền để khỏi mích lòng anh.

Le malin : Si je gagne, tu payeras les gâteaux, si je perds, c'est moi qui les commanderai,... mais pour ne pas te froisser, comme tu es mon ami, je te laisserai payer quand même !...

BỰC BỘ-KINH
HỒ-TRỌNG-HIẾU vẽ

SA LÉGITIME
par HỒ-TRỌNG-HIẾU



Nàng rằng : phận gái chữ tòng,
Chàng đi thiếp cũng quyết lòng xin đi.
(*Kim-vân-kiều*)

Elle : Mon devoir d'épouse est de te suivre... Partout où tu vas, je t'accompagne.
(*Kim-vân-kiều*)

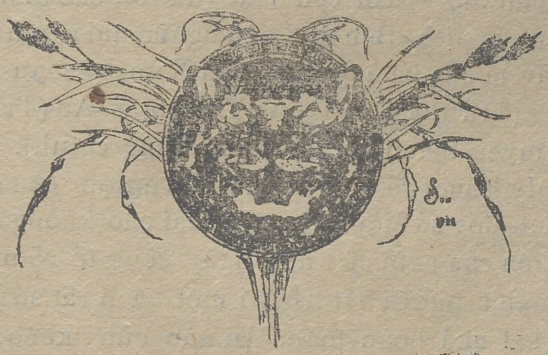
Université Côte d'Azur. Bibliothèques

* * *

DAP-CAU : Acte de courage. — Une femme indigène s'est noyée dans le Sông-Cầu le 7 courant à dix heures en face des magasins des subsistances Militaires. Le corps a été trouvé une demi-heure après à 20 mètres du lieu de l'accident. **Une jeune fille indigène** qui tentait de retenir la victime par la jupe a été entraînée avec elle sous l'eau. A son tour le jeune **Nguyễn-văn-Chúc** âgé de 17 ans s'est jeté à l'eau pour sauver les victimes. Accroché par la jeune fille il a coulé aussi. .. Enfin le nommé **Nguyễn-duy-Sinh** âgé de 15 ans s'est jeté à l'eau à son tour et a pu ramener sur la berge la jeune fille et Nguyễn-văn-Chúc.

Nous félicitons ces trois courageux sauveteurs qui ont failli périr victime de leur dévouement, nous espérons qu'ils obtiendront la récompense qu'ils méritent.

(*France-Indochine* du 10 Mai 1924)



Université Côte d'Azur. Bibliothèques

THƯ TÍN CỦA HỘI V. N. T. N.

Yết-thị của hội-đồng trị-sự V. N. T. N.

1o — VIỆC LẠC-QUYÊN GIÚP BẢN-HỘI

Trong những món tiền quyên-giúp bản-hội vào tuần tam-nguyệt mới rồi (đăng trong bài « kỷ-thuật tài-chính» ở dưới kia), bản-hội xin riêng kể mấy vị sau này :

SÁNG-LẬP HỘI-VIÊN : *Những sinh-viên Nam-kỳ ở Hanoi* muốn tỏ lòng biết ơn một cách đặc-biệt đối với bản-hội, đã cùng nhau diễn một tấn kịch tại nhà hát tây để lấy tiền quyên cho hội. Tấn kịch ấy do tài ba ông sinh-viên soạn ra. Hội hát đã trích hai trăm rưỡi bạc ở trong số tiền bán vé mà cúng vào trong quỹ bản-hội. Lại còn một cái xe đạp của hội ấy quyên, bản-hội cũng bán đấu giá được bốn mươi ba đồng (1). Bản-hội xin trích đăng mấy lời của báo « France-Indochine » nói về việc ấy ở dưới này và lại xin thành-tâm cảm-tạ các ngài sinh-viên đã ỏ bụng nhân-từ một lần nữa.

« *Tại rạp hát tây* — Tối chủ nhật vừa rồi, các sinh-viên Nam-« kỳ đã diễn tấn kịch «Bên tình bên nghĩa» tại rạp hát tây Hanoi. « Tấn kịch ấy là của ba ông sinh-viên Nam-kỳ soạn : ông Trần-«quang-Hiển (Trường Thú-y) ông Trương-kế-An (Trường Y-học) « và ông Nguyễn-thành-Sự (Trường Công-chính). Nhà hát thì « quan Đốc-lý Hanoi đã có hảo-tâm cho mượn, còn điện thắp thì « quan Chánh-đốc sở Máy-điện cũng lại cho không, thực là tấm « lòng quý hóa của ngài cứ càng ngày càng tỏ rõ mãi ra. . Nhà « hát đồng nghịt, người hát trổ tài một cách rất sứng-đáng nên « đã được kết quả hoàn-toàn. Vai nào cũng khéo, cả đến các « vai nữ, sinh-viên đóng cũng ra vẻ tài-tình. Đờn nhạc của « sinh-viên chơi cũng là đáng khen lắm. Nhưng ta nên riêng biết

(1) Món tiền này sẽ biên vào trong sổ kế-toán về tháng Juillet.

BOITE AUX LETTRES DU F. E. A.

Avis du Comité d'Administration du F. E. A.

1° — SOUSCRIPTIONS REÇUES PAR LE F. E. A.

Parmi les souscriptions reçues pendant le dernier trimestre, et que nous publions plus loin (au compte-rendu financier), nous remarquons particulièrement les noms suivants:

MEMBRES FONDATEURS : *Le groupe des étudiants Cochinchinois de Hanoï*, tenant à manifester d'une façon toute spéciale sa reconnaissance au Foyer et à lui venir en aide financièrement, a décidé de donner au théâtre municipal, en représentation payante, une pièce due au talent de trois des siens, et a versé, sur le produit des recettes, une somme de deux-cent cinquante piastres à la caisse du Foyer. De plus, une bicyclette lui appartenant a été mise en vente aux enchères au profit du Foyer, et nous a rapporté ainsi quarante trois piastres (1). Nous reproduisons ici un article qui a été publié à ce sujet par le journal « *France Indochine* » et renouvelons à nos amis cochinchinois nos plus sincères remerciements pour leur geste généreux.

« *Théâtre Municipal.* — Une pièce en langue annamite intitu-« lée « L'Amour et le Devoir » (Bên tình bên nghĩa), écrite par « trois étudiants cochinchinois, M. M. Trần-Quang-Hiển (Ecole Vé-« térinaire), Trương-Kế-An (Médecine) et Nguyễn-Thành-Sự (Tra-« vaux Publics), a été jouée dimanche soir au Théâtre Municipal « par un groupe d'étudiants cochinchinois. La salle avait très « amiablement et gratuitement mise à leur disposition par Mon-« sieur le Résident Maire, et la parfaite amabilité de M. Pelletier, « l'éminent directeur de la Société d'électricité s'était manifestée « une fois de plus par le fait que la gratuité de l'éclairage leur « avait été aussi accordée. La pièce, qui fut jouée avec beau-« coup de talent devant une salle comble obtint le plus légitime

(1) — Cette somme figurera en recette sur notre comptabilité de juillet

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

« ông Nguyễn-cửu-Thinh là một vai chính rất can-đảm, bởi hôm « trước ông mới ngã gẫy tay vì diễn thử mà hôm sau ông ra « trò cũng hoàn-toàn đặc-biệt. Tấn kịch này theo thể tây thì rưa- « rứa như lối «Opéra comique ». Người hát đã giỏi, nhạc ta họa «với đờn tây lại khéo, cho nên kết-quả đáng khen như thế cũng « không lấy gì làm lạ. Các sinh-viên Nam-kỳ đã đem một phần « tiền bán vé thu được hôm ấy là hai trăm rưỡi bạc quyên vào « Hội Việt-Nam Thanh-Niên » Ông Đốc H. V N. T. N nhận « được món tiền ấy của ông đại-biểu hội hát, bèn thay mặt cả hội «kính tặng các sinh-viên Nam-kỳ một tấm bằng Sáng-lập gọi là tỏ « chút cảm ơn ».

Quan trạng-sư Baffeleuf là người có đại-tài ở tòa án Hanoi đã tỏ lòng quyến-luyến bản-hội mà quyên cho hội vào chức Sáng-lập hội-viên. Được một người Đại-Pháp có danh-tiếng như ngài công-nhận và trợ-tá cho thì thật là một sự khuyên-miễn rất lớn cho công-cuộc của bản-hội, bản-hội xin thành-tâm và cung-kính và cảm-tạ ngài.

Cô Jeanne Monod, giáo-sư tại trường đại-tập Marseille và *bà Nouis* ở Calvisson đã nhiều lần tỏ lòng quyến-luyến một cách rất cảm động với ta, nay mỗi ngài lại quyên giúp cho hội một trăm quan, bản-hội đã kính-tặng hai ngài chức Sáng-lập hội-viên.

Tán trợ hội-viên — ông *Schneider*, cựu sinh-viên trường Polytechnique, kỹ-sư tại Kinh-tế-cục Đông-Pháp có quyên cho bản-hội hai mươi nhăm đồng và mua giúp nhiều số báo đồng-niên. Ông lấy làm quyến-luyến mà trông theo sự mở-mang của bản-hội lắm. Bản-hội hi-vọng rằng ông chóng mạnh để lại sang cùng ở bên xứ ta ; khi ấy bản-hội sẽ được vui lòng biết tin ông tái-hồi Đông-Pháp.

Ông *Lê-Pháp-Vinh* ở saïgon cũng có hảo-tâm quyên-giúp bản-hội bốn mươi đồng bạc ; xin có lời cảm-tạ ông.

Ông *Phạm-Văn-Ba tức Tít* ở Hải-phòng là thân-sinh ông Phạm-văn-Trung, thường-hội-viên lưu-trú rất trung-thành của

« succès; tous les rôles, même ceux de femme ainsi que l'orches- «tre furent tenus par des étudiants cochinchinois ; notons particu- «lièrement le courage d'un des principaux acteurs M. Trần-Cuu- « Thinh qui, bien que s'étant cassé le bras la veille, joua son rôle «entièrement et s'en acquitta avec distinction. Le genre lyrique de « cette pièce est assez voisin de l'opéra comique, les chants fu- « rent parfaitement exécutés et la musique annamite, fort heureu- « sement soutenu par des instruments européens, les accompa- « gna très agréablement. Une partie de la somme provenant de la «vente des places fut affectée par les étudiants cochinchinois à l'œu- « vre du «Foyer des Etudiants annamites». Ils remirent de ce chef « une somme de deux-cent-cinquante piastres (250$00) au Direc- « teur de l'œuvre qui les pria, en témoignage de la reconnaissan- « ce de la Société, d'accepter pour leur groupement le titre de « Membre Fondateur. . »

Maître Baffleuf, le brillant avocat du barreau de Hanoï, a tenu à témoigner le grand intérêt qu'il porte à notre œuvre en s'inscri- vant comme Membre Fondateur. L'approbation et la collabo- ration d'un Français distingué tel que lui est pour nous un grand encouragement et nous le prions d'agréer nos respectueux et très sincères remerciements.

Mademoiselle Jeanne Monod, Professeur au Lycée de Marseille, et ***Madame Nouis***, de Calvisson, qui ont déjà donné de nombreux et touchants témoignages de l'intérêt qu'elles portent à notre œuvre nous ayant fait chacune un nouvel envoi de cent francs, nous les avons priées de bien vouloir accepter le titre de Membre Fonda- teur.

Membres Bienfaiteurs : Monsieur *Schneider*, ancien élève de l'école Polytechnique, ingénieur aux Services Economiques de l'Indochine a souscrit la somme de vingt-cinq piastres et nous a procuré plusieurs abonnements à la Revue. Il suit notre œuvre avec le plus grand intérêt. Nous espérons que sa santé lui per- mettra de revenir bientôt parmi nous et apprendrons son retour de France avec joie.

Monsieur *Lê-phát-Vinh* de Saïgon a eu l'amabilité de souscrire quarante piastres. Remerciements.

Monsieur *Phạm-văn-Ba dit Tit*, de Haïphong, père d'un de nos plus fidèles membres adhérents, pensionnaire, M. Pham-van-

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

bản-hội, cũng đã quyên giúp hội. Ông Trung đã tỏ cho phụ mẫu biết rằng các ngài có nợ ơn bản-hội, thế là ông treo gương cho các quý-hữu, nhưng tiếc rằng không được mấy kẻ noi theo.

Bà X ở Hanoi đã quyên cho hội ta 25$, người Pháp cũng nên noi theo gương ấy. Phần nhiều quý-quan vẫn tưởng rằng một công cuộc mở-mang luân-lý cho người Việt-Nam thì không ích-lợi cho các ngài về một phương-diện nào cả.

Trong các vị TỨ-TRỢ-HỘI-VIÊN, xin riêng cảm tạ quan cai-trị *Niewnglowski* là người đã trung-thành quyên giúp cho bản-hội một lần nữa, cùng bà *Đoàn-bá-Tĩnh* là mẫu-thân một người ở lưu-trú lâu nhất tại hội-quán, phu-quân bà hiện trước đã là Tán-trợ hội-viên bản-hội.

2o VIỆC CỔ-ĐỘNG

Nhân vì ngày đại-hội-đồng hôm 30 Mars quan Đốc hội ta có trình bầy hội-đồng biết rằng món tiền trợ-cấp mà ta trông ở Chánh-phủ thì không ăn thua gì, thể nào nay mai hội cũng phải đóng, cho nên hội-viên có mặt tại đó chừng 300 người nhất-định làm «sự không có thể được» để giữ hội đứng lại và tức khắc lập-thành một ban hội-đồng cổ-động. Nhiều các hội-viên trong ban ấy đã cổ-động ở chung quanh mình được một vài món tiền tổng cộng là 114$ Những quan hội-viên ấy là:

Ông Đoàn-bá-Ninh, học trò Lycée.	29$00
Phạm-văn-Trung, » Haiphong	25.00
Hồ-trọng-Hiếu, thư-ký sở Hộ-Chính . .	20.00
Nguyễn-xuân-Phổ, » Sở Đạc-điền . . .	20.00
Nguyễn-văn-Thửa, học trò Lycée . . .	10.00
Trần-trọng-Tiêm, thư-ký Don Côle Fcier	5.00
Trương-quang-Trọng, học trò Lycée . .	5.00

Ngoài sự đó, hội-đồng lại ra sức cổ-động cho bản-hội — nhưng tiếc vì trễ quá — được chừng 300 thường-hội-viên mới chọn lựa rất kỹ-càng về đường hạnh-kiểm trong những hạng người

Trung qui a donné ainsi à ses camarades un excellent exemple — trop peu suivi — en faisant comprendre à ses parents qu'ils ont une dette de reconnaissance envers le Foyer.

Madame X de Hanoï, qui a souscrit 25$ à notre œuvre donne aussi un exemple qui devrait être suivi par beaucoup de Français. La très grande majorité de ceux-ci ne paraissent pas croire qu'une œuvre de développement moral destinée à des Annamites puisse les intéresser à un titre quelconque.

Parmi les MEMBRES DONATAIRES, une mention de reconnaissance toute spéciale à M. l'Administrateur *Niewenglowski* qui a fidèlement renouvelé sa première souscription, et à Madame *Doàn-bá-Tĩnh*, mère d'un de nos plus anciens pensionnaires, et dont le mari est déjà Membre Bienfaiteur.

2o — PROPAGANDE

Monsieur le Directeur nous ayant exposé, lors de l'Assemblée Générale du 30 mars, que la subvention du Gouvernement général sur laquelle nous comptions n'ayant pas été accordée, il faudrait envisager prochainement la fermeture du Foyer, tous les membres présents (environ 300) ont décidé de faire l'impossible pour assurer la vie à notre œuvre et ont immédiatement constitué un comité de propagande Plusieurs membres de ce comité sont parvenus à recueillir, dans leur entourage, quelques sommes s'élevant en tant à 114$. Ce sont :

M. M. Doan-ba-Ninh, élève au Lycée	29$00
Pham-van-Trung, étudiant à Haïphong . , . .	25.00
Hô-Trong Hiêu, Secrétre Don des Finances. . .	20.00
Nguyên-xuân-Phô -do- Service du Cadastre .	20 00
Nguyên-van-Thua, élève au Lycée.	10.00
Trân--trong-Tiêm, Secrétre Don Côle Fcier. . .	5.00
Truong-quang-Trong, élève au Lycée. . . .	5.60

D'autre part, il se sont livrés à une campagne active — mais hélas, trop tardive ! — de propagande en faveur de notre œuvre, et sont parvenus à recruter environ 300 membres adhérents

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

thiêu-niên đích-đáng. Những người có công cổ-động nhất, xin kể :

Ông	Trần văn Bằng, học-sinh trường Công-chính.	39 người
	Mai ngọc Phương, thư-ký sở Điện-báo. . .	28
	Đặng trần Thiệu, học trò Lycée.	27
	Trần tấn Thọ, thư-ký Kho bạc	23
	Nguyễn ấu Thìn, học-sinh trường Thuốc . .	23
	Nguyễn v. Thọ, T. T. H. V. thư-ký sở Hộ-chính	19
	Phạm huy Giang, học-sinh trường Công-chính.	16
	Lê tiến Thanh, » Canh-nông.	14
	Phạm huy Thụy, học trò Lycée	13
	Lê Hưng, thư-ký Toà án, với	
	Hoàng hữu Hoành, học-sinh trường Công-chính	12
	Bùi thế Phúc, học trò Lycée.	12
	Nguyễn văn Minh, thư-ký Kinh-tế-cục. .	12
	Trần văn Khang, học trò Lycée (ban bản-xứ)	10
	Nguyễn văn Thửa » »	10
	Diệp xuân Mỹ, thư-ký sở Thương-chính . .	8
	Nguyễn thượng Chung, thư-ký Đạc-điền . .	8
	Ngô ngọc Kha, thư-ký Điện-báo.	8
	Phạm khắc Hòe, học-sinh trường Luật. . .	6
	Cung tiên Giai, học trò Lycée (ban bản-xứ).	6
	Dương lợi Hàm, học-sinh trường Sư-phạm .	5
	Nguyễn hữu Thu, » trường Luật. . .	5
	Nguyễn đình Thiệu, thư-ký tòa Đốc-lý. .	5
	Vân vân, vân vân. . .	

Cổ-động mà được kết-quả đáng khen như thế, bản-hội thật lấy làm cảm tạ vô cùng. Hội ta cần phải rất đông, hễ khi nào được số hội-viên to hơn số 1500 bây giờ nhiều thì khi ấy hội sẽ được nể-vì và rồi được trợ-cấp hơn. Nhưng cổ-động lấy thường-hội-viên thì thật là chưa đủ; một hội như hội ta *không thể chỉ* sống về thường-hội-viên được, thường-hội-viên là người hưởng mọi sự ích-lợi về tinh-thần và cả về vật-chất của hội; món tiền nguyệt-cấp 2 hào chẳng qua chỉ có một cái mục-đích về luân-lý, vì món tiền ấy không bằng một phần chia từ những sự chi-tiêu của Hội cho một người

nouveaux, tous soigneusement choisis parmi des jeunes gens vraiment dignes, par leur conduite, de faire partie de notre Société. Parmi les meilleurs propagandistes, citons :

		adhésions
MM.	Trân-v.-Bang, Etudiant à l'Ec. des Travx Plcs	39
	Mai-ngoc-Phuong, Secrétaire des P. et T.	28
	Dang-Tran-Thiêu, Elève au Lycée	27
	Trân-tân-Tho, Secrétaire à la Trésorerie	23
	Nguyên-âu-Thin, Etudiant en médecine	23
	Nguyên-van-Tho, M. B., Secrétaire à la Don des Fces .	19
	Pham-huy-Giang, Etudiant des Travx Publics . . .	16
	Lê-tiên-Thanh — id — en Agriculture.	14
	Pham-huy-Thuy, Elève au Lycée	13
	Lê-Hung, Secrétaire aux Services Judiciaires, et	
	Hoang-huu-Hoanh, Etudiant des travx Pics, ensemble.	12
	Bui-thê-Phuc, Elève au Lycée	12
	Nguyên-v.-Minh, Secrétaire à la Don des Sces Econques	12
	Tran-v.-Khang, Elève au Lycée (Enseignement local).	10
	Nguyên-van-Thua — id — . . .	10
	Diêp-xuân-My, Secrétaire des Douanes et Régies . . .	8
	Nguyên-Thuong-Chung — id — au Service du Cadastre	8
	Ngô-ngoc-Kha — id — des P. et T.	8
	Pham-khac-Hoe, Etudiant à l'Ec. de droit	6
	Cung-Tiên-Giai, Elève au Lycée (Enseignement local)	6
	Duong-Loi-Ham, Etudiant en Pédagogie	5
	Nguyên-huu-Thu, — id — à l'Ec. de droit	5
	Nguyên-dinh-Thiêu, Secrétaire à la Mairie	5
	Etc, etc...	

Les résultats de cette propagande sont des plus intéressants, et nous remercions très chaleureusement ses auteurs. Il est nécessaire que nous soyons très nombreux ; notre Société aurait été plus considérée, partant, plus aidée, si elle avait compté un nombre de membres beaucoup plus élevé que le nombre actuel (environ 1.500). Mais le recrutement des membres adhérents est tout à fait insuffisant : une société comme la nôtre *ne peut pas* vivre par ses seuls membres adhérents ; ceux-ci *reçoivent* de la Société, moralement et matériellement aussi ; leur cotisation de 20 cents a un rôle tout moral ; elle est quatre ou cinq fois infé-

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

thường-hội viên. Những hội như hội ta cần phải có những tiền trợ cấp ở ngoài mới có thể sống được ; thí-dụ như tiền trợ-cấp của chính-phủ, và nhất là tiền lạc-quyên của những người nhân-từ trí-thức, am hiểu và thành-tâm yêu mến hội ta rồi cứ mỗi năm quyên giúp một lần mãi mãi. Thế cho nên chỉ cổ-động được nhiều các vị Sáng-lập, Tán-trợ và Tứ-trợ hội-viên là giữ vững được hội thôi. Nhưng khổn thay, ta cũng nên biết rằng phần nhiều đồng-bào ta còn chưa đủ tư-cách thâm-hiểu cái mục-đích cao thượng và bổ ích của những công-cuộc như thế để mà sẵn lòng giúp đỡ cưu mang. Song ta cũng chớ nên lấy làm lạ, là vì cái mục-đích của hội ta đây há chẳng phải là rải-rắc vào đám quần-chúng Việt-nam những cái ý-tưởng hợp- quần, ái-quốc và biết quan-tâm đến các vấn-đề lớn-lao trong nước hiện nay đối với dân ta còn đang ghẻ-lạnh đó du ?

Nhân dịp này, ta thực khổ-tâm mà chứng-nghiệm sự khuyết-điểm ấy của ta : Việc đi cổ-động lấy các hội-viên quyên-giúp thực không có kết-quả gì... Ta đã mở một ngày hội-tiết không thu tiền (sẽ có kỷ-thuật ở dưới này), nhưng trong đám quan-khách mời đến rất đông dự cuộc diễn kịch và cuộc hội-tiết hôm ấy, không được lấy một người ra tâm xem xét việc hội là công-cuộc mở-mang cho mình và tự biết phận-sự phải cưu mang giúp đỡ lấy. Không được lấy một số tiền quyên nhỏ nào về việc phí-tổn lớn ấy. Mà một sự đáng ái-ngại nữa là từ khi bản-hội thảo bài thông tư đi các vị Sáng-lập, Tán-trợ, Tứ-trợ hội-viên đã quá một năm nay rồi để giải bầy công việc gắng-gỏi hơn là những lời hứa trước, thế mà cũng chẳng ai tái-quyên cho một đồng, một chữ nào ! Xem đó biết rằng ta còn có trí « mạnh đâu bâu đấy » đáng khinh lắm ; mà đã có trí ấy thì khó có trí quyết-định thành-thực được. Rút cục lại, quỹ hội sắp đến ngày rỗng không và quan Đốc ta phải trở về quý-quốc mưu sự hoàn-sinh cho bản-hội chỉ vì không ai đỡ-đần mà đang bành-trướng, thế-lực như thế dễ thường phải đóng cửa mất.

3o — VIỆC ĐÓN-TIẾP CÁC QUAN LẠI THĂM BẢN-HỘI

Trong tuần tam-nguyệt vừa qua, bản-hội được cái hân-hạnh

rieure à la dépense que représente pour elle chaque adhérent; de telles sociétés ne peuvent vivre que par les secours du dehors : subventions gouvernementales, dont d'autres sociétés, et surtout souscriptions de personnes généreuses, de moral élevé, comprenant assez bien son but et l'aimant assez sincèrement pour lui apporter leur don annuel. Ce sont donc des membres Fondateurs, Bienfaiteurs et Donataires qu'il nous faut recruter, et en nombre pour pouvoir vivre. Et il faut bien reconnaître, malheureusement, que l'immense majorité de nos compatriotes est encore incapable de comprendre suffisamment le but élevé et le très grand intérêt de telles œuvres pour pouvoir y contribuer généreusement. Il ne faut pas s'en étonner d'ailleurs, puisque le but de notre œuvre est précisément de répandre dans toute la masse annamite ces grandes idées de solidarité, d'esprit patriotique, d'intérêt aux grandes questions vitales du pays qui, présentement, nous laissent trop indifférents.

La preuve de cette incapacité a malheureusement été faite par nous en cette occasion : les résultats de la compagne de propagande en vue du recrutement de membres souscripteurs ont été nuls. . . Nous avons donné un festival gratuit, dont on trouvera le récit plus loin : aucun des nombreux invités qui sont venus passer parmi nous une excellente soirée théâtrale ou une heureuse journée de fête au Foyer n'ont eu l'idée de se renseigner sur cette œuvre créée pour eux, ni la pensée qu'ils avaient le devoir de l'aider. . . Aucune souscription n'est résultée de cette grosse dépense. . . Et, ce qui est plus lamentable encore, aucun de nos membres Fondateurs, Bienfaiteurs ou Donataires, n'a renouvelé la souscription faite il y a plus d'un an, malgré une circulaire où nous montrions l'effort très considérable fait par notre œuvre, qui a tenu toutes ses promesses et bien au-delà. Il y a là un esprit. . . d'opportunisme fâcheux qui semble peu compatible avec des convictions sincères. Le résultat c'est que notre caisse est sur le point d'être vide, et que notre Directeur est obligé de partir en France pour essayer de sauver la vie à notre œuvre, menacée de périr, en pleine force, en pleine expansion faute des appuis indispensables.

3o. — VISITES REÇUES PAR LE F. E. A.

Le F. E. A. a été honoré de quelques visites au cours du

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

mấy ngài đến thăm cùng là rất nhiều các ngài đã cố-nhiên nhiệt-thành đến coi ngày hội-tiết ở hội-quán nữa.

Trong mấy ngài đến thăm trên kia, xin kể quan phủ Đoan-Hùng TRẦN-NHẬT-TỈNH, Tán-trợ hội-viên.

Quan nguyên tổng-đốc TỪ-ĐẠM đại-nhân, đệ-tứ-đẳng bắc-đẩu bội-tinh, Tán-trợ hội-viên.

Ông LÊ-PHÁT-VINH, người Saïgon, ở Nice qua chơi Hanoï, Tán-trợ hội-viên.

Quan Đại-úy LAURENSAN là người rất thương mến An-nam ta mà các lính-tráng dưới quyền ngài đã từng biết, ngài có lòng luyến-ái với bản-hội lắm, v. v.

4o — VIỆC THƯ-VIỆN VÀ PHÒNG ĐỌC SÁCH

Về việc quyên-cấp sách vở — Bản-hội lấy làm vui lòng mà nghiệm thấy các vị thường-hội-viên quyên-cấp sách vở cho thư-viện hội hơn trước rất nhiều. Xem đó biết rằng mỗi ngày hội-viên lại tỏ lòng quyến-luyến đến bản-hội một hơn, bản-hội rất cảm-tạ các ngài đã hằng-tâm cho sách. Các ngài ấy là :

Ông Hoàng đình Hanh, học-sinh trường Công-chính. 4 quyển
Phạm quang Diễm, học trò Bảo-hộ 10
Lê Tỳ, giáo-học trường Bạch-mai. 16
(Tứ-trợ hội-viên)
Lê Nhàn, thư-ký nhà Ngân-hàng Đ. P. 19
(Tứ-trợ hội-viên)
Nguyễn-đình-Thiệu, thư-ký tòa Đốc-lý 9
(Tứ-trợ hội-viên)
Nguyễn danh Sành, ở Hanoi 5
Phạm duy Khiêm, học trò Lycée. 7
(Tứ-trợ hội-viên)

Sách của các nhà soạn-giả và các nhà ấn-hành-kính tặng:

Quan đốc trường Bác-cổ Viễn-đông FINOT tặng quyển « Kýsự cuộc hành-trình sang Xiêm-la »

trimestre dernier . . . en plus, bien entendu, des très nombreuses personnes qui s'y pressaient le jour de notre festival.

Citons parmi ces visites : M. *Trân-Nhât-Tinh*, Tri-huyên de Doan-Hung, Membre Bienfaiteur.

Son excellence Tu-Dam, Tong-Doc en retraite, officier de la légion d'honneur, Membre Bienfaiteur.

M. *Lê-Phat-Vinh*, de Saigon, habitant Nice et de passage à Hanoi, Membre Bienfaiteur.

M. le capitaine *Laurensan* dont la sollicitude pour l'indigène est bien connue de tous les tirailleurs et qui s'intéresse particulièrement à notre Société, etc . . .

4o — BIBLIOTHÈQUE ET SALLE DE LECTURE

Dons de livres : Nous avons noté avec plaisir que les dons de livres faits par des membres adhérents à la bibliothèque du Foyer ont été beaucoup plus importants que précédemment. Nous voyons là une preuve de l'attachement croissant de chacun de nous pour le cher Foyer, et nous remercions très chaleureusement les généreux donateurs. Ce sont les suivants :

M. M. HOÀNG-ĐÌNH-HANH, Etudiant à l'Ec. des travx Pcs 4 volumes
PHẠM-QUANG-DIEM, Elève au Lycée 10
LÊ-TỲ, Instituteur à l'école de Bachmai . . . 16
(membre donataire)
LE-NHAN, Secrétaire à la Banque de l'Indochine. 19
(membre donataire)
NGUYÊN-ĐÌNH-THIÊU, Secrétaire à la Mairie . . . 9
(membre donataire)
NGUYÊN-DANH-SÀNH, de Hanoi 5
PHẠM-DUY-KHIÊM, Elève au Lycée 7
(membre donataire)

Ouvrages offerts par leurs auteurs ou éditeurs :

De M. FINOT, Directeur de l'Ecole Française d'extme Ort : « Notes de voyage sur le Siam »

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Ông Phạm Quỳnh, T. T. H. V. chủ-bút Nam-Phong tạp-chí, quyển « Phật-giáo đại-quan ».

Ông Trần đại Thụ, T. H. V. quyển « Giây oan-nghiệt »

Ông Bùi huy Cường, T.H.V. chánh thư-ký «Việt Nam Thanh-Niên tạp-chí », quyển « Gương thê-sự» in lần thứ hai.

Ông Vương-gia-Bật, trợ-giáo Khánh-hoà, quyển «Hồng-phấn phiêu-lưu ».

Ông Nguyễn-Đang, giáo-học Thất-khê (dịch-giả tiểu-thuyết «Dominique »), quyển «Sính-tụng phái » bản dịch hài-kịch của Racine tiên-sinh.

Ông Đỗ văn Y, chủ nhà in ở Cần-thơ, quyển « Phép biên chép sổ sách của nhà buôn bán ».

Sau cùng là Hội bảo-trợ học-giới Nam-định tặng một bộ sách của hội ấy ấn-hành, thật là một hội rất đáng lưu-tâm khuyến-miễn. Bộ sách ấy là : «Vấn-đề về giáo-dục» quyển nhất, S. A. v. v. soạn — «Sính-tụng phái » (Les Plaideurs), Nguyễn Đang dịch — «Nhật-thực và Nguyệt-thực» V. R. v. v. soạn, cùng là 2 số tạp-chí ba tháng xuất-bản một kỳ của hội ấy nữa.

5o — AI-TÍN

Trong tuần tam-nguyệt này, bản-hội bị mấy cái tang đau-đớn kể sau đây :

Ngày 12 Avril : Bà Tuần Lê thế Vĩ. Quan Tuần về hưu ở Phù-xá-Đoài (Phúc-yên) là Tứ-trợ hội-viên của ta. Vì cuộc hội-tiết, bản hội không có đại-biểu đưa đám, nhưng đã gửi chướng đến viếng-thăm.

Ngày 1 Mai Quan Nguyên Tổng-đốc Nguyễn-đình-Chuẩn; thân sinh quan huyện Gia-Khánh (Ninh-Bình) Nguyễn hữu Lộc là Tứ-trợ hội viên ta. Vì giấy phân-ưu gửi lại trễ quá, bản-hội chỉ kịp kính-viếng một bức chướng thôi.

Ngày 15 Mai : Ông Lê-xuân-Đài, thư-ký nhà Briffaud ở Hải-

De M. Phạm-Quỳnh, M. B., Directeur du « Nam-Phong » « Phât-Giao Dai-quan » (Résumé de la doctrine de Bouddha),

De M. Trần-đai-Thụ, M. A. « Giây oan-nghiêt » (Lourde chaîne),

De M. Bui-huy-Cường, M. A. Secrétaire principal de la Rédaction de la Revue du F. E. A. « Guong thê-Su » (2e édition) (L'image de la vie), Fables en vers.

De M. Vương-gia-Bật, Moniteur à l'école de Khanh-Hoa: « Hòng-Phân Phiêu-Luu » (Odyssée d'une jeune fille)

De M. Nguyễn-Dang, Instituteur à Thât-Khê (traducteur de notre roman « Dominique» : « Sinh-Tung-Phai », traduction des « Plaideurs » de Racine.

De M. Đỗ-văn-Y, Imprimeur à Cânthơ : « Phép biên-chép sổ sách của nhà buôn-bán » (Comptabilité commerciale).

Enfin de la Société des Patronages des Ecoles Publiques de Nam-Dịnh une série d'ouvrages édités par cette Société qui ne saurait être trop connue et encouragée : « Vấn-đề về Giáo-dục » nº 1 (À propos de l'enseignement) par S. A. etc. — « Sính-Tụng Phái » traduction des « Plaideurs » de Racine par Nguyễn-Dang. — « Nhật-Thực và Nguyệt-thực» (Eclipses de soleil et de lune), par V. R. etc .. Enfin, deux numéros du bulletin trimestriel de cette Société.

5o. — NÉCROLOGIE

Au cours de ce trimestre, le F. E. A. a été douloureusement atteint par les pertes suivantes :

12 avril — L'épouse de M. Lê-thế-Vỹ, Tuân-phủ en retraite à Phù-Xá-Đoài (Phuc-Yên), Membre Donataire. Nous n'avons pas pu envoyer de délégation en raison de la fête du F. E. A. mais avons adressé une bannière mortuaire.

1er Mai — M. Nguyễn-Dình-Chuẩn, ancien Đốc-học à Hưng-Yên, père de M. Nguyễn-Hữu-Lộc, Tri-Huyện de Gia-Khánh (Ninh-Bình), Membre Donataire. La lettre de faire-part nous étant parvenue trop tard, nous n'avons pu qu'envoyer une bannière.

15 Mai — M. Lê-Xuân-Dài, Secrétaire à la maison Briffaud, à

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

phòng, thường-hội-viên, tạ-thế tại tỉnh ấy. Cái tin đau-đớn này đến tai bản-hội chẽ quá, bản-hội rất tiếc vì không thể nào phái được đại-biểu xuống Hải-phòng dự đám. Bản-hội chỉ có thể nhờ ông Lê-nguyên-Hanh Tứ-trợ hội-viên đồng sự với ông Đài kính-viếng tang-gia một bức chướng và mấy lời phân-ưu thành-thực thôi.

Ngày 16 Mai : Bà thân-mẫu ông Nguyễn-khắc-Nguyên, thường-hội-viên ; lần này bản-hội gửi được bức chướng và phái được đại-biểu đi đưa đám cụ.

Cả họ Việt-Nam Thanh-niên xin có một lần nữa thành-thực phân-ưu cùng các nhà tang-chủ.

6o — VIỆC HỘI-ĐỒNG

Trong số báo trước bản-hội chưa có kỷ-thuật về ngày

Đại-hội-đồng hôm 13 Mars : Về việc cổ-động bản-hội đã nói rõ trên kia, nay chỉ xin thuật lại những việc bảo-cử trong ngày ấy thôi.

Ông Vũ-tam-Tập, học-sinh trường Sư-phạm là một người bạn trung-thành tận-tâm của ta, nguyên-thư-ký ban trị-sự, nay được bầu phó-hội-trưởng thay ông Đỗ-Trọng về Saïgon.

Ông Trần-văn-Bằng, học-sinh trường Công-chính, là một người bạn rất tận-tâm của bản-hội mà ai cũng biết đến, vì ông đã cổ động cho hội rất nhiều. Nay ông được bầu làm thư-ký, thay ông Vũ-Tam-Tập thăng chức phó-hội-trưởng

Ông Nguyễn-tiến-Thanh được bầu đại-biểu trường Canh-nông thay ông Vương-văn-Khuê từ chức.

Ông Trần-văn-Bằng và ông Phạm-huy-Giang được bầu đại-biểu (năm thứ 1 và năm thứ 2) trường Công-chính thay ông Đỗ Trọng đi Saïgon.

Sau nữa là nhiều người được bầu đại-biểu các trường và các sở trước kia chưa bầu :

Haïphong, membre adhérent, décédé à Haïphong. Cette douloureuse nouvelle nous étant malheureusement parvenue trop tard, nous nous sommes trouvés, à notre vif regret, dans l'impossibilité d'envoyer une délégation à Haïphong. Nous n'avons pu qu'adresser à la famille du disparu par l'intermédiaire de M. Lê-Nguyên Hanh, M. D., son collègue, une bannière et l'expression de nos condoléances émues.

16 Mai — La mère de M. Nguyễn-Khắc-Nguyên, membre adhérent. Nous avons pu envoyer une délégation du Foyer et une bannière.

A tous nos amis éprouvés, la grande famille du Foyer renouvelle l'expression de ses bien sincères condoléances.

6o — REUNIONS.

Nous n'avons pas pu rendre compte, dans notre précédent numéro, de l'

Assemblée générale du 30 Mars — Nous en avons parlé plus haut à propos de la propagande. Ajoutons qu'à cette Assemblée Générale ont encore eu lieu les élections suivantes :

Monsieur Vũ-Tam-Tập, étudiant à l'école de pédagogie, un des plus dévoués et fidèles de nos amis, précédemment secrétaire du Comité, est nommé Vice-Président en remplacement de M. Đỗ-Trọng, parti pour Saïgon.

Monsieur Trần-Van-Bằng, Etudiant à l'école des Travaux Publics, ami très dévoué de notre Société qui s'est fait remarquer par sa très active propagande, a été nommé secrétaire en remplacement de M. Vũ-Tam-Tập, nommé Vice-Président.

Monsieur Nguyên-Tiên-Thanh a été nommé délégué de l'école d'agriculture en remplacement de M. Vương-Văn-Khuê, démissionnaire.

Messieurs Trần-Văn-Bằng et Pham-Huy-Giang ont été élus délégués (1re et 2e années) pour l'école des Travaux Publics en remplacement de M. Đỗ-Trọng parti pour Saïgon.

Enfin de nouveaux délégués ont été nommés pour les Ecoles ou Services suivants qui n'en comptaient pas encore ;

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Trường Cách-trí thực-hành : Ông Hoàng-đạo-Lượng
Sở Thương-chính : Ông Diệp-xuân-Mỹ
Sở Kinh-tế : Ông Nguyễn-hữu-Nhoạn
Sở Kho bạc : Ông Trần tấn Thọ
Sở Điện-báo : Ông Ngô ngọc Kha và ông Mai ngọc Phương
Tòa án : Ông Lê Hưng
Sở Đạc-điền : Ông Nguyễn xuân Phổ
Sở Hưu-trí : Ông Phạm gia Đức

Trong tuần tam-nguyệt thứ 2 có những kỳ hội-đồng sau này :

Ngày 6 Avril : Cuộc đi xem xưởng kỹ-nghệ ông Lamarche.

Xem bài « hai cuộc đi xem mấy nhà quý-quốc của bản-hội »

Ngày 12 và 13 Avril : Hội-tiết của bản hội

Ngày 12 Avril, hồi 8 giờ tối, bản-hội diễn tấn kịch « Mảnh gương đời » của ông Trần tuấn Khải tại rạp Chớp bóng hàng quạt. Bản kịch này, bản-hội đã lược-thuật đại-ý trên kia. Những nhà Sáng-lập, Tán-trợ, Tứ-trợ hội-viên cùng quý-quyến có thiệp mời và những thường-hội-viên có thẻ hội được vào xem, không thu tiền... Rạp hát nhỏ quá không chứa đủ mọi người...

Buổi hát hôm ấy có quan cai trị Louis Marty, danh-dự hội-trưởng, hạ-cố đến coi đã được kết-quả hoàn-toàn lắm. Những vai đóng trò toàn các hội-viên, cả những vai đào cũng thế. (Việc này không phải dễ mới thực-hành được). Hội-viên diễn kịch tự-nhiên và vui trò lắm. Những vai đào cũng hệt lắm, cả đến dáng-điệu đi đứng cũng thực là tự-nhiên. Bản-hội rất lấy làm lạ, làm mừng, là vì mới một lần đầu mà cuộc hát này đã được kết-quả hoàn-toàn như thế.

Các vai đào kép chia như sau này :

Khuếch-ông.	ông Trần-tấn-Thọ,	thư-ký	sở Kho bạc
Khuếch-Bà.	Vi-văn-Huyền,	—	nhà Vũ-văn-An
Cô Thục.	Diệp-xuân-Mỹ	—	sở Thương-chính

Ecole des Sciences appliquées : M. Hoàng-Đạo-Lượng
Direction des Douanes et Régies : M. Diệp-xuân-Mỹ.
— id — Services économiques : M. Nguyễn-hữu-Nhoạn.
Trésor : M. Tran-Tấn-Thọ.

Postes et Télégraphes : M. M. Ngô-ngọc-Kha et Mai-ngọc-Phương.

Services judiciaires : M. Lê-Hưng.

Service du cadastre : M. Nguyễn-xuân-Phổ.

Caisse des retraites : M. Phạm-gia-Đức.

Pendant le 2me trimestre ont eut lieu les réunions suivantes :

6 Avril : Visite aux établissements industriels de M. Lamarche.

voir notre article « visites du F. E. A. à des Français ».

12 et 13 avril : Fête du Foyer.

Le 2 Avril nous avons donné, à 8h du soir, en la salle du Cinéma Tonkinois une représentation de « Le Miroir de la vie », pièce en langue annamite de M. Trâu-tuân-Khai dont nous publions d'autre part l'analyse. Entrée gratuite pour les membres Fondateurs, Bienfaiteurs et Donataires et leurs familles sur présentation de leur invitation, et pour les membres adhérents sur présentation de leur carte... La salle fut trop petite pour contenir tout le monde

La soirée que voulut bien honorer de sa présence notre Président d'Honneur, M. Louis Marty, fut tout à fait réussie. Les acteurs étaient tous membres du Foyer, même pour les rôles de femme — ce qui n'avait pas été adopté sans difficulté. Ils jouèrent avec un naturel parfait et beaucoup d'entrain. Les rôles de femme furent particulièrement bien tenus: allure, démarche, tout était vraiment naturel, et nous avons été surpris et charmés de l'excellence des résultats obtenus ainsi dès la première fois.

Les rôles étaient répartis de la façon suivante :

Khuếch-Ông.	MM. Trần-tân-Thọ,	Secrétaire	au Trésor.
Khuếch-Bà.	Vi văn-Huyền	—id	à la maison Vu-v.-An
Cô Thục.	Diệp-xuân-Mỹ	—id	aux Douanes et Régies

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Thằng Nhỏ .	ông Hồ trọng Hiếu, thư-ký sở Hộ-chính
Con Hoa . .	Đặng tích Thiện, học-sinh trường tư
Cậu Tình . .	Đặng trần Thiệu, học trò Lycée
Cậu Đức . .	Ngô ngọc Kha, thư-ký sở Điện-báo
Cậu Bột . .	Nguyễn văn Vũ, học trò Lycée
Thằng Quýt.	Đinh văn Hiếu, giáo-học
Thầy Tâm. .	Trương đăng Chấn, họa-sĩ sở Đạc-điền
Chị Mai . .	Lê Hưng, thư-ký Tòa án
Thầy Cò . .	Nguyễn đình Thiệu, thư-ký tòa Đốc-lý
Cậu bếp . .	Hồ trọng Hiếu, thư-ký Hộ-chính
Mõ tòa . .	Lương ngọc Hiền, học trò Lycée
Đội xếp . .	Đoàn bá Ninh, —

Hội lại nhờ hai con hát nhà nghề đến ca mấy bài hành-vân, nam-thương.... vào hai vai cô Thu, cô Cúc là hai vai phụ (Hai người con hát này không hề dự đến những cuộc tập diễn.)

Hội Ích-lạc (đờn ta) và hội ông Lộc, ông Thành xuân Huy và ông Trần lưu Khiết, (đờn tây) cũng giúp ta được một tay nhạc đáng khen lắm.

Sau buổi diễn kịch hôm ấy, tất cả các hội-viên đóng trò cùng quan Đốc và ông Chánh-hội-trưởng trở về hội-quán cơm nước ở trong phòng ăn xinh-đẹp cho lại sức nhọc-nhằn. Trong bữa tiệc ấy, không hề lúc nào kém phần sung-sướng vui-tươi ... Trước khi chia tay, nào là chuốc chén, nào là tung-hô để mừng hội, mừng quan đốc hội và mừng ông trưởng hội.

Hôm sau, chủ nhật 13 avril, tại hội-quán, nhờ có hảo tâm quan Đốc-lý và ông Laforge, chủ các công-viên Hà-thành, cờ kéo đèn treo rất là đường-hoàng để nghênh-tiếp các quan-khách lại coi. Hôm ấy cũng như hôm trước, hễ ai có thiệp mời, có thể hội thì được vào xem không thu tiền. Những thường-hội-viên làm việc ủy-viên để mời khách hoặc vào buồng hội-đồng khi đó thành buồng diễn kịch, hoặc vào sân trong có nhiều trò vui lạ, hoặc xuống nhà ăn để chè nước

Thằng Nhỏ.	M. M. Hồ Trong Hiếu, Secrétaire à la Don des Fces
Con Hoa . .	Dặng tích Thiên, Etudiant libre.
Cậu Tình . .	Đặng trần Thiêu, Elève au Lycée.
Cậu Dúc . .	Ngô ngoc Kha, Secrétaire aux P. et T.
Cậu Bôt . .	Nguyễn văn Vu, Elève au Lycée.
Thằng Quýt. .	Đinh văn Hiếu, Instituteur.
Thầy Tâm. .	Trương đăng Chấn, Dessinateur au Cadastre.
Chị Mai . .	Lê Hưng, Secrétaire aux Services judiciaires
Thầy Cò . .	Nguyên đinh Thiêu, Secrétaire à la Mairie
Cậu Bêp . .	Hồ trong Hiếu, Secrétaire à la Don des Fces.
Mõ Tòa . .	Lương ngoc Hiền, Elève au Lycée.
Dội xếp . .	Đoan Ba Ninh, Elève au Lycée

Enfin nous eûmes le concours de deux chanteuses professionnelles qui ne prirent part à aucune répétition, pour nous faire entendre quelques chants annamites dans les rôles accessoires de Cô Thu et cô Cuc.

La société « Ich-Lac » pour la musique annamite et le groupe de M M. Lôc, Thành-Xuân-Huy et Trân-luu-Khiêt pour la musique française nous prêtèrent un très bon concours qui fut des plus appréciés.

Après cette excellente soirée, tous les acteurs, notre Directeur et notre Président rentrèrent au Foyer dont le coquet restaurant nous reçut pour un souper réconfortant bien gagné. La joie communicative, l'entrain de meilleur aloi ne cessèrent de régner et l'on se sépara sur des toasts et des vivats au Foyer, à son Directeur, à notre Président.

Le lendemain, dimanche 13 avril, le Foyer, très joliment décoré et tout pavoisé grâce à l'amabilité de M. le Résident-Maire et de M. Laforge, Directeur des jardins municipaux, recevait ses invités. Comme la veille, entrée gratuite sur invitation ou sur carte. Des membres adhérents remplissaient les fonctions de commissaire pour accompagner nos invités soit à la salle de réunion transformée en salle de spectacles, soit au jardin où avaient lieu les jeux et attractions diverses, soit au buffet, excel-

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

bánh trái giải nòng (chè nước ấy riêng tặng các hội-viên đã quyên giúp bản-hội)

Trong nhà thì diễn tấn hài-kịch rất vui của Georges Courteline, tranh cảnh thì ông Nguyễn-văn-Thọ, Tán-trợ hội-viên là một người bạn rất tận tâm, rất quý-hóa của bản-hội vẽ. Tên tự ông là Nam-Sơn, ai còn không biết tiếng! Ông nổi danh thực cũng đích-đáng lắm vậy. Những vai diễn tấn kịch này rất khéo, nhiều người không ngờ rằng An-nam ta lại tập được những dáng-điệu giọng-lưỡi của người Tây như thế. Vai quan tòa là người cần-cù, hơi bệ-vệ, nhưng can-đảm và hiền-hoà thì ông Phạm văn Trung, học-sinh, đóng rất khéo; ông Trần lưu Khiết, học trò Lycée, đóng vai Larade Namtước là vai hơi già và tính nhát đặc-biệt. Ông Đoàn bá Ninh, học-trò Lycée, đóng vai mõ toà, coi cũng gọn mắt... Còn như vai chính là ông Hồ trọng Hiếu, bạn cũ của ta, là người rất khéo pha trò. Ông đóng vai xen-đầm La Bourbourax là một nhà cựu-binh gân-guốc, lay chẳng chuyển, rung chẳng rời, tính người thì thật là ngu-độn và hay cố-chấp. Từ đầu đến cuối trò, ông đã làm cho khách-quan buồn cười vỡ bụng...

Sau cuộc diễn kịch đó, những người thi ăn-mặc kiểu lạ, kéo nhau đi một hàng dài ở trước bức tranh cảnh mạn ngược của nhà danh-họa Nam-Sơn vẽ, có ánh sáng các sắc chiếu ở đèn chớp bóng ra, coi rất ngoạn-mục. Cách ăn-mặc của các nhà ứng-thí tự-ý riêng mình nghĩ ra và chọn lấy thì đã được kết-quả hoàn-toàn; một hàng dài sặc-sỡ kỳ-khôi kéo đi qua mắt: kìa ông Nguyễn đình Kiệm học-sinh, ông Trần-tấn-Thọ thư-ký Kho-bạc, ăn mặc khách, ông Trần thọ Hàm, học sinh Công-chính, tây đen, ông Phạm-văn-Trung, học-sinh, nhật-bản, ông Lê-Hưng, thư-ký Toà án, ông Diệp-xuân-Mỹ, thư-ký Thương-chính, đàn-bà, ông Nguyễn-văn-Thọ, tức Nam-sơn, thư-ký Hộ-chính, ông Nguyễn-Ngọc-Tươi, học-sinh, quan an-nam đại-trào; nọ những hội-viên ăn-mặc các lối bên Tây: ông Trần-Lưu-Khiết, Trần-lưu-Hải và Trần-viết-Thanh, học-trò Lycée, ăn-mặc lối chiêu-đình độ thập-bát thê-kỷ, ông Đoàn-bá-Ninh, học-trò Lycée, kiểu Pierrot, ông Nguyễn-hữu-Cống, thư-ký phòng Thương-mại, lối hề, ông Hồ-trọng-Hiếu, thư-ký Hộ-chính, lối sen-đầm và ông Trần-viết-Hương học trò Lycée, lối quan toà.

« LE GENDARME EST SANS PITIÉ » AU F. E. A.



Scène III. — Le Baron : « La moutarde ne monte au nez, gendarme ! »



Scène III. — Le gendarme : « ... mais il n'est pas sans grandeur d'âme ! »

Université Côte d'Azur. Bibliothèques



Ngày hội-tiết của H. V. N. T. N. — Cổng vào. || Festival du F. E. A. le 13-4-24. — L'entrée.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

lent et copieusement servi, offert gracieusement à nos membres Souscripteurs.

Dans la salle, une petite scène organisée grâce à un décor peint par notre excellent et très dévoué Nguyên-van-Tho, Membre Bienfaiteur, plus connu sous son pseudonyme de Nam-Son qui a déjà acquis une très juste renommée nous a permis de représenter «Le gendarme est sans pitié», la pièce si amusante de Courteline. Les rôles ont été parfaitement tenus par les acteurs qui ont réussi de façon étonnante à rendre les attitudes et les intonations occidentales. M. Pham-van-Trung, étudiant, a rendu parfaitement le personnage du Procureur consciencieux, un peu solennel, mais cependant brave homme et conciliant, M. Trân-luu-Khiêt, élève au Lycée, fut un baron Larade légèrement sénile et effrayé à souhait, M. Doan-ba-Ninh, élève au Lycée, fut un huissier correct Mais le « clou » fut notre vieil ami Hô-trong-Hiêu « désopilent » dans le rôle du gendarme La bourbourax, vieux militaire rigide, intransigeant, parfaitement inintelligent et buté. Il eut un succès de fou rire d'un bout à l'autre de cette charmante représentation.

Après cette saynète eut lieu un défilé de travestis, sous les projections de lumière colorée produites par notre lanterne de cinéma, et devant une superbe toile de fond représentant un paysage de la Haute-Région du Tonkin, magistralement brossée par notre dévoué et « talentueux » Nam-Son. Les costumes, entièrement dus à l'initiative et à l'ingéniosité des travestis, étaient des plus réussis, et nous vîmes ainsi défiler en un cortège bigarré et coloré MM. Nguyễn-đình-Kiệm, étudiant et Trần-tấn-Thọ, secrétaire au Trésor, en chinois, Trần-Thọ-Hàm, étudiant aux Tx Pcs, en « Malabar», Phạm-Văn-Trung, étudiant, en japonais, Lê Hưng, secrétaire aux Sces judiciaires, et Diệp-Xuân-Mỹ, secrétaire aux Douanes et Régies, en femmes annamites Nguyễn-Văn-Tho dit Nam-Son, secrre à la Don des Finances et Nguyên-Ngoc-Tươi, étudian en mandarins en grand costume de cour, et comme costumes occidentaux: Trần-Lưu-Khiết, Trần-Lưu-Hải et Trần-Viet-Thanh, élèves au Lycée, en costumes de cour du 18e Siècle, Doàn-Bá-Ninh, élève au Lycée, en Pierrot, Nguyễn-Hữu-Công, secrétaire à la chambre de Commerce, en clown, Hô-Trong-Hiếu, secrre aux Finances, en gendarme et Trần-Viết-Hương, élève au Lycée, en juge.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Nhờ sức trông coi của ông trưởng-hội Nguyễn-hữu-Tài giáo-sư, mà trong sân hội-quán cờ kéo đèn treo trang-hoàng lịch-sự, có mở ra nhiều cuộc chơi giải-trí rất vui : thi bi-ai, thi leo cầu, ném bóng lấy đồ, thi đầu-hồ là một thứ chơi rất khó của ta, chọi gà, thi đồ (Cách này tức là viết một câu thơ bí-mật, có ý nói về sự gì, vật gì lên trên bảng đen kê giữa đám đông người, rồi mỗi người giải ra cho đúng).

Đến sáu giờ chiều, hết thảy họp nhau ở trên bãi cỏ nghe ca nhạc ta và tây. Quan Đốc đứng hát bài « *La Marseillaise* », giọng hơi nặng, cho ta nghe khiến ta ai cũng phấn-trí nhiệt-thành mà vỗ tay hoan-nghênh một cách đặc-biệt.

Hội-tiết của ta lại may gặp ngày giời tốt, trưa tuy có nắng song mà không bức. Biết bao nhiêu khách-quan cùng quý-hữu nô-nức đến đông cả phòng hội-đồng và vườn chơi mát trong suốt buổi chiều..... Nhưng khổn-nạn thay, một ngày vui vẻ như thế chẳng gợi ý cho ai nên quyên-giúp vào hội ta cả Cũng có một vài quý-quan hạ-cố đến chơi hôm đó, bản-hội xin thành-tâm cảm-tạ các ngài, nhưng tiếc vì các ngài ít quá! Biết bao những thiệp mời các chức-sự quý-quan, thế mà chẳng được một số ít ngài chiếu-cố, cả đến các quan bảo-chủ hội-viên cũng không ai đến dự mà cũng không cho người đến thay mặt nữa, cả đến nha học-chính cũng vậy. . . . Bản-hội thực lấy thế làm tủi lòng. . . . Quan Đốc ta đã ra sức hành-vi và hết lòng ái-quốc trong hai năm rưỡi giời chẳng thèm kể đến, thế mà bao người đối-đãi một cách ghẻ-lạnh hững-hờ khiến cho hội ta phải tủi nỗi đơn-độc lẻ-loi. . . . sự ấy thực đã như một đám mây mờ che tối ngày hội vui-thú của ta vậy.

Đến 7 giờ, pháo đùng, pháo tạch kêu nổ vang-lừng như là vui vẻ mời chúng ta vào dự tiệc trong nhà ăn : hai cái bàn dài và lớn chứa được một trăm hai mươi người hội-viên. (người nào cũng nhận giả tiền bữa cơm phần mình để đỡ gánh chi-tiêu cho hội) Bữa cơm pháp-việt ấy thật là vui vẻ, hết ca hát, lại reo cười, người pha trò, kẻ đáp lại (nhưng bao giờ cũng không ra ngoài cõi lễ-phép) rồi hội-viên lại

Université Côte d'Azur. Bibliothèques



Ngày hội-tiết của H. V. N. T. N. — Cuộc thi ăn-mặc lạ. || Festival du F. E. A. le 13-4-24. Les travestis.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Dans les jardins du Foyer, pavoisés et décorés à souhait, avaient été organisées, par les soins de notre Président M. le Professeur NGUYỄN-HỮU-TÀI, diverses attractions fort réussies : Concours de billard, jeu d'équilibre sur la perche horizontale, tir à la balle sur des objets à gagner, concours du jeu national si difficile de Đầu-Hồ, combats de coqs, concours d'énigmes annamites (la définition mystérieuse, symbolique, le plus souvent en vers, d'un objet, d'un être quelconque est inscrite au tableau noir placé au centre d'un groupe, et chacun propose sa solution).

Vers 6 heures du soir, tous se réunirent sur la pelouse pour entendre la musique annamite et française et des chants nationaux en français. Notre Directeur nous fit tous vibrer d'un enthousiasme chaleureux en nous faisant entendre, d'une forte voix de baryton, « *la Marseillaise* » qui fut saluée d'applaudissements nourris.

Notre fête fut favorisée par un temps merveilleux, ensoleillé, mais pas trop chaud . Une foule d'invités et d'amis s'est pressée tout l'après-midi dans nos salles et nos jardins. . . Malheureusement la bonne journée passée ne leur a pas donné l'idée de s'inscrire comme souscripteurs à l'œuvre. Quelques amis Français ont bien voulu honorer notre fête de leur présence, et nous les en remercions bien sincèrement; ils étaient malheureusement en nombre infime, et il n'a pas été répondu aux nombreuses invitations que nous avions faites à des fonctionnaires français. Les membres de notre Comité de Patronage n'étaient ni présents, ni représentés, non plus que le personnel enseignant. . . Nous en avons été peinés et cet isolement où est laissée notre œuvre, ce silence répondant aux très beaux efforts qu'a fait notre Directeur qui a donné sans compter depuis deux ans et demi son travail et son dévouement patriotique ont terni pour nous l'éclat de cette belle journée.

A 7 heures du soir une salve joyeuse. . . et assourdissante de pièces d'artifices et de bandes de « milliers de pétards » nous a conviés au repas en commun ; deux grandes tables avaient été dressées au restaurant, et cent-vingt membres adhérents (qui ont tenu à payer leur quote-part pour ne pas charger davantage notre budget) s'y sont réunis pour un repas franco-annamite. Le dîner fut des plus joyeux, constamment entrecoupé de chants, de

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

nhiệt-thành chạm cốc reo mừng quan Đốc quý-hóa của ta, ông Hội trưởng tận-tâm của ta, ban hội-đồng trị-sự của ta và hết cả những các nhà đã hằng-tâm quyên giúp cho hội ta, nhưng tiếng reo to nhất là khi ai nấy thấy cùng kêu lên : Đại-pháp vạn tuế ! Việt-nam vạn tuế ! rồi vỗ tay hoan-nghênh một cách rất là náo-nhiệt. Ôi ! nghĩ lúc bấy giờ đối với buổi đầu khi bản-hội thành-lập, ta còn ghẻ-lạnh ngờ-vực lẫn nhau, ghen ghét nhau vì sự xã-hội phân chia đẳng-cấp, thì cái quang-cảnh khác nhau biết bao nhiêu nhỉ ? Ôi ! kể sao cho xiết cái tấm tình đồng-chủng chân-thật, cái nỗi lòng vui-vẻ chắc-chắn nó như luồng gió nhân-từ thoảng qua lúc ấy. Ôi ! kể sao cho xiết những sự đoàn-viện cảm-động khi mà ta thực tình yêu nước và biết ơn quý-quốc nhỉ ?. . . Quan Đốc quý-hóa của ta đã trải bao vất-vả mới được ngày nay, khi ấy ngài có vẻ cảm-động lắm... Ngài có thể lấy công cuộc của ngài làm vẻ-vang được, mà nếu ngài chỉ chủ-đích có như thế thôi thì tưởng cũng đủ bõ công khó-nhọc của ngài và dẫu sao mặc lòng cũng đủ khiến ngài hi-vọng được nhiều rồi vậy. . .

Sau bữa tiệc lại có chớp bóng, và khi chớp bóng xong thì đã nửa đêm, ai về nhà nấy, trong lòng phảng-phất một ngày vui-vẻ độc nhất vô song....

Ngày 18 avril : Hội-đồng ban trị-sự, ông Trưởng-hội Nguyễn hữu Tài chủ-tọa. Kỳ hội-đồng này xét nhiều ý thỉnh-cầu về việc giảm bớt chi-tiêu cho hội. Hội-đồng thấy đều công-nhận rằng nay muốn thải bớt người làm trong hội (như là viên giám-sát phòng hội-đồng, viên thủ thư-viện, v. v) cho đỡ phí tổn, thì từ giờ sắp sau phải có những hội-viên tình-nguyện lần lượt nhau làm thay những công việc ấy. (Khi mới thành-lập, bản-hội cũng đã thử làm như thế, song không có kết-quả gì.) Hội-đồng định rằng lại ra sức mộ đủ số hội-viên tình-nguyện làm thay vào những công việc ấy, mà làm cho kiên-cố đều-hòa mới được.

Vì các hội-viên lưu-trú thỉnh-cầu món tiền nguyệt-cấp của những hội-viên ấy trước kia có 0$20 thì nay tăng lên là 0$50. Thật là một cái gương tốt cho các quý-hữu hội-viên. Song ta cũng không lấy gì làm lạ là vì các hội-viên lưu-trú được

rires, de gais propos qui s'entrecroisaient (toujours, cependant, avec une correction parfaite), et de toasts enthousiastes à notre cher Directeur et grand ami, à notre dévoué Président, au Comité d'administration, aux Membres Souscripteurs, et, surtout de cris nourris de « Vive la France ! » et « Vive le peuple annamite ! » qui ont été salués d'applaudissements chaleureux. Ah, quelle différence d'atmosphère depuis les débuts du Foyer où nous restions tous méfiants et silencieux, jalousement divisés en castes sociales ! Quel courant bienfaisant de vraie fraternité et de juvénile et confiante gaîte, quelle union touchante dans l'amour du pays natal et la reconnaissance envers la France... Notre bien cher Directeur, qui a tant peiné pour obtenir ce résultat, en était tout ému... Il peut être fier de son œuvre et s'il n'avait eu d'autre résultat que celui-là, ce serait suffisant pour justifier son effort et lui donner, malgré tout, les plus belles espérances ! . . .

La soirée s'est terminée par une représentation cinématographique, et l'on s'est séparé vers minuit emportant le souvenir d'une belle et bonne journée.

18 Avril: Réunion du Comité d'administration sous la présidence de M. Tai. Diverses propositions ont été examinées en vue de faire des économies. Il a été reconnu qu'elles ne peuvent être faites sur le personnel que si certaines fonctions des employés rétribués du Foyer sont exercées à l'avenir par un groupe de membres volontaires remplissant ces fonctions par roulement (surveillance de la salle de réunion, tenue de la bibliothèque, etc...) ce qu'on a essayé, sans succès, de réaliser depuis le début. Il est décidé que de nouveaux efforts seront faits afin de trouver des volontaires en nombre suffisant pour exercer ces fonctions avec persévérance et régularité.

Sur la proposition des pensionnaires, dont le geste généreux devrait être imité par tous, leur cotisation est portée de 0$20 à 0$50, ce qui est naturel puisqu'ils bénéficient d'un plus grand nombre d'avantages que leurs camarades et coûtent plus cher au Foyer.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

hưởng nhiều quyền-lợi và sinh tốn-kém cho quỹ hội hơn những thường-hội-viên khác.

Hội-đồng xin nhắc lại để các thường-hội-viên biết rằng nếu ai mất thẻ hội thì phải đóng hai hào lấy thẻ mới

Hội-đồng lại định rằng từ giờ trở đi món tiền chi-tiêu về việc phúng-viếng sẽ uỷ cho những nhà đại-biểu các trường, các sở cùng thu với tiền nguyệt-cấp một thể.

Sau hội-đồng định họp nhiều lần khác nữa để hết sức thi hành mọi việc có thể bớt chi-tiêu cho hội được.

(Những kỳ hội-đồng đã định ấy sau có họp thật, song đang lúc bây giờ chưa có kết-quả gì mãn-nguyện cả. Những vấn-đề ấy đến ngày các học-đường mở cửa sẽ lại bàn đến)

Tán-trợ-hội-viên : Hội-đồng đồng-thanh đặc-cách kính-tặng ông Hồ-trọng-Hiếu một tấm bằng tán-trợ, vì những công việc ông đã giúp hội bấy nay Ông vốn làm thư-ký Sở Hộ-chính và ông vào hội từ khi mới đắp nền xây móng. Ông là một người bạn quý-hóa rất tận-tâm làm điều công-nghĩa, người lại vui tính, tài-hoa đủ đường, thường trổ hết tài giúp việc cho hội mà không kể gì : Ông vào hạng các viên biên-tập rất tận-tâm của V. N. T. N. tạp-chí, ông thường viết cho những bài thơ, bài kịch mỉa-mai một cách rất khôn-khéo và vẽ cho những bức tranh khôi-hài tức cười vỡ bụng. Ông có tài tổ-chức, công việc xếp cảnh những tấn hát của hội diễn cũng tay ông đã ra sức trông coi. Trong những tấn kịch ấy ông lại đóng các vai nhọ tài-tình đến nỗi khách-quan ôm bụng chẳng nín nổi cười. Chắc ai mà không còn nhớ bài đàm-đạo rất thần-tình tỷ-mỷ của ông về sự « Lấy nhiều vợ » ! Ông thật là một tay cổ-động rất mạnh cho hội, nào là ông mời người quyên tiền, nào là ông mời người vào hội, nào là ông bán được nhiều số báo đồng-niên. Bản-hội thực lấy làm hả dạ vì đã tỏ lòng cảm ơn với ông như thế và mong rằng phần nhiều quý hữu sẽ bắt chước gương ông.

Ngày 27 avril — Hội-đồng ban cổ-động — Kỳ hội-đồng này

Il est rappelé que les membres adhérents qui disent avoir perdu leur carte doivent verser la somme de vingt cents pour en obtenir un duplicata.

Il est décidé qu'à l'avenir le montant de la contribution de chacun aux frais de funérailles sera notifié aux délégués des différents groupes qui le percevront en même temps que les cotisations.

Le comité décide de tenir d'autres réunions pour mettre au point si possible les réformes destinées aux économies.

(Plusieurs réunions ont, en effet, eu lieu ultérieurement, mais elles n'ont pas abouti à des résultats appréciables pour le moment. Les questions seront examinées de nouveau à la rentrée des classes).

Membre Bienfaiteur : A l'unanimité, il a été décidé d'offrir le titre de Membre Bienfaiteur, pour services exceptionnels rendus au Foyer, à M. Hô-trong-Hiêu, Secrétaire à la Direction des Finances — Monsieur Hô-trong-Hiêu appartient au Foyer depuis sa fondation, excellent camarade, très dévoué à la cause commune, rempli d'entrain, M. Hô-trong-Hiêu est riche en talents de toutes sortes qu'il n'a cessé de mettre gracieusement au service de notre Société : Il est un des meilleurs collaborateurs de notre Revue qui a souvent publié ses poésies et pièces de théâtre remplies d'esprit finement ironique, et ses dessins humoristiques si amusants. Excellent organisateur, il a rempli avec dévouement les fonctions délicates de metteur en scène pour les pièces jouées par le Foyer, dont il a tenu les rôles comiques avec une verve qui a fait la joie de tous les spectateurs. Chacun a gardé le souvenir de sa causerie si spirituelle et documentée sur la polygamie. Il a fait une propagande très active pour notre Société, recueillant des souscriptions, nous procurant des adhésions nouvelles et de nombreux abonnements pour la Revue. Le F. E A. est heureux de lui donner ce témoignage de reconnaissance et souhaite que son exemple soit suivi par de nombreux amis.

27 *Avril.* : Réunion du Comité de propagande. — Cette réu-

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

cùng những kỳ hội-đồng tiếp theo cũng về việc cổ-động thì kết-quả làm sao, bản-hội đã kể rõ trên kia.

Ngày 4 Mai. — Cuộc du-quan đồn-điền ông Borel ở Ba-vì. — Xem bài « Hai cuộc đi xem mấy nhà quý-quốc của bản-hội» đăng trong số này.

Ngày 11 Mai : Bài đàm-đạo về ; «Các hạng người trong xã-hội » của ông Lê phan Thoại, học-sinh trường Thương-mại. Bản-chí xin trích đăng bài kỷ-thuật của các quý-đồng-nghiệp dưới này :

« Chủ nhật vừa rồi, H. V. N. T. N. đã hội-họp đàm-đạo về « Các hạng người trong xã-hội » từ 7 giờ 1/2 đến 10 giờ tối. Đầu bài thì ông Lê phan Thoại khai-giảng rất thâm-thuý kỹ-càng, chừng 40 người thanh-niên dự cuộc đàm-đạo này mà phần nhiều tranh-luận náo-nhiệt lắm. Sau tóm tắt kết-luận cả lại, thì tỏ ra rằng ở trong thế-gian không có bình-đẳng và ở trong xã-hội khéo chỉnh-đốn, có trật-tự thì mỗi người phải cố hết sức mà ở vào cái địa-vị sứng đáng với tài-năng mình, duy có sự mở-mang luân-lý là có thể san đều được các sự bất-bình nghĩa là trừ-khử cái nết biếng lười, cái lòng ích-kỷ, cái tính kiêu-hãnh, cái bụng tham-lam của mọi người được. Lòng người còn hắc-ám, thì chưa thể nào hi-vọng về những sự bạo-động nó chỉ đổi thay nhân-vật mà không đổi thay tình-thế và nó bắt đầu lại một cách ngu-dần đau-đớn cho ta xem những sự kinh-nghiệm đã thâm-niên như nhân-loại này thôi: vậy nên chỉ nhờ sự học-thức mở-mang trí-tuệ tâm-hồn người ta và sự thực-hành các nết vong-kỷ bác-ái và rồi ra giải-quyết được những vấn-đề chắc-chở cũng là tô-điểm cho quốc-gia hiển-hách, nghĩa là ta phá đổ được sự phân đẳng-cấp đi vì sự ấy gốc ở lòng kiêu-ngạo và tính ghen-tuông của nhân-thế chớ không phải ở các địa-vị này khác tối cần, tối trọng mà sinh ra đâu

Ngày 18 Mai : Cuộc diễn-thuyết thứ hai về các máy hơi nước của ông Monet. — Bài diễn thuyết này (nói về những cylindres, tiroirs, distributions Farcot và corliss, condenseurs) tiếp theo bài diễn-thuyết đọc ngày 17 Février ; chừng một trăm rưỡi người rất để tâm nghe bài diễn-thuyết ấy, sau lại có thí-

nion, qui a été suivie de plusieurs autres, a donné les résultats qui ont été dits plus haut.

4 Mai : Visite des fermes et plantations Borel au Mont Bavi — Voir l'article " Deux visites du F. E. A. à des Français " au présent numéro.

11 Mai : Entretien familier : « Les classes sociales » par M. Lê-phan-Thoai, étudiant à l'Ecole de Commerce. Nous publions ici le compte-rendu qui en a été fait par la presse ;

« Une réunion d'entretiens familiers sur « Les classes sociales » « a eu lieu dimanche soir au F. E. A. de 7 h. 1/2 à 10 h. « Le sujet a été fort bien traité par M. Lê-phan-Thoai en « un travail très étudié ; une quarantaine de jeunes gens assis- « tait à l'entretien, dont plusieurs ont pris part à la discution. « On a résumé et conclu le débat en indiquant que l'égalité « n'existe pas dans la nature et que dans une société bien orga- « nisée, chacun doit être autant que possible à la place qui « convient à ses facultés. Seul, le progrès moral, là comme par- « tout, peut aplanir les difficultés en réfrénant l'égoïsme des « uns et la paresse des autres, en luttant contre la vanité « d'une part et la basse envie d'autre part. Il n'y a rien à « espérer des troubles et des solutions violentes qui, tant que « le cœur humain n'est pas amélioré, changent les individus « mais non les situations, et recommencent naïvement et « douloureusement des expériences vieilles comme l'humanité. « C'est par l'étude qui éclaire l'esprit et élève l'âme et par « la pratique de l'abnégation et du véritable esprit de fraternité « que nous contribuerons à la solution de ces difficiles problè- « mes et ferons la grandeur de notre pays en effaçant des dif- « férences de classes qui résultent non pas des situations di- « verses qui sont logiques et utiles, mais seulement de l'or- « gueil des uns et de la jalousie des autres.»

18 Mai : 2ème Conférence sur les machines à vapeur, par M. Monet. — Cette conférence (cylindres, tiroirs, distributions Farcot et Corliss, condenseurs) faisait suite à celle du 17 février ; elle a été écoutée très attentivement par cent cinquante jeunes gens environ et suivie d'une démonstration sur la petite ma-

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

nghiệm để giải nghĩa thêm bằng chiếc máy hơi nước kiểu rất nhỏ của ông BAUD, chef de section tại nhà Máy điện, thật là một cái cơ-quan kiệt-tác về đường trôt-mộng mà ông đã tài-tình làm ra vậy.

Cả hai bài diễn-thuyết đó cốt để sửa-soạn cuộc du-quan các máy hơi nước vào ngày chủ nhật sau.

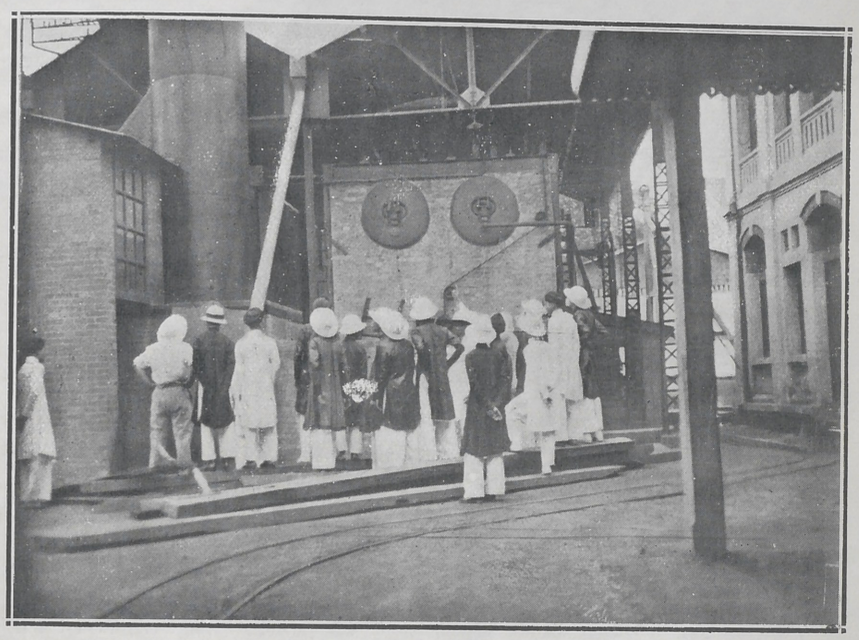
Ngày 25 Mai : Ngày hôm ấy thật là một ngày hoàn-toàn trọn-vẹn. Đây bản-hội xin đăng lời kỷ-thuật của các báo-chương.

« Chủ nhật vừa rồi, hội V. N. T. N. đã nhờ hảo-tâm ông « Pelletier là quản-lý sở Máy-điện và ông Morin là kỹ-sư « chính-ngạch, được vào xem những máy hơi nước ở sở ấy. « Chừng 40 thiếu-niên đã cùng quan Đốc hội dự cuộc ; hôm đó « là cuộc du-quan tiếp vào mấy kỳ diễn-thuyết của quan Đốc « đã giảng cho thiếu-niên vừa rồi. Khi hội vào xem, ông Taix « coi việc máy-móc đã hết lòng diễn giảng tách-bạch cho nghe « về cách xếp-đặt và cử-động các thứ máy.

« Sang niên-học sau, sẽ giảng phụ vào mục diễn-thuyết này « về những máy (turbines) và những máy (moteurs à explosion), « rồi lại đi thăm các thứ máy ấy ở các công-xưởng kỹ-nghệ « Hanoï.

« Đến 2 giờ, ông Monet lại DIỄN-THUYẾT VỀ SỰ "TIẾN-HÓA" « những người dự thính có đến ngót hai trăm. Bài rất là hợp tiếp « với bài diễn-thuyết của ông giáo-sư chuyên-khoa Cuénot, « Cao-đẳng học-đường Nancy, đã giảng ở một trường học-sinh « đạo-giáo catholique cũng ở Nancy và đã đăng trong sổ báo « Questions Scientifiques » xuất-bản mới rồi ; trong khi diễn, « ông Monet có trích-lục nhiều câu nguyên-văn ở bài ấy : Sau « ông Monet kết-luận về luân-lý rất là cao-thượng đích-đáng, « nói rằng vạn vật thì cứ tiến-hóa bất tuyệt, bổn-phận người ta « là phải học-hành tiến-bộ mãi, và muôn việc hành-động của « ta dù là hình-thể thế nào thì cũng phải có chủ-đích về đường « mở-mang luân-lý.





H. V. N. T. N. đi xem các máy hơi nước ở sở máy điện Hanoi ngày 25-5-24.

Visite du F. E. A. aux machines à vapeur de l'Usine électrique de Hanoi le 25-5-24.

Université Côte d'Azur. Bibliotheques

chine de type très réduit, véritable chef-d'œuvre d'ajustage, qui a été construite avec une habileté remarquable par Monsieur Baud, chef de station à la Société d'Électricité.

Ces deux conférences préparaient la visite aux machines à vapeur qui a eu lieu le dimanche suivant.

25 *Mai* : Cette journée fut particulièrement bien remplie — Nous publions ci-après les comptes-rendus qui en furent donnés par la presse :

7 h. 1/2 = Visite aux machines à vapeur de la Société d'électricité = « Grâce à l'amabilité de M. Pelletier, Directeur « de la S. I. E. et de M. Morin, ingénieur principal, le F. E. « A. a pu visiter dimanche dernier les machines à vapeur de « l'usine électrique. Une quarantaine de jeunes gens prenaient « part, avec le Directeur du Foyer, à cette excursion qui « faisait suite à une série de conférences que leur avait faites « ce dernier. M. Taix, chargé du service des machines, a très « obligeamment guidé les membres du Foyer au cours de cette « visite, leur fournissant toutes les explications désirables sur « les détails de l'organisation et du fonctionnement de ces « machines.

« Après la rentrée des classes, cette série sera complétée « par quelques conférences sur les turbines, puis sur les mo- « teurs à explosion, suivies de visites à ces machines dans « divers établissements industriels de Hanoï.

« A 2 h, une Conférence sur l'evolution fut donnée par M. « Monet et écoutée par plus de deux-cents membres ; elle s'est « trouvée en parfait accord avec la conférence prononcée par M. « le Professeur Cuénot de l'Université de Nancy au groupe des « étudiants catholiques de Nancy, publiée au dernier numéro de « la « Revue des Questions Scientifiques » et dont furent faites « plusieurs citations. Conclusions hautement morales sur l'as- « cension continue des êtres vivants, sur la marche au progrès « et le devoir essentiel de développement moral auquel se ra- « mènent toutes les questions étudiées, de quelqu'ordre qu'elles « soient.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

« Đến 3 giờ có chớp bóng. Tuy chương-trình rất hay mà « đến 60 thiếu-niên đương xem dở-dang cũng bỏ đi cùng quan « Đốc lên Cầu-giấy xem cuộc KỶ-NIỆM TRẬN VONG CỦA HỘI «LE SOU- « VENIR FRANÇAIS » tổ-chức cốt để bây giờ người Tây và người « Nam vì biết cảm tình kết nghĩa mà gây nên mối liên-lạc đồng- « tâm. Người Tây làm lễ kỷ-niệm này thờ-kính các anh-hùng « tử trận khi xưa xem ra thật là xúc-cảm người Nam ta vô cùng « và người Nam ta là dân-tộc sùng-kính tổ-tiên, nay xem thấy « những cách thờ-kính của ta như vậy thì tỏ biết rằng nước ta « có những cột-trụ kiên-cố.

« Đến 7 giờ rưỡi, HỘI-ĐỒNG CỔ-ĐỘNG có bàn về các vấn-đề tiến- « tài. »

« *Ngày 8 Juin* : ĐÀM-ĐẠO " NÓI VỀ CÁCH CHẤN-HƯNG THỂ-LỰC CHO « CHỦNG-LOẠI VIỆT-NAM" của ông Trần văn Luân, sinh-viên trường « Canh-nông. Bài ký-thuật đăng trong các bạn đồng-nghiệp như « sau này :

« Bài này thiếu-niên xem ra có ý lấy làm thích lắm. Ông « Trần-văn-Luân khai-giảng thật là hoàn-toàn, bao nhiêu những « sự hệ-trọng của vấn-đề thể-dục cùng những sự liên-lạc mật- « thiết của vấn-đề ấy đối với các vấn-đề xã-hội luân-lý khác, « ông đều bày tỏ ra một cách hùng hào rộng rãi. Những vấn- « đề ấy nếu làm lơ không biết thì giống nòi ngày một lụn-bại « đi, mà nếu gia tâm giải-quyết được thì chẳng những quốc- « gia mạnh giỏi về đường thân-thể mà thôi, các đức-tính về « tinh-thần luân-lý cũng mở mang đều như thể cả. Tuy-nhiên, « ta hoặc nói về vệ-sinh, thể-dục, hoặc nói về việc di-dân nhà « quê ra tỉnh, việc tảo-hôn, việc huê-nguyệt, cách lập gia-đình « kỹ-nghệ, cách mở thêm sáng-kiến để giúp các việc công đức « (như ấu-trĩ-viên), và mở ra nông-phố ngân-hàng, v. v., ta « dẫu muốn soay-sở thế nào mặc lòng, cũng không bao giờ khỏi « kết-luận một câu như sau này : muốn cho nước nhà tiến-hóa « phải trừ những tính ích-kỷ, khoe-khoang, tham-tàn và phải « dạy cái nghĩa vong-kỷ, cái nghĩa tận-tâm làm lợi cho đồng- « bào. Muốn thế, ngoài sự học-chính của Nhà Nước đã giúp « một phần to cho quốc-dân, ta phải mở mang nhiều công-cuộc « lợi ích, thí dụ như hội Việt-Na n Thanh-Niên là hội nhờ thanh- « niên mà rải-rắc các ý-tưởng ra toàn-dân và cảm-khích cho mọi

« A 3 h. = Représentation cinématographique ; une soixantaine « de jeunes gens n'ont pas hésité à abandonner cette représenta- « tion très intéressante pour se rendre avec leur Directeur à la « CÉRÉMONIE COMMÉMORATIVE ORGANISÉE PAR LE SOUVENIR FRAN- « ÇAIS au Pont-de-Papier, tenant à témoigner ainsi de l'attache- « ment étroit que la reconnaissance et la sympathie ont créé « maintenant entre Annamites et Français. Ce culte du souvenir « rendu aux grands anciens par la Patrie reconnaissante touche «profondément les Annamites si fidèles au beau culte des ancêtres « et leur fait comprendre mieux que bien des discours sur quels « fondements solides a pu être édifié notre grand pays.

« Enfin, à 7 h. 1/2, RÉUNION DU COMITÉ DE PROPAGANDE où ont « été traitées diverses questions d'ordre financier. »

8 Juin : ENTRETIENS FAMILIERS : « DU RELÈVEMENT PHYSIQUE DE LA RACE ANNAMITE », par Trần văn-Luân, étudiant à l'école d'agriculture. Compte-rendu de la presse :

« . . . . Le sujet s'est heureusement montré comme intéressant « particulièrement ces jeunes gens. M. Trần-văn-Luân entama « l'entretien par un exposé fort bien fait montrant bien toute « l'ampleur de la question, et ses relations étroites avec les « problèmes sociaux et moraux les plus divers. Mais quels que « soient ces problèmes, dont la méconnaissance entraîne la dégé- « nérescence de la race, et dont une heureuse solution amènerait « au contraire un relèvement physique et, parallèlement, un « grand progrès intellectuel et moral, qu'il s'agisse de l'hygiène, « de la culture physique, de l'exode des compagnards, des ma- « riages jeunes, de la débauche, des industries familiales, du « développement des initiatives privées pour aider certaines œu- « vres (jardins d'enfants), pour en créer d'autres (crédit agricole, « etc. . .), on en arrive toujours à la même conclusion : il faut « lutter contre l'égoïsme, la vanité, la cupidité, et apprendre l'al- « truisme, le dévouement actif pour ses compatriotes, pour le « progrès du pays. Et en dehors de l'enseignement officiel qui « y contribue très fortement, ce progrès moral doit être accompli « par les œuvres d'initiatives privées qui, comme celle du foyer, « s'efforcent de répandre ces idées, par la jeunesse, dans la

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

« người có ý muốn sinh-hoạt lao-động, sinh-hoạt lao-động « cho đồng-bào tiến-hóa chớ không phải sinh-hoạt lao-động lấy « tư-ích cho mình. »

Từ đây trở đi, vì có nhiều kỳ thi và sắp đến nghỉ hè, bản-hội hãy đình các hội-đồng lại, tới khi khai trường sẽ bắt đầu như trước.

Xem đó thì biết rằng các kỳ hội-đồng năm nay cũng khá nhiều và lắm người dự cuộc đều hòa lắm. Nhưng cũng không bằng năm ngoái, là vì quan Đốc ta bị kẻ khác công-kích việc hội một cách nhẫn-tâm quá thành ra đau yếu thất thường luôn luôn. Những cuộc du-lịch (Hải-phòng, Vịnh Hạ-long, chùa Hương-tích), những cuộc diễn-thuyết về (Văn-minh âu-tây : hình-tích văn-minh Hi-lạp, La-mã và Kỳ-tử, — Moteurs à explosion) và những cuộc du-quan các xưởng kỹ-nghệ, (xưởng làm giấy, nhà thuộc da, Moteur) đành phải hoãn lại sang chương-trình sang năm.

7o — VIỆC CHỚP BÓNG

Chủ nhật nào hội cũng chớp bóng bằng cái máy lớn như thường từ 3 giờ đến 5 giờ chiều (Chương-trình độ 1 giờ $^1/_2$ đến 2 giờ, giây ảnh thì chia từng hồi, v. v.). Mỗi lần chớp như thế, hội viên đến xem rất đông và ai cũng lấy làm thỏa-mãn.

8o — VIỆC TẠP-CHÍ

Đến ngày mùng 1 Juillet, số người mua báo đồng-niên của ta kể được là 669, thế là hơn tuần tam-nguyệt trước 56 người. Trong những người cổ-động cho bản-chí mạnh nhất, xin kể :

Ông Đặng lợi Hàm, học-sinh trường Sư-phạm.. 10 người
Phạm huy Thụy — Thương-Mại.. 4
Võ thành Vinh, thư-ký Thư-viện Saigon 4

Nhiều người mua báo đồng-niên chưa trả tiền, bản-hội phải nhờ nhà Giây-thép thu hộ, thế là vừa chi phí, vừa làm-lụng

« masse, et d'inspirer à chacun la ferme volonté de vivre, non « pas pour soi-même, mais pour les autres, en aidant à leur pro- « grès. »

En raison des examens et des vacances, les réunions ont été suspendues à cette date ; elles ne reprendront qu'à la rentrée.

Les réunions de cette année scolaire ont donc été assez fréquentes et très assidûment suivies. Elles ont été moins nombreuses que l'an dernier en raison de l'état de santé de notre Directeur qui a été éprouvé par les attaques inqualifiables que notre œuvre a dû subir. Plusieurs excursions (Haïphong et baie d'Along, pagode de Huong-Tich), conférences (civilisation occidentale : empreinte grecque — empreinte romaine — empreinte chrétienne — Moteurs à explosion) et visites à des établissements industriels (Papeterie, tannerie, moteurs), ont dû être reportées au programme de l'année prochaine.

7o — CINÉMA

Nos représentations de cinéma avec notre appareil à grande puissance ont continué régulièrement (programmes de 1 h 1/2 à 2 h. de durée, films à épisodes, etc . . .) tous les dimanches de 3 à 5 h. à la vive satisfaction de nos amis qui y assistent très nombreux chaque fois.

8o — REVUE.

Le nombre de nos abonnés est, au 1er juillet, de 669, soit en augmentation de 56 sur le trimestre précédent. Citons, parmi les bons propagandistes qui nous ont procuré des abonnements nouveaux :

M. M. Dang-loi-Hàm, étudt en Pédagogie. 10 abonnements.
Pham-huy-Thuy, étudt à l'Ecole de Commerce 4
et Vo-thanh-Vinh, secretre à la Bibliothèque de Saïgon. 4

Un grand nombre de nos abonnés n'ont pas encore versé le prix de leur abonnement, ce qui nous oblige à faire recouvrer

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

vô ích. Bản-hội có lời xin với các ngài mua báo trả tiền sòng-phẳng cho.

Các bạn đồng-nghiệp. — *Tạp-chí « La Revue spirite »* tháng Mai vừa rồi (trang 223) có luận một bài dài về đoạn văn trong diễn-thuyết của ông Trần-trọng-Kim nói về những cách bói-toán rất tai-hại về nước Tầu ngày xưa.

Một quyển *Tạp-chí ở Indes anglaises* có dịch ra tiếng nước Anh bài « Nhị Trưng » của Nguyễn Bân đăng trong V. N. T. N. tạp-chí số 2.

... Tạp-chí «*La Revue Indochinoise*» có bình-phẩm hết mọi thứ sách xuất-bản tại Đông-Pháp, thế mà đến nay vẫn mưu-mô đua-đòi kẻ khác mà nhất-định không đả-động gì đến tạp-chí của ta cả. Ta rất lấy làm đội ơn cái tấm tình đồng-nghiệp quý-hóa ấy ! ?.,.

Những số tạp-chí đã khan. — Xin kính-trình các độc-giả biết rằng nếu ngài nào có quyển tạp-chí số 1 và số 3 là số đã khan mà muốn để lại cho bản-hội, bản-hội xin trả bằng số tiền mua bốn hào 1 quyển.

9o — VIỆC VẶT

Về Pháp. — « Báo France-Indochine » ngày 13 Juin trước có đăng tin sau này:

« Bản-báo lấy làm tiếc mà được tin rằng bà Monet cùng 3 « người con đi tầu « Chili» trở về mẫu-quốc. Bà là phu-nhân « ông Đại-úy Monet, bạn thân của bản-báo. Bà vừa bị hai cái « tai-nạn luôn mà phục thuốc mãi chưa được thật khỏi, vả lại « người con bé của bà lại yếu đuối một cách đáng lo quá. « Bản-báo xin có lời chúc mừng quý gia-đình quá hải được « mọi điều hạnh-phúc, chóng khỏi như xưa và lại sang cùng « ở xứ Đông-Pháp này với ta. Còn về phần ông Đại-úy Monet « là người đã can-đảm và kiên-nhẫn một cách phi-thường để « mở mang công-cuộc Việt-Nam thanh-niên hội thì bản-báo « không cần phải khuyến-khích, vì ông cũng không cần người « khuyến-khích, nhưng mà bản-báo xin có lời thành-tâm cảm-« phục ông. »

ceux-ci par la poste, d'où frais et travail superflus. Nous prions M. M. les abonnés de bien vouloir acquitter régulièrement le prix de leur abonnement.

Presse : *La " Revue Spirite "* de Mai dernier (page 223) a consacré un long article aux passages de la belle conférence de M. Tran-trong-Kim relatifs aux pratiques spirites qui furent néfastes à l'ancienne Chine.

Une *Revue des Indes anglaises* a publié une traduction en Anglais de l'article de Nguyên-Bân sur " Les deux Sœurs " inséré au nº 2 de notre Revue.

. . . " *La Revue Indochinoise* " dont la revue bibliographique publie le compte-rendu des moindres publications indochinoises persiste à faire la conspiration du silence sur notre Revue et nos diverses publications. Tous nos remerciements pour cet acte de bonne confraternité littéraire.

Numéros épuisés : Prière à nos lecteurs qui sont en possession d'exemplaires du nº 1 ou du nº 3 de notre Revue, numéros qui sont épuisés, de bien vouloir nous les envoyer ; la Revue les reprend pour 40 cents.

9o — DIVERS.

Départ : Le journal " France Indochine " du 13 juin dernier a publié la nouvelle suivante :

« Nous apprenons avec regrets le départ par " le Chili " de « Mme Monet, femme de notre ami le capitaine Monet, accom-« pagnée de ses trois enfants. Mme Monet avait été récemment « victime de deux accidents consécutifs dont elle s'était mal « rétablie, et la santé de ses plus jeunes enfants inspirait de « vives inquiétudes Nous adressons à cette très sympathique « famille nos meilleurs souhaits de bonne traversée, complète « guérison, et prompt retour parmi nous. Quant au capitaine « Monet qui poursuit avec un courage et une persévérance « inlassables la belle œuvre de dévouement à laquelle il s'est « consacré au Foyer des Etudiants Annamites, nous lui ex-« primons, non pas des encouragements dont il n'a pas besoin, « mais toute notre bien vive sympathie. »

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Học-sinh Việt-nam tại Marseille — Bản hội lấy làm vui lòng nhận được bản kỷ-thuật bữa tiệc của « *Hội tân cựu học-sinh Viêt-Nam tại Marseille* » ăn mừng tết Annam vào hôm mùng 10 tháng Février trước. Bữa tiệc ấy mở tại Marseille, trong bài kỷ-thuật có đăng nhiều đoạn trích lục những lời diễn-thuyết của ông Hội-trưởng *Nguyễn văn Tân*, ông *Nguyễn ngọc Cang*, *Nguyễn thành Giung* và ông *Henri La Phương*, bản-hội đã có lời cảm tạ ông Trần văn Hỷ, thư-ký hội (33, phố Sibié, Marseille) đã hảo-tâm gửi cho hội bản kỷ-thuật ấy và bản-hội lại gửi cả toàn-bộ tạp-chí tặng ông nữa.



TIN SAU CÙNG

Việc lạc - quyên – Ngày 29 Juillet mới rồi, bản - hội nhận được món tiền lạc-quyên một trăm đồng (tiền này sẽ biên trong sổ kế-toán tuần tam-nguyệt sau) của ông NGUYỄN-VĂN-CỦA, đốc hàm tri-huyện, chủ nhà in «Imprimerie de l'Union» ở Saïgon và ông NGUYỄN-VĂN-XUÂN, đại-úy pháo-thủ thuộc địa là lệnh-lang ngài, cũng ở Saïgon.

Bản-hội thật lấy làm hân-hạnh hiển-vinh mà được liệt quý-danh vào trong sổ các vị Tán-trợ hội-viên của bản-hội. Hai ngài thực đã đáng kể làm gương cho khắp cả dân-tộc Việt-Nam. Ông Nguyễn-văn-Của đứng chủ-chương một tòa nhà in rất lớn ở Saï on ; ông cai-quản xếp đặt đâu đấy lắm : trong xưởng ông có trật-tự, lại sạch-sẽ nghiêm-chỉnh không kém gì các nhà in to của người Đại-Pháp. Mong rằng nhiều nhà in mới-mẻ nên đến coi xưởng của ông mà noi gương bắt chước lấy. Ông Nguyễn-văn-Của lại là quản-lý tờ Lục-tỉnh tân-văn, ấy là tờ báo rất hay ; nhờ có nhiều cáo-bạch, báo ấy đã xuất-bản mỗi lần được 7, 8 trang (Đó lại là một cái gương cho người Bắc-Kỳ ta hiện nay chưa biết rằng sự quảng-cáo là tin thần của nghề thương-mại). Ta cũng nên biết rằng ông Nguyễn-văn-Của sở dĩ buôn bán đạt thành như thế là vì trước khi bắt tay vào làm, ông không ngại việc học-cứu cho thâm-uyên, chẳng những ở trường thôi, mà nhất là từng-trải ở đời nữa.

Ông Nguyễn văn-Xuân thì tốt-nghiệp vào bực hảo-hạng ở trường Polytechnique ra và hiện nay đóng đại-uý pháo-thủ thuộc địa. Bà Nguyễn-văn-Xuân là người đầm nhan-sắc hiền-hòa, thường theo ông vào trong quân-đội. Xem cái cảnh-tượng Pháp Nam liên-lạc ấy thì ai mà chẳng cảm-động vui mừng. Người An-nam ta cần phải biết những cái gương ấy nó nhường như mở to giới-tuyến cho cõi tương-lai của ta vậy. . . Ta nên lấy thế làm vinh hạnh mà nức lòng chuyên-cần học-tập cho hết sức kiên-tâm, vì chỉ có thế ta mới tiến tới, mới có thể đạt được những sự mà ta nên hi-vọng cho nước ta thôi.

Nếu may ra quan huyện Nguyễn-văn-Của và quan ba Nguyễn-văn-Xuân có dịp ra chơi Hanoï, thì Hội V. N. T. N. ta thật lấy làm hân-hạnh được nghênh-tiếp lắm.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

DERNIÈRE HEURE

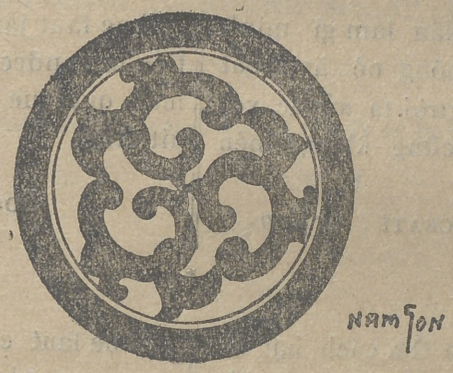
Souscription — Nous avons reçu le 29 Juillet dernier une souscription de cent piastres (qui figurera à la comptabilité du prochain trimestre) de Monsieur NGUYỄN-VĂN-CỦA, huyện honoraire, directeur de l'Imprimerie de l'Union à Saïgon, et de son fils, Monsieur NGUYỄN-VĂN-XUÂN, Capitaine d'Artillerie Coloniale, à Saïgon

Le F. E. A est heureux et fier de compter parmi les siens ces deux nouvaux Membres Bienfaiteurs qui ne sauraient trop être cités en exemple à tout le peuple annamite : Monsieur Ng.-văn-Của dirige à Saïgon une imprimerie très importante qu'il a admirablement organisée : l'ordre, la propreté, la discipline de travail y règnent comme dans les meilleures imprimeries françaises. Il serait à souhaiter que beaucoup d'imprimeurs débutants puissent visiter cette installation et prendre exemple sur elle. Monsieur Nguyễn văn-Của est directeur du Luc Tinh Tân-Van, journal quotidien fort intéressant qui paraît sur 6 et 8 pages grâce à une abondante publicité (Voici un bon exemple pour nos Tonkinois qui ne savent pas encore que « la publicité est l'âme du commerce ! ») Ajoutons que si M. Nguyên-van-Cua a pu réussir aussi bien dans ses entreprises, c'est parce qu'il n'a pas craint avant de débuter dans le commerce; de l'étudier sérieusement, non-seulement à l'école, mais surtout par une longue pratique.

M. Nguyên-van-Xuân a été reçu à l'école Polytechnique dans un rang excellent et est aujourd'hui capitaine d'Artillerie Coloniale ; Madame Nguyên-van-Xuân, une charmante française l'accompagne dans ses garnisons coloniales et symbolise de façon touchante l'union entre les deux races. Nous devons tous, Annamites, connaître de tels exemples qui nous ouvrent les plus beaux horizons pour l'avenir; nous devons en éprouver une légitime fierté, et nous sentir encouragés à persévérer dans l'étude appliquée, dans l'effort soutenu qui pourra seul assurer notre développement et nous permettre d'obtenir pour notre pays tout ce que nous pouvons et devons espérer.

Le F. E A. sera heureux et fier de recevoir dignement M. M. Nguyên-van-Cua et le Capitaine Xuân s'ils peuvent, par bonheur, venir visiter Hanoï.

Etudiants annamites de Marseille : Nous avons été heureux de recevoir un compte-rendu du banquet qui a été donné à Marseille, le 10 février dernier, a l'occasion du Têt, par " *l'association des étudiants et anciens étudiants annamites de Marseille* " donnant des extraits des allocutions qui ont été prononcées en cette circonstance par M. M. NGUYÊN-VAN-TAN, Président, NGUYÊN-NGOC-CANG, NGUYÊN-THANH-GIUNG et HENRI LA-PHUONG. — Nous avons remercié M. Trân-van-Hy, secrétaire de l'Association (33 rue Sibié à Marseille, de son aimable envoi et lui avons adressé la collection des numéros de notre Revue.



Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Đối với người hiền, ta ăn ở hiền, mà đối với người ác, ta cũng ăn ở hiền.

LÃO-TỬ. *Đạo* : 12

Avec celui qui est bon, je suis bon ; avec celui qui n'est pas bon, je suis bon quand même.

LAO-TSE. *Tao* : 12.

* * *

Hết cả những việc ác ở đời gốc ở sự người ta không yêu mến lẫn nhau.

MẶI-TI

Tout le mal vient de ce qu'on ne s'entr'aime pas.

MEÏ-TI.

* * *

Người ta dẫu làm gì mình mình cũng không nên ăn ở bất công, đến người ta xử ác với mình, mình cũng không nên xử ác lại.

SOCRATE : *Criton*.

Il ne faut jamais faire d'injustice ni rendre le mal pour le mal quelque chose qu'on nous ait faite.

SOCRATE. *Criton*

* * *

Không nên tìm cách hại ai, mà cũng không nên nghĩ đến sự hại ai nữa.

Lois de Manou. 2. 161.

Il ne faut chercher à nuire à personne, ni même en avoir la pensée.

Lois de Manou. 2. 161.

COMPTE-RENDU FINANCIER DU F. E. A.

1o — Errata au compte-rendu financier du no 3.

2o — Bilan du 2e trimestre 1924.

3o — Souscriptions du 2e trimestre 1924.

4o — Récapitulation générale depuis la fondation.

1o — ERRATA AU TABLEAU
du Compte-rendu financier du n° 3, page 264.

FOYER : Total des dépenses : lire 1.502,62 au lieu de 1.502, 26.

REVUE : — id — : — 1.259,09 — 1.295,09.

2o — *Bilan du 2 trimestre 1924*

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

2. — BILAN

du 2e trimestre 1924

RECETTES	Avril	Mai	Juin	Totaux	DÉPENSES	Avril	Mai	Juin	Totaux
					1° — FOYER				
Souscriptions . . .	402, 00	310, 00	31, 76	743, 76	Matériel . . .	53, 94	616,94	37,42	708,30
Droits d'Inscription.	116, 00	60, 50	17, 50	194, 00	Mobilier. . . .	16, 19	4,10	0,20	20,49
Cotisations	91, 60	82, 20	69, 30	243, 10	Immeuble . . .	1. 61	2,55	1,12	5,28
Pension.	»	»	»	»	Pension	46, 90	»	»	46,90
Cotisations des pens^res	2, 40	3, 00	6, 60	12, 00	Eaux, Electricité, Téléphone. . . .	22, 15	21,95	105,69	149,79
Funérailles	3, 70	0, 70	11, 60	16, 00	Correspondance.				
Divers.	1, 90	0, 55	95, 54	97, 99	Prop^des, Déplat^s, Frais de justice et Festival.	99, 74	315,67	505,23 (a)	920,64
					Funérailles . . .	»	27,50	»	27,50
					Divers.	1, 71	1,82	1,20	4,73
					Personnel . . .	171, 24	169,00	169,20	509,44
Totaux	617, 60	456, 95	232, 30	1.306,85		413, 48	1.159,53	820,06	2393, 07
					Balance				
					Déficit : *1.086 $, 22*				

(a) — Les dépenses du festival figurent, dans ce total, pour 436 $ 18.

					2° — REVUE				
Abonnements. . .	46,02	57,70	44,48	148,20	Impressions . . .	23,19	969,90	42,67	1.035,76
Vente au n°. . . .	0,80	10,72	14,67	26 19	Fournitures diverses.	0,85	0,75	10,80	12,40
Annonces	1,50	»	1,50	3,00	Affranchissements .	8,98	41,55	7,78	58,31
Tirages à part . .	»	»	5,45	5,45	Imprimés, journaux.	0.08	0,74	»	0,82
Divers.	»	0,20	»	0,20	Déplacets, Divers .	0,43	2,68	0,68	3.79
					Personnel. . . .	87,00	87,00	87,00	261,00
Totaux	48,32	68,62	66,10	183,04		120,53	1.102,62	148,93	1.372,08
					Balance				
					Déficit : *1.189$, 04*				

Balance Générale :

Foyer. . . . . — *1.086,22*
Revue. . . . . — *1.189,04*
} — **2275 $ 26** (Déficit.)

Situation au 1er Juillet 1924.

Avoir en Banque au 1er Avril 1924. . . . . **4.218,83**
Déficit 2e trimestre 1924. . . . . — **2.275,26**
Avoir en Banque au 1er Juillet 1924. . . . . † **1.943,57**

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

3o — SOUSCRIPTIONS du 2ème trimestre 1924

DATES	NOMS ET ADRESSES DES SOUSCRIPTEURS	MONTANT des souscriptions	TITRE
Avril			
3	M. TRẦN-VĂN-BẰNG, Etudiant des T. P. à Hanoi.	3$,00	
8	M. SCHNEIDER, Direction des Services Economiques, Hanoi . .	25,00	M. B.
8	M. THẨM-TOẢN, Secrétaire au Service du cadastre, Hanoi . .	5,00	M. D.
9	M. NGUYỄN-VĂN-CỐC, — id —	5,00	M. D.
11	Mme ĐOÀN-BÁ-TÍNH, 27 Brd Od'endahl, Haïphong	5,00	M D.
11	M. ĐỖ-ĐÌNH-XUÂN, 12 Brd Od'endahl, Haïphong	5,00	M. D.
11	M. PHẠM-QUANG-BÌNH, 138 Brd Bonnal, Haïphong.	5,00	M. D.
11	M. LÊ-ĐÌNH-LÂN, Cimenterie à Haiphong	5,00	M. D.
11	M. NGUYỄN-VĂN-MINH, 25 Bd Od'endhal à Haiphong.	5,00	M. D.
11	Mmo SINH, 23 Bd Od'endhal à Haiphong	2,00	
11	M. LÊ-NGUYÊN-HANH, maison Briffaud à Haiphong. . . .	2,00	
12	M. NGUYỄN-HUY-LỢI, 19 Rue des Radeaux à Hanoi.	5,00	M. D.
14	M. ALBERT BILLAULT dit TRẦN-VĂN-CẨU — Sre Ppel hors classe à la Dan du Conle Ficier à Hanoi . .	5,00	M D.
21	M. LÊ-PHÁT-VINH, à Saigon. . .	40,00	M. B.
22	M M. LES ETUDIANTS DE COCHINCHINE, à l'Uté de Hanoi. . . .	250,00	M. F.
23	M. TRƯƠNG-MẠNH-CHINH, Sere Dion des Fices à Hanoi.	5,00	M. D
29	M. NGUYỄN-VĂN-SỸ, 56 R. de Ninh-Xá à Bắc Ninh	5,00	M. D.
	A reporter.	377$00	

DATES	NOMS ET ADRESSES DES SOUSCRIPTEURS	MONTANT des souscriptions	TITRE
Avril	Report	377$00	
29	M. NGUYỄN-TƯ-GIÁP, 62 Rue de la Soie à Hanoi	5.00	M. D,
29	M. NGUYỄN-NHIẾP, Secrétaire Direction des Finances à Hanoi.	5.00	M. D.
29	M. NGUYỄN THẾ LỘC, Secrétaire Principal à l'Enregistrement des Domaines et Timbres à Hanoi	5.00	M. D.
29	M NGUYÊN-VĂN-ÂN, Secrétaire Direction des Finances à Hanoï	5.00	M. D.
30	M. TRỊNH-NGỌC ĐỊNH, Arpenteur Service du Cadastre à Hanoi.	5.00	M. D.
Mai	Total Avril. . . .	*402.00*	
1	M. NGUYỄN-VĂN-ĐỒNG, 59 Rue Hàtrung, Hanoi	5.00	M. D.
2	M. PHẠM VĂN-BA DIT TÍT, 54 Avenue Belgique, Haiphong .	25.00	M. B.
7	Mme X, 51 Avenue Félix Faure Hanoi	20.00	M. B.
18	M. DƯƠNG-TIẾP, Agent Technique, Hanoi	5.00	M. D
22	Mme X, 51 Avenue Félix Faure, Hanoi	5.00	2e vert.
25	Me BAFFELEUF, Avocat-défenseur, Hanoi..	250.00	M. F.
Juin	Total Mai . . .	*310.00*	
2	M. TRỊNH-ĐÌNH-XUÂN, Secrétaire Direction des Affaires Économiques, Hanoi.	5.00	M. D.
28	M. D. NIEWENGLOWSKI, Administrateur à Quang-Yên. . . .	5.00	M. D
30	Mme NOUIS, à Calvisson (Gard) (100 f. 3e versement) . . .	10.36	M. F.
30	Melle G. MONOD, Professeur à Marseille (100 f. 2e versement).	10.36	M. F.
30	M. le Ct E. DUBOC, 61, Rue La Fontaine à Paris 16e (10 f.). .	1.04	
	Total Juin. . . .	*31.76*	
	Total général 2me trimestre 1924	**743$76**	

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

4o — RÉCAPITULATION GÉNÉRALE
depuis sa fondation
DE LA COMPTABILITÉ DU F. E. A.
jusqu'au 1er Juillet 1924

(Voir tableaux publiés dans chacun des Nos de cette Revue

DATES	RECETTES			DÉPENSES		
	1o - Versements des fondateurs de l'œuvre	2o - Recettes de la Société (souscriptions, cotisations, etc) (a)	3o - Recettes de la Revue et des publications	TOTAUX	1o — FOYER	2o — REVUE et publications	TOTAUX
Avant 1922	2.782,41	»	»	2.782,41	2.782,41	»	2.782,41
1922 1er trimestre	1.809,39	»	»	1 809,39	1.809,39	»	1.809,39
1922 2e —	4.584,12	»	»	4.584,12	4.584,12	»	4.584,12
1922 3e —	2.141,15	521,30	»	2.662,45	2.662,45	»	2.662,45
1922 4e —	»	4.989,54	»	4.989,54	3.137,74	»	3.137,74
1923 1er —	»	4.053,95	»	4.053,95	1.224,46	»	1.224,46
1923 2e —	»	3 815,09	»	3.815,09	1.268,99	»	1.268,99
1923 3e —	»	1.702,36	366,04	2.068,40	1.047,40	1.387,74	2.435,14
1923 4e —	»	777,80	465,38	1.243,18	1.518,17	1 259,09	2.777,26
1924 1er —	1.100,00	672,44	252,98	2.025,42	1.852,21	1.280,95	3.133,16
1924 2e —	»	1.306,85	183,04	1.489,89	2.393,07	1.372,08	3.765,15
Totaux .	*12.417,07*	*17.839,33*	*1.267,44*	**31.523,84**	*24.280,41*	*5.335,86*	**29.580,27**

BALANCE

Recettes	**31.523,84**
Dépenses	**29.580.27**
Avoir au 1er Juillet 1924 .	**1.943,57**

(a) Y compris les **Subventions officielles** qui, nous le rappelons, ont été les suivantes :

De M. le Gouverneur Général p. i. BAUDOIN	= 500 $ 00 + des promesses écrites.
De M. le Gouverneur Général MERLIN . .	= des promesses écrites.
De M. le Résident Supérieur au Tonkin . .	= attribution d'un immeuble où nous avons fait 7.000$ de frais de réparation et aménagements.
De la Ville de Hanoi	= 150p00.
De M. le Gouverneur Docteur COGNACQ .	= des promesses verbales.
Total en piastres	= 650,00

Conformément aux dispositions arrêtées par l'Assemblée Générale du 6 Juillet 1924, en cas de dissolution du F. E. A., cet avoir, augmenté des recettes normales jusqu'à cette date, plus le remboursement par la Ville de la consommation d'eau provenant d'une fuite, plus le remboursement par la Société d'Electricité des dynamos et de l'appareillage électrique qu'elle reprendra, servira au règlement des dépenses du Personnel et du présent numéro de la Revue. L'excédent, s'il y en a, sera versé à la Société des Enfants Métis.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

KÍNH - CÁO ĐỘC - GIẢ

của Tòa soạn

Nay chúng tôi có lời kính xin với chư-tôn độc-giả lượng thứ cho điều tạp-chí xuất-bản mỗi ngày càng thêm trậm-trễ. Sự trậm-trễ ấy không phải tự chúng tôi ; ấy là tại việc chữa sửa ấn-hành sách vở tại đây có lắm điều khó khăn không thể tránh được. . . . . Nhưng xin chư-tôn xét lại cho rằng ở xứ Đông-Pháp này, không phải là chỉ một mình chúng tôi trậm - trễ, mà có nhiều tạp-chí khác, thế-lực giầu mạnh hơn chúng tôi nhiều, mà cũng hay xuất-bản trậm-trễ luôn luôn như thế.

Vậy nay muốn kéo lại để ra đúng kỳ - hạn ngày tháng (Juillet) cho hết các số về năm thứ nhất này, chúng tôi đã định in ra một số kép (5 và 6) Nhưng lại phiền rằng số này tuy gọi là kép, mà chỉ có tiếng kép hư-không (với một tập tranh-ảnh) chớ không thật được hẳn ra một số kép, vì nỗi tài-chính nay gặp bước nghèo khó và lại vào lúc ông Đốc chúng tôi phải kíp ngặt đi vắng, cho nên trong số này chúng tôi phải bỏ mất hai bài trường-thiên :

1o - Bản kịch «Mảnh Gương Đời» bằng tiếng Annam, chúng tôi chỉ phân-ý lược-đăng mà thôi.

2o - Bài diễn-thuyết về thứ-mục B, của ông Monet đã giảng ở Hội-quán ngày 19 Novembre 1922, mà đầu đề là (Thế-gian to vô cùng .) Trong bài diễn-thuyết ấy người tận-tâm là ông Đốc chúng tôi đã tả cho biết trước hết, về đoàn-thể mặt giời: người có đem nhân bé những tầm-kích và đường đất các tinh-tú cho nhỏ lại một cách đều nhau mà thí-dụ cho biết rằng; những tinh tú lớn nhỏ xa cách nhau như thể là những quả cây to, những hạt thóc lúa nhỏ để cách nhau ở những nơi ta đã tường biết, như là ở Hội-quán, ở Nhà hát tây, ở nước Tầu, ở tận đầu thế-giới bên kia. . . . . và nếu muốn tới một ngôi sao sáng gần ta nhất, thì ở trong quả đất bé nhỏ của ta này không đủ đường mà thí-dụ : phải đi ra ngoài quả đất. . . . . và phải đi ra xa nhiều lắm mới được. . . . . Rồi người nói cho ta biết đến

A NOS LECTEURS

par La Rédaction.

Nous prions nos lecteurs, et particulièrement nos abonnés, de bien vouloir excuser le retard croissant de nos numéros. Ce retard ne nous est pas imputable ; il tient à des difficultés d'édition : composition, corrections d'épreuves, tirage, etc, inévitables en ce pays... Nous demandons qu'on veuille bien considérer que d'autres revues d'Indochine plus riches que la nôtre en personnel... et autrement... ont des retards réguliers aussi grands.

Pour arriver à terminer à temps (juillet) cette première année, nous avons décidé de faire paraître un numéro double (5 et 6). Ce numéro ne sera malheureusement double que de nom (et par ses illustrations), car la pauvreté de nos finances et le départ imminent de notre Directeur nous ont obligé d'en supprimer deux longs articles :

1o — La pièce en langue annamite «Le miroir de la vie» dont nous ne publions qu'une analyse.

2o — La 1re conférence série B donnée par M. Monet au Foyer le 19 novembre 1922 sur « *L'infiniment grand* ». Dans cette conférence notre dévoué Directeur nous décrivait d'abord le système solaire : Réduisant toutes les dimensions dans de fortes proportions, il nous faisait comprendre, d'une façon frappante, ce que sont ces dimensions, par des sphères, fruits, céréales, placés en des lieux connus : au Foyer, au Théâtre, en Chine, à l'autre bout du monde... et pour passer à l'étoile la plus proche, la place manquait sur notre pauvre petite planète ; il fallait s'en éloigner... et beaucoup ! ... Puis il nous disait ce que sont tous ces habitants de l'immensité : les comètes, les soleils — parfois immenses, parfois doubles, leurs planètes avec satellites,

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

các vị tinh tú ở trong khoảng mông-mênh : nào là những sao chổi, những mặt giời — vừa to lớn vô-hạn, lại có khi là những sao đi chập đôi, những sao ấy đã có những hành-tinh chạy quanh, và những hành-tinh ấy lại có những tuệ-tinh theo nữa, cùng là những đám sao đếm biết cơ-man, những vùng khí sáng kể có triệu ngàn. . . . . Người có giảng cho ta biết rằng nay nhờ cách-trí học tiến-bộ, người ta dùng ống phân-quang và máy chụp ảnh, đã tiến bộ được những bước lớn về khoa tầm-xát tinh-nhiệm cái vũ-trụ thế-gian lạ lùng này, vì nhờ những sự tiến-bộ ấy khiến cho ta biết được những hợp-chất của các tinh tú, rõ được những niên-sinh trình-độ biến-hóa các sao, những nguyên-chất trọng-lực sinh-thành tương tiếp do những nguyên-điểm, nguyên-chất, điện-khí ở vùng khí sáng thái-sơ tụ hợp kết thành ; xưa những sao sáng kia ta vẫn tưởng rằng đứng im, thì nay nhờ sự tiến-bộ khoa-học ấy ta đã biết đích rằng quả có chuyển vận, mà khi chuyển-vận thì có nhiều sao tụ hợp theo nhau mà chạy ở trong những luồng chảy nhớn, và mặt giời của ta trong khi đưa quả đất lại gần tinh tú Hercule thì cũng chạy ở trong một luồng chảy ấy. . . . . Người có đọc cho ta nghe cả những lý-thuyết mới về sự sinh hóa các tinh tú, và lại giảng-dụ cho ta biết rằng những điều kiến-thức của cổ-nhân di-truyền xưa không phải toàn là những sự mê-tín chỉ đáng khinh bỉ nên đem vùi hắt cả đi đâu, mà trái lại, thì những điều kiến-thức ấy lại là những sự quý hóa, có nhiều điều hay, vì rằng đem so-xánh ra thấy có nhiều chỗ hợp lý với những học-thuyết mới bây giờ, xem thế thì biết rằng xưa kia tổ-tiên ta đã có nhiều tư-tưởng kiến-thức phát minh về những học-thuyết ấy, mà khoa cách-trí ngày nay đã công-nhận là đúng. Ấy vì thế mà cái lý-thuyết nói về khai-tịch vũ-trụ thế-gian theo lẽ có hai khí tương-phản của ông Belot, đã định thuyết rằng sự sinh-hóa các thế-gian, nghĩa là các tinh tú không thể lấy lẽ rằng hết cả các vật thế-gian có sức hút nhau mà giảng-thuyết được, nhưng mà sự sinh-hóa ấy phải cần có sức tương-giao của hai chất ở gần nhau (như là một đám khí sáng gặp nhau với một luồng khí vật-chất sinh ra thế-gian) suy đó khiến cho ta giảng-thuyết được lẽ tại sao mà những vùng khí sáng có hình soáy mình ốc, tại sao các hành-tinh chuyển vận đều phải theo những vị-chí đường đi phân biệt, khi chuyển vận thì quay mình

les amas d'étoiles, les millions de nébuleuses... Il nous expliquait que les progrès de la science, par la spectroscopie et la photographie ont permis de pousser bien loin l'investigation de ce monde admirable, nous faisant connaître la composition chimique des étoiles, nous apprenant leur âge, nous montrant leur naissance, leur évolution, l'apparition successive des éléments les plus lourds par condensation progressive des atomes formés par les électrons de la matière unique de la nébuleuse primitive, nous apprenant à calculer la vitesse réelle de ces étoiles qu'on a longtemps cru fixes, nous montrant qu'elles se groupent en grands courants et que notre soleil, nous entraînant avec lui vers la constellation d'Hercule, fait partie d'un de ces courants.... Il nous citait les théories les plus récentes concernant la formation et l'évolution des mondes, et nous montrait une fois de plus que nos anciennes traditions ne sont pas toutes vaines superstitions dignes tout au plus d'un oubli méprisant, mais qu'elles sont, au contraire, belles et précieuses et intéressantes en plus d'un point, car leur comparaison avec les théories scientifiques les plus modernes nous montre que nos ancêtres ont eu, sur ces sujets, des intuitions, traditions, ou connaissances scientifiques que la science moderne vient singulièrement confirmer. C'est ainsi que la théorie cosmogonique dualiste de M. Belot, qui établit que la génération des mondes ne saurait être expliquée par la gravitation, mais qu'elle a certainement nécessité l'action réciproque de deux éléments en présence (rencontre d'un amas nébuleux et d'un courant de matière cosmique), expliquant ainsi la forme des nébuleuses spirales à branches, les lois de répartition des planètes, leurs inclinaisons sur l'écliptique, leurs sens de rotation, etc . permet de très curieux rapprochements avec la vieille métaphysique des Nho, l'action réciproque des principes mâle et femelle (Dương et Âm) si bien expliqués par M. Tran trong-Kim dans sa conférence sur Confucius, leur rencontre pour déterminer la naissance des mondes dans le chaos primitif, puis la séparation des corps célestes . . . Il y a même de curieuses ressemblances entre certains figures de traités tout modernes représentant la formation théorique des nébuleuses spirales et le dessin de la monade que reproduisait le No 3 de cette Revue. . . Il est bien curieux de consta-

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

theo những chiều khác nhau, và lại nằm nghiêng ở trong bản-địa tinh tú, v. v. . . . . Chính cái lý-thuyết ấy nay xét ra thì rõ là hợp ý lạ lùng với lý-thuyết Âm-Dương tương-ngộ ở sách lý-học của các nhà Nho ta ngày xưa, mà trước ông Trần-trọng-Kim đã nói ở trong bài diễn-thuyết về Khổng-phu-tử nghĩa là trong lúc thái-hư có khí Âm, khí Dương, gặp nhau mới sinh ra muôn vật thế-gian. . . . . Xem những hình vẽ trong cách-trí học bây giờ về những vùng khí sáng có hình xoáy ốc thì thấy quả giống như cái hình vẽ âm-dương ở trong tạp-chí số 3 trước vậy. . . . Lại xem đến lý-thuyết về sự khai tịch thế-gian của cụ cố Moreux (nói rằng những tinh tú chiếu sáng ra lâu ngày thì suy nhược dần đi ; những nguyên-điểm điện-khí thoát ra đến chỗ cực-giới bản-địa tinh tú thì lại sinh ra những luồng dũng-khí, rồi thành ra những vùng khí sáng nhấp nhánh rõ ràng ở trong những nơi ấy. Những vùng khí sáng ấy lại sinh ra những tinh tú mới khác vì có khí vật-chất đông lại thành ra nguyên-điểm vật-chất, bây giờ những tinh tú mới kia phải theo cái hấp-lực và lại họp nhau thành ra những đám sao ở trong bản-địa tinh tú . . .) Xem thế thật là lạ lắm, cái lý-thuyết ấy lại khiến ta nhớ tới những lý-học cổ xưa của Ấn-độ cho rằng vũ-trụ với giời là một, mà nói rằng vũ-trụ phải chịu theo một cái thế luân-hồi thở hút, hợp tan. . . . . .

Sau có kết-luận về luân-lý rằng : Ta phải bảo-tồn kính trọng những di-truyền của tổ-tiên ta : nhưng ta lại phải biết mỗi ngày tô điểm cho hoàn-mỹ, lấy những khoa-học mới mà chắt lọc tinh vi..... Ta hãy ngoạn-vị cái nhời thâm cao đặc-biệt của Pascal tiên-sinh nói về hai thế-gian vô-cùng vô-tận, và ta hãy nên ngẩng mặt lên giời trông những tinh-tú giăng-sao kia mà hiểu lấy những ý giáo huấn tối-cao .... Vả lại xem bài diễn-thuyết nói về « Thế-gian nhỏ vô tận» giảng-dụ minh bạch hơn nữa, thì ta hãy nhận biết rằng trong vũ-trụ thế-gian này không phải là cái vật-chất giả hình làm chủ-tể độc ác đâu, nhưng mà chính là cái dũng-khí.... cái tư tưởng, cái ý muốn của linh-hồn kia mới thật là chủ tể, mà sau nữa ta phải tin rằng có linh-hồn, ta phải biết rằng mình sống là cốt vì có linh-hồn, còn dẫu ta theo tôn-giáo nào cũng vậy, hễ có lòng tín-ngưỡng thành-tâm thì là trọng cả.

ter aussi qu'une grande hypothèse cosmogonique comme celle de l'abbé Moreux (les mondes se désintègrent lentement, les électrons atomiques sont expulsés, par la pression de radiation dans la région des pôles galactiques où ils donnent naissance à des courants énergétiques et à ces nébuleuses spirales qui pullulent littéralement dans ces régions. Les mondes nouveaux auxquels donnent naissance ces nébuleuses par reconstitution de la matière se condensant en atomes obéissent alors à la gravitation et viennent se regrouper en amas d'étoiles dans la région du plan galactique. . .), il est curieux de constater que cette hypothèse évoque le souvenir de ces très anciennes métaphysiques hindoues des Rig-Védas, qui affirmaient que l'univers qu'ils identifiaient avec Dieu, est soumis à des alternatives d'inspiration et d'expiration, de condensation et de dissociation.

Les conclusions morales étaient les suivantes: Gardons le respect de nos traditions passées et de nos ancêtres qui nous les ont léguées ; mais ayons le désir de les compléter, de les épurer, par la culture scientifique moderne.... Méditons le mot fameux de Pascal sur les deux infinis, et sachons jeter les yeux sur le ciel étoilé en comprenant ses enseignements sublimes. .. Et comprenons — ce que la conférence sur « l'infiniment petit » nous expliquera mieux encore — qu'il n'y a pas, dans l'univers, le règne tyrannique d'une matière qui n'est qu'apparence, mais bien celui de la pure énergie ... de la pensée, de la volonté .. de l'âme, enfin, à laquelle nous devons croire, pour laquelle nous devons vivre quelles que puissent être nos convictions religieuses, toutes éminemment respectables dans leur sincérité.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Đáng lẽ bài diễn-thuyết này, với bản kịch « Mảnh gương đời» phải in với tranh ảnh mà đóng riêng để vào bộ Việt-Nam Thanh-Niên tùng-thư. Vậy mong rằng đến khi ông Đốc chúng tôi trở về sẽ lại xuất-bản cả Tạp-chí và cả bộ sách hai thứ tiếng của bản-hội ấy nữa, mà nay chúng tôi đã sẵn có những chương-trình vật-liệu có thể dùng được đến mươi hai năm.

Những bài còn lại để đăng Tạp chí và in ra những sách riêng là những mục-đề sau này :

Diễn-thuyết ở hội : Lão-tử, của TRẦN TRỌNG KIM.
Thích-Ca, của PHẠM-QUỲNH.
Những đại-danh trong Lịch-sử Annam, của Quan Năm BONIFACY.
Cảm-tưởng du-lịch nước Pháp, của PHẠM QUỲNH
Văn-minh Thái-tây ;
Dấu-tích văn-minh Hy-lạp,
Dấu-tích văn-minh La-mã,
Dấu-tích văn-minh Kỳ-tử-giáo,
Những đại-danh lịch-sử nước Pháp,
Hòa-hợp các văn-minh, của P. MONET
(5 bài này hãy còn chưa giảng,)
Tình-trạng luân-lý về thiếu-niên Annam, của P. MONET
Thế-gian to vô cùng,
Thế-gian nhỏ vô tận,
và Sự tiến-hóa, của P. MONET.

Diễn thuyết có liên-hợp với những du-quan ở các sở kỹ-nghệ;

Vô-tuyến-điện, của ông giáo Tài, Trưởng-Hội
Máy hơi nước và bánh xe vận-lực,
Máy hơi nổ, của P. MONET.
Cách làm địa-đồ ở Đông-Pháp thế nào ? của P. MONET.
Vân vân...,

Cette conférence, ainsi que « Le miroir de la vie » devaient être éditées à part, avec illustrations, dans la collection F. E. A. Espérons qu'au retour de notre Directeur nous pourrons continuer et cette revue, et notre série d'éditions bilingues de la collection F. E. A. pour lesquelles nous avons des matériaux tout prêts pour une dizaine d'années environ.

Restent encore à publier dans la revue, puis en brochures à part :

Conférences du F.E.A : Lao-Tze, par TRẦN-TRONG KIM.
Bouddha, par PHAM QUYNH.
Les grandes figures de l'histoire d'Annam, par le Lt Cel BONIFACY.
Impressions de France, par PHẠM-QUYNH
Civilisation occidentale :
L'empreinte grecque,
L'empreinte latine,
L'empreinte chrétienne,
Les grandes figures de l'histoire de France,
L'accord des civilisations par P. MONET
(Ces cinq conférences n'ont pas encore été prononcées)
La situation morale de la jeunesse annamite, par P. MONET.
L'infiniment grand,
L'infiniment petit
et L'évolution, par P. MONET

Conférences correspondant à certaines excursions à des établissements industriels :

T. S. F. par M. le professeur TÀI, Président du Foyer.
Machines à vapeur et turbines,
Moteurs à explosion, par P. MONET.
Comment fait-on les cartes de l'Indochine ? par P. MONET
Etc, etc...

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Đàm-đạo ở hội : Chúng tôi sẽ đăng bài của người thiếu-niên khai-diễn, những điều nghị-luận tiếp theo, và những câu kết-luận về luân lý của ông Đốc đã nhân đó phát-minh. Những bài đàm-đạo ấy là :

Nết thật-thà và bụng thành-thực của Lương-Huy.

Nghĩa-vụ, của Vũ tam Tập.
Danh-dự, của Trần văn Chu.
Ý-muốn, của Lê thượng-Gioang.
Tổ-quốc, của Phạm duy An
Tính can-đảm, của Cao xuân Huy.
Vấn-đề chọn tiếng, của Nguyễn Duy Bình
Mục-đích đời người, của Ngô gia Lễ
Tục lấy nhiều vợ, của Hồ trọng Hiếu
Các hạng người trong xã-hội, của Lê phan Thoại.

Sự chấn-hưng thể-lực cho nòi giống Việt-Nam, của Trần văn Luân.

Và sau nữa đến những bài đàm-đạo kể dưới này, còn chưa giảng :

Kỹ-nghệ.
Thương-mại.
Nông-nghiệp.
Phải có lương-tâm về nghề-nghiệp.
Gia-đình và gia-tộc.
Sống là để làm việc cho người, v. v....

Văn-chương :

Giấc mộng vàng, tiểu-thuyết, của Ch. Nodier
Dominique, tiểu-thuyết, của Fromentin
Mảnh gương đời, kịch-bản, của Trần tuấn Khải.
Tập in thành sách những văn thơ mới viết đăng ở Tạp-chí.
Trích, dịch, những sách của các nhà văn-sĩ Pháp (như là Fénélon, Chateaubriand, Lamartine, Lamennais, Charles Wagner, v.v.)

Entretiens du F. E. A. — Nous publierons l'exposé du jeune homme chargé d'introduire le sujet, la discussion générale à laquelle il a donné lieu, et les conclusions morales qui en ont été dégagées par notre Directeur :

Franchise et sincérité, par Lương Huy.
Le devoir, par Vu tam Tập
L'honneur, par Trần văn Chu.
La volonté, par Lê thương Gioang.
La patrie, par Phạm duy An
Le courage, par Cao xuân Huy.
La question des langues, par Nguyên duy Bình.
Le but de la vie, par Ngo gia Lè

La polygamie, par Ho trong Hiêu
Les classes sociales, par Lê phan Thoai
Le relèvement physique de la race annamite, par Trần văn Luân

et, enfin, les entretiens suivants qui n'ont pas encore eu lieu :

Industrie.
Commerce.
Agriculture.
De la conscience professionnelle.
Petite et grande famille.
Vivre et servir, etc, etc....

Littérature :

Le songe d'or, conte par ch. Nodier.
Dominique, roman par Fromentin
Le miroir de la vie, comédie par Trần tuấn Khai
Publication, en un recueil, des poèmes annamites inédits publiés par la Revue.
Extraits et traduction de bons auteurs français (Fénélon, Chateaubriand, Lamartine. Lamennais, Charles Wagner, etc, etc..)

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Tập họp những bài luận-lý có tư-tưởng đồng-ý :

của (Kỳ-tử, Khổng-tử, Thích-ca, Lão-tử.)

Nhân-loại tương-ái, hợp-quần xã-hội.

Hi-sinh, vị-nghĩa.

Ái-mộ chân-lý, v. v....

Việt-nam thanh-niên tùng-thư năm nay đã in ra những sách hai thứ tiếng như sau này ;

Thế nào là một nền văn-minh ?

của P. Monet, giá bán... 0$25

Nho-giáo, của Trần trọng Kim, giá bán.0,40

Tinh thành-thực, của Vũ tam Tập

(mới xuất bản) giá bán....,0$15

Accords de textes moraux groupés par grandes notions :

(Jésus-Christ, Confucius, Bouddha, Lao-Tze)

La fraternité humaine, la solidarité.

L'esprit de sacrifice,le désintéressement.

L'amour de la vérité, etc, etc...

Collection F. E. A. : Ont déjà paru dans cette collection bilingue :

Qu'est-ce qu'une civilisation ? par P. Monet, prix 0$25

La doctrine des Nho, par Tran-trong-Kim, prix 0,40

La sincérité, par Vu tam Tap (vient de paraître), prix 0,15

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

MỘT TỜ BẨM-CÁO

Ngày 3 Février 1924.

Bẩm quan Toàn-quyền đại-thần,

Chúng tôi xin có lời bẩm quan lớn biết như sau này :

Đã hai năm nay, chúng tôi có lập-thành tại Hanoi một hội gọi là « Việt Nam Thanh Niên », mục-đích đã giải bầy đủ cả ở trong quyền điều-lệ, có quan Thống-sứ Bắc-kỳ ký nhận ngày 6 Mai 1922, và nói thêm kỹ-càng ở trong bài diễn-thuyết đăng trong Việt-Nam Thanh-Niên tạp-chí số nhất, từ trang 1 đến trang 75.

Hội cốt lấy thiếu-niên Nam-Việt mà mở mang tinh thần luân lý cho dân-tộc Việt-Nam. Trong những người giữ văn-minh cổ và những người theo văn-minh mới, có một sự bất-bình ; là vì phong-trào thay đổi thốt-nhiên quá mà hai luồng tư-tưởng gặp nhau phát-sinh ra nhiều cơn gió lốc tối nguy. Vậy nay ta cần phải dạy cho dân họ tuần-tự tiến lên con đường luân lý thực-dụng, thực-hành, ngoài hẳn — chớ không phải phản-đối — những lý tưởng về tôn-giáo, để dẫn họ đi từ cái học-thuyết cổ đến cái văn-minh kim như ở trên một con đường hơi chênh-chếch. Muốn thế, ta giảng cho biết rằng hai cái văn-minh ấy không phản trái nhau, cái nọ bổ-túc cái kia và cùng đồng-ý khuyên họ phải tận-tâm với đồng-loại, hi-sinh tư-lợi, tư-kỷ mà làm điều công-ích, công-nghĩa. Bảo cho họ biết « quyền lợi người đời » là cố-nhiên phải gồm cả « nghĩa-vụ người dân », đó là dạy cho họ hiểu rằng sự thực-hành cái chủ-nghĩa cá-nhân của ta đã không đào-thải cái luân-lý Khổng-giáo chủ sự thuận-tòng và điều cung-kính mà lại chính là một cách thực-hành đích-đáng cái đạo ấy.

Ấy chỉ có cách đó là ta giữ cho những loạt người An-nam mới-mẻ sau này liễm được cái văn-minh về đường khoa-

UN RAPPORT

3 Février 1924

Monsieur le Gouverneur Général,

J'ai l'honneur de vous rendre compte de ce qui suit :

J'ai fondé à Hanoï il y a deux ans l'œuvre du « Foyer des Etudiants Annamites » dont le but est exposé sommairement aux statuts approuvés par M. le Résident Supérieur au Tonkin le 6 mai 1922 et plus complètement à la conférence publiée au no 1 de la Revue du F. E A. pages 19 à 75.

Cette œuvre est destinée au développement moral du peuple annamite par sa jeunesse. Entre les disciplines de l'ancienne civilisation et celles de la nouvelle, un hiatus se produit : le changement est trop brusque et la rencontre des deux grands courants crée parfois dans les esprits des tourbillons dangereux : il est nécessaire de donner aujourd'hui à ce peuple une morale rationnelle positive et pratique, étrangère - mais non hostile —à toute confession religieuse, permettant de l'amener progressivement, comme par un plan incliné, des anciennes doctrines aux nouvelles en lui montrant qu'elles ne sont pas contradictoires les unes aux autres mais bien complémentaires, et unanimes à lui apprendre le dévouement de chacun pour tous, l'effacement de tous les intérêts personnels égoïstes devant l'intérêt général. En lui montrant que les « droits de l'homme » impliquent nécessairement les « devoirs du citoyen », nous lui ferons comprendre que l'adoption de nos principes individualistes n'implique pas le rejet de la morale confucéenne de l'obéissance et du respect, mais en donne au contraire une meilleure application.

C'est seulement ainsi que nous éviterons que les nouvelles générations annamites, en acquerrant notre civilisation scienti-

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

học của ta cũng không đến nỗi thành ra khinh nhờn ngạo mạn cha mẹ tổ tiên và nhãng quên đến cả những kỷ-cương các điều lễ-nghi rất sơ-lược. Mà họ chưa kiêm-nhiễm được cái văn-hóa của ta đã bỏ mất cái quốc-túy của họ như thế, họ chỉ vì kiêu-hãnh mà sinh ra sai lạc, thì rồi ra thế nào họ chẳng quên mất ơn ta và cùng lôi ta xuống vực thẳm hang sâu với họ.

Về phương-diện đó, cái công-cuộc đạt-thành của nền học-chính dẫu vững-vàng hoàn-hảo đến đâu mặc ý, độc-lực ra cũng chưa sung-mãn được đủ mọi bề. Phận-sự thì lớn-lao như vậy, mà thế-lực đối với thời-gian, thời-hậu eo-hẹp biết bao! Hội của chúng tôi không những gồm dạy cả những sinh-viên hiện đang theo học các trường và các ngành Cao-đẳng từ 17 tuổi trở lên, mà lại kiêm hết những viên cựu-học-sinh cho đến 30 tuổi đã ra làm ăn trong chính-giới cùng là công-thương-giới nữa. Hội chúng tôi công-nhận và khoáng-chương một cách đặc-biệt những phép luân-lý mà thiếu-niên đã học ở trường, nhưng vì xa nhà sớm quá, không được thường-nhật thực-hành và nghe theo những lời bình-chú trọng-yếu để mở-mang những phép luân-lý ấy thêm vẻ sinh-hoạt quang-minh. (Hội chúng tôi tuyệt-nhiên không can-dự đến vấn-đề tôn-giáo Xin xem Việt-Nam Thanh-Niên tạp-chí số 1, trang 54 và số 3, từ trang 208 đến trang 213). Công việc của hội chúng tôi thì có những bài diễn-thuyết về luân-lý (Văn-minh Á-đông và Âu-tây), về cách-trí phổ-thông (Khoa-học triết-lý thường dụng và khoa-học thực-hành vào kỹ-nghệ), những hội-đồng đàm-đạo (về danh-dự, nghĩa-vụ, lương-tâm, thành-thực, v. v. . . .) và những cuộc du-quan các nơi cổ-tích và nhất là các xưởng kỹ-nghệ: trong những cuộc du-quan này, chúng tôi hết sức hướng-dẫn cái trí thiếu-niên về đường nông, công, thương-nghệ. Cứ xem bài « Kỷ-thuật việc hành-động của hội V. N. T. N. trong năm 1922-23 » đăng quyển tạp-chí số 2 của chúng tôi từ trang 175 đến trang 237, thì sẽ biết cái sức gắng-gỏi của chúng tôi trong một năm giời đã thành-đạt được gần 70 cuộc diễn-thuyết, du-quan và hội-đồng này khác.

Hoặc khi trò truyện riêng tư, hoặc khi hội họp đông đủ, bất cứ lúc nào chúng tôi cũng lấy cái thế-lực trực-tiếp của bản thân ra mà cổ sức chỉ-dẫn cho thiếu-niên họ biết những công việc nước ta đã theo cái chương-trình đại-độ của quan

fique, perdent le respect de leurs parents, de leurs ancêtres, oublient même jusqu'aux règles de la plus élémentaire civilité : et, ayant perdu la morale de leurs ancêtres sans avoir pu encore s'assimiler la nôtre, égarées par leur vanité nationale, méconnaissent demain tout ce qu'elles nous doivent et ne courent aux abîmes en nous y entraînant avec elles.

Pour excellente et soutenue que soit l'œuvre accomplie dans ce sens par l'enseignement officiel, elle ne saurait suffire. La tâche est beaucoup trop vaste et l'action de cet enseignement trop restreint dans l'espace et dans le temps. Mon œuvre atteint non-seulement les étudiants au sens le plus large du mot (élèves des différents établissements scolaires ou universitaires quels qu'ils soient) à partir de 17 ans, mais aussi les anciens étudiants (jusqu'à 30 ans) employés dans les différentes administrations ou dans l'industrie et le commerce. Elle confirme et développe considérablement les principes moraux reçus à l'école par des jeunes gens qu'un éloignement prématuré de leur famille prive le plus souvent de l'application journalière et des commentaires nécessaires pour rendre ces principes «vivants». Cette œuvre est strictement neutre au point de vue religieux (cf. Revue du F. E. A. N° 1 p. 54 et N° 3 p. 208 à 213). Elle procède par conférences de culture morale (civilisations orientale et occidentale), de culture générale (philosophie scientifique vulgarisée, et sciences appliquées à l'industrie), par réunions d'entretiens familiers (sur l'honneur, le devoir, la conscience, la sincérité, etc....), et par des excursions à des monuments historiques et surtout à des établissements industriels, par lesquelles je m'efforce d'orienter le plus possible cette jeunesse vers l'agriculture, le commerce et l'industrie. Le « compte-rendu de l'activité du F. E. A. pendant l'année 1922-23 » publié au N° 2 de notre Revue, pages 175 à 237, montre ce qu'a été notre effort au cours de cette année où nous avons donné près de 70 conférences, excursions ou réunions de différentes natures.

A tout instant, par notre action personnelle directe au cours d'entretiens particuliers comme par ces réunions collectives, nous nous efforçons de montrer à ces jeunes gens tout ce que la France fait pour eux en appliquant dans ce pays le plan généreux

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Thuộc-địa Thượng-thư Albert Sarraut mà mở mang cho họ ; ấy là cái chương-trình tự-trị tiệm-thứ và thành-thực, nhưng phải tiến tới và khôn ngoan, ấy là cái mục-đích cao-thượng của chính-sách nước ta ở bên xứ này. Nhưng muốn đạt-thành hoàn-hảo, duy có sự mở mang luân lý của dân-chúng họ thôi. Không hề lúc nào chúng tôi không lấy sự trung-thành ơn huệ hoàn-toàn đối với mẫu-quốc mà mở mang cho họ cái lòng ái-quốc, vì chúng tôi yên-trí rằng chỉ nhờ tấm lòng ấy mà ta mới có thể dạy cho họ tận-tâm vì đại-nghĩa, thành-thực với đồng-loại, với bản-thân và nhất là có lương-tâm trong chức-nghiệp, vì đó là những nết mà dân họ thường sở đoán. Hội chúng tôi quyết-nhiên là một công cuộc lao-cần hoàn-hảo, rộng về đường cổ-động cho Pháp-quốc ta lắm. Hội chúng tôi tức là một người làm việc không công, một tay trợ-lực *tối cần* cho Chánh-phủ để đạt thành cái chính-sách thuộc-địa tinh-vi như là cái chính-sách mà ta thực-hành ở đây bây giờ. (Xin xem V. N. T. N. tạp-chí số 1, trang 29, 33, 109, 113 ; số 2, trang 69, 81, 97, 99, tới 111, 137, 177, 195, 201, 209, 211, 219, 231, 247 ; số 3, trang 91 đến 127, 129 đến 135, 139, 255, v. v.....)

Vả chăng, cái thế-lực của chúng tôi không những ảnh-hưởng cho thiếu-niên mà thôi. Chúng tôi nhờ về tạp-chí xuất-bản, lại có thế-lực đối với hết cả những người Annam giỏi hơn, như những quan-tư, chức-sự cùng các nhà thương-mại... Dân Việt-Nam này là dân bao giờ cũng hiếu-học những sách chữ nho, thế mà ngày nay hầu không có sách mà đọc, mà xem nữa. Ta phải kíp lập chỗ chống to ấy lại, đó là một cách làm cho thế-lực của ta rất ảnh-hưởng tới đám quần-chúng vậy. Vì thế chúng tôi cố sức đạt được sự ấy, nghĩa là chúng tôi xuất-bản một quyển tạp-chí giấy ngoại 300 trang, có tranh vẽ, in hai thứ tiếng (ấy là một sự mới lạ ở đây) mỗi bài một bên chữ tây, một bên quốc-ngữ sánh đối nhau từng đoạn một để giúp cho tiếng Pháp mau phổ-cập ở bên thuộc-địa này. Tạp-chí ấy đăng những bài diễn-thuyết, đàm-đạo của chúng tôi, những bài luận, những tiểu-thuyết, thi-ca, kịch-bản, v.v., và nhất là những bài mục-đích gợi cho dân biết mến-yêu những sự cải-lương trong chính-giới cùng những sự tiến-hóa mà Chánh-phủ muốn đạt-thành cho dân (xin xem thử bài « Du-ký ở mấy làng Annam » và bài « Vệ-sinh nuôi trẻ » trong số báo trước sẽ rõ.)

et bien français de M. le Ministre Albert Sarraut : plan d'émancipation graduelle, sincère, mais très progressive et prudente dont *seul* leur développement moral peut rendre possible, à une date indéterminée et peut-être encore lointaine, la réalisation complète, but élevé de notre effort politique en ce pays. C'est au développement d'un esprit patriotique par et pour le loyalisme et la reconnaissance la plus complète envers la France que je travaille sans cesse, convaincu que par là seulement nous donnerons à ces jeunes gens l'amour du dévouement à un but élevé, de la sincérité envers les autres et envers eux-mêmes, de la conscience professionnelle surtout, qui leur font trop souvent défaut. Mon œuvre est donc essentiellement une œuvre très active, complète et étendue de propagande française. Elle est la collaboratrice bénévole, l'auxiliaire *indispensable* du Gouvernement pour la réalisation d'une politique indigène aussi délicate que celle que nous appliquons ici (cf. Revue du F. E. A. No 1 p : 29, 33, 109, 113 ; No 2 p : 69, 81, 97, 99 à 111, 137, 177, 195, 201, 20 9, 211, 219, 231, 247 ; No 3 p : 91 à 127, 129 à 135, 139, 255, etc. . . . .)

Notre action, d'ailleurs, ne se borne pas à la jeunesse. Par la publication de notre « Revue du F. E. A. » elle vise tous les Annamites un peu cultivés : mandarins, fonctionnaires, commerçants. . . . Tous les habitants de ce pays ont eu de tout temps le goût de la lecture et de l'étude dans les ouvrages en caractères chinois. Ils sont aujourd'hui à peu près complètement démunis à ce point de vue. Il est grandement nécessaire de combler ce vide important, et c'est là un moyen d'action très puissant sur la masse. Nous nous efforçons d'y parvenir par cette Revue de plus de 300 pages, illustrée, entièrement bilingue (ce qui est, ici, une innovation), présentant les textes français et annamites de chaque article en regard avec correspondance par paragraphes, ce qui aidera puissamment à la diffusion du Français dans ce pays. Elle publie nos conférences et entretiens, des articles de culture morale, des romans, poésies, pièces de théâtre, etc, et particulièrement des articles destinés à propager parmi la masse annamite le goût des réformes administratives et des progrès de toute nature que veut réaliser notre gouvernement (voir par exemple, dans notre dernier

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Sau nữa là thế lực của tạp-chí chúng tôi còn bành-chướng lâu dài mãi, là nhờ về *sự xuất-bản một bộ sách hai thứ tiếng* nhan-đề chung là « Việt nam thanh niên Tùng-thư», mục-đích bầy tỏ cho người Nam biết đến những nhà trước-tác đại-danh của ta, truyền-bá cho họ phổ-cập những ý-tưởng đạo-đức là nền-móng văn minh phong-hóa của ta và riu-rắt cho họ am-hiểu cùng mến-yêu cái văn-từ của ta nữa.

Một công cuộc như thế là tối cần cho nước Việt-nam này là nước thừa-tự một cái văn minh cổ rất tinh-tuý và có một cái học thức đặc-biệt, không giống những thuộc-địa khác cho rằng cùng cái trình-độ ấy. Trong lúc cái văn-minh nọ thế chân cái văn minh kia thì thường có một độ rất nguy-kịch dễ sinh ra nhiều đường cản-trở. Thiết-tưởng rằng các nhà chính-trị cao-minh phải thâm hiểu những lẽ tối-cần của vấn-đề tinh-thần luân-lý ấy và phải có nghị-lực đảm đang giải-quyết cho hoàn-toàn hết sức. Vì chỉ có thế mới mưu sự vững-vàng tiến-tới cho cái nền tương-lai còn xa-xăm của sự-nghiệp chính-trị hiện-thời của ta được, chớ không phải chỉ đành-tâm mong sự kết-quả nhỡn-tiền của một cái phương-pháp không được cao-thâm như lòng sở nguyện. Và nếu phương-pháp ấy lại không chủ ở sự tinh-thần luân-lý vô hình-thể và khó đo-lường rất có ảnh-hưởng chánh-đáng kia, thì cái kết-quả cũng chỉ nhất-thời nhi dĩ và dẫu thực hành được mọi cách yêu-cầu cũng không nhất-thiết đạt tới mục-đích mà sinh thế lực về đường tinh-thần luân-lý *là sự quan-trọng độc nhất vô song*. Lại thiết-tưởng rằng ở trong một xứ như xứ này, Chính phủ Đại-pháp không thể làm lơ những vấn-đề ấy và nhường việc thực-hành cho những hội truyền-giáo thế-lực duy-nhất quá không được bao-quát, thường khi lại vượt sức bảo-chủ của ta không cùng chuyên theo một đường với phép chính-trị của ta nữa, đành rằng những hội ấy bất cứ là hội nào mà của người Pháp ta thì cũng nên cưu mang giúp đỡ cả. Công cuộc ấy phải ở ngoài (*mà ở trên hẳn*) những việc tôn-giáo. Công cuộc ấy hành-động phải do cái tinh-thần của nước Pháp là nước dân-chủ tự-do theo như ý-tưởng tối-tân của phép khoa-học phê-bình và phải sao cho mở-mang cái trí đoàn-thể thực-dụng thuần-hòa và cái nghĩa tận-tâm thành-thực đối với các lý-tưởng

numéro les articles : Quelques visites à des villages annamites, et L'hygiène infantile).

Enfin, l'action de cette Revue sera elle-même étendue et prolongée par *une série de publications bilingues* dite « Collection F. E. A. » destinée à répandre parmi les Annamites la connaissance de nos plus beaux auteurs français afin de permettre la diffusion des idées morales qui sont à la base de notre civilisation et de faire mieux comprendre et aimer notre langue.

Une telle œuvre est absolument nécessaire dans ce pays, parce qu'il est l'héritier d'une civilisation très ancienne et affinée et possédant une culture propre, ce qui n'est pas le cas dans nos autres colonies, du moins à un degré égal. La substitution brusque d'une civilisation à l'autre comporte une période critique qui peut avoir les plus graves inconvénients. Il appartient, croyons-nous, à des esprits politiques avisés, de savoir comprendre l'importance primordiale de ces problèmes moraux et d'entreprendre avec décision leur solution aussi complète que possible, assurant ainsi la stabilité et le développement, pour un avenir lointain de leur œuvre politique actuelle, sans se contenter des résultats immédiats d'une action qui se saurait avoir la profondeur voulue et dont les effets seraient éphémères si elle ne tenait pas compte de ces facteurs abstraits, de ces « impondérables » dont l'influence est capitale, et n'abordait pas résolument et avec la mise en œuvre de tous les moyens nécessaires l'action sur le domaine moral *qui est le seul important*. Nous croyons qu'un gouvernement français ne peut pas, dans un pays comme celui-ci, se désintéresser de ces questions et s'en remettre, pour ce genre d'action, à des œuvres de caractère religieux qui doivent certainement, à quelque confession qu'elles appartiennent, être favorisées, si elles sont françaises, mais dont l'action, trop spéciale pour être assez étendue, échappe d'ailleurs en grande partie à son contrôle et ne converge pas nécessairement avec la sienne. Une telle œuvre doit être en dehors — *au-dessus même* — des questions religieuses, et conduite avec l'esprit de la France républicaine et libérale selon les concepts modernes de la critique scientifique et orientée vers le développement d'un esprit positif et rationnel de

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

nhân-từ của Đại-Pháp dân-quyền đã phô-diễn ở đây cũng như là ở mọi nơi khác.

Hội V. N. T. N. chúng tôi nay ở vào một toà nhà của Chính-phủ bảo-hộ, chúng tôi đã phải tiêu-phí 12.000 bạc để sửa-sang lại. Hội chúng tôi có một phòng độc-thư, một phòng thư-viện chứa 1.200 quyển sách, phòng giấy, phòng hội-đồng, phòng chơi, chớp bóng có máy sinh điện, bi-a, nhà ở và nhà ăn cho hội-viên lưu-trú (Hai nhà này giao cho quản-lý trông coi lấy lợi). Hội lại có một hội-đồng bảo-chủ là các quan to vừa Pháp vừa Nam. Hội có chừng 1.500 hội-viên, trong số ấy gồm cả các vị Sáng-lập, Tán-trợ và Tứ-trợ hội-viên phần nhiều là các quan chức Bắc, Trung, Nam kỳ và cả đức Khải-Định Hoàng-đế ngài đã nhiệt-thành quyên cấp một cách đặc-biệt (Xem ngự-thư của ngài đăng trong V. N. T. N. tạp-chí số nhất từ trang 4 đến trang 17 sẽ rõ). Chúng tôi thành-lập hội ấy là trông vào tư-lực, và lúc đầu thì nhờ một món tiền trợ-cấp không có tái hạn. Chúng tôi thỉnh-cầu được món tiền ấy vào ngày đình-chiến của các hội Foyers là hội người Hoa-kỳ mang sang mà nước Pháp ta nhiều nơi đứng đại-biểu trong ngày chiến-tranh lắm. Xin xem V. N. T. N. tạp-chí số 1, trang 65, 123, 126. Có kẻ đã lấy cớ rằng tiền ấy do nước Hoa-Kỳ quyên cho mà công-kích hội chúng tôi, vậy chúng tôi đã viết giấy xin từ (xem V. N. T. N. tạp-chí số 3, từ trang 204 đến 208). Còn tình-thế lý-tài, chúng tôi đã kể rõ trong bảng kinh-tế đăng tạp-chí số 3 (trang 264)

Vậy chúng tôi có lời thỉnh-cầu Chính-phủ Toàn-quyền quyên giúp cho hội chúng tôi là hội cổ-động cho mẫu-quốc không chỉ một Bắc-kỳ thôi, lại cả Đông-Pháp nữa, như sau này :

1o - Một món trợ-cấp nghìn rưỡi bạc (1 500) cho chính hội, cho tạp-chí và cho các sách in hai thứ tiếng.

2o-Mua cho các học-đường, các công-sứ và các sở nhà nước một vài nghìn số tạp chí đồng-niên.

Được như thế, chúng tôi sẽ lấy làm hân-hạnh mà lĩnh thụ những điều dạy bảo hữu-ích của Chánh phủ về sự hướng dẫn công việc hội, về sự cổ-động mọi việc, về các ý-tưởng cần phải truyền-bá trong tạp-chí cho đạt-thành nhiều việc cải-lương

solidarité agissante, de dévouement réel aux idées généreuses que la France démocratique représente ici comme partout.

Le F. E. A. est installé dans un local du Protectorat pour lequel il a fait des frais d'aménagement élevés (12.000 piastres environ). Il comporte salle de lecture, bibliothèque de 1.2 00 volumes, bureaux, salles de réunions, jeux, cinéma avec groupe électrogène, billards, logements et restaurant (tenus par un gérant à son profit) où il reçoit des pensionnaires. Un comité de patronage composé de hautes personnalités françaises et annamites est à sa tête ; le Foyer compte déjà environ 1. 500 membres, en y comprenant les membres fondateurs, bienfaiteurs et donataires parmi lesquels figurent un grand nombre des mandarins du Tonkin, de l'Annam et de la Cochinchine et particulièrement Sa Majesté Khai-Dinh qui y a adhéré avec le plus grand empressement (voir sa lettre authographe au no 1 de la Revue, pages 4 à 17). Je l'ai fondé en comptant surtout sur mes ressources personnelles aidées au début, par un crédit non renouvelable que j'avais obtenu, au moment de l'armistice, sur l'œuvre des Foyers, introduite par les Américains et largement représentée en France pendant la guerre (cf. Revue du F. E A. N° 1 p. 65, 123, 126). L'origine américaine de ces fonds ayant servi de prétexte à des attaques contre mon œuvre, j'y ai complètement renoncé, (cf. Revue du F. E. A. no 3 p. 204 à 208). La situation financière est exposée aux tableaux publiés aux no 1 (page 193), 2 (page 238) et 3 (page 264) de notre Revue.

J'ai l'honneur de demander au Gouvernement Général pour cette œuvre de haute propagande française concernant non-seulement le Tonkin, mais toute l'Indochine :

1o - L'attribution d'une subvention annuelle de quinze-mille piastres (15.000 p) pour le Foyer proprement dit, la Revue et la série d'éditions bilingues.

2o - L'octroi de mille à deux mille abonnements pour la Revue (établissements scolaires, résidences, administrations diverses).

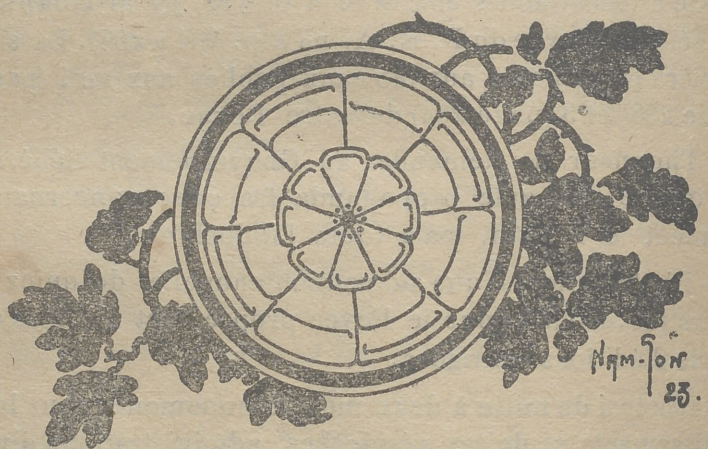
Je serai heureux de recevoir toutes indications utiles du Gouvernement sur l'orientation à donner à l'œuvre, les propagandes à faire et les idées à présenter dans notre Revue pour aider à la réalisation de telles ou telles réformes

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

như là hiện chúng tôi đã có thực-hành rồi. Chúng tôi lại lấy làm sung-sướng tuân theo những lời dạy bảo ấy và do ý Chánh-phủ thay đổi mọi sự hoặc về toàn-thể hội, hoặc về các việc linh-tinh của hội. Vả chăng hội chúng tôi có liên can với hội K. T. T. Đ. (Khoản thứ 23 trong điều-lệ hội) chúng tôi sẽ sẵn lòng hết sức giúp đỡ cho thành hiệu-quả những việc công-ích riêng của quốc-dân, nhưng do Chánh-phủ cảm-khích, có liên-can đến hội ấy.

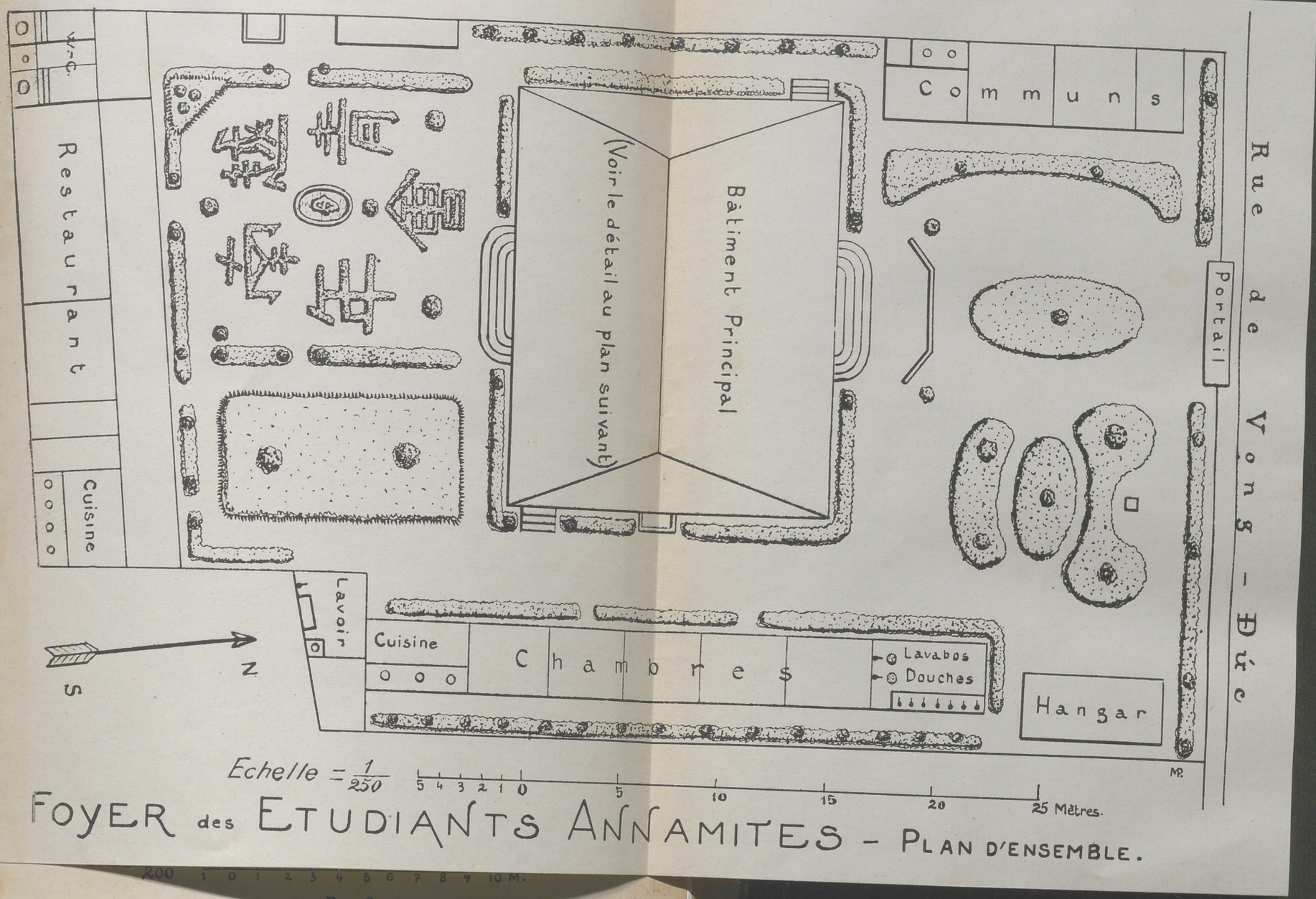
Chúng tôi có lời thỉnh-cầu quan lớn ra lòng quảng-đại mà ban cho chúng tôi một buổi yết-kiến đặc-biệt về tờ bẩm này và xin quan lớn chiếu-cố cho tấm tình rất thành-kính của chúng tôi đây.

Ký tên : PAUL MONET



Université Côte d'Azur. Bibliothèques





FOYER des ETUDIANTS ANNAMITES - PLAN D'ENSEMBLE.

200 1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 M.

Fig. 2

Bản-đồ nhà H. V. N. T. N. || F. E. A. — Plan de l'immeuble.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

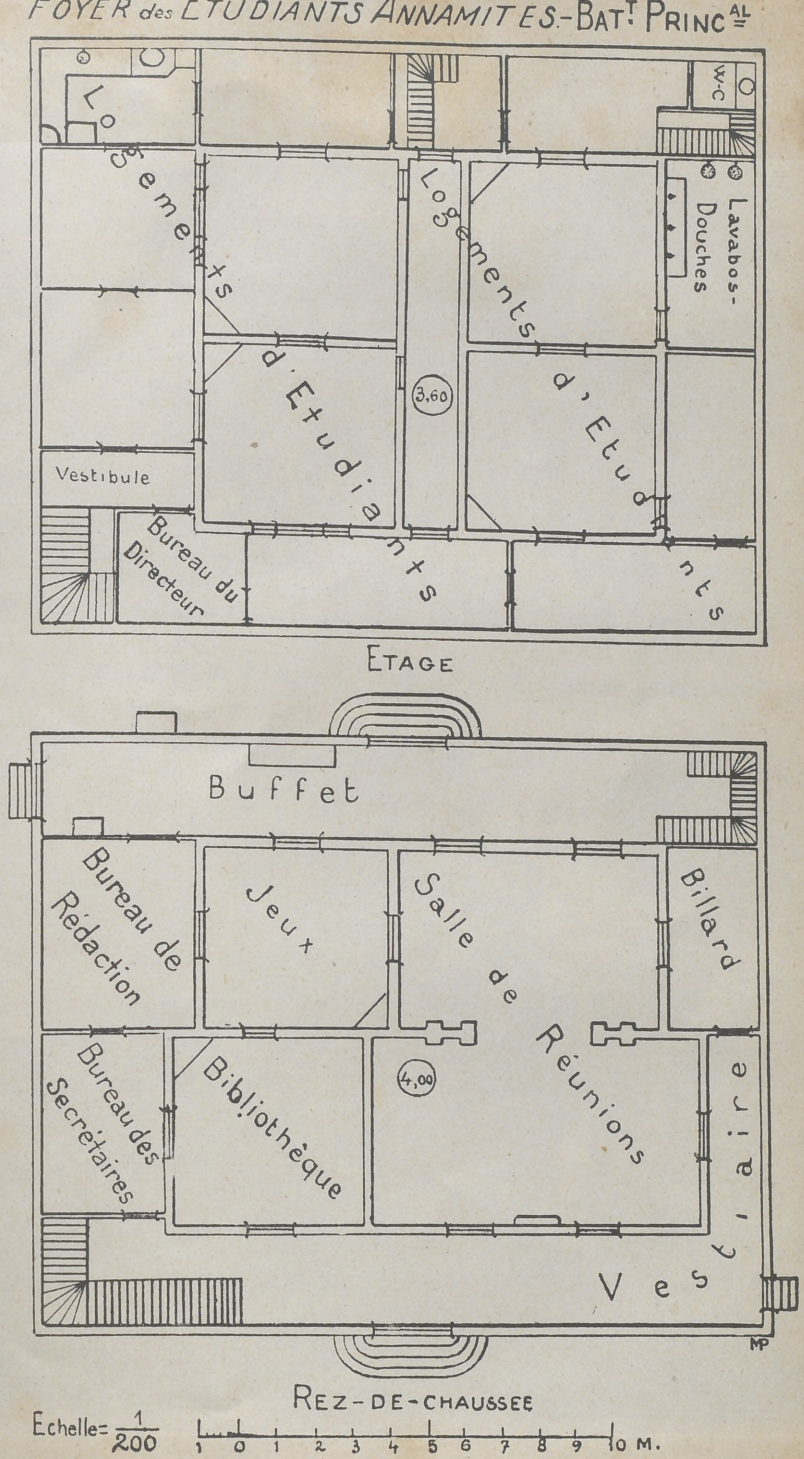
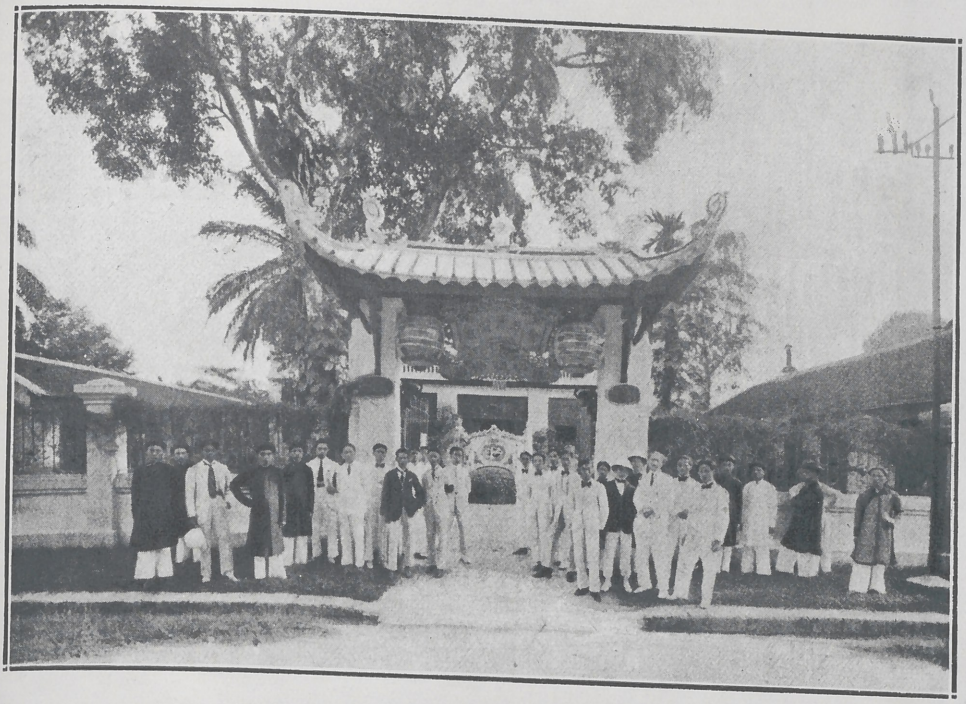


FIG. 2

Bản-đồ nhà H. V. N. T. N. || F. E. A. — Plan de l'immeuble.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques



Cửa chính H. V. N. T. N. ‖ F. E. A. — Entrée principale



Nhà H. V. N. T. N.

(Trên gác và nhà cánh bên trái : phòng ở và phòng tắm — dưới nhà : phòng hội-đồng, phòng ăn, chớp bóng, thư-viện, phòng giấy, phòng soạn tạp-chí.)

F. E. A. — Immeuble

(à l'étage, et à la dépendance de gauche : logements et douches — en bas : salles de réunion et consommation, cinéma, bibliothèque, bureaux, rédaction.)

Université Côte d'Azur. Bibliothèques



Cửa vào nhà H. V. N. T. N. || F. E. A. — Entrée.



Quan Thống-sứ Bắc-kỳ khánh-thành H. V. N. T. N. ngày 6-10-22 cùng các ông tư-vấn nghị-viên. || Inauguration du F. E. A. le 6-10-22 par M. le Résident Supérieur au Tonkin en présence de M.M. les membres de la Chambre consultative.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques



Thư-viện H. V. N. T. N. || F. E. A. Bibliothèque.



Một phòng lưu-trú hội-viên V. N. T. N. || F. E. A. — Vue d'une chambre de pensionnaire.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques



Cái vườn ở giữa nhà ăn và nhà Hội V. N. T. N.

F. E. A — Jardin entre l'immeuble et le restaurant.



Nhà ăn của H. V. N. T. N.

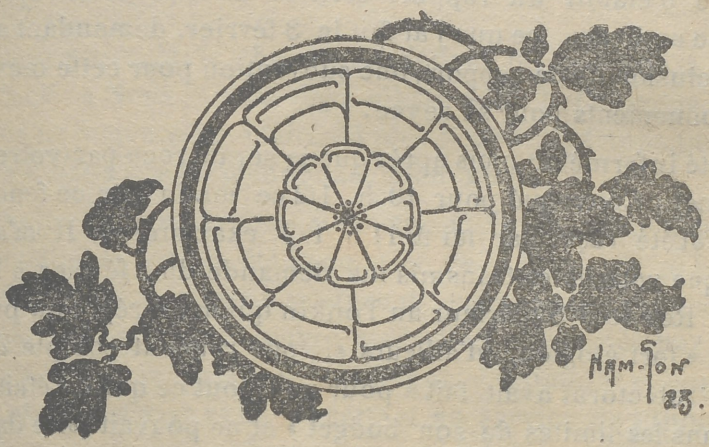
F. E. A. — Restaurant.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

(comme nous le faisons déjà), de me conformer à ces indications, et d'adopter telle ou telle modification qu'il voudrait bien nous suggérer dans l'ensemble ou les différents détails. De plus, mon œuvre étant rattachée à l'A. F. I. M. A. (art. 23 des statuts), je serais prêt à donner un concours actif et efficace à certaines œuvres philantropiques privées, mais d'inspiration gouvernementale rattachées aussi à cette Société.

J'ai l'honneur de solliciter votre haute bienveillance, Monsieur le Gouverneur Général, une audience particulière au sujet de la présente demande, et je vous prie de bien vouloir agréer l'expression de mes sentiments très respectueusement dévoués.

Signé: Paul Monet



Université Côte d'Azur. Bibliothèques

UNE LETTRE

Hanoi, le 7 Mars 1924

Monsieur Paul MONET, Directeur du Foyer des Etudiants Annamites à M. le GOUVERNEUR GENERAL de l'Indochine à
Hanoï

Monsieur le Gouverneur Général,

Par lettre No 25[s] de Saïgon en date du 15 août dernier vous avez bien voulu m'écrire : « J'ai pris connaissance avec intérêt de ces deux fascicules (No 1 du Bulletin du Foyer des Etudiants Annamites) et en vous adressant mes remerciements je me fais un plaisir de vous donner l'assurance que ma sollicitude est tout acquise à l'œuvre que vous poursuivez ».

J'ai eu l'honneur de solliciter le 7 Octobre de votre bienveillance une audience à ce sujet qui m'a été accordée le 15 Novembre, vous avez fait étudier mon œuvre par un fonctionnaire qui m'a conseillé d'établir un rapport écrit et de vous demander une nouvelle audience, ce que j'ai fait le 3 février, demandant aussi, en conclusion de ce rapport, une subvention pour cette œuvre et des abonnements pour sa revue.

J'ai été informé un mois après que je serais reçu par votre chef de cabinet. Convoqué pour 10 h. 1/2 ce matin par ce fonctionnaire, j'ai été reçu par lui à 11 h. 1/2 exactement. Il m'a fait savoir que vous aviez transmis ma demande du 3 février à Monsieur le Résident Supérieur au Tonkin qui avait répondu par un rapport « fort élogieux, d'ailleurs », vous rendant compte de ce que le Protectorat avait fait « pour moi tout ce qui lui était possible dans les limites de son budget » et ne pouvait faire davantage. M. le chef de cabinet ajouta que le budget général de l'Indochine ne pouvait rien faire non plus pour « cette œuvre d'intérêt local. »

Je dois, à mon vif regret, vous dire, qu'il est inexact que le

Protectorat du Tonkin ait alloué quoi que ce soit à mon œuvre « dans les limites de son budget ». Il m'a seulement concédé la jouissance de l'immeuble qu'occupe le Foyer des Etudiants, immeuble qui tombait en ruines à ce moment et pour lequel j'ai dépensé sept-mille piastres en réparations très importantes, améliorations et aménagements divers (1) ; quant aux promesses de subvention qui m'avaient été faites, elles n'ont pas été réalisées. C'est donc le Protectorat qui serait plutôt mon obligé.- La seule subvention (cinq cents piastres) que cette œuvre ait obtenue lui a été accordée le 25 octobre 1922 par Monsieur le Gouverneur Général par intérim BAUDOIN qui m'écrivit à ce sujet (lettre No 2003c) : « Je n'ai pu, en raison de la situation des crédits, venir aussi largement que je l'eusse voulu en aide à l'œuvre intéressante dont la fondation vous est due ; mais je ne manquerai pas de signaler cette œuvre à M. le Gouverneur Général titulaire en vue de l'attribution des subventions du prochain exercice budgétaire. »

Il est aussi inexact que mon œuvre soit « d'intérêt local pour le Tonkin » — Elle intéresse au contraire toute l'Indochine ainsi qu'il est dit à mon rapport du 3 février, compte de nombreux membres de Cochinchine et d'Annam et a obtenu l'appui de S. M. l'Empereur d'Annam qui avait su aussi en comprendre toute la portée.

D'autre part, M. le chef de cabinet m'a dit ce matin à plusieurs reprises : « Nous avons déjà alloué à M. le Capitaine Monet », «Nous ne pouvons rien faire de plus pour M. le Capitaine Monet..» etc, etc sans jamais mentionner mon œuvre.

Veuillez me permettre, Monsieur le Gouverneur Général, de vous signaler que j'ai été choqué de cette façon de présenter la question en me donnant posture de quémandeur : je n'ai rien demandé pour moi, mon œuvre seule était intéressée par cette demande, ce qui est tout à fait différent. J'estime, d'ailleurs, qu'en créant cette œuvre et en la mettant au service de l'Indochine, je ne demandais pas ; j'offrais — ce qui est bien différent aussi.

(1) C'est par erreur que mon précédent rapport indique douze-mille au lieu de sept-mille : la différence est attribuable aux mobilier, cinéma, etc. . . .

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Depuis la lettre du 15 Août où vous vouliez bien me « donner l'assurance que votre sollicitude était tout acquise à l'œuvre que je poursuis », j'ai conscience de n'avoir pas démérité ; bien au contraire, j'ai continué à pousser cette œuvre avec une grande activité, m'y consacrant « corps et âme » malgré les violentes attaques dont elle était l'objet et leur répercussion sur mon état de santé et celui des miens. Je l'ai développée beaucoup, je suis absolument certain d'y avoir fait beaucoup de bien. Quant à la façon dont j'y ai servi la France, ma revue, mes conférences, mes entretiens, sont là — et resteront – pour l'établir autrement et mieux que des attaques qui auraient dû n'être accueillies par des gens sensés et dignes que par le mépris. Je suis trop vieil Indochinois, et trop au courant de ce qui est fait par le budget général de l'Indochine pour d'autres œuvres et pour d'autres publications, pour ne pas comprendre que le motif invoqué aujourd'hui pour me refuser tout soutien est une raison diplomatique polie. Je suis absolument certain cependant d'avoir très exactement servi la politique généreuse, mais qui demande tact et prudence, de notre Ministre des colonies, et je l'ai fait, permettez-moi de vous le dire, avec un dévouement et une activité que je ne devrais pas avoir à citer moi-même. Je suis certain aussi d'avoir agi en parfaite conformité avec les convictions républicaines démocratiques qui ont toujours été, dit-on, les vôtres et qui doivent être celles de tous nos fonctionnaires indochinois. J'avais forgé un instrument dont on aurait pu tirer le plus grand parti. Les raisons invoquées étant — je le regrette — inexactes, je puis déplorer qu'on n'est pas cru devoir me communiquer les véritables raisons de ce refus, en me témoignant ainsi une confiance et une plus complète sincérité dont j'étais digne. Je n'apprécierai pas ici ces véritables raisons pour lesquelles on préfère laisser choir aujourd'hui cet instrument qui aurait pu être précieux et m'infliger, après de telles promesses, un tel désaveu ! L'histoire de cette œuvre, lorsqu'elle sera publiée, lui rendra justice et mettra toutes choses au point. Je n'ignore pas, d'ailleurs, qu'elle sera beaucoup mieux comprise et appréciée en France qu'ici. Il est préférable que je m'abstienne aujourd'hui d'un parallèle facile entre la façon dont j'ai servi ici bénévolement la France républicaine et libérale et la politique

de M. le Ministre Albert Sarraut, et la façon dont ces grandes causes sont servies (moins gratuitement) par d'autres. Ceci viendra en son temps et ne sera pas dépourvu de tout intérêt.

Enfin, permettez-moi de vous dire, Monsieur le Gouverneur Général, que je regrette vivement que vous n'ayez pas cru devoir recevoir vous-même, pour une question de cette importance, le fondateur d'une telle œuvre, surtout lorsque celui-ci, ancien officier de l'armée active, grand blessé de guerre (1), lui a sacrifié sa carrière, sa fortune, sa santé et celle des siens, et que vous l'ayez fait recevoir par un fonctionnaire dont les opinions politiques faisaient évidemment un adversaire de cette œuvre et dont nul n'ignore les relations amicales avec un directeur de journal qui a longuement et violemment attaqué mon œuvre et ma personne avec l'emploi de moyens qui ont été justement appréciés par le président du tribunal de Hanoï en son jugement du 21 novembre (pages : 12 et 13) que vous trouverez ci-joint. Vous ignoriez certainement ces faits, car il est évident que vous n'auriez pas voulu, en seul remerciement de la tâche que j'ai accomplie ici volontairement au service de la France et de l'Indochine m'infliger ce que je serais autorisé à considérer presque comme un affront.

Veuillez agréer, Monsieur le Gouverneur Général, mes salutations distinguées.

Signé ; P. Monet.

---

(1) — Commotion par obus : hémorragie méningée, lésion de la moëlle épinière. Trois jours de coma, puis aphasie et parésie, enfin troubles divers consécutifs à cette commotion et à *quatre* reprises de service au front malgré interdiction des médecins et qui ont motivé réforme avec 80 % d'invalidité. (J'ai d'excellentes raisons pour préciser ce point).

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

CONCLUSIONS

par P. Monet

Le Foyer des Etudiants Annamites étant sur le point de périr faute de tout appui matériel, nous allons partir en France pour tenter de lui sauver la vie.

Ceux qui ont bien voulu prendre la peine de suivre notre œuvre en lisant cette Revue ou en venant nous visiter savent ce que nous avons fait.

Depuis plus de deux ans, au prix d'un effort considérable et qui ne s'est jamais ralenti, travaillant toutes nos journées et une bonne partie de nos nuits,

nous nous sommes appliqué sans relâche à développer chez cette jeunesse l'amour de la vérité, la sincérité, le sentiment du devoir, la conscience professionnelle, et surtout, l'esprit de dévouement, d'abnégation, de sacrifice de chacun pour tous, l'amour du travail, de la réflexion, de l'étude silencieuse et appliquée,

nous avons lutté sans relâche et avec énergie contre la vanité, l'orgueil, la cupidité, le lâche égoïsme sous toutes ses formes, contre la dissimulation, le mensonge, contre cette invraisemblable vanité qui fait croire à certains jeunes qu'ils possèdent aujourd'hui toute science et sont autorisés à mépriser leurs parents, leurs ancêtres, leurs maîtres, tout, sauf leur puérile personne toute gonflée d'une sotte infatuation,

nous avons conseillé sans relâche le respect des parents, des maîtres, des anciens, de tous ceux dont nous tenons ce que nous possédons de meilleur,

nous n'avons cessé d'exalter devant cette jeunesse et ce peuple l'œuvre généreuse et si belle que fait ici notre pays; nous n'avons cessé de leurs montrer que s'ils aiment leur patrie, ils doivent avoir confiance en la France et reconnaissance pour elle qui peut seule les guider ainsi généreusement vers leurs plus belles destinées,

nous n'avons cessé de faire devant eux un éloge chaleureux de tous ceux qui travaillent ici à l'œuvre française ; administrateurs, professeurs, *missionnaires* et colons, travaillant ainsi nous-même pour tous ceux-là, exaltant leur effort, l'expliquant, mettant en lumière tous les beaux côtés de leur tâche, nous efforçant toujours à voiler les autres, à arranger les malentendus naissants, en montrant en toute circonstance l'excellence de l'intention et les difficultés de la réalisation *qui proviennent, disions-nous, le plus souvent, de ceux-là même — nos protégés — à qui nous consacrons tous nos soins,*

nous nous sommes appliqué sans cesse à diriger cette jeunesse, qui ne rêve que gros.. ou tout petit fonctionnariat, vers le commerce, l'industrie, l'agriculture, par des visites à nos industriels, à nos colons, à nos usines, à nos services techniques, etc....,

nous avons observé de la façon la plus stricte notre programme de neutralité religieuse, et n'avons cessé de tendre la main aux missionnaires de toutes les religions que nous aurions voulu voir groupés autour de notre œuvre en une union sacrée.

Enfin, nous sommes certain d'avoir bien travaillé pour la France et pour l'Indochine, animé de l'esprit patriotique le plus pur et le plus agissant, et d'un sincère désir de contribuer avec conscience et persévérance à la grande tâche éducatrice dont notre pays doit s'aquitter ici.

* * *

Qu'a-t-on fait pour nous ?

Un parti politique très puissant dans ce pays (car la religion n'a rien à voir en ces vilaines affaires) a vu, en notre œuvre, une concurrence qu'il a eu l'amabilité de croire redoutable, et a employé résolument **tous** les moyens pour la détruire. Il s'est acharné sur elle avec rage, avec passion. Ces procédés ont été jugés comme il convenait — Laissons ces écœurements et n'y revenons pas.

Une forte partie de l'opinion publique trop paresseuse, pour se renseigner par elle-même (il fait si chaud ! . . .), profondément sceptique sur les questions de développement moral dont elle ne voit pas nettement les rapports avec le taux de la piastre et convaincue à priori que ceux qui les invoquent sont bonisseurs et char-

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

latans à la recherche d'un tremplin, cette opinion publique dont un directeur de journal tire les ficelles avec maëstria s'est bien vite détournée de nous, personnage importun.

De même pour tous ceux qui croient, comme ce journal et son parti, que l'Annamite est imperfectible et que nous sommes trop bien ici pour ne pas désirer y conserver *indéfiniment* la même situation.

De même encore pour certains fonctionnaires de l'administration ou de l'enseignement qui, au lieu de comprendre que nous travaillions **pour eux** n'ont su que prendre ombrage, par un esprit étroit de mesquine jalousie professionnelle de ce que nous « marchions (pensaient-ils sans raison) sur leurs plates-bandes » en nous occupant de l'indigène et lui donnant un enseignement.

De même pour..... mais il serait trop long, et trop pénible aussi, d'énumérer tant de déceptions, de rappeler tant de défections où l'âme humaine n'est certes pas apparue sous son jour le plus brillant.

Nous ne formulerons pas ici ni aujourd'hui d'appréciation sur l'attitude à l'égard de notre œuvre d'un gouverneur en fin de carrière qui, bien que renseigné sur ce que nous avions réellement fait a préféré, oubliant ses promesses, nous étrangler plutôt que risquer de perdre les éloges d'un journal redouté.

Nous répèterons seulement avec force que nous n'avons cessé de faire une propagande française intense et très active auprès de nos protégés, de travailler sans relâche à leur élévation morale, et *que nous avons obtenu des résultats certains* dépassant de beaucoup nos espérances du début — et que, d'autre part, nous avons très scrupuleusement respecté notre neutralité religieuse *très bien veillante envers toutes les religions.*

Notre œuvre est demeurée irréprochable du début jusqu'à ce jour. Toutes les calomnies qui ont été lancées contre elle ont été percées de part en part et sont tombées lamentablement comme outres gonflées du vent de l'infamie. — Et la meilleure preuve en est que les fonctionnaires éminents qui font partie de notre Comité de patronage y sont tous restés jusqu'au bout, faute de l'ombre d'un prétexte pour se retirer. — Et pourtant certains, volontairement compromis par la feuille qui nous

a traîné sur la claie pendant près d'une année, n'auraient peut-être pas été fâchés de se retirer s'il y avait eu le moindre motif pour cela. D'ailleurs, on comprendra peut-être, plus tard, difficilement, qu'étant restés à la tête d'une telle œuvre, ils l'aient laissé, sous eux, périr d'inanition.

.... Car c'est ce qui s'est produit : n'ayant pu parvenir à abattre notre volonté, à décourager notre conviction, on nous a systématiquement réduit par la famine. Aujourd'hui, le résultat est atteint.

* * *

Nous pouvons être légitimement fier de le proclamer : Nous avons fait tout notre devoir, et au prix de quelles souffrances..... peu le sauront.

Nous avons fait œuvre de construction.

On a fait, contre nous, œuvre de destruction.

Nous avons fait œuvre de propagande française qui a porté.

On a fait, en nous tuant ou nous laissant tuer, œuvre de contre-propagande parfaitement réussie.

Chacun a donné sa mesure.

La France et — espérons-le aussi — l'Indochine de demain apprécieront.



Université Côte d'Azur. Bibliothèques

LAMARCHE

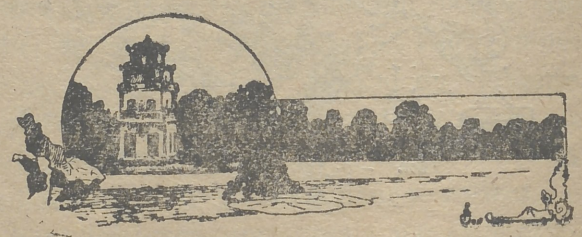
84, Boulevard Carreau. HANOI

INDUSTRIE DES GLUCO-GOMMES

Utilisez les produits de l'Indochine.

Parements d'encollage pour textiles	20 p. 00 les	100 kg.
Mucilages gommeux pour cartonnerie	15 p. 00 les	100 kg.
Gommes résineuses pour peinture	20 p. 00 les	100 kg.
Vernis Lamarche pour meuble et vannerie	1 p. 00	le kg.
Gluco-vitre Lamarche genre Vitrauphame	1 p. 00	le m2.
Brai végétal pour briquettes et boulets	7 p. 00 les	100 kg
Briquettes ménagères pour cuisine	2 p. 50 les	100 kg.
Braise de Boulanger, vente en gros et demi gros. Enduit isolant pour toiture	25 p. 00 les	100 kg.
Peinture noire hydrofuge sur ciment	25 p. 00 les	100 kg.
Glucol Lamarche pour badigeon	20 p. 00 les	100 kg.

Faites faire vos badigeons au Glucol



DAC-BANG

72, Rue des Paniers, 72 — HANOI

QUINCAILLERIE — FERRONNERIE — OUTILLAGE

Fournitures générales pour les Travaux Publics, les mines, le bâtiment, l'Industrie et l'agriculture.

FABRIQUE DE :

SAVON — CRÉSYL — CIRE A PARQUET ET A CACHETER

GROS ET DÉTAIL

TELEPHONE N° 341



CHEZ CHANSON & Cie

58, Rue Paul Bert — Hanoï

PHONOS & DISQUES VICTOR

Première Marque du Monde

PHONOS ELECTRIQUES

Disques de toutes Marques

Gramophone Odéon Fonotipia

Annamites & Chinois

Grand choix de pipes et de fumes-cigarettes

INSTRUMENTS DE MUSIQUE

Violons — Mandolines

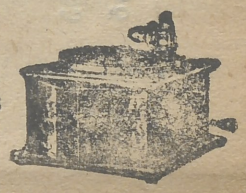
Accordéons

VENTOUSES A POMPE

S'APPLIQUENT *SANS FEU*

Pour rhumes, bronchites, douleurs de reins, rhumatismes

(12 Ventouses posées en 1 minute)



Université Côte d'Azur. Bibliothèques

ĐOÀN-KÝ

Succursale
Hữu-Du-Hưng — Nam-Định

Bureau et Magasin
34, Rue des Voiles - Hanoi

HỮU-TAM-ĐỒNG

Fabrication et réparation des pousse-pousse
Vente des articles de Véhicules
LIBRAIRIE — PAPETERIE
Gros et Détail

Chi-điếm: Hữu-du-Hưng
Nam-Định

Tổng-cục: 34, Phố Hàng Buồm
Hanoi

Hiệu bán, đóng và chữa xe
Bán đủ đồ dùng các hạng xe
BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ
Sách vở — Tạp hóa — Giấy bút

Tiểu - thuyết Tàu

ANH-HÙNG NÁO

Dịch-Giả
Vũ-đình-Long

Quyển thứ **4** 12 hồi

64 trang lớn 0$25

Ở xa gửi thêm tiền cước là 0$05
cho hiệu KIM-ĐỨC-GIANG, 83 Phố
hàng Bồ, Hanoi.

Hỏi các hiệu sách

CẨN-BẠCH

Hiệu Trâu Vàng

Ở cuối phố Hàng-Đào số nhà 105 (HANOI) ngoài cửa có treo con trâu bằng gỗ thếp vàng

Hiệu tôi mới mở có bán vóc, nhiễu, the, lượt và hàng saïgon. Hiệu tôi suy-cầu trong sự buôn bán không gì bằng thật-thà và ăn lãi ít, cho nên hiệu tôi phải bán giá nhất-định không phải mặc-cả, thứ nào cũng đã đề giá sẵn, tiền nào của ấy, rất là phải chăng. Hiệu tôi còn muốn đua ganh với các cửa hàng, còn mong được tiếng khen với các quí-khách, và còn để các quí-khách nhớ lâu dài mãi mãi thời hiệu tôi phải giữ lòng tin với các quí-khách, mời các quí-khách lại mua dùm cho hiệu mới tôi.

Nay cẩn-bạch
HIỆU TRÂU VÀNG
ở cuối phố Hàng-Đào số nhà (HANOI), ngoài cửa có treo con trâu bằng gỗ thếp vàng

LIBRAIRIE-CORDONNERIE — SELLERIE — CHAPELLERIE

吉 CAT-THANH 成

No 3, Rue du Chanvre HANOI
SUCCURSALE
2e Quartier à **PHU-THO**

Kính trình các quí-khách biết:

Hiệu tôi làm đủ các thứ đồ da như yên ngựa, giầy tây, giầy annam, valise, cập sách, và bán các giấy, bút, mực tây các thứ sách truyện quốc-ngữ, đồ tạp-hóa như các thứ mũ, khăn sếp, giày lưng, bít-tất, v. v.

Các quí-khách có lòng chiếu-cố xin nhận hiệu Cát-Thành số nhà 3 phố hàng Gai Hanoi, và Chi-điếm ở phố thứ Hai tỉnh Phú-thọ.

Hoặc các ngài rời gót ngọc đến mua cho, hay là gửi thơ về, bản-hiệu xin gửi theo lối lĩnh-hóa giao-ngân (contre remboursement) rất là cẩn-thận.

CÁT-THÀNH *kính-bạch*

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

NGUYỄN-BÁ-NGỌC

Propriétaire de la Maison "Quảng-Tân-Hưng"

43, Boulevard Đồng-Khánh — Hanoi

Tôi có thuê một gian về dãy *D* số **10** để bán hàng hội chợ năm 1923. Trong gian ấy tôi bầy :

những chiếu cói se và cói trơn,
những đồ gỗ bằng gụ và lim,
những đồ đồng kỹ-nghệ (1er prix 1920-21)

và tôi cũng có đem những đồ ấy vào bầy tại gian đấu-sảo, hiện đã được nhiều bằng khen.

Pendant la Foire de Hanoi, 1923, nous avons pris un Stand Série *D* no **10** où nous avons déposé à vendre :

les nattes en jonc retors et jonc plat,
les meubles de style en bois de tous genres,
les objets en bronze d'art (1er prix en 1920-21).

Nous avons exposé également ces objets au Concours de cette année et avons obtenu plusieurs diplômes de mérite.

FOYER DES ETUDIANTS ANNAMITES

Œuvre de développement moral de la jeunesse annamite strictement neutre aux points de vue politique et religieux

5, Rue de Vọng-Đức, Hanoi, Tonkin, — Téléphone : 328

COMITÉ DE PATRONAGE

M.M. MONGUILLOT, Résident Supérieur au Tonkin,
ROBIN, Secrétaire Général du Gouvernement Général de l'Indochine,
Le Docteur COGNACQ, Gouverneur de la Cochinchine,
BLANGUERNON, Inspecteur d'Académie, Directeur P. I de l'Instruction Publique en Indochine,
MUS, Inspecteur des Ecoles Normales,
L. L. E. E. HOÀNG-CAO-KHẢI, Ancien Kinh-Lược du Tonkin,
THÂN-TRỌNG-HUỀ, Ministre de la Guerre et de l'Instruction Publique,
PHẠM-VĂN-THỤ, Ministre des finances,
HOÀNG-TRỌNG-PHU, Tổng-đốc de la province de Hadong,
LE-TRUNG-NGỌC, Tổng-đốc, Conseiller à la Cour d'Appel de Hanoï
TRẦN-VĂN-THÔNG, Tổng-đốc, Conseiller à la Cour d'Appel de Hanoï

Président d'Honneur:
M. Louis MARTY, Administrateur des Services Civils.

SALLE DE LECTURE. — L'Illustration, Les Annales, les Lectures pour tous, Je sais tout, La Nature, La Revue Scientifique, La Science et la vie, La Revue du Pacifique, La Nouvelle Revue Française, La Revue Bleue, La Revue Mondiale, La Revue Indigène, La Revue Métapsychique, La Revue Spirite, Lisez-moi, Le Message Théosophique, Le Temps, Le Monde Colonial Illustré, L'Illustré de la Province et des Colonies, La Revue Naturiste, Conférencia, Gazette des Messageries Maritimes, Le Journal des Coloniaux, Les Annales Coloniales, Le Semeur.
La Revue Indochinoise, Les Pages Indochinoises, Le Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient, Le Bulletin Général de l'Instruction Publique, La Revue du Tourisme, Le Nam-phong, Le Hữu-thanh Le Khoa-Học tạp-chí, France Indochine, Le Courrier d'Haiphong, L'Indépendance Tonkinoise, L'Eveil Economique, Les Sports Indochinois, Le Trung-Bắc Tân-Văn, Le Khai-Hóa nhật-báo, Le Thực-Nghiệp Dân-Báo, La Tribune Indigène, La Voix Annamite, L'appel, Le Réveil Saïgonnais, Le An-Hòa-báo, Le Trung-Hòa nhật-báo, Le Đông-Pháp thời-báo, etc...
SALLE DE JEUX. — 200 jeux de Sociétés : Phonographes, Cinéma.
SALLE DE CONSOMMATIONS. — RESTAURANT.
PENSION. — (électricité, douches) nourriture compris 9$ ou 13$50 par mois (réservée aux membres)
BIBLIOTHÈQUE de 1.000 volumes prêtés aux membres (6 par semaine)
Envoi de livres aux membres de l'intérieur sur dépôt d'une caution remboursable.
CONFÉRENCES de culture morale et générale.
EXCURSIONS guidées à des monuments historiques et à des établissements industriels.
ENTRETIENS FAMILIERS, etc..
Droit d'inscription : 0$50. — Cotisation mensuelle : 0$20

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Giải nghĩa bức tranh mặt bìa

LÉGENDE DU DESSIN DE LA COUVERTURE

Nghi ngút khí linh tú;
Ba cành cây cổ-thụ,
Tựa cảnh trong ba kỳ.
Một giải non sông cũ,
Vun giồng trải mấy thu.
Gốc rễ thực kiên cố.
Tốt thay gốc rễ ấy!
Tinh-hoa giời đất tụ.
Kinh anh, tôn đứng thân;
Luân-lý làm quy-củ.
Cây cao sát từng mây,
Cành lá cùng nương phụ,
Cành cao, cây vững vàng,
Chim đậu kề đàn lũ.
Hỡi hỡi bạn tuổi xanh!
Trăm chim bay về tổ.
Lồng-lộng mặt giời cao;
Sắc cây thêm sáng tỏ.
Đại-Pháp đuốc văn-minh,
Rực-rỡ cõi Nam-thổ.

Un vigoureux banian s'élance vers le ciel.

Ses trois maîtresses branches ont pour noms: Annam, Tonkin, Cochinchine.

Ses fortes racines dans le sol sont le respect des ancêtres et des traditions,

Ses rameaux sont intimement enchevêtrés,

Ils abritent le nid vers lequel s'élance la jeunesse.

A l'horizon se lève radieux le soleil de la Civilisation française.

煌	上	敬	培	佳
煌	有	長	楣	氣
旭	安	與	幾	何
日	稳	尊	經	鬱
升	巢	親	秋	窓
滿	眾	夾	根	三
樹	鳥	葉	深	枝
陽	得	保	且	連
光	棲	先	蒂	一
普	住	築	固	樹
法	越	直	美	聲
國	南	幹	哉	若
新	諸	凌	此	我
文	青	雲	根	三
明	年	霄	蒂	圻
照	不	枝	精	一
耀	啻	葉	爭	帶
我	鳥	相	所	山
南	斯	依	隴	河
土	聚	附	注	古

Imp. THUC-NGHIÊP
Hanoi

Le Directeur Gérant,
Signé: P. MONET

(Publié en France, en dehors de l'E.A.)

Avons-nous en Indochine

une

POLITIQUE INDIGÈNE RÉPUBLICAINE?

suivi de

LE BOLCHEVISME EN INDOCHINE

par

P. MONET

Fondateur et Directeur du Foyer des Etudiants Annamites de Hanoï (Tonkin)

Secrétaire du Comité d'Union Républicaine du Tonkin

En dépôt :

Prix : 1 fr. 50

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Avons-nous en Indochine

une

POLITIQUE INDIGÈNE RÉPUBLICAINE?

suivi de

LE BOLCHEVISME EN INDOCHINE

par

P. MONET

Fondateur et Directeur du Foyer des Etudiants Annamites
de Hanoï (Tonkin)
Secrétaire du Comité d'Union Républicaine du Tonkin

Prix : 1 fr. 50

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

AVIS AU LECTEUR

La première partie de cette brochure, écrite à Hanoï (Tonkin) en juin 1924, a été redigée sous la forme d'un appel aux Français vivant en Indochine. Elle doit intéresser aussi les Français de la métropole qui désirent obtenir de notre effort au-delà des mers, tout ce que chacun de nous est en droit d'en expérer.

Avons-nous en Indochine
une
POLITIQUE INDIGÈNE RÉPUBLICAINE ?

Il nous a paru que la plupart des Français vivant en Indochine n'attachent pas une importance suffisante aux questions de politique indigène lorsqu'ils n'y sont pas astreints par leurs fonctions administratives; et dans ce cas, d'ailleurs, les doctrines officielles, tempérées — ou annihilées — par un certain opportunisme local, tiennent lieu de convictions personnelles à ce sujet. Nous avons notamment l'impression que les positions de politique générale (républicaine ou réactionnaire) sont prises sans qu'on ait toujours la notion bien nette de ce qu'elles impliquent une certaine attitude vis-à-vis des questions de politique indigène. Nous pensons cependant que ces questions ont une importance primordiale pour tous les Français vivant aux colonies, — disons plus exactement, et sans que ceci soit un blâme plus ou moins déguisé : vivant *des* colonies, — et que, contrairement à ce qui se passe ici le plus communément, elles doivent tenir la première place dans nos préoccupations. Bien loin d'être considérées comme des accessoires de peu d'importance, elles doivent être placées, au contraire, au tout premier plan. C'est de la position que nous occupons avant tout sur ce terrain que doit être projetée la lumière sur toutes les questions qui peuvent être agitées entre Français coloniaux, ce sont elles qui doivent régler nos rapports avec d'autres partis, indiquer notre ligne de conduite envers ceux-ci. Il est donc nécessaire de procéder avant tout à une étude approfondie de cette question essentielle et de posséder sur ce sujet une doctrine ferme qui sera à la base de tous nos actes politiques en ce pays.

Vivant en contact continuel avec l'indigène, nous connaissons bien ses défauts. Ils s'expliquent presque tous par ce seul fait que l'Annamite a toujours été un peuple d'opprimés, soumis depuis de longues générations à la domination des Chinois puis de ses propres mandarins qui l'exploitaient — et continuent trop souvent à l'exploiter sous le couvert de la France — sans vergogne. Il a le caractère et les allures du chien battu qui se retire l'oreille basse et prêt à mordre lorsque la main s'étend vers lui pour une caresse. De là provient ce défaut de sincérité qui lui fait donner la réponse supposée agréable à l'interlocuteur et nullement celle qu'il peut juger le mieux conforme à la vérité; de là, la dissimulation, l'hypocrisie, le mensonge sous toutes ses formes; de là aussi ce manque d'initiative et de prévoyance, toutes qualités qui n'ont pu, faute d'exercice, se développer chez un éternel mineur; de là encore, cette tendance naturelle chez tout opprimé à se transformer en oppresseur dès que l'occasion favorable se présente; de là ces

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

brimades, voire ces exactions, envers son congénère, de l'Annamite qui détient une parcelle d'autorité... et de là, aussi, en grande partie, cette vanité puérile qui inspire à la plupart d'entre eux une opinion démesurée de leurs capacités et de leurs mérites : celui qui se sait méprisé et dominé éprouve une tendance naturelle par réaction, à se surestimer et à exagérer son propre éloge. Si l'on joint à cela quelques défauts qui tiennent à la race même et sont communs à tous les Orientaux, tels que le manque complet d'esprit pratique de précision, chez un peuple qui a été nourri de spéculations philosophiques, de dissertations littéraires, plus que de sciences exactes, on comprend aisément que la vie au contact journalier de tels collaborateurs, avec la nécessité impérieuse de la tâche qui nous presse, peut amener un certain agacement qui, le climat aidant, ne tarde pas à dégénérer en énervement, puis en état d'hostilité sourde ou déclarée. C'est cet état d'esprit, agrémenté de quelques vieilles opinions traditionnelles sur l'indigène transmises de générations en générations de coloniaux, qui, il faut bien l'avouer, constitue toute la « doctrine », détermine toute l'attitude envers l'indigène, de la plupart de nos compatriotes établis en ce pays. Il en résulte une politique impulsive, inconsciente, sans aucun rapport avec les opinions politiques générales consciemment et ouvertement professées, politique de la masse qui vient interférer avec la politique officielle que suit, voudrait suivre, ou prétend suivre le gouvernement, et qui réagit sur cette dernière au point de la fausser complètement.

Nous pensons qu'un tel état de choses est mauvais; il est nuisible au progrès de ce pays, à son intérêt général — et, par suite, ainsi qu'il se produit toujours, aux intérêts particuliers bien compris de tous ses habitants quels qu'ils soient, Annamites ou Français. Nous sommes convaincus de la nécessité, pour tous les bons Républicains qui vivent ici, de réfléchir mûrement à ces questions et d'adopter délibérément — et, peut-être aussi, courageusement — une politique indigène correspondant vraiment aux convictions libérales qui sont leures, et pouvant seule leur permettre de remplir avec dignité et de façon consciente le grand devoir qui leur incombe ici en tant que Français, en tant que protecteurs, en tant que républicains.

*
* *

Le parti réactionnaire, représenté ici d'autant plus fortement qu'il comprend une grosse majorité de gens sans convictions ni caractère qui se portent, par un tropisme naturel, du côté où leur paraît être la force, le parti réactionnaire a trouvé, pourrait-on dire, d'instinct la politique indigène qui résulte naturellement de sa politique générale et qui la complète parfaitement; c'est celle qu'on peut résumer en deux mots bien usés mais toujours vrais : la domination par tous les moyens et notamment par ce qu'il est convenu d'appeler « l'obscurantisme ».

Une telle politique est, pour ceux qui l'appliquent ici avec une continuité et une généralité remarquables, parfaitement normale et logique. Le dogmatisme, quel qu'il soit, a toujours eu comme conséquence

nécessaire l'autoritarisme. La nécessité impérieuse d'imposer aux esprits telle ou telle doctrine qui parfois heurte la raison amène fatalement ceux qui se proposent une telle tâche à interdire formellement à cette raison son libre jeu : il faut lui faire violence, et pour la mieux violenter, il faut tout d'abord la déprimer, l'endormir, l'étouffer. Mais cette raison résiste — parce qu'elle est la raison — et l'autoritarisme apparaît alors, il se développe et s'exerce sans frein, s'exaspérant bientôt de toute résistance opposée à son action, et ne reculant devant aucun moyen — mensonges, calomnies, falsifications de documents, attaques violentes ou campagnes sourdement menées — pour assurer à tout prix le triomphe de la force sur cette raison qui voudrait obtenir, par la seule recherche de la vérité, une émancipation légitime dont son libre progrès est le prix. On commence par asservir les esprits, et l'on en vient tout naturellement à dominer les individus; puis les intérêts matériels se manifestent cyniquement, et l'on possède les biens, on accapare les terres, on draîne les capitaux, après avoir asservi les hommes. Ce processus est logique, il est aussi inévitable à ceux qui le suivent que la ligne de plus grande pente l'est à la goutte d'eau... Et l'on vient à la constatation de ce fait constant : la politique indigène de ceux qui appartiennent aux partis — souvent prétendus « conservateurs » — de réaction est partout et toujours une politique de possession, de domination, d'exploitation. C'est l'ancienne politique de colonisation dont les pays où florissait l'Inquisition ont laissé la tache infamante sur les pages de leur histoire nationale, et que la civilisation française et libérale a flétrie maintes fois comme elle le méritait.

Il est bien entendu que cette politique ne s'affiche pas ouvertement; il y faudrait un cynisme qui demande, pour s'étaler, l'appui d'une force matérielle qu'on ne possède plus assez... ou pas encore. Mais à tout observateur attentif, ces manifestations sont trop claires, et c'est dans tous les domaines que nous la voyons se réaliser avec une parfaite unité de vues, suivant son plan d'ensemble avec une continuité, une discipline et un esprit d'organisation... que nous devrions bien connaître aussi.

N'a-t-on pas remarqué la série d'articles de tête où l'un de ces journaux étudie... à sa façon... les problèmes de politique indigène ? Une analyse psychologique y est faite dont on prend prétexte pour grossir démesurément les défauts de nos protégés, les citant exclusivement, alors qu'on passe soigneusement sous silence leurs qualités, pourtant bien réelles aussi. Et après avoir soigneusement remis sous nos yeux tous ces défauts gros et petits, réels mais exagérés, ou imaginés entièrement, après avoir ravivé mille petites « plaies annamites » d'agacement ou de désillusions dont nous avons tous eu plus ou moins à souffrir ici, après avoir versé sur elles le vinaigre du ressentiment, on conclut... est-ce, d'ailleurs, bien nécessaire, et l'esprit du lecteur ne conclut-il pas tout naturellement ? L'Annamite ne sera jamais bon à grand' chose; il n'est et ne peut être que par nous; ayons bien soin de le maintenir dans des emplois inférieurs, gardons-le « en main » par l'exercice d'une autorité dont la fermeté ne se démentira jamais, et conservons jalouse-

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

ment, non seulement la haute direction de ce pays, mais sa « basse direction » à la seule exclusion des emplois trop peu rémunérateurs en nous gardant bien de jamais faire confiance à un peuple qui est inférieur et qui doit l'être et le sera toujours...

*
* *

Oh, le beau travail que voilà, vraiment, et ne devons-nous pas admirer la dignité avec laquelle cette presse s'acquitte du rôle qu'elle s'est généreusement attribué : former l'opinion, l'éclairer, ouvrir les esprits, réchauffer les cœurs, travailler sans cesse, en un mot, au progrès moral de ce pays, le guider vers ses destinées en tenant devant lui le flambeau ? Quant aux esprits chagrins qui émettraient la prétention déplacée de critiquer la façon dont cette tâche est remplie, nous leur demanderons si — voyons, raisonnablement ! — si le métier de journaliste ne doit pas, comme tout autre, faire vivre, voire enrichir son homme, et si la vente du papier n'est pas beaucoup mieux assurée lorsqu'on est certain de plaire au lecteur en flattant ses habitudes ou ses passions, en s'adressant à son égoïsme, au lieu de s'efforcer, par l'exercice d'une lente action, à diminuer celui-ci, à atténuer celles-là... Chacun ne pense-t-il pas que le directeur de théâtre ou l'entrepreneur de cinéma exercent le plus sacré des droits lorsque, pour remplir leur caisse plus vite et mieux, ils flattent bassement des goûts qu'ils pourraient, cependant, améliorer, en servant à leur public des films idiots ou des spectacles faisandés ? Voilà, cependant, la façon dont comprennent leur action sur l'opinion française ceux qui prennent pour prétexte de ces campagnes parfaitement intéressées la défense de convictions éminemment respectables dont le seul rôle est, en réalité, de décider une foule de braves gens suggestionnés à leur emboîter le pas. Et ce sont ces mêmes personnes qui crieront à la démagogie, et qui accuseront volontiers leurs adversaires de « flatter les plus viles passions du peuple » en se mettant à la remorque des pires éléments de leur parti, au lieu d'essayer courageusement d'éclairer celui-ci d'abord pour le mieux guider. En présence de telles contradictions, on se demande vraiment ce qu'il faut admirer davantage : le cynisme effronté de ceux qui les étalent sans pudeur devant l'opinion ou bien... l'effacement timide — pour ne pas dire mieux — d'un public de lecteurs bénévoles qui s'en laissent patiemment imposer.

Ne nous étonnons pas, après cela, de voir ces journaux attaquer systématiquement, opiniâtrement, farouchement même, toutes les œuvres particulières quelles qu'elles soient, qui travaillent avec désintéressement à l'accomplissement de l'œuvre française libérale, en ce qu'elle a de plus noble et de plus élevé. Avant-hier, c'était une œuvre de préservation physique de l'enfance, admirablement adaptée aux besoins locaux, et, de ce fait, très peu onéreuse pour la colonie, qu'on s'efforçait, par une longue campagne sur une querelle de mots de détruire dans le germe en la ridiculisant. Hier, c'était l'œuvre de développement moral et d'intense propagande française d'un Français qui a fait

ses preuves et en donne tous les jours de nouvelles qu'on s'efforçait de tuer par l'accusation odieuse d'anti-patriotisme (1) et par l'imputation — que rien, et pour cause, n'est jamais venu justifier — d'œuvre néfaste et dangereuse au pays. Aujourd'hui, ce sont des réformes logiques et désirables de l'enseignement qu'on prend comme prétexte pour aboutir à pas fourrés au renforcement, par l'aide et les subsides officiels, de tel enseignement clérical, clé-de-voûte de tout l'édifice de domination. On accueille volontiers, après l'avoir attiré en le flattant, tel Annamite cultivé dont la campagne sincère et en partie justifiée en faveur de la langue indigène doit préparer les esprits à la diminution, à l'effacement du Français libérateur. Pour le peuple inférieur dont l'état de servitude, propice à l'exploitation, doit être indéfiniment maintenu, n'est-il pas bien suffisant de connaître l'Annamite, un peu de bas-latin... voire même d'Espagnol à l'occasion ?...

Il est lamentable de voir avec quelle facilité l'opinion publique et gouvernementale se laisse modeler par ceux-là qui, parlant seuls, sont certains d'avoir toujours raison. Trop de Français vivant sous ces climats ont en grande partie perdu toute faculté de réaction et se laissent doucement emporter à la dérive d'un tel courant, sans plus songer qu'il est un devoir d'investigation personnelle pour l'homme intègre qui veut avoir, sur d'aussi graves sujets, une opinion vraiment digne de ce mot. La plupart oublient qu'ils ont un devoir, aussi, envers les convictions politiques de toute leur vie et qu'ils n'ont pas le droit de renier leurs origines pour se faire l'instrument docile de tels partis. Exagérément, exclusivement préoccupés par des questions d'intérêt immédiat parfaitement honorables mais qui ne devraient pas éteindre en eux toute préoccupation plus élevée, ils s'inclinent docilement sous l'action du vent régnant. Les convictions républicaines auxquelles ils doivent ce qu'ils ont reçu de meilleur depuis leur venue au monde ne sont plus de mise qu'en la métropole exclusivement; enfouies au fond des malles où les fourrures avant le départ de France ont été reléguées, elles sont bien oubliées ici...

Et lorsque ceux qu'on abhorrait à Paris crient à Hanoï ou à Saïgon : « Harro, tue ! », chacun de répondre aussitôt : « Bravo, assomme ! ». Ce mal s'étend jusqu'aux sphères officielles où il sévit même avec une rigueur toute spéciale, et tels fonctionnaires qu'on aurait pu supposer républicains, puisque émargeant au budget de la République, et qui ont fait leur carrière sous le couvert de ces opinions, ne savent pas résister à la tentation d'un autocratisme particulièrement facile dans ce pays. Cédant à la crainte des complications et au chantage habilement nuancé d'une presse qu'ils redoutent, mal préparés parfois à l'exercice du pouvoir par une carrière trop rapide qui les a portés aux sommets, ils font litière des principes dont nous nous réclamons justement... mais d'une voix trop étouffée... et, mandataires bénévoles de certains hommes d'église et d'affaires et de leurs agents,

(1) La même presse vient de transmettre comme toute naturelle la nouvelle qu'un richissisme Américain avait doté d'un million de dollars la reconstruction de la cathédrale de Reims.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

ils déploient une louable énergie et une remarquable persévérance à étouffer par la force ou à réduire par la famine les hommes et les œuvres dont ceux-là ne veulent point...

Il est assez curieux de noter que la politique préconisée et suivie par ce parti vis-à-vis de l'élément indigène est exactement la même que celle préconisée et suivie en France à l'égard du prolétariat. Mêmes constatations sévères quant aux défauts, aux vices de ceux qu'on prétend diriger, mêmes opinions pessimistes quant à l'impossibilité d'un progrès à réaliser en eux, mêmes conclusions cyniques quant à la nécessité de maintenir définitivement un état de domination où la classe dite supérieure trouve la satisfaction de ses plus chers intérêts. Les mêmes causes produisent les mêmes effets, les mêmes pensées déterminent les mêmes attitudes et le parallélisme est absolu entre les deux problèmes des évolutions du peuple aux mains calleuses et des peuples à la peau colorée... Mêmes difficultés, mêmes devoirs de longue patience volontaire et de sacrifice à tout instant consenti pour ceux qui, de tout leur cœur, veulent s'efforcer à l'entr'aide pour une élévation progressive qui est le seul vrai but de notre humanité... Et mêmes manifestations de despotisme autocratique pour ceux que leur esprit autoritaire et le service de leurs intérêts égoïstes a fait, de tout temps, avec une obstination têtue, s'opposer au progrès... Il y a d'ailleurs là beaucoup plus qu'un rapprochement purement philosophique, et certaines revendications présentées parfois d'une façon excessive par quelques journaux indigènes d'autres pays de l'Union, tout en opposant à la politique généreuse des Français de France celle qui est suivie par les Français d'Asie, commencent à identifier les intérêts de ce parti avec ce qu'il est convenu d'appeler « le capitalisme » et, demain, les revendications sociales, qui se produiront ici comme ailleurs lorsque le développement industriel posera dans ces pays les problèmes que nous connaissons en Occident, tendront à se confondre avec les revendications politiques : le développement de théories extrêmes d'un côté et de l'autre se fera parallèlement en confondant leurs objets; par une véritable symbiose, anarchie et xénophobie croîtront ensemble en se prêtant un mutuel appui, et l'arbre de l'autoritarisme produira ici ces beaux fruits jumelés auxquels chacun pourra — mais trop tard — le juger à sa juste valeur.

*
* *

Nous avons d'autant moins le droit de laisser triompher ici une telle politique que notre effacement constitue en quelque sorte un manquement à la parole donnée. S'abstenir devant un tel état de choses, c'est renier, lorsqu'il faut passer à l'application, les théories les plus chères à tout ce qui se réclame du libéralisme, théories qui ont fait l'objet de retentissantes proclamations en France comme dans l'univers entier. Le principe supérieur admis et proclamé par la Société des Nations comme par tous ceux qui croient au progrès et veulent y contribuer est le principe de la tutelle bienveillante exercée par les nations les plus civilisées sur celles que leur inexpérience empêche de mettre

en valeur un patrimoine national qui est nécessaire à toute l'humanité. Ce n'est plus un droit, mais un devoir, qui implique comme conséquence première le devoir de travailler sans relâche à l'élévation progressive de l'indigène qui ne doit rester uni à nous que par les liens de la gratitude et d'une mutuelle dépendance économique.

Ces principes ont été solennellement proclamés à la Société des Nations; c'est d'après eux que la France s'est vu confier la mission temporaire d'organisation et d'éducation de peuples africains que l'on a voulu soustraire au joug d'une nation qui les exploitait durement. Ce sont eux qui ont été proclamés ici-même comme à Paris, en de retentissants discours que nous connaissons tous, par un bon Français qui est aussi un homme de cœur. Nous ne sachons pas que nulle voix se soit jamais fait entendre pour les contester — leur pureté, leur élévation, leur indéniable vérité, les placent au-dessus de toute discussion et désarment les pires volontés. Mais la mauvaise foi, elle, ne désarme jamais... et le travail d'opposition, d'obstruction, de destruction qui ne peut être accompli au grand jour se poursuit sourdement par d'obscures menées. Il est facile de condamner des principes par leurs résultats, lorsqu'on a commencé par en fausser radicalement l'application. C'est ce qui se produit ici. Une sourde opposition à cette politique a su en arrêter, en compromettre gravement le développement. On l'a appliquée tout juste dans la mesure nécessaire pour en faire le tremplin de quelques-uns et créer des fonctions très fortement rétribuées qui ont, au profit d'un très petit nombre, gravement anémié les finances au détriment de l'œuvre générale très étendue qui aurait pu seule donner des résultats. Puis, prenant prétexte de ce qu'on appelle la faillite d'une politique qu'on a si bien desservie tout en proclamant qu'on la servait (et en se laissant payer pour cela), on s'apprête à reprendre ce qu'on avait promis avec ce qu'on a donné, laissant derrière le flot qui va se retirer une plage malsaine de vanités exaspérées et d'ambitions déçues... Et si le pays vient à tomber malade demain des émanations qui s'en dégageront alors, les auteurs volontaires et responsables de cette lourde faute politique la feront tomber de tout son poids, selon leur habituelle tactique, sur les épaules de ceux dont ils auront compromis, puis détruit, l'œuvre généreuse dont il était légitime, cependant, d'attendre les plus beaux résultats.

Il est temps encore de nous ressaisir et de ne pas permettre qu'il en soit ainsi. Français d'Indochine qui vous dites républicains, comprenez que vous avez là un grand, un beau devoir à remplir. Montrez que vous savez tout ce que chacun de nous doit aux idées libérales qui ont permis à la démocratie, dont nous sommes tous issus, de sortir du limon où d'autres l'auraient maintenu enlisée. Montrez votre attachement sincère aux idées de solidarité, d'altruisme, de progrès par l'instruction, l'éducation, par le développement de l'intelligence et la culture de la raison, et prouvez cette sincérité en ne réservant pas à vous seuls, égoïstement, le bénéfice de ces grandes idées, mais en l'appliquant loyalement et par une volonté persévérante aux peuples chez qui nous vivons et dont nous avons assumé la tutelle — et non la

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

curée, — l'élévation — et non l'exploitation. L'occasion est splendide pour vous de montrer ce dont vous êtes capables et de prouver, par cette expérience grandiose, que le monopole du progrès moral n'est pas dévolu à ceux qui prennent telle religion pour prétexte afin de mieux servir leurs intérêts. Montrez ce que peut contenir de puissance créatrice l'idéal laïc et républicain français. A l'œuvre d'oppression et d'avortement des esprits, sachez opposer votre œuvre d'éducation et d'émancipation. L'avenir est pour vous si vous savez comprendre que telle est la marche inéluctable au progrès. Cet avenir verra votre triomphe, parce que vous vous serez enrôlés sous la bannière de la vérité et que, courageusement, vous aurez combattu pour elle jusqu'au bout. Vous devez tout à ces principes : sachez montrer que vous n'êtes pas des ingrats !..

*
* *

La tâche n'est pas facile, certes, et elle nécessite pour son accomplissement cet esprit d'abnégation constante que peuvent seules donner les convictions élevées. Il est presque impossible d'exposer ici de telles idées sans se voir traiter « d'annamitophile »; et cette épithète qui devrait être glorieuse veut dire à peu près ceci : « Vous ignorez tout des Annamites; vous vivez au milieu d'eux en somnambule, en poète rêveur, féru de leur pays et de leurs personnes dont vous ne voyez, lunettes roses au nez, que le côté pittoresque... ou la satisfaction de vices honteux. Vous les croyez doués de toutes les qualités et demeurez parfaitement incapable de connaître leurs superbes défauts. Rêveur incorrigible, vous devenez, lorsque vous parlez d'eux, un utopiste dangereux, un être malfaisant. »

Il n'en est pourtant pas tout à fait ainsi, et les descendants de ceux qui firent la grande Révolution ou qui tombèrent sur les barricades devraient cependant comprendre qu'on peut consacrer toute sa vie et toutes ses forces à une tâche comme celle-là sans être nécessairement un fou ou un niais. Vivant en contact permanent avec les Annamites, nous avons, plus que quiconque, à souffrir de leurs défauts que nous voyons de tout près et à tout instant. Nous avons souffert de la duplicité de ceux qui proclamaient leur dévouement à notre œuvre, et qui, par jalousie ou par intérêt personnel, nous poignardaient dans le dos en menant contre cette œuvre et notre personne des campagnes de dénigrement systématique; nous avons, mieux que beaucoup, constaté et déploré maintes fois l'insincérité parfaite de ceux qui se répandent en protestations de dévouement et d'admiration, font de belles tirades sur le beau, le bien, le vrai, sans en croire ou comprendre un mot, n'ayant en vue que quelque combinaison favorable à leurs intérêts, ou désirant obtenir de nous telle ou telle démarche où il faudrait, comme par hasard, faire quelque passe-droit ou violer quelque règlement. Nous avons respiré le parfum nauséabond des lettres anonymes où ils se déchiraient entre eux ou poursuivaient avec un lâche acharnement la vengeance d'un affront supposé ou fait à leur orgueil enfantin. Nous connaissons le « squeezage » et les exactions de toutes natures qui se

produisent couramment du plus grand au plus petit, sans même qu'un soupçon d'indignation se manifeste jamais chez des victimes habituées à considérer ces faits comme normaux, voire même comme louables et dignes d'être imitées le mieux possible lorsque, par aventure, on peut en trouver l'occasion. Nous connaissons les fruits de la culture livresque, du « bachotage » absurde par l'élève de l'examen dont dépend sa carrière administrative et la satisfaction de sa puérile ambition, nous connaissons leur suffisance insupportable et leur vanité ridicule, autant que leur manque d'initiative, de raisonnement, de prévoyance, d'esprit de méthode et d'organisation. Nous connaissons, hélas, mieux que quiconque, les graves inconvénients d'un changement trop soudain qui a voulu tout modifier en un tournemain, sans ménager suffisamment les nécessaires transitions, sans tenir un compte suffisant de ce qu'il y avait de bel et de bon dans les traditions de leur passé, de ce substratum solide qu'il fallait décaper pour y bâtir un édifice que le temps ne lézarde pas. Nous ne connaissons que trop aussi, le vide qui se cache sous l'enveloppe élégante, « francisée » et vernie de ces jeunes générations où le manque de conscience professionnelle, l'ignorance complète du sens élevé de ce grand mot « servir » nous remplit d'inquiétude pour l'avenir de leur pays et pour nous-mêmes. Leur seul idéal est la course à la piastre et à l'avancement et tous les moyens sont bons pour y parvenir. Quant à l'intérêt supérieur du « service » en soi, quant à l'amour du métier pour lui-même et au dévouement consciencieux et obscur à son travail, ce sont là choses le plus souvent inconnues.

La faute nous en incombe, d'ailleurs, à nous qui nous sommes appliqués à détruire chez ces hommes tout sentiment patriotique, toute légitime fierté nationale, et, par suite, tout désir sincère de contribuer à la grandeur du pays natal dont ils voudraient préparer l'avenir par amour et par fierté de son passé. On ne fait pas un pays en émasculant le patriotisme de ses nationaux : on ne prépare ainsi que des ambitieux et des cyniques et l'on court tout droit à la désagrégation. Si vous voulez la maison solide, cuisez de bonnes briques, d'abord, c'est entendu (et le faisons-nous ?), mais unissez-les ensemble par un dur mortier (et nous ne le faisons pas). C'est par une crainte puérile d'un nationalisme agressif que nous avons commis cette lourde faute d'étouffer chez l'Annamite le noble esprit patriotique qu'il fallait au contraire cultiver *en le guidant dans son développement*. De telles craintes sont indignes d'une grande nation comme la nôtre; elles paralysent le jugement et font commettre de lourdes fautes. Nous affirmons par expérience qu'il est parfaitement possible de développer chez l'Annamite l'amour et la fierté de son pays et de sa race sans que ce sentiment prenne une allure agressive à notre endroit : bien au contraire, c'est par là que nous pouvons facilement, si nous le voulons, que nous *devons* même, amener l'Annamite aux sentiments de loyalisme et de reconnaissance respectueuse envers la France que nous désirons lui voir éprouver, car il comprend parfaitement et sans difficultés dans la majorité des cas que, s'il aime son pays et veut sa grandeur, la France seule peut lui permettre d'atteindre ce but et que le premier geste de son patrio-

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

tisme doit donc être un geste de confiance vers les bras que nous lui ouvrons; il comprend fort bien qu'en se laissant guider par nous, il parviendra assez rapidement et sûrement à sa grandeur nationale, alors qu'il est incapable d'y parvenir autrement... Mais il est évidemment nécessaire pour cela que, tandis que nous exaltons devant nos protégés « le plan généreux », « l'œuvre généreuse » de la France tutélaire, d'autres ne viennent pas à tout instant nous donner le plus cruel démenti en montrant que ce prétendu « plan généreux » n'est qu'un prétexte à beaux discours et à grasses prébendes et que les échos de ce vide sonore n'ont d'autre but que d'étouffer à leurs oreilles le bruit sinistre du drame qui se déroule aussi sur leur territoire national et qui a pour titre « la Curée »...

*
* *

L'œuvre à accomplir ici est grande et belle, en raison même de ses difficultés; elle est précisément celle qui convient à la France républicaine, laïque et libérale, elle prolonge exactement son passé, elle prépare son avenir. Les difficultés ne sont pas si grandes, d'ailleurs, qu'il pourrait sembler au premier aperçu. L'Annamite a ses défauts, c'est entendu (et nous, qui nous dira quelle poutre loge sous notre paupière ?), mais il possède aussi de belles et solides qualités que, malheureusement, nous ignorons presque toujours. L'Annamite, éternel opprimé, est essentiellement méfiant; un mur de méfiance sépare chaque individu, non seulement des étrangers comme nous, mais même de ses propres compatriotes. Un des résultats malheureux de cette méfiance, c'est que l'Annamite ne se livre que très difficilement; il cache soigneusement, à tous, les recoins de son cœur même les meilleurs, et de belles, de nobles qualités, nous ne craignons pas de le dire, peuvent être découvertes, toute méfiance tombée, chez beaucoup d'entre eux qui les cachaient presque honteusement. Que d'heureuses et belles surprises n'avons-nous pas eues ainsi maintes fois lorsque la patience nécessaire nous avait permis de pousser assez loin l'investigation !... Ces découvertes-là compensent bien des déceptions, elles réchauffent le cœur et permettent les plus beaux espoirs si nous savons persévérer.

Combien connaissons-nous de ces Annamites, timides et presque honteux, ne parlant jamais d'eux-mêmes ni de leurs actions, qui ne vivent que pour faire du bien ! Tout leur avoir y passe, et leur préoccupation continuelle est de soulager l'infortune et de contribuer au développement de leur pays. Chez ces modestes, chez ces silencieux, le mobile directeur n'est pas l'ambition ni la recherche de récompenses éternelles; vieux lettrés confucianistes, le plus souvent, ils savent que le bien doit être fait pour lui-même; ils appliquent ces préceptes de morale élevée dont fut bercée leur enfance, mais surtout, — et voilà ce qui est touchant, ce qui nous conquiert lorsque nous l'avons vraiment compris, — mais surtout, ils écoutent parler leur cœur, ce cœur humain qui est le même, bien que nous en ayons, sous toutes les latitudes et tous les climats, ce cœur qui contient des trésors qu'il appartient à

chacun de nous de savoir découvrir et exploiter... Que de choses profondément émouvantes n'avons-nous pas vues de tout près — et à de tels traits menus où il ne saurait plus être question d'astuce et de duplicité, — touchant l'amour familial, le dévouement, l'abnégation véritables de certains pour leurs ascendants ou pour la grande famille dont ils portaient courageusement le faix ? Et il ne s'agit pas seulement là de l'exécution formelle de certains principes religieux rigides ou de la crainte des représailles de l'au-delà; les mobiles affectifs les plus touchants se manifestent au contraire de façon incontestable dans ces actes de sacrifice muet de toute une vie auxquels nous avons assisté fréquemment. Et s'il est vrai que, le plus souvent, cette sympathie est limitée au cercle trop étroit de la famille, nous savons, par les exemples que nous avons cités plus haut, et par de nombreux cas aussi de noble et fidèle amitié, qu'il n'en est pas nécessairement ainsi et que, la confiance aidant, tous les espoirs sont autorisés.

Nous ne parlerons pas de ces qualités de finesse d'esprit, de délicatesse de perception qui sont manifestes chez la plupart pour peu qu'on veuille se donner la peine de se pencher jusqu'à eux, ni de ces dons exquis artistiques et poétiques que nous découvrons chez le plus humble en apparence. Ce sont là dons de parure qui seraient insuffisants par eux-mêmes, mais qui prouvent cependant que nous avons affaire, avec ces hommes, à un matériel humain de choix qui se différencie nettement, par ses qualités subtiles, de la matière brute que nous avons ailleurs à modeler. Ces qualités de finesse sont preuves de « bonne race », il n'y a pas à s'y méprendre. Ce sont dons que l'on hérite et qu'on n'improvise pas... Nous en possédons, nous, Français, quelques-uns de la sorte...

Nous avons reconnu et reconnaissons volontiers que de graves défauts compensent largement ces dernières qualités, défauts qui semblent, aux pessimistes, interdire à jamais l'espoir d'une émancipation. Le manque d'initiative, de méthode, de réflexion, de précision, a bien souvent provoqué chez nous quelque découragement. Qui n'a vu l'Annamite chargé d'un service quelconque dans ces moments où, ayant accumulé les maladresses faute d'avoir réfléchi et prévu, il demeure comme un ahuri et paraît frappé d'imbécillité ? Nous nous emportons en pareil cas, et n'avons pas toujours raison. Ce sont là, encore et toujours, défauts d'opprimés dont l'initiative et la réflexion se sont éteints progressivement faute d'avoir trouvé à s'exercer. Ce n'est pas en quelques mois ou en quelques années que nous pouvons, à un tel atavisme, en substituer un autre tout différent : il faudra pour cela la sommation, à travers les générations successives, des efforts persévérants de bien des années. Mais nous affirmons que sur une seule génération, sur un seul individu, les résultats sont beaucoup plus sensibles qu'on ne l'aurait pu supposer *a priori;* ils sont des plus encourageants. L'Annamite est très malléable, — et c'est une qualité que nous devons savoir utiliser pour l'orienter vers le bien, — il sait conserver les empreintes, qu'il reçoit d'ailleurs complaisamment. Un amour-propre excellent — qui dégénère facilement en vanité — lui inspire le désir de s'instruire pour se perfectionner, et il reçoit docilement les enseignements que nous lui donnons. Ce sont encore là précieuses

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

qualités qui doivent nous inspirer les meilleurs espoirs : mais il y faut, encore une fois, de la patience... et beaucoup !...

Plusieurs Annamites ont déjà fait leurs preuves : ils ont fort bien su, tous seuls, créer des industries, fonder des maisons de commerce importantes qui fonctionnent admirablement; ce ne sont nullement des exceptions intellectuelles parmi leurs compatriotes dont la majorité serait parfaitement capable, avec une éducation préalable suffisante, de s'en tirer tout aussi bien. Leur très petit nombre résulte seulement du fait que nous ne donnons pas cette éducation et que nous n'avons pas l'organisation économique voulue pour seconder l'essor de ce pays. Il en est de même pour le très petit nombre d'Annamites qui vont étudier en France. Leurs succès brillants aux grandes écoles, à la licence, au doctorat, montrent clairement ce que sont leurs capacités intellectuelles. Il est d'ailleurs assez frappant de constater que ces Orientaux dont les ascendants reçurent exclusivement une culture philosophique et littéraire, — purement formelle, le plus souvent, — et qui témoignent d'un manque déplorable de précision dans les choses de la vie courante, manifestent cependant des dispositions fort intéressantes pour les mathématiques, lorsque nous les plaçons sur ce terrain. Il y a là un phénomène assez curieux au point de vue de la logique naturelle de l'esprit humain, et, en tous cas, une constatation bien consolante quant au manque d'esprit de précision que nous leur reprochons souvent avec raison; cet esprit sera sans doute beaucoup plus facile à développer que nous ne pouvons le supposer; à condition, bien entendu, que nous y mettions méthode et volonté.

Mais la plus belle qualité du cœur annamite, celle qui doit le plus nous encourager dans l'accomplissement de notre plan politique généreux, c'est une des plus rares parmi les hommes, comme c'est aussi celle que nous refusons le plus à nos protégés : l'Annamite sait être reconnaissant; et sa reconnaissance est sincère, profonde et durable. Nous n'ignorons pas qu'une telle allégation provoque immédiatement chez la plupart de nos compatriotes un « tolle » unanime de protestations : « Comment ! mais l'Annamite est un parfait ingrat ! Nous sommes ses dupes en lui faisant du bien ! voyez ces boys qui..., etc., etc... ». Non, l'Annamite est très reconnaissant et c'est nous qui sommes des ingrats en lui contestant cette très belle et très rare qualité. Mais il est reconnaissant lorsqu'il a vraiment compris le bienfait, — et c'est fort long parfois. Beaucoup plus habitué à l'oppression qu'au bienfait, celui-ci le trouve parfaitement sceptique; il demeure convaincu qu'il n'y a là qu'une astuce trompeuse et que, derrière elle, c'est notre seul intérêt que nous cherchons. Mais si l'expérience peut être poursuivie assez loin pour qu'il parvienne à comprendre ce que sont l'altruisme, la solidarité, le désintéressement sincère dont nous lui avons fait application, il en est profondément troublé et touché; et, du jour où il est certain que, vraiment, nous lui avons fait du bien pour lui faire du bien, sans duperie ni arrière-pensée, sa reconnaissance nous est acquise, et, jusqu'à l'heure de sa mort, il cherchera et saisira avec joie les occasions de nous plaire, de nous servir, avec un dévouement et un *désintéressement* dont il est impossible de n'être pas touché.

Nous devons savoir reconnaître cette noble qualité par esprit de justice, d'abord, et puis parce qu'elle doit, plus que toute autre, nous donner espoir en l'avenir. Non, lorsque nous aurons donné à l'Annamite l'instruction et l'organisation politique et économique, il ne se détournera pas de nous comme un ingrat avec la seule pensée d'employer contre nous ce qu'il aura reçu de notre générosité. Non; cette affirmation, dont les effets sont néfastes, est le fait de ceux qui sont opposés, pour des raisons bassement égoïstes, à la tâche émancipatrice que nous avons ici. L'Annamite agira ainsi si nous lui donnons le sentiment, comme le font ceux-là, qu'il a dû nous arracher presque de force et comme par lambeaux cette instruction totale que nous lui avions promise, mais que nous ne donnions qu'à contre-cœur lorsqu'il fallait passer aux réalisations, parce que d'autres n'en voulaient pas !... Si vraiment l'Annamite doit ainsi faire un jour figure d'ingrat, c'est à ceux-là qu'en incombera toute la responsabilité ! Mais si nous savons tenir loyalement nos promesses et nous en acquitter volontiers et non comme à regret, nous pouvons compter fermement sur la reconnaissance et sur la loyauté de ce peuple qui, à l'époque très lointaine encore où l'heure de l'émancipation totale aura sonné, nous demeurera uni par ces liens moraux étroits. En nous plaçant au seul point de vue matériel, nous avons beaucoup plus à espérer de cette politique, nous avons beaucoup plus à attendre de l'alliance économique étroite et féconde avec le peuple prospère de ce Dominion affranchi que de la politique contraire qui aboutira au désastre sanglant sous la poussée des appétits opposés, des jalousies et des aspirations nationales déchaînées, exaspérées par le spectacle trop prolongé d'une exploitation mal dissimulée sous les dehors hypocrites d'une mission émancipatrice qu'on proclame tout haut en s'efforçant sourdement à s'y refuser tant qu'on le peut !...

Comprenons-le, là comme partout, l'intérêt individuel le mieux compris est celui qui favorise davantage l'intérêt de la collectivité, et ils ont bien courte vue ceux qui sacrifient, en dépit de toutes les leçons de l'Histoire, le second au premier. Français d'Indochine qui, loin de la métropole, n'oubliez pas ce que la patrie vous a donné de meilleur et ne reniez pas ce qu'elle vous a légué de plus précieux, Français républicains, héritiers des grands principes généreux auxquels nous devons tout, comprenez la beauté de la tâche que vous devez accomplir ici tout en poursuivant l'exercice de vos professions et la recherche de vos très légitimes intérêts. Fonctionnaires, colons, industriels et commerçants, ne dites pas comme certains : « Et nous ?... Nous n'aurons plus qu'à partir quand nous aurons cédé la place à ces gens-là ! » Il ne s'agit nullement de partir ou de céder la place, mais de l'occuper dignement et de notre mieux, en préparant avec conscience le jour encore lointain où, très progressivement, l'Annamite saura la tenir aussi bien que nous-mêmes. Comprenez, fonctionnaires, que le nombre croissant de vos collègues annamites capables et consciencieux sera, tout compte fait, un enrichissement pour la métropole. Comprenez, industriels et colons, qu'il est place pour tout le monde sous le chaud soleil de l'Indochine et que l'augmentation des richesses mises en valeur dans un pays par l'accroissement des énergies,

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

des compétences et des capitaux qui y sont consacrés, a toujours provoqué la prospérité générale et non la ruine, de tous ceux qui y travaillent. Et comprenons surtout qu'il est un point de vue supérieur à celui du bas égoïsme individuel : c'est celui de l'égoïsme plus élevé qui a nom : solidarité. La France républicaine a devant elle une tâche grandiose à accomplir ici. Sachez vous en montrer dignes !... Appliquez-vous à la patience, à l'indulgence envers les hommes chez qui nous sommes installés, que les esprits soient clairs, et fermes les volontés. Haut les cœurs ! Nous saurons prouver qu'il est d'autre idéalisme, et plus actif, et plus sincère aussi, que celui qui se réclame de la foi religieuse pour des fins d'asservissement et d'oppression.

P. MONET.
Hanoï, le 19 juin 1924.

LE BOLCHEVISME EN INDOCHINE

Un parlementaire indochinois obtient en ce moment quelque succès d'émotion en signalant une certaine « *propagande bolcheviste* » parmi les Annamites et montrant à nos compatriotes l'horreur du danger qui, selon lui, menacerait, de ce fait, notre belle colonie d'Extrême-Orient.

Bien que l'expérience du 11 mai nous ait appris combien sont éphémères les succès de « *l'homme au couteau entre les dents* », il est cependant des esprits qui y sont demeurés aussi sensibles qu'aux heureux temps de la venue au monde du regretté Bloc National... et ce succès est d'autant plus facile que l'Indochine est plus loin, et le contrôle de telles assertions plus difficile à exercer. On permettra cependant à un homme qui, après plusieurs séjours dans ce pays, vient d'y passer trois années de lutte en contact intime et permanent avec l'indigène, d'exposer ici sommairement son opinion à ce sujet.

L'Annamite *de tous les rangs sociaux* est très fortement attaché à l'idée de classe. Le dernier des paysans ou des artisans considère les inégalités sociales comme naturelles, légitimes et respectables : toute atteinte à cet état de choses lui apparaît comme scandaleuse et insensée. Il serait trop long d'étudier ici les origines historiques (et particulièrement confucéennes) de cet état d'esprit qui est un fait. D'ailleurs, le paysan est, peut-on dire, enraciné à sa terre; elle est pour lui le domaine de ses ancêtres dont les tombeaux s'élèvent parmi les sillons que trace sa charrue. Pour rien au monde il ne consentirait à quitter ce coin où veillent leurs esprits ou à le voir passer en d'autres mains.

Les théories communistes n'ont aucune chance de succès dans ces pays. Il ne serait pourtant pas impossible qu'elles fussent exploitées par quelques agitateurs, infime minorité, qui les prendraient comme prétexte pour créer certains mouvements à exploiter, au profit de leurs visées égoïstes, par la haine de l'étranger. Ce ferment ne pourrait lever que dans un milieu favorable dont l'état de décomposition se prêterait à son développement. C'est à cette décomposition que nous devons veiller. Il est possible qu'elle soit à craindre, mais il nous faut déclarer que, si nous en étudions les causes, elles nous paraissent précisément imputables à ceux-là mêmes qui crient aujourd'hui « Au feu ! » en nous signalant le danger.

Certains Français ont fait entendre en Indochine — comme en France — de fort belles déclarations sur le devoir des nations dites civilisées envers celles dont elles ont assumé la tutelle. Ils se sont réclamés avec raison des principes élevés proclamés par la Société des Nations et, déclarant leur ferme volonté de les appliquer, ont fait aux Annamites de très belles promesses auxquelles ils ont donné un commencement de réalisation. Mais...

Mais il est en Indochine un parti politique puissant qui, possédant matériellement une forte partie de ce pays, considérée par lui comme « chasse réservée », se réclame de convictions religieuses éminemment

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

respectables pour maintenir son hégémonie et en assurer la pérennité. Le dogmatisme a toujours conduit fatalement à l'autoritarisme, et celui-ci aboutit inéluctablement à une politique de domination. C'est cette politique qui s'épanouit librement là-bas, sous le nom et à l'insu d'une France républicaine et libérale.

Elle y réussit d'autant mieux que trop de Français vivant en ces pays pendant de longues années ne prennent aucun contact réel avec l'indigène qu'ils identifient en masse avec leur « *boy* » menteur et sournois. Leur préoccupation exclusive est le plus souvent celle du taux de la piastre et des économies plus ou moins élevées qu'elle leur permettra de réaliser. Les convictions laïques, l'idéal républicain, sont d'un heureux effet en la métropole, mais il est malséant de les appliquer en ce pays. Toute tentative d'élévation de l'indigène — qui en est cependant digne en tous points et qui — nous l'affirmons avec force et par expérience — sait en être profondément reconnaissant, est considérée comme une atteinte à nos droits de maîtres et de conquérants, et le cri unanime du cœur de ces « civilisés » est celui-ci : « Et nous ? Nous n'aurons donc plus qu'à partir, s'il faut laisser la place à ces gens-là... Adieu alors, piastres et retraites dorées !... »

Le Français se présente nécessairement là-bas — et c'est heureux — comme l'organisateur, « l'animateur ». Il détient la puissance et rassemble les capitaux. Une identification s'établit nécessairement entre le capitaliste et l'étranger. L'attitude « anti-indigène » de celui-ci est imputée à celui-là; et si nous n'y prenons garde, le communisme et la xénophobie se développeront ensemble en se prêtant un mutuel appui.

Le gouvernement local, dont l'autocratisme est rendu trop facile par l'éloignement et le manque presque complet de contrôle métropolitain, abonde dans le sens de ce parti dont il est là-bas le plus fidèle soutien. Sous le couvert de la France, les fonctionnaires les plus haut placés renient cyniquement les convictions libérales dont ils se sont réclamés lorsqu'elles servaient leur carrière... C'est la politique du monopole qui triomphe partout : monopole de la bienfaisance et de l'enseignement cléricaux, monopole du commerce et de l'industrie métropolitains, monopole de la navigation (qui a causé en Cochinchine un véritable mouvement national), monopole de l'empoisonnement public par l'alcool et l'opium, etc., etc...

Les enseignements secondaires et supérieurs avaient été institués pour les Annamites qui en sont parfaitement dignes. Ils ont naturellement donné lieu à des abus; une nuée de professeurs agrégés, plus soucieux parfois des piastres que de leurs élèves, s'est abattue sur le pays. On faisait l'an dernier aux Annamites de Hanoï des conférences sur Ronsard et Marot... tandis qu'on se refusait à créer des chaires indispensables (Ecole des Travaux Publics), pour continuer à répartir les cours entre quelques douzaines de fonctionnaires; c'est la négation même de l'enseignement, mais chacun a, de la sorte, sa petite part de gâteau.

Prenant prétexte de ces abus, le gouverneur général actuel a proclamé qu'il fallait développer l'enseignement non plus dans le plan vertical, mais dans le plan horizontal. Et ceci aboutit à pas fourrés, par l'octroi de la « proportionnelle scolaire » qui va rétribuer les écoles

confessionnelles avec les piastres du gouvernement, au maintien indéfini de l'indigène à l'état de primaire, de sous-commis ou de petit employé.

On avait promis aux Annamites d'accorder aux écoles de Droit et de Médecine le « plein exercice » avec délivrance des mêmes diplômes qu'en France... et l'on supprime l'école de Droit et restreint les autres tant qu'on le peut.

Au lieu de former sur place des professeurs indigènes en nombre suffisant, on persiste à envoyer de la métropole des instituteurs qui ne sont certes pas choisis parmi les meilleurs.

On ferme aux Annamites les portes du lycée, ou l'on réserve l'admission à un nombre infime ,ce qui est pire encore, car le Français libérateur deviendra ainsi un instrument d'oppression au service d'une carte.

On persiste à envoyer de France, malgré le prix élevé des traversées, des fonctionnaires subalternes sans instruction ni éducation pour tenir, à prix d'or, des emplois que l'indigène occuperait tout aussi bien et à beaucoup moins de frais.

On paralyse l'essor de l'industrie, du commerce, de l'agriculture indigènes en se refusant à leur donner l'organisation économique la plus élémentaire (pas de Crédit Foncier, pas même de Caisse d'épargne), et l'on projette d'ouvrir toutes grandes les portes de l'Indochine au concurrent redoutable qu'est l'impérialiste Japonais.

L'administration, par défaut d'organisation et faiblesse, sinon complicité, permet aux exactions mandarinales de se donner, sous le couvert de la France, libre cours plus que jamais.

On étouffe systématiquement, ou l'on écrase sous les infâmes campagnes d'une presse qui, parlant seule, est certaine d'avoir toujours raison, les œuvres laïques qui s'efforcent de tout leur cœur à faire comprendre et aimer la France en appliquant loyalement — bien que prudemment — son plan généreux. C'est ainsi qu'on est parvenu à réduire à fort peu de chose l'action de l'A. F. I. M. A. (Association pour la Formation Intellectuelle et Morale des Annamites), à étouffer l'œuvre excellente, et qui était allée droit au cœur des indigènes, des « Jardins d'enfants », à tuer par des attaques indignes et à réduire par la famine l'œuvre laïque de développement moral et d'intense propagande française du F. E. A. (Foyer des Etudiants Annamites)...

Le gouvernement d'Indochine que tout porte à l'autoritarisme et qui trouve plus de facilité immédiate en cette politique de domination, s'y prête d'autant mieux qu'il redoute plus que tout les critiques d'une presse toute-puissante à la solde de ce parti dont il se fait sans vergogne le très humble serviteur pour s'en assurer l'approbation. Et il est édifiant de trouver, dans les colonnes du journal le plus répandu au Tonkin, les critiques les plus âpres contre notre gouvernement national, les éloges émus à tout ce qui peut servir « le Roy » et sa foi, à côté des tirades laudatives à l'adresse de cet excellent gouvernement général... dont le personnel espère bien avoir rejoint la métropole lorsque le beau résultat de sa politique à courte vue aura conduit aux abîmes le peuple annamite... et l'honneur de la France avec lui.

L'Annamite a ses défauts, c'est entendu (et nous, en serions-nous

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

donc exempts ?) et le pire est une grande méfiance qui le rend trop souvent, sous l'empire de la crainte, sournois et dissimulé... défaut d'opprimé et de dominé que la confiance seule peut atténuer et effacer lentement. Il croit difficilement au bienfait, mais lorsqu'il l'a vraiment compris et apprécié, sa reconnaissance durable et profonde est tout acquise au bienfaiteur. Très observateur et très fin, il se rend parfaitement compte de notre attitude personnelle et politique à son égard. Il comprend trop bien que les belles proclamations que nous lui avons faites ne sont que prétextes à beaux discours et à grasses prébendes. Et les belles promesses non réalisées laisseront derrière elles en se retirant une plage malsaine de vanités exaspérées et d'ambitions déçues dont les émanations nous étoufferont peut-être demain.

Mais si la vraie France de la métropole sait *imposer* comme elle doit le faire, aux Français de là-bas, l'exécution du plan généreux qu'elle a conçu, si nous donnons à ces jaunes sincèrement, entièrement, et non comme à regret, l'instruction et l'éducation que nous leur avons promises, nous pouvons, de façon certaine, compter sur leur reconnaissance... Et, lorsque le jour encore lointain en sera venu, la France saura se retirer le front haut, son devoir accompli, restant unie en une fraternelle étreinte, par les liens de la gratitude et d'une mutuelle dépendance économique au Dominion affranchi auquel elle aura su, en l'en rendant digne, accorder le bien sacré qu'elle n'a pas conquis au prix de tant de luttes pour le refuser à d'autres et qui a ce beau nom : la Liberté.

P. MONET.

Paris, 10 *décembre* 1924.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques